

**THÔNG BÁO**  
**CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC,**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM, TRUNG CẤP SƯ PHẠM NĂM HỌC 2020-2021**

**A. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ QUY MÔ ĐÀO TẠO**

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	<b>Tổng số</b>	116	1244	3875					
<b>1</b>	<b>Khối ngành III</b>	59	844	1645		x			
<b>2</b>	<b>Khối ngành VII</b>	57	400	2230		x			

**B. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ TỶ LỆ SINH VIÊN CÓ VIỆC LÀM SAU 01 NĂM TỐT NGHIỆP**

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Trung bình	
	<b>Tổng số</b>						
<b>1</b>	<b>Khối ngành III</b>	358	3.1%	31.6%	60.3%	5%	
<b>2</b>	<b>Khối ngành VII</b>	378	5.1%	37.8%	54.5%	2.6%	

(\*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: (SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)\*100

### C. CÔNG KHAI CÁC HỌC PHẦN HỌC PHẦN CỦA TỪNG KHÓA HỌC, CHUYÊN NGÀNH

#### C1. KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

##### 1. Tiến sĩ Kinh tế chính trị (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Các học phần bắt buộc (6TC)</b>				
1.	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	Nghiên cứu chuyên sâu quá trình phát sinh, phát triển và chuyển hóa của các tư tưởng và học thuyết kinh tế lớn như học thuyết giá trị, giá trị thặng dư và phân phối thu nhập, học thuyết tái sản xuất và khủng hoảng kinh tế, học thuyết về tiền tệ, học thuyết về thể chế kinh tế, các giá trị cốt lõi của học thuyết kinh tế Mác – Lênin, quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế...v.v. Bước đầu, học phần cũng giới thiệu những nét khái quát về lịch sử tư tưởng kinh tế của Việt Nam.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2.	Kinh tế Chính trị của sự phát triển	- Cung cấp cho người học các mô hình phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu: mô hình phát triển tuần tự, mô hình phát triển rút ngắn, mô hình Xô Viết... - Nghiên cứu quá trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam dưới tác động của các nhân tố: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, hội nhập... từ đó làm rõ hơn các quy luật và các xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hiện đại. - Trang bị cho người học không chỉ những tri thức mà cả phương pháp luận để xem xét, phân tích, đánh giá quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; đề xuất những giải pháp nhằm phát triển đất nước nhanh và bền vững.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>II</b>	<b>Học phần tự chọn (3/9TC)</b>				
3.	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	Cung cấp cho người học các khái niệm, cách đo lường và phân tích nghèo đói và bất bình đẳng, mối quan hệ giữa bất bình đẳng và nghèo đói, các nhân tố tác động tới nghèo đói và bất bình đẳng và vai trò của chính phủ trong giảm nghèo và bất bình đẳng nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao thu nhập và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế-xã hội.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4.	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tìm hiểu tác động của những thay đổi trong cấu trúc đương đại của nền kinh tế chính trị toàn cầu đối với các mối quan hệ nhà nước-thị trường, về mức độ, phạm vi và quyền hạn của nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Căn cứ vào những vấn đề rút ra từ việc nghiên cứu, học phần góp phần gợi mở một số khuyến nghị cho Việt	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Nam về việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.			
5.	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao	Phân tích làm rõ những đặc điểm riêng của từng chính sách: tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, tài chính - tiền tệ, chính sách lao động - việc làm, ... và đưa ra những gợi ý để người học có thể vận dụng trong quá trình tham gia hoạch định, phân tích và tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội; đánh giá tác động của các chính sách đến các đối tượng khác nhau của chính sách.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III</b>	<b>Chuyên đề (6TC)</b>				
6.	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và kinh doanh. NCS có thể vận dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu (từ cách thiết kế nghiên cứu, soạn bộ câu hỏi đến thực hiện phân tích tương quan và hồi qui, phương pháp phân tích đa biến, viết báo cáo đánh giá ..v.v.)	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
7	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị	Nghiên cứu sinh nắm được những nội dung chủ yếu của học phần phân tích kinh tế thể chế chính trị theo các mức độ như: mức 1 – có khả năng tái hiện; mức 2 – có khả năng tái tạo; mức 3 – có khả năng lập luận; mức 4 – có khả năng sáng tạo	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
8	Kinh tế chính trị hiện đại	Cung cấp cho người học những cách tiếp cận mới, sâu sắc hơn dựa trên những phân tích, đánh giá đa chiều, khả năng nhận biết, lượng hóa xu thế phát triển của các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại như lợi ích nhóm, chính phủ và chính sách công, phát triển kinh tế và các vấn đề xã hội, thể chế kinh tế trong nền kinh tế toàn cầu...Cụ thể, học phần giúp người học đạt được các nội dung chính như: i) Nắm được các cách tiếp cận của khoa học kinh tế chính trị hiện đại ( <i>cấp độ 2</i> ); ii) Nhận biết được bản chất của các hiện tượng, các quá trình kinh tế dưới góc nhìn của kinh tế chính trị hiện đại ( <i>cấp độ 2</i> ); iv) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc của kinh tế chính trị hiện đại vào phân tích đánh giá các vấn đề kinh tế đương đại nhất là các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong nền kinh tế Việt Nam ( <i>cấp độ 3</i> ).	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Tiểu luận: 20% Thi cuối kỳ: 60%
<b>IV</b>	<b>Các học phần tự chọn (6/9TC)</b>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
9	Quản lý nhà nước kinh tế nâng cao	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về Kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Quy luật kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; Các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế; ...	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
10	Kinh tế thế giới hiện đại	Cung cấp cho người học các kiến thức về: các đặc điểm, động thái, xu thế phát triển của kinh tế thế giới, những thay đổi cơ cấu trong nền kinh tế thế giới; chuyển biến trong tư duy về phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; xu hướng chuyển dịch sang nền kinh tế mới, toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế và xu thế xu thế biến đổi các thể chế kinh tế toàn cầu; ...	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
11	Hoạch định phát triển	Trang bị cho người học các phương pháp tiếp cận hình thành hệ thống công cụ hoạch định phát triển kinh tế - xã hội (các công cụ này hiện nay đang được sử dụng phổ biến ở Việt Nam), đó là: Chiến lược phát triển, Quy hoạch phát triển, Kế hoạch phát triển. Việc đề cập các công cụ này được tiếp cận theo góc độ: các công cụ hình thành một quy trình thực hiện tuần tự, mỗi công cụ sau phải dựa trên yêu cầu, nội dung đặt ra của công cụ trước thành một logic nội dung có mối quan hệ mật thiết với nhau.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

## 2. Tiến sĩ Quản lý Kinh tế (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Các học phần bắt buộc (6TC)</b>				
1	Quản lý nhà nước kinh tế nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ:1,2	
2	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ:1,2	
<b>II</b>	<b>Học phần tự chọn (3/9TC)</b>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
3	Quản lý công và lãnh đạo	Cung cấp cho người học các kiến thức như: Vai trò, cơ cấu và những đặc điểm cơ bản của quản lý trong khu vực công; Đặc điểm tổ chức và hoạt động của các tổ chức công (đặc biệt là các tổ chức nhà nước); Vai trò chức năng và cơ cấu thực hiện chức năng của hành chính công trong quản lý xã hội; Quản lý công theo cách tiếp cận mới với việc áp dụng những bài học thành công trong quản lý của khu vực tư, các mô hình quản lý công, các xu hướng cải cách khu vực công trên thế giới và liên hệ với thực tiễn Việt Nam, ...	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Phân tích chính sách kinh tế - Xã hội	Cung cấp cho người học các kiến thức như: các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, quy trình và các nội dung cần thực hiện của hoạt động phân tích chính sách trong toàn bộ quá trình chính sách: hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các chính sách kinh tế - xã hội. Các nội dung nghiên cứu được gắn với việc phân tích các tình huống cụ thể.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	Giúp người học có hiểu biết về nội dung chính sách xã hội, các chính sách xã hội cơ bản; lựa chọn ưu tiên các chính sách xã hội phù hợp với từng thời kỳ, từng vùng, từng địa phương nhằm góp phần phát triển bền vững.	3	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III</b>	<b>Các chuyên đề (6TC)</b>				
6	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	2	Học kỳ:1,2	
7	Các lý thuyết quản lý kinh tế hiện đại	Giúp người học hình thành các kỹ năng: - Phân tích, tổng hợp và đánh giá những ưu thế, hạn chế của từng học thuyết quản lý và sự phù hợp của mỗi học thuyết thực tiễn quản lý gắn với từng giai đoạn phát triển của xã hội và bối cảnh cụ thể của tổ chức. - Thuyết phục (bằng lời nói, bằng văn bản), thuyết trình, nêu vấn đề và có thể xử lý một vấn đề thực tiễn quản lý với các kiến thức khoa học của các lý thuyết quản lý.	2	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
8	Quản lý công trong điều kiện toàn cầu hóa	Giúp người học nhận biết được đặc trưng, các biểu hiện mới của quá trình toàn cầu hoá kinh tế và những cơ hội, thách thức đối với quản lý công trong bối cảnh toàn cầu hoá; Phân biệt được quản lý công với nghĩa là quản lý trong khu vực	2	Học kỳ:1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thảo luận: 10% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		công và quản lý công với nghĩa là một các tiếp cận mới trong hành chính công, ...			
<b>IV</b>	<b>Các học phần tự chọn (6/9TC)</b>				
9	Tư duy phản biện	Giúp người học hiểu, làm rõ bản chất, đặc trưng, các tiêu chuẩn của tư duy và các vấn đề căn bản của logic hình thức và logic biện chứng; Hiểu và biết cách phân tích các khía cạnh khác nhau của những vấn đề kinh tế - xã hội, từ đó có tầm nhìn khái quát trước các vấn đề nghiên cứu hoặc thực tiễn đặt ra, làm cơ sở cho việc ra quyết định; Vận dụng các kiến thức trên, biết cách lập luận để biện minh cho cách nhìn nhận và đánh giá các vấn đề quản lý kinh tế - xã hội của riêng mình dựa trên những minh chứng thuyết phục và quan điểm đa chiều đã tham khảo và chọn lọc.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
10	Quản trị và phát triển	Giúp người học hiểu, làm rõ bản chất, các khái niệm và lý thuyết về quản trị và mối quan hệ giữa quản trị với phát triển; Hiểu và phân tích được các khía cạnh khác nhau của quản trị tốt bao gồm hệ thống hành chính, dân chủ, sự tham gia và vai trò của xã hội dân sự; Vận dụng các kiến thức để phân tích và đưa ra các quan điểm riêng về vai trò của quản trị đối với phát triển tại các nước đang phát triển.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
11	Quản lý tri thức	Cung cấp những vấn đề cơ bản về quản lý tri thức: quan niệm, lịch sử hình thành và vai trò của quản lý tri thức; chu trình quản lý tri thức, nội dung cũng như các mô hình quản lý tri thức truyền thống và các mô hình hiện hành; các vấn đề quản lý cơ bản trong việc sáng tạo, chia sẻ và ứng dụng tri thức; nhận diện tình hình quản lý tri thức ở Việt Nam giai đoạn gần đây.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

### 3. Thạc sĩ Kinh tế chính trị

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>		
1	Triết học	Cung cấp các kiến thức về những vấn đề chung và cơ bản của con người, thế giới quan và vị trí của con người trong thế giới quan, những vấn đề có kết nối	4	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10%

		với chân lý, sự tồn tại, kiến thức, giá trị, quy luật, ý thức, và ngôn ngữ; giúp người học giải quyết những vấn đề nhân sinh quan trên cơ sở phê phán, duy lý trong việc lập luận.			Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Tiếng Anh cơ bản	Được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên và được đánh giá ở bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương IELTS 4.5.	4	Học kỳ: 1	(không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy)
<b>II Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>47</b>		
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>21</b>		
3	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Trang bị cho học viên kiến thức và các kỹ năng cần thiết để tiến hành thực hiện một hay nhiều nghiên cứu độc lập.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
4	Lý thuyết kinh tế vi mô	Hình thành hệ thống lý thuyết kinh tế vi mô theo cách tiếp cận hiện đại; Hiểu rõ cách phát triển mối liên kết của lý thuyết vi mô theo các chủ đề riêng biệt trong các lĩnh vực có liên quan đến kinh tế học; Phân tích lý thuyết kinh tế theo các mô hình của kinh tế vi mô theo các chủ đề và cách tiếp cận hiện đại; rèn luyện cho người học khả năng tư duy hệ thống thông qua phát triển các mối liên hệ lý thuyết từ kinh tế học vi mô sang một số lĩnh vực có liên quan.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
5	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	Hiểu rõ mục tiêu bao quát của kinh tế vĩ mô nghiên cứu về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế dài hạn; Hiểu được một số thành tố quan trọng quyết định GDP; Nhận thức được những khó khăn thách thức trong việc thi hành những chính sách vĩ mô của chính phủ nhằm điều tiết hoạt động của nền kinh tế.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
6	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế chính trị (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 2	
7	Kinh tế chính trị Việt Nam	Cung cấp cho người học các tri thức kinh tế chính trị chuyên sâu về các vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết Việt Nam. Người học hiểu được những vấn đề lý luận chung nhất về các vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách; Biết sử dụng các tri thức lý luận để phân tích thực tiễn ở nước ta hiện nay; Phân tích, đánh giá được những thành tựu, hạn chế và các vấn đề Kinh tế chính trị cấp thiết ở nước ta hiện nay và đưa ra được khuyến nghị các chính sách cho những năm tới.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
8	Kinh tế chính trị của sự phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 2	

9	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Có kiến thức chung một cách có hệ thống về lịch sử kinh tế Việt nam và những vấn đề cơ bản về mô hình phát triển kinh tế của một số giai đoạn phát triển. Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm của Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế có thể phân tích một số vấn đề kinh tế trong lịch sử.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
10	Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế	Hiểu, làm rõ khái niệm, (i) bản chất, đặc trưng, các biểu hiện mới và cơ hội, thách thức của quá trình toàn cầu hoá. (ii) đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị quốc tế; Hiểu rõ một số lý thuyết cơ bản trong kinh tế chính trị quốc tế. Phân tích được một số vấn đề về toàn cầu hoá và kinh tế chính trị quốc tế hiện nay; Vận dụng các kiến thức trên vào phân tích tác động của quá trình toàn cầu hoá đối với Việt Nam và các phản ứng chính sách của Việt Nam trước các vấn đề kinh tế chính trị quốc tế hiện nay.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>26</b>		
11	Kinh tế chính trị Mác xít	Trang bị cho người học các phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích và đánh giá chuyên sâu các vấn đề về kinh tế chính trị Mác xít; <i>Hiểu và biết phân tích, đánh giá</i> lý luận cũng như thực tiễn những vấn đề KTCT dưới góc độ duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trên nền tảng những kiến thức cơ bản và hệ thống về Kinh tế chính trị Mác xít. Từ đó có thể <i>vận dụng</i> được những kiến thức được trang bị vào việc tìm hiểu, phân tích, đánh giá sự vận động của nền kinh tế thị trường hiện đại nói chung, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam nói riêng.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
12	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 3	
13	Chính trị và phát triển	Hiểu rõ các phạm trù, nội dung cơ bản của chính trị học phát triển; vai trò, những nhân tố chính trị tác động đến các quá trình phát triển xã hội. Trên cơ sở đó, hình thành khả năng phân tích, đánh giá sự tác động của các yếu tố chính trị đến sự phát triển xã hội; hình thành kỹ năng tham gia chính trị.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
16	Môi trường và phát triển	Cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường, gắn kết những vấn đề môi trường và phát triển, tạo cơ sở để nghiên cứu những lĩnh vực khác như quản lý khoa học - công nghệ và môi trường, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Hiểu được các mối liên kết giữa các vấn đề khác nhau về môi trường và tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động kinh tế ảnh hưởng lên môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Biết cách sử dụng các công cụ kinh tế phù hợp để giải quyết	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%



		các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên và cải cách vấn đề quyền sở hữu/thể chế.			
17	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển	Cung cấp cho người học (i) các kiến thức cơ bản và hệ thống về công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển. (ii) phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá chuyên sâu các vấn đề liên quan đến công nghiệp hóa tại các nước đang phát triển trên thế giới và Việt Nam.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
18	Nông nghiệp trong phát triển kinh tế	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nông nghiệp, đánh giá vai trò của nông nghiệp, vai trò của công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, tầm quan trọng của chính sách nông nghiệp. Vận dụng kiến thức phân tích, tổng hợp và đánh giá vị trí, vai trò của nông nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
19	Tăng trưởng phát triển và sự chuyển đổi kinh tế	Cung cấp cho học viên những kiến thức về tăng trưởng kinh tế trong một nền kinh tế chuyển đổi dựa trên những luận cứ khoa học và tư duy kinh tế chính trị. Phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề kinh tế chính trị về tăng trưởng và chuyển đổi kinh tế, trong đó có Việt Nam.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
20	Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức	Có kiến thức cơ bản về một nền kinh tế tri thức, những điều kiện để phát triển nền kinh tế tri thức, phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu đối với một quốc gia khi đặt mục tiêu hướng tới một nền kinh tế tri thức, đồng thời vận dụng kiến thức đã học để phân tích khả năng phát triển nền kinh tế tri thức ở VN dưới góc độ Kinh tế chính trị.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
21	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người	Cung cấp cho người học một cách tiếp cận chuyên sâu về quá trình tăng trưởng kinh tế và phát triển con người. Cụ thể: i) Hiểu rõ các quan niệm và bản chất của quá trình phát triển con người; ii) Nhận biết được sự tương tác giữa quá trình tăng trưởng kinh tế và quá trình phát triển con người; iii) Hiểu và vận dụng được các chính sách hướng tăng trưởng kinh tế đến mục tiêu phát triển con người; iv) Nhận biết được một số quá trình tăng trưởng kinh tế vì mục tiêu phát triển con người ở một số quốc gia trên thế giới; iv) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc của quá trình tăng trưởng vì mục tiêu phát triển con người vào quá trình tăng trưởng kinh tế hiện thực ở Việt Nam.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
22	Toàn cầu hóa và chính sách công	- Phân biện, phân tích được (i) khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hóa với tính cách là xu hướng, khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới. (ii) đặc trưng, quy trình hoạch định, đánh giá Chính sách công và Chính sách công ở một số nước trên thế giới. - Phân tích đánh giá được (i) các chiều hướng tiến triển, tác động của toàn cầu hóa đến Chính sách công trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. (ii) vị	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

		trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi trong xây dựng và thực hiện Chính sách công của VN trong tiến trình toàn cầu hóa.			
23	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 3	
24	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	
25	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	Cung cấp cho học viên những công cụ phân tích kinh tế về hoạt động của thị trường lao động; những kiến thức về các thể chế và chính sách công để đánh giá hiệu lực của hợp đồng, điều khoản và điều kiện do người lao động và doanh nghiệp thỏa thuận trên thị trường lao động; Có kiến thức chung về những xu hướng, sự phát triển của thị trường lao động và những vấn đề thời sự trên thị trường lao động.	3	Học kỳ:2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
26	Quản lý khoa học công nghệ	Có kiến thức cơ bản về khoa học và công nghệ và quản lý khoa học và công nghệ. Hiểu rõ chiến lược phát triển cũng như những nội dung quản lý về (1) hoạt động khoa học và công nghệ; (2) các nguồn lực khoa học và công nghệ cũng như về (3) thị trường khoa học và công nghệ. Có thể đánh giá tình hình thực tế phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam cũng như tình hình quản lý khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
27	Quản lý công và Lãnh đạo	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
28	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 2	
29	Thương mại quốc tế	Có kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế, đặc biệt những vấn đề mới và có liên quan đến các nước đang phát triển trong buôn bán quốc tế một cách có hệ thống. Hiểu rõ những nguyên tắc được vận dụng trong chính sách thương mại quốc tế, và những vấn đề đang đặt ra trong quá trình tự do hoá thương mại toàn cầu để giải thích, đánh giá chính sách và động thái thương mại quốc tế và của VN. Vận dụng các lý thuyết và Chính sách thương mại quốc tế để triển khai và thực hiện các nghiên cứu liên quan đến Thương mại quốc tế, đưa ra giải pháp và kiến nghị.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

30	Tài chính tiền tệ quốc tế	<p>- Hiểu được các lý thuyết về: Cán cân thanh toán quốc tế; Những nhân tố tác động tới tỷ giá hối đoái; Hoạt động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế mở; Các nguyên tắc hoạt động của hệ thống tiền tệ quốc tế và chính sách kinh tế vĩ mô quốc tế; Khủng hoảng tài chính-tiền tệ...</p> <p>- Hiểu được các quan hệ kinh tế tổng thể có tính tương tác lẫn nhau như tăng trưởng, thất nghiệp, lạm phát, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán và sự phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô quốc tế cũng như tính phức tạp, đa chiều và đa quan điểm về những vấn đề này để có thể phân tích và đánh giá một cách độc lập và có tính phê phán đối với các vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn.</p>	3	Học kỳ: 2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thảo luận: 15%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
31	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô	Có khả năng nhận biết và phân biệt được các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô mà chính phủ có thể sử dụng để can thiệp vào nền kinh tế; Hiểu rõ nội dung cũng như các ưu điểm, nhược điểm và điều kiện áp dụng của từng công cụ quản lý kinh tế vĩ mô từ đó có thể vận dụng phân tích tình huống thực tế tại Việt Nam; Có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô mà chính phủ đã sử dụng để can thiệp vào nền kinh tế trong tình hình cụ thể của đất nước...	3	Học kỳ: 3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thảo luận: 15%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
32	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.	3	Học kỳ: 2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thảo luận: 15%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
	<b>Luận văn thạc sỹ</b>		9	Học kỳ: 4	

## 4. Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT thạc sĩ Kinh tế Chính trị				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>		<b>47</b>		
	<b>Các học phần bắt buộc</b>				
1	Quản lý công và lãnh đạo	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	
2	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 3	
3	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	
4	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	Mục tiêu cần đạt tới của học phần này là hiểu một cách có hệ thống kiến thức quản lý nhà nước về kinh tế và bước đầu vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế vi mô và vĩ mô.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
5	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công	Học viên sẽ nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chiến lược trong tổ chức công và các tổ chức hoạt động kinh doanh như tập đoàn kinh tế nhà nước, doanh nghiệp. Các kiến thức chuyên sâu là những kiến thức thực tiễn để ứng dụng vào quản trị chiến lược vào tổ chức như xây dựng bản đồ chiến lược, xác định các chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động, các loại hình chiến lược cạnh tranh sẽ được truyền tải đến học viên thông qua các bài giảng ứng dụng thực tiễn.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
6	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ: 1	
7	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
8	Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng	Người học được cung cấp phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá chuyên sâu các hoạt động của thị trường tài chính nói chung, hệ thống ngân hàng nói riêng trong bối cảnh kinh tế hiện đại. Trên cơ sở đó, người học có được năng lực nghiên cứu độc lập, khả năng phân tích thực tiễn và vận dụng lý thuyết vào giải quyết những vấn đề nóng bỏng trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng của thế giới và Việt Nam trong bối cảnh hội nhập ngày nay.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
9	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 2	
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>22/44</b>		
10	Toàn cầu hóa và chính sách công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ: 3	
11	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về (i) tài chính quốc tế; những đặc điểm và bản chất những vấn đề cơ bản của tài chính quốc tế như cán cân thanh toán, các thị trường tài chính quốc tế (Thị trường ngoại hối, thị trường Đô la Châu Âu và thị trường trái phiếu Châu Âu), hệ thống tiền tệ quốc tế, nợ quốc tế... (ii) thị trường ngoại hối Việt Nam và chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam. Hiểu được các yếu tố tác động tới tỷ giá hối đoái và một số nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và bảo hiểm rủi ro tỷ giá hối đoái.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
12	Quản lý khoa học công nghệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 1	
13	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 2	
14	Quản lý tài nguyên và môi trường	Cung cấp các kiến thức đa chiều về các loại hình tài nguyên và yếu tố môi trường; cơ sở lý luận và phương pháp luận quản lý tài nguyên và môi trường; một số văn bản quản lý tài nguyên và môi trường chủ yếu của Việt Nam. Cụ thể: i) kiến thức về bản chất tài nguyên và yếu tố môi trường; ii) các nguyên lý và phương pháp quản lý các dạng tài nguyên thiên nhiên cơ bản; iii) nguyên lý và các công cụ quản lý môi trường chủ yếu.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
15	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 2	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
16	Quản lý tài chính công	Cung cấp (i) cơ sở lý thuyết và thực tiễn về vai trò của khu vực công trong nền kinh tế thị trường hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu hướng dịch chuyển sang nền kinh tế tri thức. (ii) cơ sở hình thành các chính sách chi tiêu và thuế khóa của nhà nước và tác động của các kiểu loại chính sách này đến nền kinh tế, đến người sản xuất và tiêu dùng trên cơ sở các mục tiêu (tăng trưởng, hiệu quả, công bằng) mà các chính sách này theo đuổi. Hiểu rõ các xu hướng tranh luận về chính sách công, đặc biệt ở các nước đang phát triển.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
17	Đàm phán và quản lý xung đột	Có thể dựng và triển khai (i) chiến lược đàm phán trong nhiều tình huống khác nhau; (ii) xây dựng chiến lược, thuyết phục các cá nhân và nhóm lợi ích trong giải quyết xung đột. (iii) nhận diện xung đột và giải quyết xung đột.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
18	Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạch định chính sách	Cung cấp cho học viên (i) hệ thống lý thuyết cơ bản và các vấn đề chính của quản trị tài chính dành cho các nhà quản lý các nhà hoạch định chính sách. (ii) các công cụ phân tích, đánh giá tình hình tài chính để ra quyết định trong đầu tư công. (iii) vận dụng các kiến thức lý thuyết và các công cụ phân tích tài chính vào giải quyết các vấn đề thực tế trong quản lý tài chính công. (iv) giải quyết một số bài toán của quản trị tài chính như dự toán vốn đầu tư, phân tích báo cáo tài chính phần mềm máy tính.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
19	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công	Cung cấp hệ thống lý thuyết và thực tiễn về vai trò của khu vực công trong nền kinh tế thị trường hiện đại và tính đặc thù của vấn đề gắn với điều kiện của các nước đang phát triển. Hiểu được cơ sở hình thành các chính sách chi tiêu và thuế khóa của nhà nước và tác động của các kiểu loại chính sách này đến nền kinh tế, đến người sản xuất và tiêu dùng trên cơ sở các mục tiêu (tăng trưởng, hiệu quả, công bằng) mà các chính sách này theo đuổi. Nắm được các xu hướng tranh luận về chính sách công, đặc biệt ở các nước đang phát triển.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
20	Quản lý an ninh kinh tế	Học viên có những kiến thức cơ bản về (i) an ninh kinh tế, nội hàm của an ninh kinh tế, các nguy cơ đe dọa đến an ninh kinh tế ở nước ta hiện nay, (ii) công tác quản lý về an ninh kinh tế, công tác tổ chức lực lượng, phương tiện, biện pháp quản lý về an ninh kinh tế ở nước ta hiện nay. (iii) quản lý về an ninh tài chính, ngân hàng, quản lý về an ninh công nghiệp, năng lượng, ... (iv) hiểu và vận dụng trong công tác phối hợp lực lượng nhằm tổ chức tốt công tác quản lý về an ninh trên các lĩnh vực này một cách hiệu quả.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
21	Phụ nữ trong quản lý tổ chức công	Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về (i) vai trò, vị trí của phụ nữ trong các tổ chức công cũng như những vấn đề cơ bản về giới tính, các nhân tố ảnh hưởng đến quyền nữ giới và cách mạng bình đẳng giới. (ii) kỹ năng và khả năng lãnh đạo để phát huy quyền lực của phụ nữ trong kinh doanh, trong xã hội dân sự, đặc biệt trong các tổ chức công và những mâu thuẫn và thách thức của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
22	Lý thuyết kinh tế vi mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 1	
23	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 1	
24	Quản lý kho bạc nhà nước	Học viên hiểu được một số vấn đề cơ bản về hoạt động nghiệp vụ Kho bạc nhằm thực hiện chính sách tài khóa; phân tích chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn KBNN; sơ đồ hóa tổ chức bộ máy của KBNN; mô tả các quy trình nghiệp vụ Kho bạc chủ yếu: thu, chi NSNN, phát hành trái phiếu chính phủ, quản lý ngân quỹ nhà nước, tổng kế toán nhà nước, ...	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thảo luận: 20% Thi hết môn: 60%
25	Quản lý ngân sách nhà nước	Học viên hiểu được những vấn đề cơ bản về ngân sách nhà nước, phân tích vai trò ngân sách nhà nước; sơ đồ hóa hệ thống ngân sách nhà nước gắn với nguồn thu, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý ngân sách nhà nước trong chu trình ngân sách nhà nước; nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến thu, chi, bội chi ngân sách nhà nước, lựa chọn được các giải pháp hiệu quả quản lý thu, chi, cân đối ngân sách nhà nước trong các điều kiện hoàn cảnh cụ thể gắn quản lý ngân sách nhà nước với quản lý nợ và tiền tệ, tín dụng, ...	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thảo luận: 20% Thi hết môn: 60%
	<b>Luận văn thạc sĩ</b>		<b>9</b>	Học kỳ: 4	

## 5. Cử nhân Kinh tế

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			<b>27</b>		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác- Lênin thông qua bộ phận cơ bản cấu thành của nó là Triết học Mác – Lênin. Xây dựng nền tảng lý luận để tiếp cận các nội dung còn lại của Chủ nghĩa Mác - Lênin (Kinh tế chính trị học và CNXHKKH) Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khoa học cụ thể.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	Cung cấp cho sinh viên nội dung những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác- lênin thông qua bộ phận cơ bản cấu thành của nó là Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khoa học cụ thể.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nắm được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nắm được phương pháp và phương pháp luận của chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại. Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiểu được một cách có thể hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về: (i) Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; (ii) Những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Tin học cơ sở	Cung cấp các kiến thức cơ bản về (i) thông tin, công cụ xử lý thông tin, mạng truyền thông, một số phần mềm ứng dụng, (ii) “hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ”: kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
6	Tiếng Anh cơ sở 1	Người học có thể (i) Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. (ii) Miêu tả một cách đơn giản về bản thân, các hoạt động và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình	4	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói): 10% Thi cuối kỳ: 60%
7	Tiếng Anh cơ sở 2	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với văn cảnh; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống. Có thể trình bày các nội dung thông tin đơn giản bằng tiếng anh	5	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói): 10% Thi cuối kỳ: 60%
8	Tiếng Anh cơ sở 3	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành. Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống và học thuật. Tạo các phát ngôn tương đối dài, phức tạp và phù hợp với chuyên ngành học. Có thể trình bày các nội dung thông tin tương đối phức tạp bằng tiếng anh	5	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói): 10% Thi cuối kỳ: 60%
9	Giáo dục thể chất			Học kỳ: 2	
10	Giáo dục quốc phòng an ninh			Học kỳ: 2	
11	Kỹ năng bổ trợ	Trang bị những kiến thức cơ bản về vai trò, tầm quan trọng cũng như hiệu quả của các kỹ năng bổ trợ trong học tập, trong công việc và trong đời sống; Hình thành và rèn luyện cho người học các kỹ năng bổ trợ quan trọng như kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian hiệu quả, phòng tránh tìm việc thành công, soạn thảo văn bản, giao tiếp hiệu quả và kỹ năng thuyết trình ấn tượng.		Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>II. Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>			<b>10</b>		
12	Toán cao cấp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Toán cao cấp để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu kinh tế. Sinh viên được tiếp cận các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân và sai phân, nhất là lớp phương trình vi phân, sai phân tuyến tính; có thể áp dụng kiến thức vào phân tích các mô hình kinh tế.	4	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
13	Xác suất thống kê	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê: bản chất của xác suất, các tính chất cũng như các phương pháp tính xác suất một cách khoa học, hiểu được khái niệm biến ngẫu nhiên, phân phối của biến ngẫu nhiên, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và một số phân phối hay gặp trong thực tế; hiểu được cách giải các bài toán cơ bản của thống kê như bài toán tương quan và hồi quy...; có thể ứng dụng vào giải quyết các bài toán thống kê trong nghiên cứu... như luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên một số nguyên lý về kinh tế học và các phương pháp phân tích hệ thống kinh tế để xây dựng mô hình toán kinh tế	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>16</b>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<b>14</b>		
15	Nhà nước và pháp luật đại cương	Nhận diện được đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu khoa học nhà nước và pháp luật đại cương. Hiểu những khái niệm, phạm trù học phần và vận dụng được những tri thức và phương pháp của học phần để giải các vấn đề cụ thể của các khoa học pháp lý chuyên ngành	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16	Kinh tế vi mô	Cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra, và vai trò của Chính phủ nhằm điều tiết thị trường.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
17	Kinh tế vĩ mô	Hiểu rõ mục tiêu bao quát của kinh tế vĩ mô nghiên cứu về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế dài hạn. Lý giải các biến động và khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế của các nước.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	Hiểu rõ được quá trình nghiên cứu thống kê các hiện tượng kinh tế xã hội. Nắm vững các phương pháp điều tra, tổng hợp, phân tích các hiện tượng kinh tế xã hội, từ đó xác định được tính quy luật về mặt lượng của hiện tượng, phát hiện và xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của chúng đến hiện tượng nghiên cứu.	3	Học kỳ: 3	Điểm Bài tập cá nhân tuần: 10% Điểm Tiểu luận học phần : 10% Điểm Kiểm tra: 20% Điểm thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
19	Kinh tế lượng	Hiểu rõ bản chất hợp nhất của lý thuyết kinh tế, công cụ toán học, và phương pháp luận thống kê của kinh tế lượng. Hiểu rõ cách thức và các bước cơ bản tiến hành một nghiên cứu thực nghiệm qua việc ứng dụng phương pháp cơ bản của kinh tế lượng là phân tích hồi quy. Trên cơ sở những kiến thức cơ bản, sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu những chương trình mở rộng hơn nữa lý thuyết và ứng dụng của kinh tế lượng trong nghiên cứu kinh tế và dự báo chính sách.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>2/8</b>		
20	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Hiểu được các khái niệm cơ bản về làm việc nhóm, điểm mạnh điểm yếu trong triển khai làm việc nhóm Có thể xây dựng và quản lý nhóm làm việc hiệu quả; Phương thức đánh giá hiệu quả làm việc của nhóm; Các biện pháp đào tạo và phát triển nhóm; Các kỹ năng hỗ trợ nhằm tăng hiệu quả nhóm làm việc	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Điểm bài tập nhóm: 20% Thi cuối kỳ: 60%
21	Lịch sử văn minh thế giới	Cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại. Được trang bị các phương pháp và những lý thuyết nghiên cứu cơ bản về văn hóa, văn minh.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
22	Xã hội học đại cương	Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học, các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản của xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, một số lý thuyết và phương pháp xã hội học. Hình thành một số kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong phân phương pháp nghiên cứu xã hội học...	2	Học kỳ: 1	Bài tập cá nhân: 25% Thảo luận nhóm: 15% Thi cuối kỳ: 60%
23	Logic học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lô gích hình thức cơ bản của tư duy như : Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. Từ đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy lô gích trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng	2	Học kỳ: 1	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài tập lớn: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		và khắc phục những lỗi lô gích của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học.			
<b>IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>			<b>20</b>		
	<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>		<b>17</b>		
24	Luật kinh tế	Có những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, về hợp đồng.. Vận dụng lý thuyết để (i) giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp...; (ii) đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.	2	Học kỳ: 3	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài tập lớn: 20% Thi cuối kỳ: 60%
25	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế học. Thông qua học phần sinh viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích nghiên cứu là gì cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, sinh viên sẽ nắm được các bước trong quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26	Kinh tế vi mô chuyên sâu	Củng cố và hoàn thiện và phát triển những vấn đề chủ yếu về lý thuyết kinh tế học vi mô: (i) Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển của công cụ lý thuyết hành vi kinh tế trong việc ra quyết định chính sách của các tổ chức, công ty và chính phủ; qua đó hiểu rõ xu hướng vận động của nền kinh tế trong khung cảnh hiện đại. (ii) vận dụng các công cụ và phương pháp phân tích những vấn đề kinh tế vi mô chủ yếu để nắm vững những mô hình chủ yếu trong chương trình các môn kinh tế học ngành và có thể sử dụng khung phân tích đó để giải quyết những bài toán cụ thể trong lĩnh vực khoa học kinh tế ngành.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
27	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	Cung cấp cái nhìn khách quan về các quan điểm của các trường phái kinh tế về các vấn đề kinh tế học vĩ mô. Giúp người học: (i) Hiểu khái niệm, mục tiêu nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến chu kỳ kinh doanh (hay những dao động kinh tế ngắn hạn) và tăng trưởng kinh tế dài hạn. (ii) Biết cách vận dụng những mô hình nền kinh tế đóng và mở phù hợp để xác định và lý giải nguyên nhân của biến động sản lượng, việc làm và lạm phát trong ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. (iii) Có thể phân tích và lý giải tác động của các chính sách vĩ mô đối với những mục tiêu kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
28	Kinh tế phát triển	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phát triển: tăng trưởng và phát triển kinh tế; những lý thuyết khái quát về sự phát triển; những kinh nghiệm lịch sử của các quốc gia trong quá trình phát triển; những đặc điểm căn bản hiện nay của các nước đang phát triển; những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển và các giải pháp cho nó. Giúp người học tiếp cận những chính sách kinh tế và xã hội của chính phủ để khởi động, thúc đẩy, và đảm bảo cho quá trình phát triển bền vững.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Dự án học phần: 20% Thi cuối kỳ: 60%
29	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Hiểu rõ về sự hình thành, phát sinh và phát triển của các học thuyết kinh tế trong lịch sử. Mô tả được sự chuyển hóa của các học thuyết kinh tế. So sánh và đánh giá các học thuyết kinh tế Vận dụng các học thuyết kinh tế để lý giải các hiện tượng, các quá trình kinh tế đã và đang diễn ra.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi cuối kỳ: 60%
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>3/12</b>		
30	Nguyên lý kế toán	Hiểu được bản chất và vai trò của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung và sự vận dụng chúng vào công tác kế toán một cách đơn giản. Hiểu được đối tượng và phương pháp của kế toán; các yếu tố cấu thành bộ máy kế toán : chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi cuối kỳ: 60%
31	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Hiểu được các khái niệm, vai trò chức năng căn bản của hoạt động quản trị kinh doanh của một doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Nắm được các vấn đề căn bản mà các nhà quản trị doanh nghiệp phải thấu hiểu và phải làm khi tiến hành các hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
32	Nguyên lý Marketing	Hiểu biết về thị trường và nhu cầu của khách hàng; nhận biết và dự đoán được những cơ hội và đe dọa từ phía môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
33	Quản trị học	Cung cấp các kiến thức về: các hoạt động quản trị và các công việc của nhà quản trị trong một tổ chức; có khả năng phân tích, khái quát các hiện tượng thực tế	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
<b>V. Khối kiến thức ngành</b>			<b>62</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>		
34	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về chính sách kinh tế - xã hội và phân tích chính sách kinh tế - xã hội.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
35	Kinh tế chính trị học	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về Kinh tế chính trị; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và tư duy kinh tế. Trên cơ sở đó, người học có thể tiếp thu các kiến thức chuyên ngành; có khả năng nhận thức được những vấn đề kinh tế hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
36	Kinh tế công cộng	Cung cấp cho người học cơ sở kinh tế của vai trò chính phủ trong nền kinh tế thị trường ở cấp độ tái tạo. Vận dụng được kiến thức về lý thuyết cũng như một số công cụ phân tích hiệu quả của chi tiêu công cộng; bản chất của thuế, sự phân phối gánh nặng thuế, và tác động của chính sách thuế đến hiệu quả ở cấp độ tái tạo và lập luận. Áp dụng phân tích các vấn đề hiệu quả trong lựa chọn công cộng và tác động của các nhân tố kinh tế chính trị đến sự vận động của khu vực công.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
37	Kinh tế quốc tế	Được cung cấp các kiến thức về (i) lý thuyết thương mại quốc tế cơ bản, cổ điển và hiện đại; (ii) các công cụ và tác động của chính sách thương mại quốc tế; (iii) bản chất và đặc điểm của thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán, tác động của cơ chế hoạt động của các hệ thống tiền tệ quốc tế đối với nền kinh tế của mỗi quốc gia và nền kinh tế toàn cầu. Có thể vận dụng được các mô hình lý thuyết cơ bản trong việc giải thích xu thế vận động của các nguồn lực và tác động của chúng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu;	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
38	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về (i) tiền tệ, hoạt động hệ thống ngân hàng trong một quốc gia; vai trò của ngân hàng thương mại và ngân hàng Trung ương đối với quá trình điều tiết và kiểm soát lượng tiền trong nền kinh tế mở. (ii) phương pháp phân tích thị trường để hình thành tư duy về vấn đề sử dụng vốn tiền tệ có hiệu quả trong kinh tế thị trường hiện đại.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
39	Kinh tế môi trường	Hình thành khả năng lập luận và sáng tạo về các vấn đề liên quan đến kinh tế môi trường, cụ thể: (i) Xác định các vấn đề môi trường, giải thích mối quan hệ giữa dân số, môi trường và tăng trưởng kinh tế, sự tương tác giữa hệ kinh tế và hệ môi trường, lý giải được nguyên nhân kinh tế của tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu; xác định tổng giá trị kinh tế, đánh giá giá trị hàng hóa, dịch vụ môi trường. (ii) Xác định vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế trong việc bảo vệ môi trường, ứng dụng các biện pháp kinh tế nhằm làm chậm lại, chấm dứt hoặc đảo ngược tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường; phân tích, so sánh ưu nhược điểm của các công cụ kinh tế dùng để kiểm soát ô nhiễm. Đề xuất các giải pháp kinh tế nhằm quản lý và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; áp dụng các quy tắc khai thác tài nguyên bền vững vào thực tiễn; gợi ý các chiến lược, hành động ứng phó với ô nhiễm, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
40	Lịch sử kinh tế	Có hệ thống kiến thức chung về (i) lịch sử kinh tế của một số nước và nền kinh tế Việt Nam. (ii) Mô hình phát triển kinh tế của một số nước. (iii) bài học kinh nghiệm của các nước và của Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế. Hình thành tư duy xem xét đánh giá các vấn đề kinh tế từ góc độ lịch sử kinh tế.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
<b>Các học phần tự chọn theo nhóm</b>			<b>30/51</b>		
<b>Các học phần chuyên sâu về kinh tế học thể chế</b>			<b>12</b>		
41	Kinh tế học thể chế	Cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về (i) Kinh tế học thể chế, (ii) Các lý luận và mô hình chủ yếu của kinh tế học thể chế mới. Trên cơ sở các mô hình và lý luận này, kinh tế học thể chế tập trung phân tích các hệ thống và chế độ kinh tế, quản trị doanh nghiệp, giám sát tài chính,.. Có thể sử dụng kiến thức được học để phân tích các hiện tượng chính trị, cấu trúc thị trường của khu vực chính trị; các hành động tìm kiếm chênh lệch về lợi ích thông qua các cơ quan chính phủ; và phân tích các tác động và ảnh hưởng của các nhóm lợi ích và các hành vi của các tổ chức khác nhau đối với các thay đổi trong chính sách kinh tế.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
42	Kinh tế học về chi phí giao dịch	Học phần cung cấp cho người học cách tiếp cận chuyên sâu về kinh tế học thể chế từ những chi phí nảy sinh trong các giao dịch kinh tế. Cụ thể, học phần giúp người học đạt được các nội dung chính như: i) Hiểu rõ bản chất của các hợp đồng giao dịch kinh tế ( <i>cấp độ 1</i> ); ii) Nhận biết được nguồn gốc, bản chất và tác động của chi phí giao dịch trong các thỏa ước kinh tế ( <i>cấp độ 1</i> ); iii) Hiểu được cấu trúc hành vi của các chủ thể giao dịch - các hãng và vai trò của nhà nước ( <i>cấp độ 1</i> ); iv) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc kiểm soát các chi phí giao dịch ( <i>cấp độ 2</i> ); v) Hiểu được cách tiếp cận các chi phí giao dịch trong môi trường toàn cầu ( <i>cấp độ 1</i> ).	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
43	Chính phủ và chính sách công	Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về vai trò của chính phủ trong xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công. Cụ thể, học phần giúp người học đạt được các nội dung chính như: i) Hiểu rõ các khái niệm và vai trò của chính phủ đối với các loại chính sách công ( <i>cấp độ 1</i> ); ii) Hiểu rõ vai trò của chính sách công và chu trình của chính sách công; iii) Nhận biết được các nhân tố tác động đến vai trò của chính phủ trong xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công ( <i>cấp độ 2</i> ); iv) Hiểu được đặc điểm xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công của chính phủ theo các mô hình tổ chức nhà nước khác nhau ( <i>cấp độ 2</i> ); v) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công của chính phủ Việt Nam ( <i>cấp độ 3</i> );	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
44	Thể chế kinh tế Việt Nam	Nhận biết và trình bày được những nội dung chủ yếu của học phần Thể chế Kinh tế Việt Nam. Mô tả được những đặc trưng cơ bản về thể chế kinh tế ở Việt Nam. Phân tích và đánh giá được những chuyên biến cơ bản về cải cách thể chế kinh tế ở Việt Nam trước và sau đổi mới kinh tế. Đánh giá được xu hướng và triển vọng của nền kinh tế dưới tác động của những thay đổi về thể chế kinh tế theo hướng kinh tế thị trường Định hướng XHCN ở Việt Nam.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
<b>Các học phần chuyên sâu về kinh tế chính trị</b>			<b>12</b>		



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
45	Kinh tế chính trị quốc tế	Giúp người học hiểu rõ khái niệm cơ bản của kinh tế chính trị quốc tế Giúp người học nắm bắt được nội dung cơ bản của các trường phái lý thuyết chính về kinh tế chính trị quốc tế. Giúp người học nắm bắt được một số vấn đề kinh tế chính trị quốc tế nổi bật hiện nay.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
46	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	Hiểu được thực chất của mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung (dựa trên nền tảng sở hữu công cộng), căn nguyên đưa đến sự chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung sang mô hình kinh tế thị trường. Hiểu được lo-gic và phân tích được những nội dung cơ bản, những con đường khác nhau của tiến trình chuyển sang kinh tế thị trường ở các nền kinh tế chuyển đổi trong đó có Việt Nam. Những kiến thức được trang bị giúp cho người học nhận thức được những vấn đề kinh tế chính trị nổi bật đang đặt ra đối với các nền kinh tế chuyển đổi, từ đó hiểu và đánh giá được những thách thức của quá trình chuyển đổi - nhất là đối với Việt Nam trên con đường tiếp tục đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững, phân tích và đánh giá được chiến lược cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô hiện hành.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
47	Lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lợi ích kinh tế, từ bản chất, nội dung, các hình thức, vai trò... của lợi ích kinh tế; quan hệ giữa lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập, các hình thức phân phối thu nhập; việc thực hiện các lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập ở Việt Nam trong những năm qua. Trên cơ sở đó, người học có thể phân tích, lập luận, tranh luận... những vấn đề liên quan đến lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
48	Những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam	Người học có các kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay: nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường Việt Nam; hội nhập quốc tế của Việt Nam; Phát triển bền vững ở Việt Nam. Suy luận, bổ sung, hoàn thiện những kiến thức đó gắn với những điều kiện cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
<b>Các học phần bổ trợ</b>			<b>18/27</b>		
49	Thể chế chính trị thế giới	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về (i) cấu trúc, bản chất và các loại hình thể chế chính trị thế giới. (ii) chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan hành pháp, lập pháp và tư pháp cũng như việc xây dựng luật. Hình thành kiến thức nền tảng để tiếp tục nghiên cứu các học phần khác cũng như có nhận thức và liên hệ với đời sống chính trị trong nước và trên thế giới trên cơ sở nghiên cứu một số hệ thống đảng phái chính trị hiện nay.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
50	Mô hình nhà nước phúc lợi	Người học có các kiến thức cơ bản, hệ thống về (i) Mô hình nhà nước phúc lợi; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận và tư duy khoa học kinh tế chính trị và kinh tế thể chế. (ii) Nhận biết các mô hình nhà nước phúc lợi thông qua các đặc trưng cơ bản của từng mô hình.(iii) Phân loại các quốc gia vào mô hình nhà nước phúc lợi theo các tiêu chí đã xác định. (iv) So sánh các mô hình nhà nước phúc lợi, đánh giá ưu, nhược điểm của từng mô hình và gợi mở khả năng vận dụng mô hình nhà nước phúc lợi ở Việt Nam.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
51	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	Có các kiến thức cơ bản, từ những khái niệm, đặc điểm, vai trò... của nông nghiệp, nông thôn, nông dân và quan hệ giữa chúng để có thể suy luận, nhận biết những điều kiện cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
52	Kinh tế chính trị Mỹ	Giúp người học hình thành hệ thống kiến thức cơ bản về: (i) lịch sử phát triển và một số vấn đề nổi bật của kinh tế Mỹ nhìn từ góc độ chính trị. (ii) những đặc điểm và yếu tố cơ bản chi phối quá trình hoạch định chính sách kinh tế-xã hội ở Mỹ. Trên cơ sở kiến thức nền tảng, người học hiểu được hoạt động và vai trò giữa các chủ thể cơ bản của hệ thống kinh tế và chính trị Mỹ như Nhà nước, các đảng phái, các công ty, nghiệp đoàn, phương tiện thông tin đại chúng, các nhóm vận động... và mối quan hệ qua lại giữa các chủ thể này.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
53	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	Cung cấp các kiến thức cơ bản như các khái niệm, các loại hình, nguyên nhân và tác động của các vấn đề xã hội dưới góc độ kinh tế học; Người học có thể sử dụng các công cụ kinh tế học để phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội hiện nay của Việt Nam; Trao đổi, tranh luận, phản biện và đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho các vấn đề trong thời gian tới	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
54	Mô hình kinh tế thị trường ở Việt Nam	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, hệ thống về mô hình kinh tế thị trường; quá trình hình thành, những nhân tố chủ yếu chi phối và những đặc trưng cơ bản của mô hình kinh tế thị trường Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học có thể hiểu được bản chất, những đặc trưng, xu hướng vận động, phát triển của kinh tế thị trường ở Việt Nam; bước đầu tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra những khuyến nghị về chính sách nhằm xây dựng, hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường Việt Nam.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
55	Kinh tế chính trị về cải cách kinh tế ở Trung Quốc	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế và chính trị về cải cách, mở cửa kinh tế ở Trung Quốc. Trên cơ sở kiến thức đó, người học có thể (i) phân tích và so sánh được những chuyển biến cơ bản về kinh tế và chính trị trong công cuộc cải cách, mở cửa kinh tế ở Trung Quốc. (ii) Đánh giá được xu hướng phát triển của nền kinh tế Trung Quốc dưới góc độ kinh tế chính trị. Đồng thời biết liên hệ với thực tiễn.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
56	Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản	Cung cấp cho người học những tri thức Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản: những nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhật Bản; các xu hướng và quy luật chủ yếu chi phối quá trình đó...	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
57	Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á	Cung cấp cho người học những tri thức Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á: những nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình phát triển nền kinh tế khu vực; các xu hướng và quy luật chủ yếu chi phối quá trình đó...	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
<b>Thực tập thực tế và niên luận</b>			<b>5</b>		
58	Thực tập thực tế	Thông qua học phần, sinh viên nắm được các kiến thức thực tiễn về các khía cạnh kinh tế cơ bản (cấp độ 2) như: Môi trường thể chế kinh tế chính trị xã hội ở Việt Nam mà các tổ chức kinh tế đang hoạt động. Tác động của toàn cầu hóa đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Nhận diện được các nguồn lực tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng. Các cách thức lựa chọn hướng đến sự tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế Việt Nam nói chung hay định hướng phát triển cho các doanh nghiệp nói riêng.	2	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 30% Báo cáo thực tập: 70%
59	Niên luận	Học viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	3	Học kỳ: 6	Đánh giá điểm bài viết
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>6</b>		
60	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	6	Học kỳ: 8	
<b>(Hoặc) Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>6</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
61	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	Người học có thể: (i) Hiểu được khái niệm, đặc trưng và phân tích biểu hiện mới của toàn cầu hoá với tính cách là xu hướng, khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới. (ii) Hiểu được khái niệm, một số lý thuyết về phát triển kinh tế và phân tích được những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế. (iii) Hiểu, phân tích được các chiều hướng tiến triển, tác động của toàn cầu hoá đến phát triển kinh tế trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. (iv) Hiểu, phân tích được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi trong phát triển kinh tế của Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa.	3	Học kỳ: 8	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
62	Quản lý nhà nước về kinh tế	Hình thành hệ thống kiến thức quản lý nhà nước về kinh tế và bước đầu vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế vi mô và vĩ mô.	3	Học kỳ: 8	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

#### 6. Cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>21</b>		
1	Triết học Mác - Lênin	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của triết học Mác - Lênin; Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khóa học cụ thể.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Giúp người học hiểu được các vấn đề về Kinh tế chính trị Mác - Lênin, từ lịch sử hình thành, phát triển đến đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng...; những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường: hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể kinh tế tham gia thị trường; những vấn đề cơ bản nhất học thuyết giá trị thặng dư – hòn đá tảng của học thuyết kinh tế C. Mác, bao gồm nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện... của giá trị thặng dư; độc quyền, quan hệ cạnh tranh và độc quyền, độc quyền nhà nước, tác động hai mặt của chúng trong nền kinh tế thị trường; ...	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 3	
6	Tiếng Anh B1	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống và học thuật. Tạo các phát ngôn tương đối dài, phức tạp và phù hợp với chuyên ngành học. Trình bày các nội dung thông tin tương đối phức tạp bằng tiếng anh.	5	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói): 10% Thi cuối kỳ: 60%
7	Tiếng Anh B2	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống và học thuật. Tạo các phát ngôn tương đối dài, phức tạp và phù hợp với chuyên ngành học. Trình bày các nội dung thông tin tương đối phức tạp bằng tiếng anh.	5	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
8	Giáo dục thể chất	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.			
9	Giáo dục Quốc Phòng - an ninh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.			
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>13</b>		
10	Toán cao cấp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	4	Học kỳ: 1	
11	Xác suất thống kê	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
12	Toán kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13	Tin học cơ sở 2	Cung cấp các kiến thức cơ bản về: (i) thông tin, công cụ xử lý thông tin, mạng truyền thông, một số phần mềm ứng dụng. (ii) “hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ”: kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ .	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		18		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		16		
14	Nhà nước và pháp luật đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 2	
15	Kinh tế vi mô	Cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra, và vai trò của Chính phủ nhằm điều tiết thị trường.	4	Học kỳ: 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
16	Kinh tế vĩ mô	Hiểu rõ mục tiêu bao quát của kinh tế vĩ mô nghiên cứu về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế dài hạn. Lý giải các biến động và khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế của các nước.	4	Học kỳ: 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
17	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
18	Kinh tế lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>2/8</b>		
19	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	
20	Lịch sử văn minh thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	
21	Xã hội học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	
22	Logic học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>25</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>22</b>		
23	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
24	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
25	Kinh tế vi mô chuyên sâu	Củng cố và hoàn thiện và phát triển những vấn đề chủ yếu về lý thuyết kinh tế học vi mô: (i) Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển của công cụ lý thuyết hành vi kinh tế trong việc ra quyết định chính sách của các tổ chức, công ty và chính phủ; qua đó hiểu rõ xu hướng vận động của nền kinh tế trong khung cảnh hiện đại. (ii) vận dụng các công cụ và phương pháp phân tích những vấn đề kinh tế vi mô chủ yếu để nắm vững những mô hình chủ yếu trong chương trình các môn kinh tế học ngành và có thể sử dụng khung phân tích đó để giải quyết những bài toán cụ thể trong lĩnh vực khoa học kinh tế ngành.	4	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	Cung cấp cái nhìn khách quan về các quan điểm của các trường phái kinh tế về các vấn đề kinh tế học vĩ mô. Giúp người học: (i) Hiểu khái niệm, mục tiêu nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến chu kỳ kinh doanh (hay những dao động kinh tế ngắn hạn) và tăng trưởng kinh tế dài hạn; (ii) Biết cách vận dụng những mô hình nền kinh tế đóng và mở phù hợp để xác định và lý giải nguyên nhân của biến động sản lượng, việc làm và lạm phát trong ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn; (iii) Có thể phân tích và lý giải tác động của các chính sách vĩ mô đối với những mục tiêu kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.	4	Học kỳ: 4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
27	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	.3	Học kỳ: 5	
28	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
29	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Hiểu rõ về sự hình thành, phát sinh và phát triển của các học thuyết kinh tế trong lịch sử. Mô tả được sự chuyển hóa của các học thuyết kinh tế. So sánh và đánh giá các học thuyết kinh tế; Vận dụng các học thuyết kinh tế để lý giải các hiện tượng, các quá trình kinh tế đã và đang diễn ra.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi cuối kỳ: 60%
IV.2	<b>Các học phần tự chọn</b>		3/12		
30	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
31	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
32	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
33	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>65</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>		
34	Kinh tế học thể chế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 5	
35	Chính phủ và chính sách công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 7	
36	Kinh tế chính trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 6	
37	Thương mại quốc tế	Khóa học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết và thực hành cơ bản liên quan đến lĩnh vực thương mại quốc tế; các lý thuyết thương mại để phân tích lý do tại sao các quốc gia tham gia vào thương mại quốc tế, ...	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
38	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 5	
39	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 6	
40	Kinh tế công cộng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>30/69</b>		
41	Kinh tế chính trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
42	Thế chế kinh tế Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
43	Những vấn đề	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
	kinh tế chính trị ở Việt Nam				
44	Lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
45	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
46	Thể chế chính trị thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
47	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
48	Kinh tế chính trị Mỹ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
49	Kinh tế chính trị về cải cách kinh tế ở Trung Quốc	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
50	Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
51	Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
52	Lịch sử kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
53	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
54	Kinh tế học báo chí truyền thông	Người học có thể vận dụng vào việc phân tích, đánh giá, phản biện các vấn đề về thị trường truyền thông, các ngành công nghiệp và thực tế tại các tổ chức báo chí truyền thông. Ngoài ra, học phần còn phân tích các chủ thể và nhân tố đa dạng đang tạo ra những tác động và ảnh hưởng đối với lĩnh vực kinh tế báo chí truyền thông như công nghệ, toàn cầu hoá, thể chế. Các vấn đề về xu hướng mới, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp truyền thông xã hội cũng sẽ được đề cập trong nội dung học phần.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
55	Mô hình nhà nước phúc lợi	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
56	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
57	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
58	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 3	
59	Ngoại giao kinh tế - chính trị	Cung cấp cho sinh viên cả quan điểm học thuật và thực hành về ngoại giao kinh tế - chính trị thông qua việc phân tích các case study; các vấn đề của nghiệp vụ ngoại giao về kinh tế - chính trị, đi sâu vào công tác lễ tân ngoại giao, lãnh sự.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
60	Thương mại điện tử	Người học sẽ có được sự hiểu biết về các công nghệ dựa trên Internet làm nền tảng cho việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ thông qua một dự án phát triển ứng dụng tương tác thực hành.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 5% Bài tập về nhà: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
61	Quản lý nhà nước về kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
62	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
63	Quản lý thị trường bất động sản	Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về bất động sản và quản lý thị trường bất động sản; Cơ sở khoa học của quản lý thị trường bất động sản; Quản lý thị trường bất động sản tại một số nước trên thế giới; Pháp luật về bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản ở Việt Nam; ...	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
64	Quản lý và Phát triển cộng đồng	Cung cấp cho người học kiến thức về nội dung về lịch sử và diễn tiến của phát triển cộng đồng; Những lý luận cơ bản về quản lý cộng đồng và phát triển cộng đồng; Các phương pháp và Công cụ trong quản lý và phát triển cộng đồng; Tổ chức phát triển cộng đồng; Cán bộ quản lý và phát triển cộng đồng.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
65	Quản lý thị trường khoa học - công nghệ	Trang bị kiến thức tổng quan về hoạt động Quản lý thị trường khoa học – công nghệ; Hệ thống tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ; Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ; Thực trạng quản lý thị trường khoa học công nghệ Việt Nam; Giải pháp đổi mới cơ chế quản lý thị trường khoa học - công nghệ Việt Nam; Thực tiễn quản lý thị trường khoa học công nghệ ở các cấp ở Việt Nam.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
66	Kinh tế học về chi phí giao dịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
<b>V.3 Thực tập thực tế và niên luận</b>			<b>7</b>		
67	Thực tập thực tế	Thông qua các hoạt động thực tiễn tại các cơ sở thực tập, làm việc, tiếp cận cơ sở thực tập như một thành viên không chính thức, học phần cung cấp cho sinh viên các thông tin thực tế về các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế nói chung và cơ sở thực tập nói riêng: môi trường tăng trưởng và phát triển, môi trường cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu, các nguồn lực tăng trưởng bao gồm cả nguồn lực thể chế, các bất cập định hướng phát triển trong các mô hình tăng trưởng, các mô hình kinh doanh.	4	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 30% Báo cáo: 70%
68	Niên luận	Người học vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	3	Học kỳ: 6	Báo cáo: 100%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
V.4	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		7		
69	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn nghiên cứu trong thực tiễn.	7	Học kỳ: 8	Bài khóa luận: 100%

## C2. KHOA KINH TẾ QUỐC TẾ

### 1. Cử nhân hệ chuẩn Kinh tế quốc tế

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung (không tính số tín chỉ kỹ năng bổ trợ)</b>		<b>27</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>10</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>16</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>14</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>2</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>IV.</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>20</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>17</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>3</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>V.</b>	<b>Khối kiến thức theo ngành</b>		<b>51</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK5	
2	Đầu tư quốc tế	Cung cấp kiến thức tổng quát về đầu tư quốc tế và các tập đoàn xuyên quốc gia cho sinh viên; Có thể phân tích tình hình, xu hướng của FDI và tác động của FDI ở một nước chủ nhà và chính sách FDI của các nước chủ nhà.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra 10 phút: 10% Bài thuyết trình nhóm : 20% Bài kiểm tra cuối khóa: 60%
3	Tài chính quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mặt lý thuyết và thực tế về hoạt động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở, hệ thống tiền tệ quốc tế và xác định tỷ giá hối đoái trong ngắn hạn và dài hạn. Xây dựng hệ thống lý thuyết và các vấn đề thực tiễn đối với các vấn đề kinh tế và chính sách hiện tại của Việt Nam.	3	HK5	Chuyên cần: 5% Thảo luận: 5% Bài tập nhóm: 10% Bài thuyết trình nhóm: 20% Bài kiểm tra cuối khóa: 60%
4	Quản trị quốc tế, quản trị đa văn hóa và xuyên quốc gia	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về quản trị quốc tế và trang bị cho sinh viên kỹ năng ứng dụng quản trị trong môi trường đa văn hóa.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
5	Kinh doanh quốc tế	Người học hiểu và nắm được bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. - Hiểu được (i) thực chất và các nhân tố cấu thành nên môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế; tác động của các nhân tố này tới hoạt động kinh doanh của các công ty. (ii) thực chất của quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty. - Biết vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để hiểu và có những đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty. - Xây dựng kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng viết, trình bày một bài luận hoặc một vấn đề khoa học.	3	HK5	Điểm chuyên cần.: 10 % Điểm bài tập cá nhân / tuần: 15% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 15 % Điểm thi kết thúc học phần: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>36/57</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	Hiểu rõ (i) những đặc điểm phát triển cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện đại ảnh hưởng đến phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam.(ii) những kiến thức cơ bản về kinh tế đối ngoại như: Cơ sở phát triển kinh tế đối ngoại, quá trình đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, quan điểm chính sách cơ bản về phát triển kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam; các hình thức cơ bản về phát triển kinh tế đối ngoại và sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức kinh tế quốc tế; một số vấn đề trong phát triển kinh tế đối ngoại hiện nay và chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam...	3	HK5	Chuyên cần : 10% Bài kiểm tra tuần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
7	Công ty xuyên quốc gia	Giúp người học: Hiểu rõ các khái niệm, bản chất, đặc điểm và chiến lược hoạt động của các TNCs; các lý thuyết truyền thống giải thích sự hình thành TNCs và các tác động của TNCs đối với tăng trưởng kinh tế thế giới trên bốn lĩnh vực: thúc đẩy thương mại, Đầu tư quốc tế, chuyển giao và phát triển công nghệ, tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực. Thông qua học tập, thảo luận trên lớp và tự nghiên cứu, học phần giúp người học hiểu rõ về mặt lý thuyết cũng như thực tiễn các tác động của TNCs đối với nền kinh tế thế giới nói chung và đối với phát triển kinh tế ở Việt Nam nói riêng ở bốn lĩnh vực trên.	3	HK6	Chuyên cần : 10% Bài kiểm tra cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
8	Các vấn đề chính sách	Biết các vấn đề chính sách kinh tế quốc tế từ hai góc độ lý thuyết và thực tiễn về hệ thống kinh tế quốc tế và chính sách kinh tế quốc tế liên quan; Hình thành kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện công việc được phân công; có đủ kiến thức để người học phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về chính sách và thay đổi chính sách trong nền kinh tế quốc tế; ...	3	HK5	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
9	Toàn cầu hóa và khu vực hóa trong nền kinh tế quốc tế	Giúp người học: (i) Hiểu được khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hoá và khu vực hóa kinh tế với tính cách là xu hướng, khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới. (ii) Hiểu được các chiều hướng tiến triển, tác động của toàn cầu hoá và khu vực hóa kinh tế đến nền kinh tế thế giới trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. (iii) Hiểu được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế thế giới.	3	HK5	Chuyên cần : 10% Bài kiểm tra kiểm tra/bài tập: 10% Bài tập nhóm: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(iv) Hình thành được khung khổ phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về toàn cầu hoá và khu vực hóa kinh tế, trên cơ sở đó nhận diện được tọa độ của Việt Nam và đánh giá được các lựa chọn chính sách của Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế thế giới.			
10	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK7	
11	Logistics	Hiểu bản chất và vai trò của Logistics trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng; Hiểu về sự cần thiết và giải thích được tầm quan trọng của Logistics đối với tổ chức.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Trình bày bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
12	Quản trị tài chính quốc tế	Hiểu rõ những khái niệm cơ bản về tài chính quốc tế như các thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái; các hệ thống tỷ giá hối đoái. Nắm bắt được ảnh hưởng của biến động tỷ giá đến các hoạt động của công ty đa quốc gia; các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá. Ngoài ra, sinh viên còn hiểu được cách thức quản trị tài sản và nợ trong dài hạn.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Các bài kiểm tra ngắn: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi kết thúc học phần: 60%
13	Thanh toán quốc tế	Cung cấp những kiến thức cơ bản về thanh toán quốc tế như bản chất, đặc điểm, vai trò của thanh toán quốc tế. Hiểu rõ quy trình, nội dung và cách thức thanh toán quốc tế, từ đó ứng dụng vào thực tế để lựa chọn các phương tiện, hình thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong hoạt động thương mại quốc tế	3	HK6	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Quản lý nợ nước ngoài	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài của một quốc gia; Hình thành kiến thức khoa học để lý giải về sự cần thiết của vay nợ nước ngoài cùng các biện pháp tháo gỡ khi một nước con nợ mắc nợ quá nhiều, tạo điều kiện cho người học có thể vận dụng những kiến thức lý luận chung về quản lý nguồn vốn ODA, vay nợ nước ngoài vào điều kiện thực	3	HK7	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiền cuộc sống để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan vay, sử dụng, trả nợ nước ngoài.			
15	Phân tích chi phí và lợi ích	Cung cấp cho người học một cách tiếp cận phù hợp trong việc đánh giá tính kinh tế của các dự án hay chính sách công được sử dụng. Ngoài ra, học phần sẽ rèn luyện kỹ năng và thái độ cho sinh viên đạt cấp độ 2.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Tham gia thảo luận, bài tập: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 60%
16	Quản trị chuỗi cung ứng	- Phân loại các mô hình quản trị chuỗi cung ứng, các nội dung về xây dựng chiến lược hậu cần, cách thức xây dựng kế hoạch cung ứng. - Áp dụng các mô hình quản trị chuỗi cung ứng vào một tình huống mới, triển khai vận hành một kế hoạch cung ứng cho doanh nghiệp. - Phân tích và so sánh việc tổ chức quy trình sản xuất trong quản lý chuỗi cung ứng, các kỹ thuật tối ưu hoá mạng lưới cung ứng, các hệ thống cung ứng, và các chiến lược phân phối.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Trình bày bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập ứng dụng, câu hỏi tự luận, bài tập tình huống: 60%
17	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK7	
18	Marketing quốc tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động marketing trên thị trường quốc tế; trên cơ sở đó có thể ứng dụng vào hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp.	3	HK6	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ (trình bày bài tập nhóm): 10% Thi cuối kỳ: 60%
19	Quản trị dự án quốc tế	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, thực hiện và vận hành dự án quốc tế; các chức năng và hoạt động cốt yếu trong quản lý điều hành một dự án; những căn cứ cơ sở để ra các quyết định có ý nghĩa then chốt của các chủ thể tham gia quản trị dự án. Phương pháp tư duy, xử lý số liệu cơ bản để trực tiếp tham gia hoặc tổ chức soạn thảo lập dự án; đọc hiểu, phân tích đánh giá, thẩm định, lựa chọn dự án tài trợ theo các tiêu chuẩn phổ biến; khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, khả năng làm việc theo nhóm khi tham gia quản lý điều hành dự án theo các giai đoạn và tiến độ dự án.	3	HK7	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
20	Phân tích rủi ro quốc gia	Trang bị cho sinh viên nhận thức cơ bản về tầm quan trọng của phân tích rủi ro quốc gia đối với các quyết định trong quan hệ kinh tế quốc tế; Cung cấp các thông	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10 %. Kiểm tra giữa kỳ: 30%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tin về những tổ chức phân tích, xếp hạng phân tích rủi ro quốc gia có uy tín trên thế giới; nắm bắt các quy trình, cách thức phân tích rủi ro quốc gia của các tổ chức này; Liên hệ, áp dụng phân tích rủi ro quốc gia Việt Nam: đánh giá, phân biện chỉ số xếp hạng Việt Nam của một số tổ chức hiện hành; thảo luận tìm giải pháp hạ thấp chỉ số rủi ro quốc gia; Hiểu, phân biệt và sử dụng được các chỉ số phân tích rủi ro quốc gia của các tổ chức phân tích rủi ro quốc gia khác nhau; lựa chọn và sử dụng được một số phương pháp phân tích, đánh giá, xếp loại rủi ro quốc gia phù hợp; vận dụng phân tích rủi ro quốc gia vào thực tiễn việc giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh quốc tế.			Thi cuối kỳ: 60%
21	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK 6	
22	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	Sinh viên hiểu và nắm bắt được những kiến thức cơ bản về rủi ro và các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Sinh viên được trang bị một số công cụ phân tích đánh giá rủi ro trong kinh doanh quốc tế; Hình thành cách thức giải quyết bài bản cho sinh viên khi gặp phải những vấn đề phức tạp như rủi ro trong kinh doanh quốc tế; ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 5% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
23	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Cung cấp những kiến thức về cơ bản về nghiệp vụ thuê phương tiện để chuyên chở hàng hóa XNK, quy trình nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa trong giao dịch thương mại quốc tế. Hiểu được xu hướng phát triển của hoạt động kinh doanh vận tải, dịch vụ bảo hiểm của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Vận dụng các dịch vụ vận tải và bảo hiểm trong giao dịch thương mại quốc tế ứng dụng vào thực tế để thực hiện các công việc như lựa chọn các phương thức thuê tàu để chuyên chở hàng hóa XNK, lựa chọn các điều kiện bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu. Hình thành phương pháp nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn một cách khoa học.	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
24	Hệ thống thông tin kinh tế	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các hệ thống thông tin quản lý trong kinh tế Người học có được kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; Hiểu rộng và cập nhật về công nghệ phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong hệ thống thông tin; Nắm vững kiến thức cơ bản về phân tích và quản trị các hệ thống thông tin trong quản lý, kinh doanh của các công ty, tổ chức, ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Thực tập thực tế	Mỗi sinh viên sau khi thực tập phải viết báo cáo tổng hợp về các nội dung kiến thức, thực tiễn thu được tại đơn vị thực tập. Sinh viên thực tập sẽ được sự hướng dẫn của cán bộ tại đơn vị đến thực tập và của giáo viên hướng dẫn.	2	HK7	Chuyên cần: 40% Báo cáo: 60%
26	Niên luận	Sinh viên thực hiện bài nghiên cứu tổng hợp	3	HK 7	Báo cáo: 100%
27	Giao dịch thương mại quốc tế (Học phần thay thế khóa luận)	Hiểu rõ (i) bản chất, đặc điểm và các phương thức giao dịch thương mại quốc tế. (ii) các yếu tố quyết định việc sử dụng phương thức nào để đẩy mạnh phát triển xuất khẩu; (iii) các điều kiện giao dịch quốc tế; (iv) bản chất và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế, soạn thảo, kí kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, các chứng từ cần có khi thực hiện hợp đồng;	3	HK 8	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế (Học phần thay thế khóa luận)	Cung cấp những kiến thức chung cơ bản về đàm phán kinh doanh quốc tế, hiểu rõ được các yếu tố sách lược, các phương thức, các kiểu của đàm phán, nắm được những vấn đề cơ bản của giao tiếp đàm phán, hiểu được đặc điểm tâm lý và những điều cần chú ý khi đàm phán với đối tác nước ngoài.	3	HK 8	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra tuần: 5% Bài kiểm tra tháng: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
29	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi tích lũy đủ tín chỉ sinh viên thực hiện bài khóa luận	6	HK8	Bài khóa luận: 100%

## 2. Cử nhân chất lượng cao theo thông tư 23 Kinh tế quốc tế

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>21</b>		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23			
<b>II</b>	<b>Kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>13</b>		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23			
<b>III.</b>	<b>Kiến thức theo khối ngành</b>		<b>18</b>		
<b>III.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>16</b>		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23			
	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>2</b>		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23			
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>25</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>22</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23				
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>3</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23				
<b>V</b>	<b>Kiến thức theo ngành</b>		<b>68</b>		
<b>V.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>		
1.	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK5	
2.	Đầu tư quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	
3.	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK5	
4.	Quản trị quốc tế, quản trị đa văn hóa và xuyên quốc gia	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	
5.	Kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK5	
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>36/72</b>		
6.	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK5	
7.	Công ty xuyên quốc gia	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
8.	Các vấn đề chính sách trong nền kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
9.	Toàn cầu hóa và khu vực hóa trong nền kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK5	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10.	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23.	3	HK7	
11.	Logistics	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
12.	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
13.	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
14.	Kế toán quốc tế ***	- Cung cấp cho người học nội dung các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận và hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế cũng như các mô hình vận dụng hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế. - Có kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán. - Có kiến thức đầy đủ về hệ thống kế toán Mỹ - từ chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, xử lý số liệu đến xây dựng hệ thống báo cáo tài chính. Hiểu được sự khác nhau cơ bản về kế toán trong các loại hình doanh nghiệp của Mỹ.	3	HK7	Bài tập cá nhân (2 bài): 20% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi cuối kỳ: 60%.
15.	Giao dịch thương mại quốc tế ***	Cung cấp cho người học nội dung bản chất, đặc điểm và các phương thức giao dịch thương mại quốc tế. Nắm được các yếu tố quyết định việc sử dụng phương thức nào để đẩy mạnh phát triển xuất khẩu; các điều kiện giao dịch quốc tế; hiểu được bản chất và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế, soạn thảo, kí kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, các chứng từ cần có khi thực hiện hợp đồng; và ứng dụng incoterms vào thực tiễn; ...	3	HK6	Đi học đầy đủ: 5% Bài tập cá nhân (1 bài): 5% Bài tập nhóm (1 bài): 15% Kiểm tra đánh giá giữa kì: 15% Bài thi kết thúc môn: 60%
16.	Quản lý nợ nước ngoài	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
17.	Phân tích chi phí và lợi ích	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	
18.	Quản trị chuỗi cung ứng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK7	
19.	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK7	
20.	Marketing quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK6	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21.	Quản trị dự án quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	
22.	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK 6	
23.	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	
24.	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	
25.	Hệ thống thông tin kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	
26.	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	(Tự chọn)	
27.	Kinh doanh ngoại hối	Cung cấp và trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh doanh ngoại hối. Thông qua học phần, người học sẽ hiểu và áp dụng được các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối hiện nay như nghiệp vụ giao ngay, nghiệp vụ kỳ hạn, nghiệp vụ hoán đổi, nghiệp vụ tương lai và nghiệp vụ quyền chọn, ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Thương mại và phát triển	Cung cấp cho người học hệ thống các lý luận và kiến thức thực tiễn về tác động của thương mại quốc tế đến các khía cạnh phát triển bao gồm kinh tế, môi trường và văn hoá - xã hội; Hệ thống hoá các vấn đề cơ bản về thương mại quốc tế gồm các nguyên lý kinh tế của thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế, tính kinh tế chính trị của việc hoạch định chính sách thương mại quốc tế và cập nhật cho người học những nhìn nhận sâu sắc về bối cảnh, thực tiễn, xu hướng và các thách thức trong phát triển thương mại quốc tế; ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Công nghệ mới trong kinh doanh quốc tế	Đem lại cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ mới và hiểu về những tiềm năng ứng dụng trong hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng.	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>Thực tập thực tế và niên luận</b>			<b>7</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30.	Thực tập thực tế	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức	3	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%
31.	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế	4	HK7	Bài Niên luận: 100 %
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>7</b>		
32.	Khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, vận dụng các kiến thức trong toàn khóa học để hoàn thành bài niên luận và trình bày báo cáo trước hội đồng	7	HK8	Bài Khóa luận: 100 %

### 3. Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
<b>I.</b>	<b>Kiến thức chung</b>		<b>8</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý Kinh tế				
	<b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>42</b>		
1.	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn	Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết thương mại quốc tế và có thể ứng dụng các lý thuyết này vào giải quyết các vấn đề chính sách nảy sinh trong bối cảnh thương mại toàn cầu; Thực hiện phân tích đánh giá các lợi ích thu được từ thương mại - yếu tố quan trọng nhất trong các phân tích thương mại.	3	HK3	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
2.	Quản trị tài chính quốc tế	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính quốc tế dưới góc độ vi mô nhằm giúp người học hiểu rõ những vấn đề cơ bản về môi trường tài chính quốc tế và những yếu tố tác động đến các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế gồm các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.	3	HK4	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
3.	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn	Hiểu rõ được bản chất, đặc điểm và các hình thức hoạt động của ĐTQT. Nắm được các yếu tố quyết định lưu chuyển ĐTQT; biết được những tác động của ĐTQT đối với nền kinh tế thế giới và các nước tham gia đầu tư, trong đó đặc biệt đối với Việt Nam.	3	HK3	Bài tập cá nhân tuần: 10% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi hết môn: 60%

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		<p>Vận dụng các kiến thức lý thuyết cũng như thực tiễn về ĐTQT để triển khai và thực hiện các nghiên cứu liên quan, đưa ra giải pháp và kiến nghị.</p> <p>Biết được cách thức xây dựng các giả định, lập luận có cơ sở khoa học trong giải thích và dự đoán các hiện tượng ĐTQT; biết cách tổ chức, hợp tác trong nhóm nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học; biết cách phân biện và bảo vệ quan điểm cá nhân trước tập thể.</p>			
4.	<p>Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu</p>	<p>Học phần giới thiệu cho người học những vấn đề của Kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu như: giải thích tại sao các quốc gia có sự khác biệt; tổng hợp các yếu tố kinh tế và chính trị của thương mại và đầu tư quốc tế; giải thích hệ thống tiền tệ, tài chính toàn cầu; cung cấp các kiến thức chuyên sâu về chiến lược và cấu trúc của các công ty kinh doanh quốc tế; đánh giá vai trò, chức năng của các hoạt động kinh doanh quốc tế.</p>	3	HK2	<p>Điểm chuyên cần: 10%</p> <p>Điểm bài tập nhóm: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: 60%</p>
5.	<p>Chuỗi cung ứng: Lý thuyết và ứng dụng</p>	<p>Chuỗi cung ứng là một mạng lưới các nhà cung cấp, sản xuất, lắp ráp, phân phối và các cơ sở hậu cần để phục vụ các hoạt động chức năng của việc mua bán nguyên vật liệu, chuyển đổi chúng thành bán thành phẩm, thành phẩm, và phân phối tới khách hàng. Học phần sẽ cung cấp cho học viên kiến thức tổng thể về Quản trị chuỗi cung ứng với các chủ đề chính sau: Tổng quan về chuỗi cung ứng; Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng; Thiết lập mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng - Mô hình SCOR; Điều phối &amp; đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng</p>	3	HK3	<p>Điểm chuyên cần: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>
6.	<p>Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng</p>	<p>Cung cấp cho người học: (i) lý thuyết phân tích thương mại điện tử và vận dụng các mô hình thương mại điện tử hiện nay vào kinh doanh toàn cầu để có cái nhìn toàn diện về kinh doanh trực tuyến; (ii) kiến thức về các hệ thống G2B đang hiện hành tại Việt nam (Hệ thống Hải quan điện tử, Kê khai thuế trực tuyến...); (iii) các công cụ E-marketing được sử dụng trong thương mại điện tử hiệu quả nhất. Giúp người học có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử bao gồm nhận biết và phân tích vấn đề giúp đưa ra các kiến nghị và giải pháp cho từng trường hợp cụ thể.</li> <li>- Ứng dụng có hệ thống, toàn diện, tìm ra các vấn đề trong thương mại điện tử và sự tương tác giữa chúng.</li> <li>- Ứng dụng một số các hệ thống hỗ trợ thương mại điện tử trong doanh nghiệp.</li> </ul>	3	HK2	<p>Điểm chuyên cần: 10%</p> <p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 15%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
7.	Công ty xuyên quốc gia: Chuyên giao công nghệ và phát triển	Học phần giúp người học: - Hiểu rõ tác động của TNCs đối với phát triển kinh tế-xã hội: thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm, chuyên giao và phát triển công nghệ, tác động tới vấn đề môi trường và văn hóa. - Nắm vững những vấn đề lý luận chung về TNCs bao gồm bản chất, đặc điểm, chiến lược phát triển của các TNCs, và một số lý thuyết giải thích sự hình thành TNCs. - Vận dụng lý thuyết dự báo xu hướng phát triển của TNCs thuộc các nhóm nước và ở Việt Nam. - Xây dựng các giả định, lập luận có cơ sở khoa học trong giải thích và dự đoán sự ra đời và phát triển của các TNCs - Phân tích định tính/định lượng trong nghiên cứu các tác động của TNCs đối với phát triển kinh tế và xã hội.	2	HK3	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
8.	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình toàn cầu hóa và liên kết kinh tế quốc tế - một trong những xu hướng trong phát triển kinh tế thế giới đương đại, các điều kiện hình thành và tham gia vào khối kinh tế thương mại. Trên cơ sở đó, xác định chính sách kinh tế cần điều chỉnh; ...	3	HK3	Chuyên cần và bài tập: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ : 60%
9.	Kinh tế thế giới hiện đại	Học viên có kiến thức cơ bản về (i) các đặc điểm cơ bản, xu thế phát triển, các vấn đề đang đặt ra của nền kinh tế thế giới hiện đại, và những ảnh hưởng của chúng đến Việt Nam. (ii) các cách tiếp cận, kỹ năng phân tích và đánh giá các đặc điểm cơ bản, xu thế phát triển, các vấn đề đang đặt ra của nền kinh tế thế giới hiện đại. Học viên có thể (i) đề xuất các ý tưởng và triển khai thực hiện các ý tưởng nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến các xu thế phát triển của kinh tế thế giới hiện đại. (ii) Bước đầu dự báo được các xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới, đánh giá được các tác động của chúng đến Việt Nam. Hình thành năng lực tự nghiên cứu, phân tích và đánh giá các công trình nghiên cứu, trình bày, thảo luận của học viên về các vấn đề liên quan đến kinh tế thế giới hiện đại.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Báo cáo nhóm (tính vào điểm kiểm tra tháng): 15% Viết tiểu luận (tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 15% Thi hết môn : 60%
10.	Quản lý dự án quốc tế	Cung cấp cho người học kiến thức tổng thể về (i) chu trình dự án: các bước của quá trình quản lý dự án, nghiên cứu tình huống về một số dự án cụ thể. (ii) các kỹ năng và công cụ xây dựng một dự án phát triển quốc tế như kỹ	3	HK4	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%



TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		năng xây dựng cây vấn đề, cây mục tiêu, nắm được phương pháp tham gia, phương pháp tiến cận hệ thống mang tính logic (LFA) để từ đó xây dựng các tài liệu dự án. Có khả năng áp dụng các kiến thức đã học vào quản lý một dự án quốc tế			Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
11.	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài của một quốc gia, các tiêu chí đánh giá nợ (mức độ nợ), các biện pháp xử lý nợ; kinh nghiệm quản lý, vay nợ nước ngoài của một số nước để vận dụng vào thực tiễn quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam, xây dựng bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong khâu huy động, sử dụng và trả nợ nước ngoài. Có khả năng lý giải một cách có cơ sở khoa học về sự cần thiết của vay nợ nước ngoài của các nước đang phát triển và các biện pháp tháo gỡ khi một nước mắc nợ quá nhiều, Có thể vận dụng những kiến thức lý luận chung về nợ, vay nợ vào điều kiện thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan tới nợ nước ngoài	3	HK1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
12.	Kinh tế Đông Á	Giúp người học: - Hiểu và phân tích được vai trò, vị trí, đặc trưng của Đông Á và Đông Nam Á trong nền kinh tế thế giới và những nhân tố quy định xu hướng phát triển kinh tế của Đông Á và Đông Nam Á. - Hiểu và phân tích được các chiều hướng phát triển, tác động của kinh tế Đông Á và Đông Nam Á đến nền kinh tế thế giới trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. - Hiểu và phân tích được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á. - Hình thành được khung khổ phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á, trên cơ sở đó phân tích thực trạng kinh tế Việt Nam và đánh giá được các lựa chọn chính sách của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á. - Xác lập được năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.	3	HK2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
13.	Tài chính và tiền tệ quốc tế	Cung cấp các kiến thức có liên quan đến tài chính quốc tế, gồm: - Các khái niệm và tác động của việc biến động và sai lệch tỷ giá hối đoái. - Các mô hình xác định tỷ giá hối đoái. Xác định cố định có thể cải thiện kỷ luật kinh tế vĩ mô hay không	3	HK3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi hết môn: 60%

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		Hình thành năng lực đánh giá về các vấn đề tỷ giá hối đoái, các điều kiện tiên quyết và hậu quả của đồng tiền chung, các tác động kinh tế của các liên minh tiền tệ... trên cơ sở vận dụng những lý thuyết cơ bản của tài chính quốc tế để phân tích và đánh giá được các nghiên cứu chuyên sâu, các báo cáo có liên quan đến tài chính quốc tế của các chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế (IMF, WB, BIS....) hay các ấn phẩm của các tổ chức tài chính tư nhân (như The Wall Street Journal, Tạp chí The Economist...), các bình luận, đánh giá về các vấn đề có liên quan đến tài chính quốc tế trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo viết hàng ngày, đài, TV...			
14.	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin kinh tế, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của hệ thống và công nghệ thông tin các doanh nghiệp sử dụng để đạt được các mục tiêu kinh doanh. Hình thành cho người học (i) khả năng xác định, phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh bằng hệ thống thông tin quản lý; (ii) ứng dụng phần mềm và các giải pháp quản lý hệ thống để tìm ra các vấn đề trong quá trình áp dụng các hệ thống thông tin quản lý kinh tế.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thuyết trình và làm việc nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Luận văn</b>		<b>15</b>	<b>HK4</b>	<b>Điểm bảo vệ: 100%</b>

#### 4. Tiến sỹ Kinh tế Quốc tế

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
1.	Lý thuyết Đầu tư quốc tế	Cung cấp một cách hệ thống (i) các lý thuyết đầu tư quốc tế, các yếu tố (đặc biệt về thể chế, chính sách ở cấp độ quốc tế và quốc gia) quyết định sự di chuyển của các dòng vốn Đầu tư trực tiếp nước ngoài và tác động của nó tới các nền kinh tế liên quan nói chung và đối với Việt Nam nói riêng. (ii) các xu hướng vận động của đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay, từ đó có thể vận dụng để đánh giá, tư vấn về chính sách hoặc đưa ra được cách tiếp cận mới cho các vấn đề liên quan tới các vấn đề về Đầu tư trực tiếp nước ngoài cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn.	2	HK1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ (điểm báo cáo nhóm): 30% Kiểm tra - đánh giá định kỳ Đánh giá hết môn: Viết tiểu luận theo chủ đề do

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
					giảng viên hướng dẫn: 60%
2.	Lý thuyết thương mại quốc tế	Cung cấp cho nghiên cứu sinh (NCS) (i) hệ thống các lý thuyết về Thương mại Quốc tế, bao gồm từ Cổ điển, Tân Cổ điển và hiện đại; đồng thời nghiên cứu sự phát triển của các lý thuyết đó. (ii) những xu hướng phát triển của thương mại quốc tế hiện nay và giải thích mối quan hệ giữa các lý thuyết và chính sách thương mại với các xu hướng phát triển của thương mại quốc tế. Vận dụng các lý thuyết và các phương pháp khoa học để đánh giá, tư vấn về chính sách hoặc đưa ra được cách tiếp cận mới cho các vấn đề liên quan tới TMQT.	2	HK1	Chuyên cần và tham gia thảo luận trên lớp: 20% Kiểm tra - đánh giá định kỳ Thuyết trình (giữa kỳ): 20% Tiểu luận (cuối kỳ): 60%
	<b>Học phần tự chọn (6/9TC)</b>				
3.	Các Hiệp định thương mại tự do	Học viên nắm vững và luận giải được các lý luận, lý thuyết và phương pháp đánh giá tác động của hội nhập kinh tế quốc tế và Hiệp định thương mại tự do. Bên cạnh đó, NCS hiểu, phân tích và đánh giá được thực tiễn cũng như xu hướng phát triển của Hiệp định thương mại tự do trên thế giới, từ đó vận dụng sáng tạo và linh hoạt vào bối cảnh của Việt Nam để góp phần giúp Việt Nam hội nhập hiệu quả hơn vào thương mại quốc tế. Học viên có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết và làm chủ các công cụ đánh giá tác động để phân tích thực tiễn và xu hướng phát triển của các Hiệp định thương mại tự do trên thế giới nói chung và Việt Nam nói	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận trên lớp: 10% Thuyết trình và phân biện bài tập cá nhân (tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 20% Tiểu luận học phần: 60%

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		riêng. Đồng thời, NCS thành thạo kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập, kỹ năng viết và trình bày các chuyên đề nghiên cứu khoa học.			
4.	Kinh doanh quốc tế trong một thế giới đang thay đổi	Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về chiến lược và cấu trúc của các công ty kinh doanh quốc tế; Trên cơ sở kiến thức thu được, đánh giá vai trò, chức năng của các hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và giải thích sự khác biệt của các yếu tố kinh tế và chính trị, hệ thống tiền tệ, tài chính toàn cầu...trong các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận trên lớp: 10% Thuyết trình và phản biện bài tập cá nhân (tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 20% Tiểu luận học phần : 60%
5.	Lý Thuyết và Chính sách tài chính tiền tệ quốc tế	Học phần này trang bị cho người học một hệ thống các kiến thức chuyên sâu về các vấn đề tài chính và tiền tệ quốc tế cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn như cán cân thanh toán quốc tế; tỷ giá hối đoái; hội nhập tài chính và tiền tệ quốc tế; khủng hoảng tài chính tiền tệ quốc tế. Kết thúc học phần, người học có khả năng: (1) Hiểu các lý thuyết và cách tiếp cận cán cân thanh toán quốc tế, các lý thuyết và mô hình xác định tỷ giá hối đoái, các lý thuyết hội nhập tài chính và tiền tệ quốc tế. (2) Hiểu và áp dụng các lý thuyết về tỷ giá hối đoái để giải thích sự vận động của tỷ giá hối đoái trong thực tiễn và sự lựa chọn chế độ tỷ giá của các nước trên thế giới. (3) Hiểu quá trình hội nhập tài chính và tiền tệ của các nước và các khu vực. (4) Phân tích và đánh giá thực tiễn, xu hướng hội nhập tài chính và tiền tệ ở các nước và khu vực. (5) Hiểu và đánh giá được tiến trình hội nhập tài chính và tiền tệ của Việt Nam.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận trên lớp: 10% Thuyết trình và phản biện bài tập cá nhân (tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 20% Tiểu luận học phần: 60%
6.	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh	Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về chiến lược và cấu trúc của các công ty kinh doanh quốc tế; Trên cơ sở kiến thức thu được, đánh giá vai trò, chức năng của các hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và giải thích sự khác	3	HK2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20%

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
	toàn cầu	biệt của các yếu tố kinh tế và chính trị, hệ thống tiền tệ, tài chính toàn cầu...trong các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế.			Thi hết môn: 60%
7.	Tài chính và tiền tệ quốc tế	Cung cấp các kiến thức có liên quan đến tài chính quốc tế, gồm: - Các khái niệm và tác động của việc biến động và sai lệch tỷ giá hối đoái. - Các mô hình xác định tỷ giá hối đoái. Xác định cố định có thể cải thiện kỷ luật kinh tế vĩ mô hay không Hình thành năng lực đánh giá về các vấn đề tỷ giá hối đoái, các điều kiện tiên quyết và hậu quả của đồng tiền chung, các tác động kinh tế của các liên minh tiền tệ.... trên cơ sở vận dụng những lý thuyết cơ bản của tài chính quốc tế để phân tích và đánh giá được các nghiên cứu chuyên sâu, các báo cáo có liên quan đến tài chính quốc tế của các chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế (IMF, WB, BIS....) hay các ấn phẩm của các tổ chức tài chính tư nhân (như The Wall Street Journal, Tạp chí The Economist...), các bình luận, đánh giá về các vấn đề có liên quan đến tài chính quốc tế trên các phương tiện thông tin đại chúng chúng như báo viết hàng ngày, đài, TV...	3	HK4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi hết môn: 60%
<b>Học phần tự chọn (3/9TC) ngành gần</b>					
8.	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình toàn cầu hóa và liên kết kinh tế quốc tế – một trong những xu hướng trong phát triển kinh tế thế giới đương đại, các điều kiện hình thành và tham gia vào khối kinh tế thương mại. Trên cơ sở đó, xác định chính sách kinh tế cần điều chỉnh; ...	3	HK3	Chuyên cần và bài tập: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
9.	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài của một quốc gia, các tiêu chí đánh giá nợ (mức độ nợ), các biện pháp xử lý nợ; kinh nghiệm quản lý, vay nợ nước ngoài của một số nước để vận dụng vào thực tiễn quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam, xây dựng bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong khâu huy động, sử dụng và trả nợ nước ngoài.Có khả năng lý giải một cách có cơ sở khoa học về sự cần thiết của vay nợ nước ngoài của các nước	3	HK1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%

TT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá NCS/Học viên
		đang phát triển và các biện pháp tháo gỡ khi một nước mắc nợ quá nhiều, Có thể vận dụng những kiến thức lý luận chung về nợ, vay nợ vào điều kiện thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan tới nợ nước ngoài			
10.	Kinh tế Đông Á	<p>Giúp người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và phân tích được vai trò, vị trí, đặc trưng của Đông Á và Đông Nam Á trong nền kinh tế thế giới và những nhân tố quy định xu hướng phát triển kinh tế của Đông Á và Đông Nam Á.</li> <li>- Hiểu và phân tích được các chiều hướng phát triển, tác động của kinh tế Đông Á và Đông Nam Á đến nền kinh tế thế giới trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu.</li> <li>- Hiểu và phân tích được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.</li> <li>- Hình thành được khung khổ phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á, trên cơ sở đó phân tích thực trạng kinh tế Việt Nam và đánh giá được các lựa chọn chính sách của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.</li> <li>- Xác lập được năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.</li> </ul>	3	HK2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%

### C3. KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

#### 1. Cử nhân Tài chính ngân hàng

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>27</b>		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>II</b>	<b>Kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>10</b>		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>III</b>	<b>Kiến thức theo khối ngành</b>		<b>16</b>		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>IV.</b>	<b>Kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>20</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>14</b>		
1	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2		
2	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3		
3	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế..	3	Học kỳ 4	
4	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ 4	
5	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ 4	
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>				
6	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Có kiến thức chung về (i) văn hóa kinh doanh và đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. (ii) các nguyên tắc, hình thức thực hành đạo đức kinh doanh vào thực thi trách nhiệm xã hội trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và của các địa phương của Việt Nam. Trên cơ sở kiến thức về nội dung, vai trò, tác dụng của học phần, xây dựng các chương trình hành động và quản trị việc áp dụng và phát huy chúng trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp, doanh nhân.	3	Học kỳ 4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
7	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ 4	
8	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ 4	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
9	Quản trị nguồn nhân lực	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Giúp người học hoàn thành cơ sở phương pháp luận trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động QTNL trong các doanh nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện đang xây dựng một nền kinh tế thị trường có định hướng XHCN Vận dụng các triết lý cơ bản của quản trị nguồn nhân lực để đưa ra các quyết định có hiệu quả trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp. Đồng thời biết cách phân tích, đánh giá thị trường lao động ở Việt Nam; giúp phân hoàn thiện kỹ năng viết, trình bày một bài luận hay một vấn đề khoa học.	3	Học kỳ 7	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>62</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>				
10	Các thị trường và định chế tài chính	Nắm rõ các khái niệm về lãi suất và những yếu tố tác động tới các mức lãi suất; yếu tố thuế, vỡ nợ, đường cong lợi suất chuẩn và ứng dụng của nó. Nắm được bản chất, cấu trúc và những yếu tố tác động tới quá trình vận hành của thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu và trái phiếu; thị trường khoản vay thế chấp nhà (mortgages), Hiểu chức năng, vai trò của thị trường các công cụ phái sinh trong các hoạt động đầu cơ và hạn chế tổn thất của các cá nhân và định chế tài chính. Hiểu chức năng, vai trò, và sự tương tác trong hệ thống tài chính của những định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng, như ngân hàng thương mại, các hãng bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ hưu bổng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 5% Bài tập về nhà (bao gồm bài tập cá nhân và bài tập nhóm): 10% Kiểm tra nhanh: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
11	Phân tích tài chính	Nhận biết, nhắc lại các nội dung phân tích, phương pháp phân tích về các vấn đề tài chính cụ thể của doanh nghiệp; Tổng hợp các tài liệu, thông tin được cung cấp để xác định vấn đề tồn tại của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá dữ liệu thứ cấp và sơ cấp nhằm đưa ra khuyến nghị, giải pháp cụ thể cho vấn đề tồn tại của doanh nghiệp; Xây dựng và thiết kế các tình huống hoặc đưa thêm vào các giả định để cải thiện tình hình tài chính, kinh doanh hiện nay của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra nhanh: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
12	Quản lý đầu tư	Cung cấp cho người học các kiến thức về: (i) Các khái niệm cơ bản liên quan đến các công cụ đầu tư, quy trình giao dịch, lợi suất, rủi ro, đa dạng hóa, đường CAL, đường SML, CAPM, thị trường hiệu quả; (ii) Bản chất của các loại rủi ro tài chính trong hoạt động đầu tư, các loại lợi suất, tương quan giữa rủi ro và lợi suất, cách thức và ý nghĩa đa dạng hóa đầu tư, phân tích, định giá trái phiếu, cổ phiếu, chứng khoán phái sinh và có khả năng vận dụng vào các hoạt động đầu tư tài chính cụ thể; - Ứng dụng các kiến thức được học để (i) giải quyết các vấn đề quản trị rủi ro, phân tích đầu tư; kỹ năng tính toán, trình bày chính xác và mạch lạc. (ii) ứng dụng quy trình phân tích, lựa chọn, định giá cổ phiếu, trái phiếu. Dự báo được những thông số cần thiết cho quá trình này; Tính được các thông số lợi suất dự tính, phương sai, độ lệch chuẩn của một chứng khoán, một danh mục đầu tư đơn giản, trên một kỳ đầu tư xác định. - Bước đầu tiếp cận tới kỹ năng quản trị danh mục đầu tư: Phân biệt được rủi ro cá biệt và rủi ro hệ thống; hiểu mối quan hệ giữa lợi suất dự tính và rủi ro; hiểu khái niệm vòng đời hạn bình quân (Duration) và những ứng dụng của nó trong lựa chọn đầu tư và quản trị rủi ro; áp dụng một số công cụ phái sinh trong quản trị rủi ro đầu tư.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
13	Tài chính doanh nghiệp	Cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản và các vấn đề chính có liên quan đến tài chính doanh nghiệp, các phương pháp phân tích đánh giá giúp người quản lý đưa ra quyết định đúng dựa trên phân tích và đánh giá chi phí, lợi nhuận và rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Hiểu rõ các rủi ro trong kinh doanh và áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro. Nhận thức rõ vai trò của quản lý rủi ro và có thể giải quyết các vấn đề trên kiến thức nền tảng.	3	Học kỳ 5	Điểm bài tập cá nhân tuần: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ : 20% Thi hết môn: 60%
14	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	Học kỳ 5	
15	Tài chính công	Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản thuộc lĩnh vực tài chính công; Nắm được nội dung và kỹ năng cơ bản hoạch định, quản lý nguồn thu, chi của quỹ tài chính công và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gắn với các quy định hiện hành của Việt nam.	3	Học kỳ 5	Điểm danh: 5% Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra nhanh: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
16	Thẩm định tài chính dự án	Cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao, các phương pháp và công cụ để phân tích, đánh giá dự án đầu tư trên cả 3 giác độ: chủ sở hữu, ngân hàng và dự án. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản có liên quan trong học phần tài chính doanh nghiệp 1, người học sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên sâu về thẩm định tài chính dự án, đặc biệt về các công cụ và mô hình phân tích rủi ro dự án. Học phần tăng cường khả năng thực hành của người học trên cơ sở cung cấp các tình huống (case study) thực tế, từ đó người học có thể đưa ra các quyết định tư đầu tư dự án hoặc lựa chọn phương thức tài trợ có lợi nhất cho dự án. Sử dụng Excel cũng như một số phần mềm thông dụng trong phân tích tài chính dự án.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
17	Pháp luật tài chính ngân hàng	Cung cấp cho người học (i) các vấn đề lý thuyết về pháp luật tài chính, pháp luật ngân hàng và pháp luật tài chính doanh nghiệp. (ii) các kiến thức chung, cơ bản và chủ yếu về tài chính doanh nghiệp; hoạt động của ngân hàng như tiền tệ, tín dụng ngân hàng, thanh toán, ngoại hối, đầu tư.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Trên cơ sở kiến thức nền, có thể phân tích và vận dụng được các quy định của hệ thống pháp luật điều chỉnh về hoạt động tài chính doanh nghiệp và ngân hàng để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn hoạt động Tài chính – Ngân hàng theo các quy định của pháp luật.			
18	Quản trị ngân hàng thương mại	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản lý ngân hàng thương mại, bao gồm: (i) tổng quan về quản lý ngân hàng thương mại; (ii) báo cáo tài chính và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại về hiệu quả kinh tế, rủi ro, phát triển bền vững; (iii) quản lý cơ bản các khoản tiền gửi ngân hàng đặc biệt bao gồm quản lý rủi ro lãi suất, thanh khoản và quản lý dự trữ, tiền gửi và quản lý tiền gửi, quản lý cho vay, v.v ... Sử dụng các kỹ thuật và mô hình để đo lường rủi ro, đánh giá lãi suất, tỷ suất lợi nhuận, hiệu quả quản lý rủi ro. Có thể áp dụng các mô hình kinh tế vào ngân hàng (tức là các chỉ số về âm thanh tài chính, Z-score, CAMELS, RAROC, v.v.)	3	Học kỳ 5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
19	Tín dụng ngân hàng	Cung cấp cho người học: (i) Tổng quan về hoạt động tín dụng ngân hàng bao gồm những khái niệm cơ bản về tín dụng, tín dụng ngân hàng và hoạt động tín dụng ngân hàng; các quan hệ tín dụng ngân hàng và vai trò của tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế hội nhập; (ii) Các nguồn huy động vốn của ngân hàng thương mại gồm có vốn huy động tiền gửi của dân chúng và phát hành giấy tờ có giá; các kênh huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng, từ ngân hàng trung ương và các tổ chức tài chính quốc tế; (iii) Các hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại đối với nền kinh tế gồm có tín dụng ngân hàng đối với khu vực doanh nghiệp; tín dụng ngân hàng đối với cá nhân, bảo lãnh tín dụng của ngân hàng thương mại; (iv) Cung cấp các phương pháp, kỹ năng áp dụng cũng như quá trình cải tiến những công cụ phòng ngừa đối với các loại hình rủi ro tín dụng.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>21</b>		
20	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, mô hình tổ chức và quản lý, các chức năng của NHTW, cũng như các công cụ chính của chức năng quan trọng nhất của NHTW là xây dựng và điều hành CSTT. Trên cơ sở hệ thống những lý thuyết cơ bản về mục tiêu và cơ chế hoạt động của chính sách tiền tệ, tăng cường cho người học kỹ năng phân tích và đánh giá	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 6% Bài tập học phần: 12% (3 bài tập; 4%/bài tập) Tham gia làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận: 7%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		được tác động của chính sách tiền tệ đối với nền kinh tế của Việt Nam và so sánh thực trạng Việt Nam với những thông lệ quốc tế.			Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi cuối kỳ: 60%
21	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	Cung cấp (i) các kiến thức căn bản nhằm phục vụ cho việc phân tích các vấn đề căn bản về ngân hàng đầu tư và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, bao gồm hoạt động định giá, mua bán và sáp nhập, mua bán và sáp nhập bằng vốn vay (LBOs), tạo lập giá trị của ngân hàng đầu tư thông qua dịch vụ tư vấn, cung cấp giải pháp theo yêu cầu của khách hàng. (ii) các phương pháp và kỹ thuật sử dụng trong việc định giá đối với trường hợp định giá doanh nghiệp; mua lại, sáp nhập doanh nghiệp; mua lại và sáp nhập bằng vốn vay; (iii) các tình huống thực tế để người học tiếp cận, nâng cao khả năng phân tích và ứng dụng vào thực tiễn.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
22	Kế toán ngân hàng thương mại	Cung cấp lý thuyết cơ bản và các nguyên tắc, các phương pháp kế toán cơ bản đối với các hoạt động điển hình của một ngân hàng thương mại; hướng tới việc giới thiệu được những chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất hiện hành trong kế toán ngân hàng, khả năng vận dụng những chuẩn mực và thông lệ này ở VN, các phương pháp và cách thức hạch toán đang được áp dụng ở VN. Trên cơ sở kiến thức cơ bản, có khả năng lập các BCTC dạng đơn giản cho một ngân hàng; có khả năng đọc và phân tích khái quát BCTC của một ngân hàng.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
23	Marketing ngân hàng	Giúp người học: Có phương thức nghiên cứu thị trường thông qua tìm hiểu môi trường kinh doanh của ngân hàng, đánh giá phân đoạn thị trường hiệu quả nhằm xác định thị trường mục tiêu. Trên cơ sở đó, xây dựng đồng bộ chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến hỗn hợp. Nắm vững lý luận để có thể phân tích thảo luận và bình luận về chiến lược marketing mà các NHTM Việt Nam đang sử dụng.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
24	Tài chính cá nhân căn bản	Cung cấp (i) các kiến thức về lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lý tin dụng tiêu dùng, bảo hiểm nhân thọ, đầu tư tài sản tài chính, thị trường tài chính v.v... (ii) cách thức nghiên cứu môi trường đầu tư, phân biệt hai khía cạnh cơ bản trong đầu tư là lợi nhuận và rủi ro, khả năng kiểm soát và dự liệu tài chính tương lai của từng cá nhân. Hình thành khả năng so sánh và sử dụng các phương tiện thanh toán, sản phẩm ngân hàng một cách thông minh, có trách nhiệm.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Cung cấp (i) các lý thuyết hiện đại về quản lý tài chính doanh nghiệp và các chủ đề mới về tài chính doanh nghiệp. sinh viên sẽ có kiến thức toàn diện và có hệ thống về tài chính doanh nghiệp. (ii) hình thành các kỹ năng phân tích các trường hợp tài chính doanh nghiệp và đánh giá các vị trí tài chính của các công ty có thể áp dụng các kiến thức và công cụ đã học để giải quyết các vấn đề thực tế về quản lý tài chính. (iii) sử dụng các phần mềm, đặc biệt là Excel, trong việc giải quyết các vấn đề về tài chính doanh nghiệp và có thể giải quyết các vấn đề quản lý tài chính khác nhau trong các doanh nghiệp.	3	Học kỳ 6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi hết môn: 60%
26	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Cung cấp (i) kiến thức cơ bản và thực hiện phân tích các vấn đề chính của Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính; (ii) các công cụ phân tích, đánh giá tình hình tài chính để ra quyết định trong đầu tư, tài trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng các phương pháp định lượng trong tài chính; Ứng dụng các phương pháp toán học và các phần mềm máy tính để giải quyết các bài toán quản trị tài chính dựa trên các mô hình Tài chính doanh nghiệp.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài) 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
27	Định giá doanh nghiệp	Có hệ thống hóa các khái niệm, mô hình lý thuyết về định giá doanh nghiệp Hiểu rõ bản chất, quy trình của các phương pháp định giá doanh nghiệp và những điều kiện phù hợp để vận dụng từng phương pháp trên cơ sở nhận thức sâu hơn, đầy đủ hơn về các khái niệm có liên quan như rủi ro, tỷ suất chiết khấu, tỷ lệ tăng trưởng, dòng tiền tự do, giá trị thanh lý... Có phương pháp lập và trình bày báo cáo định giá một cách chuyên nghiệp; và áp dụng được các phương pháp định giá vào bài thực hành định giá một doanh nghiệp thực tế trong điều kiện ở Việt Nam;	3	Học kỳ 6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
28	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
29	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	
30	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	Cung cấp các kiến thức cơ bản trong hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp Hiểu rõ các vấn đề tài chính trong M&A, cách thức thu xếp và cấu trúc tài chính trong một thương vụ. Vận dụng lý thuyết để phân tích các yếu tố lợi nhuận, rủi ro, điểm mạnh và điểm yếu của các thương vụ M&A và giải quyết các vấn đề tài chính hậu M&A.	3	Học kỳ 7	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
31	Thuế	Cung cấp những kiến thức cơ bản về (i) thuế và hệ thống thuế của một quốc gia; vai trò của thuế đối với quá trình điều tiết kinh tế vĩ mô và huy động nguồn lực tài chính cho Nhà nước (mức 1); (ii) các sắc thuế áp dụng cho doanh nghiệp Phân tích đánh giá các yếu tố cấu thành của một sắc thuế và các cách phân loại thuế; các tiêu thức cần thiết để xây dựng hệ thống thuế và chính sách thuế (mức 2) Vận dụng lý thuyết để tính toán xác định nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp trong từng trường hợp cụ thể (mức 3) Nắm được xu hướng sửa đổi, bổ sung các Luật Thuế của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020; trên cơ sở đó có sự so sánh với hệ thống thuế của một số nước trong khu vực (mức 2) Kết hợp lý thuyết với thực hành thông qua quá trình nghiên cứu nội dung, quy trình đăng ký và kê khai một số sắc thuế chủ yếu tại doanh nghiệp. Biết lập Bản kê khai nộp thuế, lập Báo cáo thuế và Quyết toán thuế...	3	Học kỳ 7	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
32	Kiểm toán căn bản	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quát về (i) lý thuyết kiểm toán. (ii) các bước xây dựng và thực hiện công tác kiểm toán và bước đầu biết thiết kế chương trình kiểm toán trong lập kế hoạch kiểm toán. (iii) cách phân loại hoạt động kiểm toán; Phân tích, so sánh nội dung và phạm vi ứng dụng của hai phương pháp kiểm toán chứng từ và kiểm toán ngoài chứng từ. Phương pháp chọn mẫu kiểm toán; kiểm toán khoản mục cơ bản trên bảng cân đối kế toán: Tiền, Doanh thu-Phải thu. Xây dựng và thiết kế một số thủ tục kiểm toán nhằm phát hiện các sai sót khi kiểm toán khoản mục Tiền, Doanh thu-Phải thu.	3	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi):7,5% Bài tập cá nhân:7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ:15% Bài thi cuối kỳ:60%
33	Kế toán tài chính	Cung cấp có hệ thống những kiến thức chuyên ngành về các nguyên tắc và phương pháp kế toán, các nghiệp vụ trong kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp. Vận dụng sáng tạo các phương pháp nghiệp vụ kế toán/chuẩn mực kế toán vào giải quyết tình huống thực tế tại doanh nghiệp, đánh giá ảnh hưởng của việc thay đổi phương pháp kế toán đến kết quả kinh doanh (lợi nhuận) của doanh nghiệp và tư vấn cho nhà quản trị doanh nghiệp	3	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
34	Kế toán quản trị	Có kiến thức chung nhất về kế toán quản trị và sự khác biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính. Biết cách phân loại chi phí sản xuất kinh doanh; Các phương pháp xác định chi phí, phân bổ chi phí và phân tích sự biến động của các loại chi phí sản xuất kinh doanh. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận và ứng dụng mối quan hệ này trong việc ra các quyết định quản lý. Vận dụng kiến thức của kế toán quản trị trong việc ra các loại quyết định ngắn hạn, quyết định đầu t dài hạn - theo từng trường hợp cụ thể. Biết cách lập dự toán sản xuất kinh doanh.	3	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
35	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
	<b>Thực tập và niên luận</b>		5		
36	Thực tập thực tế và niên luận	Nâng cao tính thực tiễn trong kiến thức và kỹ năng của sinh viên được thực hiện thí điểm bằng việc tổ chức cho sinh viên của ngành Tài chính - Ngân hàng tiếp xúc với thực tế tại ngân hàng và các công ty; Học tập trải nghiệm và hình thành kỹ năng nghề với các chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng các doanh nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, các định chế tài chính...	5	Học kỳ 7	Điểm niên luận: 100%
<b>V.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế</b>		<b>6</b>		
34	Khóa luận tốt nghiệp		6	Học kỳ 8	Điểm khóa luận: 100%
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
37	Quản trị rủi ro	Học phần quản trị rủi ro giới thiệu những vấn đề cơ bản về rủi ro nói chung của doanh nghiệp và định chế tài chính, trong đó đi sâu vào các loại rủi ro chính như: rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro biến động giá. Các loại rủi ro sẽ được nhận dạng, đo lường và quản trị bằng phương pháp quản trị rủi ro hiện đại. Học phần đồng thời cũng sẽ giúp sinh viên tìm hiểu tình hình thực tế trong việc phòng ngừa rủi ro chính của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.	3	Học kỳ 7, 8	Bài tập cá nhân :10 % Bài tập nhóm: 10 % Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi hết học phần: 60%
38	Ngân hàng quốc tế	Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và vai trò của ngân hàng quốc tế đối với nền kinh tế thế giới. Xác định rõ sự khác biệt giữa các loại hình ngân hàng quốc tế và hệ thống tài chính với ngân hàng khác nhau của các ngân hàng trong nền kinh tế. Hiểu rõ về các quy định ngân hàng trung ương và ngân hàng quốc tế, trong đó có thiết lập khung tổng thể về các hoạt động ngân hàng quốc tế. Trên cơ sở thực tiễn, xem xét vai trò của các ngân hàng quốc tế trong khủng hoảng và các chính sách có thể rút ra từ đó.	3	Học kỳ 7, 8	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%



## 2. Cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Kiến thức chung</b>		<b>32</b>		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ 1,2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2		3	Học kỳ 1,2	
3	Tư tưởng HCM		2	Học kỳ 1,2	
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	Học kỳ 1,2	
5	Tin học cơ sở 2		3	Học kỳ 1-2	
6	<i>Tiếng Anh cơ sở 1</i>		4	Học kỳ 1-4	
7	<i>Tiếng Anh cơ sở 2</i>		5	Học kỳ 1-4	
8	<i>Tiếng Anh cơ sở 3</i>		5	Học kỳ 1-4	
9	Tiếng Anh cơ sở 4	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu, những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm, các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.	5	Học kỳ 1-4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
10	Giáo dục thể chất	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.			
11	Giáo dục quốc phòng an ninh				
12	Kỹ năng bổ trợ				
<b>II</b>	<b>Kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>10</b>		

	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>III</b>	<b>Kiến thức theo khối ngành</b>		<b>18</b>		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>IV.</b>	<b>Kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>21</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>		
13	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2		
14	Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3		
15	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng* (Tiếng Anh)	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiền tệ, hoạt động hệ thống ngân hàng trong một quốc gia; vai trò của ngân hàng thương mại và ngân hàng Trung ương đối với quá trình điều tiết và kiểm soát lượng tiền trong nền kinh tế mở. Có phương pháp phân tích thị trường để hình thành tư duy về vấn đề sử dụng vốn tiền tệ có hiệu quả trong kinh tế thị trường hiện đại.	4	Học kỳ 4	Chuyên cần, kiểm tra: 20% Thảo luận, tiểu luận: 20% Thi cuối kỳ: 60%
16	Nguyên lý kế toán* (Tiếng Anh)	Hiểu được bản chất và vai trò của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung và sự vận dụng vào công tác kế toán một cách đơn giản. Hiểu được đối tượng và phương pháp của kế toán. Nắm được các yếu tố cấu thành bộ máy kế toán: chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo	3	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
17	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ 4	Kiểm tra cuối kỳ 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>15</b>		
18	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3		
19	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3		
20	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3		
21	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ 4	

V	Khối kiến thức ngành	69			
22	<b>Các thị trường và định chế tài chính (Tiếng Anh)</b>	<p>Nắm rõ các khái niệm về lãi suất và những yếu tố tác động tới các mức lãi suất; yếu tố thuế, vỡ nợ, đường cong lợi suất chuẩn và ứng dụng của nó.</p> <p>Nắm được bản chất, cấu trúc và những yếu tố tác động tới quá trình vận hành của thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu và trái phiếu; thị trường khoản vay thế chấp nhà (mortgages),</p> <p>Hiểu chức năng, vai trò của thị trường các công cụ phái sinh trong các hoạt động đầu cơ và hạn chế tổn thất của các cá nhân và định chế tài chính.</p> <p>Hiểu chức năng, vai trò, và sự tương tác trong hệ thống tài chính của những định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng, như ngân hàng thương mại, các hãng bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ hưu bổng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán.</p>	3	Học kỳ 5	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài tập về nhà (bao gồm bài tập cá nhân và bài tập nhóm): 10%</p> <p>Kiểm tra nhanh: 5%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
23	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3		
24	Quản lý đầu tư		3		
25	<b>Tài chính doanh nghiệp (Tiếng Anh)</b>	<p>Cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản và các vấn đề chính có liên quan đến tài chính doanh nghiệp, các phương pháp phân tích đánh giá giúp người quản lý đưa ra quyết định đúng dựa trên phân tích và đánh giá chi phí, lợi nhuận và rủi ro trong hoạt động kinh doanh.</p> <p>Hiểu rõ các rủi ro trong kinh doanh và áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro.</p> <p>Nhận thức rõ vai trò của quản lý rủi ro và có thể giải quyết các vấn đề trên kiến thức nền tảng.</p>	3	Học kỳ 5	<p>Điểm bài tập cá nhân tuần: 10%</p> <p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ : 20%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
26	<b>Tài chính quốc tế (Tiếng Anh)</b>	<p>Cung cấp các kiến thức (cả về lý thuyết và thực tế) về tài chính quốc tế, bao gồm các khái niệm về cán cân thanh toán, lý thuyết tỷ giá hiện đại, lý thuyết và mô hình kinh tế vĩ mô mở, sự phát triển của hệ thống tiền tệ quốc tế, phong trào vốn quốc tế và thị trường vốn toàn cầu, tài chính và khủng hoảng tiền tệ và các vấn đề chính sách đối với các nước đang phát triển.</p> <p>Ngoài các vấn đề lý thuyết, học phần cũng thảo luận về các vấn đề chính sách có liên quan đến Việt Nam để tạo thuận lợi cho sự hiểu biết về các lý thuyết.</p>	3	Học kỳ 5	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
27	Tài chính công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3		
28	Thẩm định tài chính dự án		3		
29	Pháp luật tài chính ngân hàng		3	Học kỳ 5	

30	<b>Quản trị ngân hàng thương mại (Tiếng Anh)</b>	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản lý ngân hàng thương mại, bao gồm: (i) tổng quan về quản lý ngân hàng thương mại; (ii) báo cáo tài chính và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại về hiệu quả kinh tế, rủi ro, phát triển bền vững; (iii) quản lý cơ bản các khoản tiền gửi ngân hàng đặc biệt bao gồm quản lý rủi ro lãi suất, thanh khoản và quản lý dự trữ, tiền gửi và quản lý tiền gửi, quản lý cho vay, v.v ... - Sử dụng các kỹ thuật và mô hình để đo lường rủi ro, đánh giá lãi suất, tỷ suất lợi nhuận, hiệu quả quản lý rủi ro. - Có thể áp dụng các mô hình kinh tế vào ngân hàng (tức là các chỉ số về âm thanh tài chính, Z-score, CAMELS, RAROC, v.v.)	3	Học kỳ 5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
31	<b>Tín dụng ngân hàng (Tiếng Anh)</b>	Cung cấp cho người học: (i) Tổng quan về hoạt động tín dụng ngân hàng bao gồm những khái niệm cơ bản về tín dụng, tín dụng ngân hàng và hoạt động tín dụng ngân hàng; các quan hệ tín dụng ngân hàng và vai trò của tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế hội nhập; (ii) Các nguồn huy động vốn của ngân hàng thương mại gồm có vốn huy động tiền gửi của dân chúng và phát hành giấy tờ có giá; các kênh huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng, từ ngân hàng trung ương và các tổ chức tài chính quốc tế; (iii) Các hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại đối với nền kinh tế gồm có tín dụng ngân hàng đối với khu vực doanh nghiệp; tín dụng ngân hàng đối với cá nhân, bảo lãnh tín dụng của ngân hàng thương mại; (iv) Cung cấp các phương pháp, kỹ năng áp dụng cũng như quá trình cải tiến những công cụ phòng ngừa đối với các loại hình rủi ro tín dụng.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32	<b>Ngân hàng quốc tế (Tiếng Anh)</b>	(Học phần tự chọn). Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và vai trò của ngân hàng quốc tế đối với nền kinh tế thế giới. Xác định rõ sự khác biệt giữa các loại hình ngân hàng quốc tế và hệ thống tài chính với ngân hàng khác nhau của các ngân hàng trong nền kinh tế. Hiểu rõ về các quy định ngân hàng trung ương và ngân hàng quốc tế, trong đó có thiết lập khung tổng thể về các hoạt động ngân hàng quốc tế. Trên cơ sở thực tiễn, xem xét vai trò của các ngân hàng quốc tế trong khủng hoảng và các chính sách có thể rút ra từ đó.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
33	Quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ ***	Cung cấp những kiến thức cơ bản về (i) vai trò và hoạt động của bộ phận quản lý, kinh doanh vốn và ngoại hối trong ngân hàng thương mại; Vai trò và các nghiệp vụ chính của bộ phận quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ trong ngân hàng thương mại, Quản lý dự trữ và thanh khoản, Quản lý khe hở lãi suất, Quản lý trạng thái ngoại hối, Quản lý giá trị ròng ngân hàng,	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Công cụ phái sinh, Quản lý rủi ro trong Bộ phận quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ.			
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>18</b>		
34	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
35	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
36	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
37	Marketing ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
38	Tài chính cá nhân căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
39	<b>Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu (Tiếng Anh)</b>	Cung cấp (i) các lý thuyết hiện đại về quản lý tài chính doanh nghiệp và các chủ đề mới về tài chính doanh nghiệp. sinh viên sẽ có kiến thức toàn diện và có hệ thống về tài chính doanh nghiệp. (ii) hình thành các kỹ năng phân tích các trường hợp tài chính doanh nghiệp và đánh giá các vị trí tài chính của các công ty có thể áp dụng các kiến thức và công cụ đã học để giải quyết các vấn đề thực tế về quản lý tài chính. (iii) sử dụng các phần mềm, đặc biệt là Excel, trong việc giải quyết các vấn đề về tài chính doanh nghiệp và có thể giải quyết các vấn đề quản lý tài chính khác nhau trong các doanh nghiệp.	3	Học kỳ 6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi hết môn: 60%
40	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
41	Định giá doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
42	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
43	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	
44	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	

45	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
46	Thuế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
47	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
48	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
49	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
50	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
<b>V.3</b>	<b>Thực tập thực tế và niên luận</b>		8		
51	Thực tập thực tế và niên luận	Nâng cao tính thực tiễn trong kiến thức và kỹ năng của sinh viên được thực hiện thí điểm bằng việc tổ chức cho sinh viên của ngành Tài chính – Ngân hàng tiếp xúc với thực tế tại ngân hàng và các công ty; Học tập trải nghiệm và hình thành kỹ năng nghề với các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng các doanh nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, các định chế tài chính...	8	Học kỳ 7	Điểm niên luận: 100%
<b>V.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		7	Học kỳ 7	Điểm khóa luận: 100%

### 3. Cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao theo thông tư 23

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>21</b>		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23			
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>13</b>		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23			
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>18</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23				
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>20</b>		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính Ngân hàng Chất lượng cao				
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>72</b>		
1	Các thị trường và định chế tài chính (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao.	3	Học kỳ 5	
2	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 5	
3	Quản lý đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 5	
4	Tài chính doanh nghiệp (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao.	3	Học kỳ 5	
5	Tài chính quốc tế (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao.	3	Học kỳ 5	
6	Tài chính công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 5	
7	Thẩm định tài chính dự án	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 5	
8	Quản lý ngân hàng điện tử*** (Tiếng Anh)	Học phần bao gồm 4 chương với sự kết hợp giữa các bài giảng và các cuộc thảo luận trường hợp. Chương 1 sẽ giới thiệu cho sinh viên cái nhìn tổng quan về quản lý ngân hàng điện tử và quản lý ngân hàng điện tử, bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, sự tiến hóa và xu hướng thực sự trong ngân hàng điện tử, các hình thức ngân hàng điện tử; quan điểm quản lý của ngân hàng điện tử cũng như các mối lo ngại về rủi ro liên quan đến các mạng ngân hàng điện tử. Chương 2 đưa ra các loại sản phẩm ngân hàng điện tử khác nhau sử dụng internet và mạng lưới các nhà cung cấp điện thoại dựa trên khuôn khổ để phân tích các mô hình kinh doanh cho ngân hàng điện tử.	2	Học kỳ 5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Chương 3 tập trung vào các vấn đề liên quan đến an ninh trong ngân hàng điện tử dựa trên các nghiên cứu cụ thể về hệ thống máy tính, virus và tội phạm trong ngân hàng điện tử. Chương cuối cùng đề cập đến quản lý rủi ro chiến lược trong ngân hàng điện tử, trong đó học sinh sẽ xác định các vấn đề liên quan đến công nghệ, rào cản pháp lý, môi trường cạnh tranh của kinh doanh ngân hàng; tìm ra các mạng lưới lập kế hoạch và kết nối chiến lược trong tổ chức ngân hàng liên quan đến ngân hàng điện tử cũng như các nền tảng và giải pháp cho rủi ro ngân hàng điện tử.			
9	Quản trị ngân hàng thương mại (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 5	
10	Tín dụng ngân hàng (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 5	
11	Ngân hàng quốc tế (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 5	
12	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
	<b>Các học phần tự chọn</b>		18		
13	Tài chính vi mô***	Tài chính vi mô là các dịch vụ tài chính cung cấp cho người nghèo và người có thu nhập thấp và là một công cụ quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người nghèo ở các nước đang phát triển. Học phần bắt đầu từ việc giới thiệu tổng quan thị trường tài chính vi mô, những hạn chế khiến cho khách hàng tài chính vi mô khó tiếp cận với dịch vụ tài chính thông thường và đặc điểm của sản phẩm tài chính vi mô giúp vượt qua những hạn chế này. Học phần cũng giới thiệu về các định chế tài chính chủ yếu cung cấp dịch vụ tài chính vi mô trên thị trường về sở hữu, cơ cấu vốn, quản trị, quản lý hoạt động và rủi ro, kết quả hoạt động và tác động kinh tế, xã hội của dịch vụ tài chính vi mô. Cuối cùng, người học sẽ tìm hiểu về hệ thống tài chính vi mô Việt Nam và so sánh những điểm tương đồng và khác biệt của hệ thống này với các thông lệ quốc tế.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Pháp luật tài chính ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
					Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 6	
16	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 6	
17	Quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ ***	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao.	3	Học kỳ 6	
18	Marketing ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 6	
19	Tài chính cá nhân căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 6	
20	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao.	3	Học kỳ 6	
21	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 6	
22	Định giá doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 6	
23	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học kỳ 6	
24	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	
25	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	Học kỳ 7	
26	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học kỳ 7	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
27	Thuế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học kỳ 7	
28	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học kỳ 7	
29	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học kỳ 7	
30	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học kỳ 7	
31	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học kỳ 7	
32	Quản trị dòng tiền <sup>***</sup>	Học phần Quản trị dòng tiền sẽ trang bị các kiến thức cần thiết cho các nhà quản trị tương lai, để có thể tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định cho các hoạt động về dòng tiền hàng ngày, cũng như đưa ra các dự đoán quan trọng liên quan đến tương lai của doanh nghiệp.. Quản trị dòng tiền chủ yếu bàn về các khái niệm, phân loại, phương pháp xác định, cách phân bổ, phân tích và đánh giá... về cách thức lưu chuyển của dòng tiền. Dựa trên nền tảng kiến thức cơ bản này, người học sẽ được trang bị các kiến thức, phương pháp và kỹ năng cần thiết để quản trị. Trên cơ sở đó giúp người học nắm được cách thức áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công tác quản trị cũng như tiếp tục nghiên cứu các học phần chuyên ngành ở bậc cao hơn	3	Học kỳ 7	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.3</b>	<b>Thực tập thực tế và niên luận</b>		12		
33	Kiến tập		2	Học kỳ 7	Điểm báo cáo: 100%
34	Thực tập thực tế 1		3	Học kỳ 7	Điểm báo cáo: 100%
35	Thực tập thực tế 2		3	Học kỳ 7	Điểm báo cáo: 100%
36	Niên luận		4	Học kỳ 7	Điểm niên luận: 100%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
V.4	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		7	Học kỳ 8	Điểm khóa luận: 100%

#### 4. Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng (định hướng ứng dụng)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Kiến thức chung</b>		<b>8</b>		
	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị				
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>47</b>		
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>26</b>		
1	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn	Cung cấp (i) các lý thuyết liên quan đến lĩnh vực tiền tệ-ngân hàng và thị trường tài chính; (ii) phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá chuyên sâu các hoạt động của thị trường tài chính nói chung, hệ thống ngân hàng nói riêng trong bối cảnh kinh tế hiện đại. Sử dụng các lý thuyết cơ bản được trang bị để phân tích, đánh giá tác động tác động chính sách tiền tệ, chính sách tài chính đến hoạt động của hệ thống ngân hàng và đến nền kinh tế Trên cơ sở vận dụng kiến thức, hình thành (i) năng lực nghiên cứu độc lập, khả năng phân tích thực tiễn và vận dụng lý thuyết vào giải quyết những vấn đề nóng bỏng trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng của thế giới và Việt Nam trong bối cảnh hội nhập ngày nay. (ii) năng lực dự báo những vấn đề của Việt Nam và thế giới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Tiểu luận, 1 bài kiểm tra giữa kỳ, 1 bài kiểm tra hết môn: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	Cung cấp hệ thống kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ quản trị của NHTM. Vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn nảy sinh trong lĩnh vực quản trị NHTM hiện đại. Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá chuyên sâu về quản trị NHTM, phân tích, ra các quyết định về quản trị trong ngân hàng thương mại hiện đại	3	Học kỳ 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Điểm Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ: 60%
3	Ngân hàng quốc tế nâng cao	Cung cấp (i) các kiến thức về nghiệp vụ ngân hàng quốc tế cơ bản như tín dụng quốc tế, tài trợ thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, quản trị và kinh doanh quốc tế... (ii) các công cụ để bình luận và phân tích được những cơ chế, chính sách và quy định quản trị hoạt động ngân hàng quốc tế, phân tích, bình luận nguyên	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>nhân và tác động của các vấn đề có ảnh hưởng đến xu hướng phát triển ngân hàng...</p> <p>Vận dụng thành thạo những nghiệp vụ ngân hàng quốc tế cơ bản như tín dụng quốc tế và tài trợ thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, quản trị và kinh doanh vốn quốc tế v.v.;</p> <p>Phân biệt các hình thức rủi ro thường phát sinh trong hoạt động ngân hàng quốc tế và vận dụng thành thạo các biện pháp khắc phục rủi ro;</p> <p>Bình luận và phân tích được (i) những cơ chế, chính sách và quy định quản trị hoạt động ngân hàng quốc tế; (ii) nguyên nhân và tác động của các vấn đề có ảnh hưởng đến xu hướng phát triển ngân hàng quốc tế v.v.</p>			
3	Tài chính cá nhân	<p>Học phần trang bị cho học viên kiến thức về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lý tín dụng tiêu dùng, bảo hiểm nhân thọ. Trang bị kiến thức cơ bản cho người học về đầu tư tài sản tài chính, thị trường tài chính, cách nghiên cứu môi trường đầu tư, phân biệt hai khía cạnh cơ bản trong đầu tư: lợi nhuận và rủi ro. Khả năng kiểm soát và dự liệu tương lai tài chính của từng cá nhân. Chương trình còn giúp người học khả năng so sánh và sử dụng các phương tiện thanh toán, sản phẩm ngân hàng một cách thông minh, có trách nhiệm.</p>	2	Học kỳ 1	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
4	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	<p>Hiểu rõ về các yếu tố cấu thành nên tăng của các quyết định đầu tư, đặc biệt là quyết định chiến lược danh mục đầu tư; các chiến lược đặc thù trong quản trị danh mục đầu tư; phân biệt được các chiến lược chủ động, thụ động; các quy trình quản trị danh mục đầu tư và các phương pháp đánh giá hoạt động của danh mục.</p> <p>Có kiến thức nâng cao về lý thuyết đầu tư hiện đại, bao gồm các quyết định phân bổ tài sản, mô hình định giá tài sản vốn; các mô hình định giá chứng khoán; Hiểu</p> <p>Thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của từng công cụ riêng lẻ và của danh mục đầu tư. Có khả năng phân tích môi trường kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích từng công ty để làm cơ sở cho việc xây dựng và quản trị danh mục đầu tư; Có khả năng lựa chọn, thiết kế những danh mục đầu tư phù hợp với từng chiến lược, mục tiêu cụ thể.</p> <p>Vận dụng được quy trình đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư, từ đó có thể điều chỉnh danh mục để đạt được những mục tiêu đầu tư.</p>	3	Học kỳ 1	<p>Bài tập cá nhân: 10%.</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% x 2 = 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
5	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Có kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết hiện đại của tài chính công ty ( tài chính doanh nghiệp), Vận dụng các công cụ phân tích, các phương pháp quản lý tài chính tại các doanh nghiệp vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Phân tích các tình huống và ra quyết định. Sử dụng phần mềm máy tính (Excel) để giải quyết một số bài toán quản lý tài chính.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân tuần :15% Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ: 20% Thi hết học phần: 60%
6	Tài chính công nghiệp nâng cao	Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản thuộc lĩnh vực tài chính công Hình thành kỹ năng cơ bản hoạch định, quản lý nguồn thu, chi của quỹ tài chính công và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gắn với các quy định hiện hành của Việt nam.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân:20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
7	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ 2	
8	Thực tập thực tế	Học viên thực tập một nội dung chuyên môn tại một cơ sở thực tập thực tế là tổ chức tài chính hoặc doanh nghiệp. Học viên cần phát hiện một/một số vấn đề thực tế, cách giải quyết vấn đề tại nơi thực tập và trình bày quan điểm của học viên.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>21</b>		
9	Quản trị tài chính ngắn hạn	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính ngắn hạn: Các phương pháp rút ngắn chu kỳ chuyển đổi tiền mặt nhằm gia tăng giá trị của công ty; các nguyên lý, mô hình, phương pháp quản trị tồn quỹ, tồn kho, khoản phải thu; khoản phải trả; các phương pháp để hình thành hoặc thay đổi chính sách tín dụng; phương pháp lựa chọn, quyết định đầu tư ngắn hạn; phương pháp lựa chọn và quyết định tài trợ ngắn hạn.	3	Học kỳ 2	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi hết học phần: 60%
10	Phân tích đầu tư bất động sản	Cung cấp kiến thức chung về bất động sản và thị trường bất động sản, những yếu tố tác động đến thị trường bất động sản và giá của bất động sản; những phương pháp cơ bản để xác định giá của bất động sản. Trên cơ sở kiến thức về kinh tế và bất động sản có thể phân tích các tình huống để đưa ra các quyết định liên quan đến bất động sản. Áp dụng những phương pháp cơ bản để xác định giá của bất động sản.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 25% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 15% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
11	Phân tích tài chính nâng cao	Cung cấp (i) những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở phân tích 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>ngành: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư, từ đó thấy được mối liên hệ giữa các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, và đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp. (ii) hệ thống các chỉ tiêu tài chính được sử dụng để phân tích bao gồm: chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, hiệu quả hoạt động, khả năng cân đối vốn và khả năng sinh lời.</p> <p>Xây dựng đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính, từ đó, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dự báo BCTC.</p>			Bài tập cá nhân, kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12	Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính	<p>Giúp người học:</p> <p>(i) nhận diện được các rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung: rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá.</p> <p>(ii) có phương thức đo lường hay lượng hóa rủi ro</p> <p>Vận dụng các phương pháp quản trị rủi ro vào tình huống quản trị cụ thể</p>	3	Học kỳ 2	Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi hết môn: 60%
13	Tài chính phát triển	<p>Học phần được chia làm bốn phần. <b>Phần đầu</b>, học phần sẽ đề cập tới các thành tố cấu thành của hệ thống tài chính, chức năng của hệ thống tài chính. <b>Phần hai</b> trình bày về các hoạt động ở bản của các định chế tài chính và thị trường tài chính trong hệ thống tài chính, phần này cũng đề cập tới các công cụ tài chính và nghiên cứu vấn đề cơ bản về lãi suất và tác động của nó tới hoạt động của hệ thống tài chính nói riêng và đến tăng trưởng kinh tế nói chung. <b>Phần ba</b> tập trung phân tích vai trò dòng vốn nước ngoài, bao gồm cả vốn viện trợ và vốn đầu tư trực tiếp, đến sự phát triển của hệ thống tài chính và tăng trưởng kinh tế. <b>Phần bốn</b> phân tích vai trò điều tiết của Chính phủ đối với hệ thống tài chính thông qua nghiên cứu cơ sở hạ tầng tài chính- một thành tố quan trọng trong hệ thống tài chính và hoạt động của Ngân hàng Trung ương.</p>	3	Học kỳ 2	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Điểm bài tập cá nhân tuần :15%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ: 20%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
14	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	<p>Có kiến thức chuyên sâu về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái; các hệ thống tỷ giá hối đoái, các mô hình dự báo tỷ giá hối đoái, các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái, phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế.</p> <p>Giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia, phân tích quản trị dòng tiền, các kỹ thuật để tối ưu hóa dòng</p>	2	Học kỳ 2	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài tập nhỏ, Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ: 35%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>tiền. Xác định những cơ hội và rủi ro mà các công ty hoạt động trên thị trường quốc tế có thể gặp phải, dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá</p> <p>Vận dụng các phương tiện, phương thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong thương mại quốc tế.</p> <p>Hình thành kỹ năng quản trị để tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế.</p>			
15	Thuế quốc tế	Thuế quốc tế là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành, được thiết kế gồm 7 chương, nghiên cứu những vấn đề về chính sách thuế trong thương mại và đầu tư quốc tế: các nguyên tắc thuế quốc tế, đánh thuế trùng và các biện pháp xử lý hiện tượng đánh thuế trùng, chuyển giá trong thuế quốc tế, hiệp định tránh đánh thuế trùng, thuế quốc tế với vấn đề bán phá giá.	3	Học kỳ 2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
16	Giám sát hệ thống tài chính	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về giám sát hệ thống tài chính. Đây là những kiến thức mới, luôn thay đổi theo các thông lệ quốc tế nhằm đạt sự an toàn tài chính trong môi trường kinh tế hội nhập và đầy bất ổn. Học viên được trang bị những kiến thức mới nhất về các quy định của Ủy ban Base 2, Basel 3, các lý luận về giám sát tài chính vĩ mô, giám sát tài chính vi mô, các kinh nghiệm quốc tế về thực thi giám sát hệ thống tài chính có hiệu quả.	2	Học kỳ 2	<p>Bài tập cá nhân: 20%</p> <p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
17	Các công cụ có thu nhập cố định	<p>Có kiến thức về các công cụ có thu nhập cố định, đặc biệt là một số công cụ mới như khoản vay cầm cố, trái phiếu kèm quyền chọn và trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>Hiểu rõ các quy trình lý thuyết định giá các chứng khoán có thu nhập cố định, tính toán các chỉ tiêu lợi suất, rủi ro, độ nhạy cảm của giá đối với thay đổi lãi suất của các công cụ có thu nhập cố định; bản chất và các yếu tố tác động tới giá cả, lợi suất của những công cụ này; các chiến lược thông dụng trong xây dựng và quản trị danh mục đầu tư với các công cụ có thu nhập cố định.</p> <p>Sử dụng thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của một số công cụ có thu nhập cố định quan trọng; Có khả năng lựa chọn, thiết kế những công cụ phù hợp với mục tiêu và chiến lược; Có khả năng đưa ra các ý tưởng thiết kế cũng như thực thi quản trị danh mục đầu tư có thu nhập cố định.</p>	3	Học kỳ 2	<p>Bài tập cá nhân: 20%.</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi kết thúc học phần: 60%</p>
18	Các công cụ phái sinh	Cung cấp cho học viên những hiểu biết về các công cụ tài chính phái sinh và các ứng dụng vào công tác quản trị chiến lược và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp.	2	Học kỳ 2	<p>Bài tập, điểm danh: 20%.</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Xây dựng mô hình, định giá các công cụ phái sinh, đánh giá nguy cơ rủi ro thông qua tình huống và đưa ra các cách giải quyết tình huống khác nhau, áp dụng cho các thị trường phái sinh khác nhau Vận dụng cho thực tiễn Việt Nam và thiết lập các yếu tố phát triển thị trường phái sinh trong tương lai.			Bài thi kết thúc học phần: 60%
19	Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao	Cung cấp kiến thức cơ bản trong hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp Hiểu rõ các vấn đề tài chính trong M&A, cách thức thu xếp và cấu trúc tài chính trong một thương vụ. Vận dụng lý thuyết để giải thích, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề tình huống trong M&A.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 20% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết học phần: 60%
20	Kế toán quản trị nâng cao	Kế toán quản trị là học phần trang bị các kiến thức cần thiết cho các nhà quản trị tương lai, để có thể tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định cho các hoạt động hàng ngày, cũng như đưa ra các dự đoán quan trọng liên quan đến tương lai của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
21	Kế toán tài chính nâng cao	Học phần cung cấp hệ thống những kiến thức khái quát nhất về kế toán tài chính áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp và các ngành đặc thù, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán, phát hiện các bất cập và xu hướng hoàn thiện, Phương pháp lập các Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính... Xác định rõ các chuẩn mực kế toán Quốc tế và chuẩn mực kế toán Việt Nam về kế toán tài sản cố định, kế toán các nghiệp vụ đầu tư tài chính, kế toán thuế TNDN, các nghiệp vụ liên quan đến tỷ giá hối đoái và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán nói trên, hiểu rõ về BCTC Phân tích và đánh giá ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định, đầu tư tài chính và tỷ giá hối đoái đến các chỉ tiêu trên BCTC của doanh nghiệp, tổng hợp xác định kết quả sản xuất kinh doanh và xác định số thuế doanh nghiệp phải nộp trong kỳ theo quy định hiện hành, đồng thời vận dụng các nguyên tắc và cơ sở lập BCTC để lập các BCTC tổng hợp của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
22	Ngân hàng điện tử E - banking	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về ngân hàng điện tử và các nghiệp vụ giao dịch có liên quan. Học phần này đề cập	2	Học kỳ 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Lý thuyết cơ bản liên quan đến các nghiệp vụ ngân hàng thông qua kênh giao dịch điện tử, hệ thống corebanking cũng như hiểu biết chung về xu hướng phát triển công nghệ ngân hàng, quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng gắn với xu hướng phát triển này.			Kiểm tra giữa kỳ (2 bài): 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
23	Dịch vụ ngân hàng ưu tiên	Người học (i) hiểu rõ về các loại hình dịch vụ tài chính cá nhân cao cấp tại các ngân hàng trên thế giới, được trang bị thêm các kiến thức nâng cao và mới chưa được học trong chương trình cử nhân tài chính ngân hàng, (ii) các công cụ phân tích, các phương pháp và biết vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản trị các dịch vụ tài chính cá nhân cao cấp trong ngân hàng. Phân tích các tình huống và ra quyết định trong quản trị ngân hàng, tập trung vào các vấn đề liên quan tới dịch vụ ngân hàng cao cấp hay việc quản lý tài chính cá nhân.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
24	Quản trị Marketing nâng cao	Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về (1) hoạch định marketing trong doanh nghiệp; (2) quản lý thương hiệu; (3) quản lý mối quan hệ với khách hàng; (4) quản trị marketing quốc tế; (5) quản trị phát triển sản phẩm mới; (6) những xu hướng mới trong quản trị marketing. Hình thành tư duy toàn cục, phát triển tầm nhìn và xử lý các tình huống có thật cũng như giả định về quản trị marketing của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25	Quản trị chiến lược nâng cao	Cung cấp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp; Phân tích chiến lược, chọn lựa chiến lược, thực thi chiến lược của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định và toàn cầu.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 20% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết học phần: 60%
26	Kinh tế học quản lý	Cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô và ứng dụng của nó trong việc đưa ra quyết định của doanh nghiệp, từ đó áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh Sử dụng các kiến thức kinh tế vi mô để cải thiện việc ra quyết định trong doanh nghiệp. Có thể phân tích, lý giải một cách có khoa học các vấn đề nảy sinh, lựa chọn và ứng dụng những nguyên lý kinh tế phù hợp vào từng tình huống cụ thể.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>III.</b>	<b>Luận văn</b>		<b>9</b>		

## 5. Tiến sỹ Tài chính ngân hàng

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>1.1. Dành cho NCS chưa có bằng Thạc sỹ</b>					
1	Triết học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị.	4	Học kỳ 1,2	
2	Tiếng Anh cơ bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị	4	Học kỳ 1	
3	Tiếng Anh học thuật	Theo quy định chung của ĐHQGHN	3	Học kỳ 2	Theo quy định chung của ĐHQGHN
4	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
6	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 1,2	
7	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự.	3	Học kỳ 1,2	Tham gia học tập trên lớp: 5%. Thảo luận và bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
8	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	
9	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	
10	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 3,4	
11	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	
12	Các công cụ có thu nhập cố định	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	
13	Các phương pháp định lượng dùng trong quản trị tài chính	Học phần trang bị các kiến thức về sử dụng Excel và các công cụ định lượng áp dụng trong việc giải quyết các bài toán của tài chính doanh nghiệp. Đồng thời cũng cung cấp các kỹ năng tính toán giúp cho các chuyên gia và các nhà quản lý ra quyết định trong quản trị tài chính. Nội dung chính của học phần bao gồm các chủ đề trình bày về các công cụ của Excel và các hàm tài chính ứng dụng để giải quyết các vấn đề như: 1. Xác định giá trị hiện tại và tương lai của tiền tệ 2. Định giá chứng khoán; 3. Xác định chi phí vốn; 4. Phân tích tài chính dự án; 5. Ước tính hệ số beta; 6. Danh mục đầu tư; 7. Định giá quyền chọn. Học phần nhấn mạnh đến việc sử dụng Excel như là một công cụ tính toán mạnh và hữu hiệu hỗ trợ cho việc giải quyết các bài toán thực tế và phức tạp của tài chính doanh nghiệp.	3	Học kỳ 3,4	Chuyên cần và bài tập: 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
14	Kế toán tài chính nâng cao	Học phần Kế toán tài chính nâng cao nhằm trang bị có hệ thống cho học viên cao học những kiến thức khái quát nhất về kế toán tài chính áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp và các ngành đặc thù. Đặc biệt, học phần Kế toán tài chính nâng cao sẽ đặt trọng tâm nghiên cứu cơ sở khoa học của các chế độ kế toán hiện hành cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán, phát hiện các bất cập và xu hướng hoàn thiện. Phương pháp lập các Báo cáo tài	3	Học kỳ 3,4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm Kiểm tra giữa kỳ (2 bài): 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		chính và phân tích báo cáo tài chính sẽ được quan tâm, nhằm giúp người học phát huy được hiệu quả của học phần trong thực tiễn quản lý kinh tế tài chính.			
15	Kế toán quản trị nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	
16	Quản trị rủi ro trong các định chế tài chính	Học phần cung cấp kiến thức liên quan tới quản trị các loại rủi ro điển hình của các định chế tài chính, các phương pháp nhận diện và đo lường các loại rủi ro, bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro các hoạt động ngoại bảng, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản; phương pháp quản trị rủi ro liên quan tới những hoạt động thường xuyên của định chế tài chính. Áp dụng phương pháp, công cụ phù hợp để quản trị rủi ro trong từng tình huống cụ thể trên cơ sở đo lường các loại rủi ro của các định chế tài chính.	3	Học kỳ 3,4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Điểm Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ: 60%
17	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	2	Học kỳ 3,4	
18	Phân tích tài chính	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở phân tích 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư, từ đó thấy được mối liên hệ giữa các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, Có thể đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở các nghiên cứu tình huống, ứng dụng các phần mềm hiện đại trong phân tích tài chính doanh nghiệp cụ thể.	3	Học kỳ 3,4	Chuyên cần: 10% Tiểu luận, 1 bài kiểm tra giữa kỳ, 1 bài kiểm tra hết môn: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19	Phân tích đầu tư bất động sản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	2	Học kỳ 5,6	
20	Ngân hàng quốc tế nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 5,6	
21	Các công cụ phái sinh	Học phần cung cấp cho học viên những hiểu biết về các công cụ tài chính phái sinh và các ứng dụng vào công tác quản trị chiến lược và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp. Học phần giúp học viên phân biệt giữa việc sử dụng công cụ phái sinh để quản trị rủi ro với mục tiêu để đầu cơ. Học phần cũng giới thiệu các công cụ toán học cần thiết để phân tích, thiết kế, định giá và giao dịch các chứng khoán phái sinh trên thị trường. Các chủ đề chính được nghiên cứu bao gồm hợp đồng tương lai, quyền chọn và hợp đồng hoán đổi, vấn đề	2	Học kỳ 5,6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		rào chắn rủi ro, hoạt động ác bút và các mô hình định giá chứng khoán phái sinh. Thông qua các bài tập tình huống và thảo luận, học viên học cách xây dựng mô hình, định giá các công cụ phái sinh và đánh giá nguy cơ rủi ro.			
22	Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao	Học phần trang bị kiến thức cho NCS trong các lĩnh vực tư vấn dịch vụ M&A, công ty quản lý quỹ, ở các doanh nghiệp thường xuyên có các hoạt động đầu tư chiến lược hoặc thoái đầu tư xoay quanh 5 nội dung chính bao gồm: giới thiệu tổng quan về hoạt động và môi trường M&A, quy trình thực hiện M&A, thiết kế cấu trúc giao dịch và định giá, cấu trúc tài trợ M&A, và một số chiến lược hậu M&A. Kết thúc học phần, NCS có khả năng nắm vững kiến thức và vận dụng các kiến thức được trang bị vào việc thực hiện các thương vụ mua bán và hợp nhất doanh nghiệp.	2	Học kỳ 5,6	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
23	Kinh tế học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 5,6	
24	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	2	Học kỳ 5,6	
25	Thống kê kinh tế nâng cao	Học phần cung cấp cho NCS các chủ đề liên quan đến thống kê mô tả, phân tích các giả thuyết thống kê, kiểm định trung bình, tương quan, hồi quy và các kỹ thuật thống kê khác. NCS sẽ sử dụng phần mềm thống kê SPSS khi phân tích các số liệu thống kê. Việc đánh giá khoá học sẽ dựa trên các bài tập được thiết kế để minh họa cho các kỹ thuật thống kê và các bài tập phân tích dữ liệu. Học phần còn trau dồi cho NCS những kỹ năng thống kê cơ bản để sử dụng phân tích dữ liệu cho luận án tiến sĩ.	2	Học kỳ 5,6	Bài tập cá nhân: 20%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%
26	Lý thuyết Tiền tệ Ngân hàng chuyên sâu	Học phần cung cấp cho NCS những kiến thức chuyên sâu về tiền tệ, thị trường tài chính, các định chế tài chính, hoạt động hệ thống ngân hàng và các trung gian tài chính trong một quốc gia, vai trò của Ngân hàng trung ương đối với quá trình điều tiết và kiểm soát lượng tiền trong nền kinh tế mở. Kết thúc học phần, NCS có thể lựa chọn các chủ đề nghiên cứu hẹp trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng nói trên để phân tích, đánh giá, và bình luận.	2	Học kỳ 5,6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
27	Lý thuyết Tài chính chuyên sâu	Học phần trang bị cho NCS những kiến thức tổng hợp về lĩnh vực đầu tư - tài chính. NCS sẽ được nghe từ 3-5 chủ đề về: mô hình kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính, xu hướng phát triển hệ thống tài chính; các công cụ tài chính mới; các vấn đề của thị trường chứng khoán Việt Nam; M&A ở Việt Nam. Trên cơ sở đó sẽ viết một báo cáo thu hoạch theo một chủ đề được lựa chọn. Trên cơ sở những kiến thức được cung cấp, NCS sẽ tham gia thảo luận theo các chủ đề, từ đó gợi mở, hoàn thiện và phát triển các hướng nghiên cứu của cá nhân.	2	Học kỳ 7	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
28	Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính	Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về quản trị công ty trong ngân hàng theo tiêu chuẩn của OECD và các nguyên tắc quản trị rủi ro của Basel, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong quản trị công ty của ngân hàng; qua đó NCS hiểu sâu hơn về các lý thuyết hiện đại của tài chính công, nắm vững các công cụ phân tích, các phương pháp và biết vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản lý tài chính tại các doanh nghiệp. NCS có được các khả năng về phân tích các tình huống và ra quyết định trong quản trị công ty trong NH.	2	Học kỳ 7	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
29	Quản trị Marketing trong các tổ chức tài chính	Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về Quản trị chiến lược Marketing trong ngân hàng, giới thiệu phương pháp đánh giá quản trị marketing của ngân hàng, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong quản trị thương hiệu, sản phẩm của ngân hàng; qua đó giúp NCS hiểu sâu hơn về các lý thuyết hiện đại của quản trị chiến lược marketing các tổ chức tài chính, các khả năng về phân tích các tình huống và ra quyết định trong quản trị chiến lược marketing và thương hiệu trong ngân hàng.	2	Học kỳ 7	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
30	Kỹ thuật tài chính	Kỹ thuật tài chính là học phần liên quan việc ứng dụng các công cụ toán học để giải quyết các vấn đề của quản lý rủi ro tài chính bằng các phương pháp khác nhau. Các chủ đề được giới thiệu trong học phần bao gồm: các vấn đề căn bản của kỹ thuật tài chính, hợp đồng kỳ hạn và tương lai, công cụ phái sinh lãi suất, kỹ thuật hoán đổi, chiến lược thị trường Repo, hợp đồng quyền chọn, các công cụ định giá, kỹ thuật tài chính với các công cụ có thu nhập cố định, công cụ phái sinh tín dụng	3	Học kỳ 7	Chuyên cần: 10% Điểm Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
31	Tiếng Anh học thuật nâng cao	Theo quy định chung của ĐHQG Hà Nội	3	Học kỳ 7,8	Theo quy định chung của ĐHQG Hà Nội
<p><b>1.2. Dành cho NCS có bằng Thạc sỹ chuyên ngành gần</b> NCS sẽ tham gia học các học phần thuộc mục 5.1 có số thứ tự: 8, 10, 17, 19, 21, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30.</p>					
<p><b>1.3. Dành cho NCS có bằng Thạc sỹ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp</b> NCS sẽ tham gia học các học phần thuộc mục 5.1 có số thứ tự: 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30.</p>					

#### C4. KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

##### 1. Cử nhân Kế toán

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>	<b>27</b>			
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>10</b>			
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>16</b>		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>21</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>		
24	Luật kinh tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK3	
25	Nguyên lý quản trị kinh doanh		3	HK3	
26	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng		3	HK3	

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng	3	HK3	
28	Nguyên lý kế toán	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK3	
29	Nguyên lý Marketing		3	HK 3	
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>3/6</b>		
30	Định giá doanh nghiệp	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 5	
31	Quản lý đầu tư		3	HK 5	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>61</b>		
<b>V.I</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>33</b>		
32	Kế toán tài chính	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 7	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân/ tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng: 10% Bài tập lớn/học kỳ: 15% Thi cuối kỳ: 60%
33	Kế toán tài chính chuyên sâu 1	Mục tiêu cụ thể: trang bị có hệ thống cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về các nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ: TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư, Nợ phải trả, kế toán xác định và phân phối kết quả, Lập và đọc BCTC. Trong mỗi nội dung kế toán, các nghiệp vụ cụ thể, người học sẽ được trang bị lý thuyết và, các chuẩn mực kế toán, quy định của chế độ kế toán, phương pháp hạch toán trên các tài khoản và làm các bài tập vận dụng cũng như giải quyết các tình huống. Trên cơ sở đó sinh viên hiểu và nắm được quy trình xử lý các nghiệp vụ kế toán phát sinh làm tiền đề cho việc học Thực hành kế toán tài chính, các học phần kiểm toán hoặc các môn chuyên ngành thuộc các chuyên ngành kinh tế.	3	HK 7	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%



Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Kế toán tài chính chuyên sâu 2	Mục tiêu cụ thể: trang bị có hệ thống cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về các nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ: TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư, Nợ phải trả, kế toán xác định và phân phối kết quả, Lập và đọc BCTC. Trong mỗi nội dung kế toán, các nghiệp vụ cụ thể, người học sẽ được trang bị lý thuyết và, các chuẩn mực kế toán, quy định của chế độ kế toán, phương pháp hạch toán trên các tài khoản và làm các bài tập vận dụng cũng như giải quyết các tình huống. Trên cơ sở đó sinh viên hiểu và nắm được quy trình xử lý các nghiệp vụ kế toán phát sinh làm tiền đề cho việc học Thực hành kế toán tài chính, các học phần kiểm toán hoặc các môn chuyên ngành thuộc các chuyên ngành kinh tế.	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%
35	Kế toán quản trị	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	HK 7	
36	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 6	
37	Thuế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 4	
38	Hạch toán môi trường	Học phần cung cấp những kiến thức về các hoạt động liên quan đến môi trường của doanh nghiệp, phân loại các chi phí và doanh thu liên quan đến môi trường hoạt động. Học phần nghiên cứu các nguyên tắc và phương pháp kế toán nhằm ghi chép và cung cấp thông tin trợ giúp các nhà quản lý sử dụng các thông tin kế toán để triển khai và đánh giá các hoạt động môi trường của doanh nghiệp.	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần: 10% Trình bày nhóm: 10% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc môn: 60%
39	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 4	
40	Phân tích tài chính	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 3	
41	Kiểm toán căn bản	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 6	
42	Phân tích hoạt động kinh doanh	Xây dựng ý thức tự giác, kích thích trí tò mò, say mê học hỏi, nghiên cứu; hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, tích cực đối thoại với giáo viên, phản	3	HK 7	Đánh giá chuyên cần :5%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>biện lại các vấn đề gây tranh cãi, chủ động tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu để hoàn thành bài tập và xử lý tình huống trên lớp, chủ động và tự tin khi chuẩn bị và thuyết trình nhóm.</p> <p>Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (dưới hình thức chuẩn bị bài viết và thuyết trình). Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên môn đối với nghề nghiệp kế toán kiểm toán và đáp ứng các yêu cầu công việc kế toán, kiểm toán và phân tích.</p>			<p>Đánh giá khả năng làm việc cá nhân : 5%</p> <p>Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 10%.</p> <p>Đánh giá giữa kỳ : 20%</p> <p>Đánh giá cuối kỳ : 60%</p>
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>15/36</b>		
43	Những vấn đề hiện tại của kế toán	Các vấn đề hiện tại của kế toán được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết sâu sắc hơn về chức năng của kế toán trong môi trường kinh doanh phức tạp ngày nay. Học phần mở rộng thêm kiến thức hiện tại về mô hình kế toán và giới thiệu cho sinh viên vai trò của lý thuyết trong việc xác định tác động của kế toán trong môi trường kinh tế. Quá trình học tập phản ánh những thông lệ kế toán hiện hành và các vấn đề chưa được giải quyết từ đó xác định vai trò của quan điểm lý thuyết trong việc gia tăng sự hiểu biết và hướng dẫn sự thay đổi trong lĩnh vực kế toán.	3	HK 5	<p>Tham gia học tập trên lớp: 5%</p> <p>Bài tập cá nhân: 15%</p> <p>Bài tập cuối chương: 10%</p> <p>Thuyết trình nhóm: 10%</p> <p>Bài tập lớn: 60%</p>
44	Đàm phán trong kinh doanh	Học phần Đàm phán trong kinh doanh giúp sv trang bị những kiến thức cơ bản về đàm phán, đặc biệt là đàm phán trong kinh doanh; sinh viên nhận thức đúng về tầm quan trọng, vai trò của đàm phán trong kinh doanh; rèn luyện kỹ năng của đàm phán như các bước tiến hành của đàm phán, kỹ năng thỏa hiệp, kỹ năng hợp tác; có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng về đàm phán trong cuộc sống, học tập, và công việc kinh doanh đạt hiệu quả hơn.	3	HK 6	<p>Đánh giá chuyên cần: 5%</p> <p>Bài tập về nhà : 10%</p> <p>Kiểm tra nhanh: 5%</p> <p>Kiểm tra giữa kì: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ (Bài tập lớn): 60%</p>
45	Các thị trường và định chế tài chính	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 6	
46	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK 5	
47	Hệ thống thông tin kế toán	Sinh viên cần nắm được việc sử dụng thông tin kế toán và các thông tin khác nhằm phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp. Sinh viên cần nắm được việc sử dụng các thông tin phù hợp cho công tác kế toán và quản lý tài chính doanh nghiệp. Sinh viên cần nắm được các rủi ro liên quan trong việc quản lý	3	HK 5	<p>Đánh giá chuyên cần: 7,5%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ (1 bài kiểm tra tự luận): 15%</p> <p>Bài tập cá nhân): 7,5%</p>

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và khai thác hệ thống thông tin kế toán. Giải quyết được các bài tập tình huống về hệ thống thông tin kế toán.			Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 10% Thi cuối kỳ : 60%
48	Thanh toán quốc tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	HK 5	
49	Kế toán quốc tế	Hiểu rõ các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận và hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế cũng như các mô hình vận dụng hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế. Nắm được kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán Nắm được kiến thức đầy đủ về hệ thống kế toán Mỹ - từ chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, xử lý số liệu đến xây dựng hệ thống báo cáo tài chính. Hiểu được sự khác nhau cơ bản về kế toán trong các loại hình doanh nghiệp của Mỹ.	3	HK 3	Bài tập cá nhân (2 bài): 20% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi cuối kỳ: 60%.
50	Thực hành kế toán tài chính	Học phần nhằm trang bị có hệ thống cho sinh viên kỹ năng lập chứng từ kế toán; kỹ thuật làm sổ kế toán chi tiết và tổng hợp theo thông tư số 200/2014/TT-BTC (bao gồm mở sổ, ghi sổ, khóa sổ). Từ đó, tập hợp số liệu trên các sổ kế toán để lập báo cáo tài chính.	3	HK 5	Tham gia học tập trên lớp: 10% Bài tập cá nhân: 15% Thực hành: 15% Bài tập lớn: 60%
51	Kế toán thuế	Học phần Kế toán thuế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, tổng quát về Thuế, kế toán thuế và quản thuế nói chung. Ngoài ra sau khóa học người học sẽ nắm đc nội dung cơ bản của các chính sách thuế hiện hành ở VN, biết tính toán chính xác các loại thuế phải nộp của doanh nghiệp, đồng thời biết lập bản kê khai thuế, vào sổ kế toán thuế, lập báo cáo thuế và quyết toán thuế.	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%
52	Kiểm toán tài chính	Xây dựng ý thức tự giác, cần cù chịu khó trong quá trình học tập: hăng hái phát biểu ý kiến tham gia xây dựng bài giảng, tích cực đối thoại với giáo viên, chủ động và sáng tạo trong bài trình bày nhóm, và các bài tập về nhà. Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (trình bày + bài viết). Hiểu rõ chức năng, vai trò, nội dung của kiểm toán tài chính và các yêu cầu công việc trong một cuộc kiểm toán tài chính.	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
53	Kiểm toán nội bộ	Xây dựng ý thức tự giác, kích thích trí tò mò, say mê học hỏi, nghiên cứu: hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, tích cực đối thoại với giáo viên, phản biện lại các vấn đề gây tranh cãi, chủ động tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu để hoàn thành bài tập và xử lý tình huống trên lớp, chủ động và tự tin khi chuẩn bị và thuyết trình nhóm. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (dưới hình thức chuẩn bị bài viết và thuyết trình). Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên môn đối với kiểm toán viên nội bộ và đáp ứng các yêu cầu công việc kiểm toán nội bộ.	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: 15%. Đánh giá giữa kỳ: 20% Đánh giá cuối kỳ: 60%
54	Thực hành kiểm toán tài chính	Cung cấp các kiến thức cơ bản và bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.	3	HK 6	Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: 20%. Đánh giá giữa kỳ: 20% Đánh giá cuối kỳ: 60%
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và niên luận</b>		<b>7</b>		
55	Thực tập thực tế 1	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%
56	Thực tập thực tế 2	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%
57	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế.	3	HK7	Bài Niên luận: 100 %
<b>V.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế</b>				

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn nghiên cứu trong thực tiễn.	6		
59	Kế toán công	Học phần nhằm trang bị có hệ thống cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kế toán công như: giới thiệu hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế, tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, xử lý và tổng hợp thông tin về nguồn kinh phí; tình hình quản lý, sử dụng các loại vật tư, tài sản ở đơn vị; kỹ thuật thanh toán và các chế độ khác; kiểm soát tình hình phân phối kinh phí cho các đơn vị cấp dưới... Đồng thời học phần giới thiệu các chuẩn mực kế toán công quốc tế đối với hàng tồn kho, tài sản cố định.	3	HK 8	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập lớn: 60%
60	Kiểm toán dự án	Học phần kiểm toán dự án nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về kiểm toán dự án. Mục tiêu của kiểm toán dự án là nhằm xác minh và bày tỏ ý kiến về các thông tin trên các báo cáo tài chính của dự án dựa trên các thước đo là tính trung thực, tính hợp lý và sự tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Bên cạnh đó, kiểm toán dự án cũng xem xét và đánh giá tính hiệu quả, tính kinh tế và hiệu lực trong quá trình thực hiện một dự án. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về nội dung, trình tự và các phương pháp kiểm toán cần thực hiện khi kiểm toán các khoản mục cơ bản trên báo cáo tài chính dự án như chi phí đầu tư, nguồn vốn đầu tư, các tài sản bàn giao...	3	HK 8	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập lớn: 60%

## 2. Cử nhân Kế toán CLC TT23

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>21</b>		
	Trương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23				

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>14</b>		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>18</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>14</b>		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23				
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>4/8</b>		
1	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK2	
2	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Học phần Lịch sử kinh tế Việt Nam nghiên cứu sự phát triển của các nền kinh tế ở Việt nam như nền kinh tế tự nhiên, nền kinh tế hàng hoá, nền kinh tế thuộc địa, nền kinh tế dân tộc độc lập, nền kinh tế nguyên thủy, nền kinh tế phong kiến...từ thời kỳ lập nước cho đến nay. Vạch rõ sự vận động phát triển của các kết cấu kinh tế, chủ yếu là các kết cấu kinh tế ngành, kết cấu kinh tế vùng, kết cấu các thành phần kinh tế và các kết cấu kinh tế khác, trong đó kết cấu kinh tế – xã hội là quyết định nhất, khái quát hoá thành các xu hướng, khuynh hướng phát triển của nó, tổng kết thành các bài học kinh nghiệm (từ thời kì nguyên thủy, thời kì dựng nước, thời kì phong kiến, thời kì Pháp thuộc, thời kì nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, thời kì nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).	2	HK 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Lịch sử văn minh thế giới	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK 2	
4	Logic học	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK2	

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>21</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>		
5	Luật doanh nghiệp	Có những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, về hợp đồng.. Vận dụng lý thuyết để (i) giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp...; (ii) đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.	3	HK3	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài tập lớn: 20% Thi cuối kỳ: 60%
6	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
7	Quản trị học	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kì 5	
8	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	Học kì 5	
9	Nguyên lý kế toán	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/12</b>		
10	Nguyên lý Marketing*	Môn nguyên lý Marketing cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của Marketing; phân tích các các yếu tố môi trường Marketing; hệ thống thông tin Marketing; công tác nghiên cứu thị trường; quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện kế hoạch Marketing; hành vi mua của khách hàng đến quản trị các nhóm công cụ Marketing, cụ thể như: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp...	3	Học kỳ 3	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 5% Bài tập lớn: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
11	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23.	3	Học kì 4	
12	Kinh tế quốc tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kì 5	

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kì 3	
<b>V</b>	<b>Khởi kiến thức ngành</b>		<b>69</b>		
<b>V.I</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>30</b>		
14	Kế toán tài chính doanh nghiệp ***	Kế toán tài chính doanh nghiệp là học phần cung cấp những kiến thức chung về kế toán tài chính DN; hướng dẫn sinh viên vận dụng các nguyên lý kế toán cơ bản để thực hiện việc kế toán đối với các hoạt động của doanh nghiệp như: Kế toán hàng tồn kho; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; kế toán vốn bằng tiền; kế toán doanh thu và xác định kết quả. Học phần này còn trang bị cho người học cả kiến thức và kỹ năng lập các báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp thực tế.	3	Học kì 6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân/ tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng: 10% Bài tập lớn/học kỳ: 15% Thi cuối kỳ: 60%
15	Kế toán quản trị doanh nghiệp***	Thông tin quản lý đóng vai trò quan trọng nhất trong hệ thống quản lý của bất kỳ tổ chức nào. Học phần này nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cơ bản về thông tin quản lý và kế toán quản trị và phương pháp luận trong việc phân tích và đánh giá các vấn đề liên quan. Đồng thời sẽ cung cấp định nghĩa và bản chất của thông tin quản lý, các vấn đề đạo đức trong kế toán quản trị, các phương pháp tính chi phí như thứ tự công việc, chi phí quy trình, chi phí tiêu chuẩn và hệ thống chi phí dựa trên hoạt động, định giá, lập ngân sách, phân tích chi phí-khôi lượng-lợi nhuận, Đầu tư vốn phân tích và ra quyết định.	4	HK 5	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân/ tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng: 10% Bài tập lớn/học kỳ: 15% Thi cuối kỳ: 60%



Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Thực hành kế toán 1***	Học phần Thực hành kế toán 1 trang bị cho người học kiến thức và thực hành kế toán trên các phần mềm kế toán - đang trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả và chính xác nhất. Các phần mềm kế toán giúp các doanh nghiệp xử lý thông tin nhanh, an toàn; cung cấp các báo cáo kế toán kịp thời, hiệu quả. Tuy nhiên để khai thác và phát huy hết những tiện ích của các phần mềm kế toán đòi hỏi người sử dụng, bên cạnh nghiệp vụ kế toán vững vàng còn cần có các kỹ năng sử dụng phần mềm, phải hiểu biết và sử dụng một cách thành thục. Học phần bao gồm Tổng quan về phần mềm kế toán; Mở sổ kế toán của doanh nghiệp bằng phần mềm kế toán; Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán mua hàng và công nợ phải trả; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán bán hàng và công nợ phải thu; Kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.	3	Học kì 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%
17	Thực hành kế toán 2***	Học phần Thực hành kế toán 2 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và thực hành kế toán trên các phần mềm kế toán. Với sự phát triển ngày càng nhanh của khoa học công nghệ, việc sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để xử lý các nghiệp vụ khó và phức tạp phát sinh ngày càng trở nên quan trọng đối với người làm nghề kế toán. Học phần bao gồm Kế toán bán hàng và công nợ phải thu; Kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính; Sửa chữa các nhầm lẫn, sai sót kế toán; Khóa sổ kế toán và lưu trữ thông tin trên phần mềm.	2	Học kì 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%
18	Kiểm toán***	Học phần Kiểm toán nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quát về lý thuyết kiểm toán. Học phần giới thiệu những vấn đề chung cũng như những khái niệm cơ bản thuộc nội dung kiểm toán; các loại kiểm toán; gian lận và sai sót, bằng chứng kiểm toán, báo cáo và hồ sơ kiểm toán, các phương pháp và thủ tục kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán. Học phần cũng giới thiệu tổng quan về tổ chức công tác kiểm toán, bao gồm lập kế hoạch kiểm toán, tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, phương pháp chọn mẫu kiểm toán, thực hiện và kết thúc kiểm toán. Đồng thời học phần cũng giúp người học vận dụng lý thuyết để thực hành kiểm toán đối với một số chu trình và khoản mục chủ yếu của báo cáo tài chính doanh nghiệp.	4	Học kì 7	Đánh giá chuyên cần: 5% Kiểm tra giữa kỳ : 15% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Kiểm toán nội bộ***	Xây dựng ý thức tự giác, kích thích trí tò mò, say mê học hỏi, nghiên cứu: hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, tích cực đối thoại với giáo viên, phản biện lại các vấn đề gây tranh cãi, chủ động tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu để hoàn thành bài tập và xử lý tình huống trên lớp, chủ động và tự tin khi chuẩn bị và thuyết trình nhóm. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (dưới hình thức chuẩn bị bài viết và thuyết trình). Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên môn đối với kiểm toán viên nội bộ và đáp ứng các yêu cầu công việc kiểm toán nội bộ.	4	Học kì 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 15%. Đánh giá giữa kỳ: 20% Đánh giá cuối kỳ: 60%
20	Phân tích hoạt động kinh doanh***	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì 7	
21	Thuế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 4	
22	Tài chính và kế toán trong kinh doanh***	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình vận hành một doanh nghiệp và vai trò của nguồn tài chính và kế toán để đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp. Sinh viên sẽ hiểu được bản chất, đặc điểm, ưu nhược điểm của các hình thức kinh doanh và cơ cấu tổ chức. Họ có thể giải thích vai trò của các chức năng kế toán, tài chính và quản trị doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh; và có thể đánh giá tác động của môi trường kinh tế đến hoạt động của doanh nghiệp.	4	Học kì 5	Đánh giá chuyên cần: 10% Trình bày nhóm: 10% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc môn: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>24/54</b>		
41	Phân tích tài chính	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 3	
42	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kì 6	

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Quản lý hiệu quả hoạt động ***	Học phần Quản lý hiệu quả hoạt động xây dựng dựa trên kiến thức thu được trong Kế toán Quản trị và tìm cách kiểm tra sự hiểu biết của sinh viên về cách quản lý hiệu quả hoạt động của một doanh nghiệp. Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu thêm các chủ đề chuyên ngành kế toán quản trị. Mục tiêu ở đây là đảm bảo sinh viên có kiến thức nền tảng rộng hơn về kỹ thuật kế toán quản trị. Sau đó, nó xem xét việc ra quyết định. Học sinh cần đánh giá cao các vấn đề xung quanh nguồn tài nguyên khan hiếm, giá cả và quyết định mua hoặc bán, và điều này liên quan như thế nào đến việc đánh giá kết quả hoạt động. Thứ ba, Lập ngân sách là một khía cạnh quan trọng trong cuộc sống của nhiều kế toán viên. Giáo trình khám phá các kỹ thuật lập ngân sách khác nhau và các vấn đề vốn có trong chúng. Các khía cạnh hành vi của lập ngân sách rất quan trọng đối với các kế toán viên phải hiểu, và giáo trình bao gồm việc xem xét cách các cá nhân phản ứng với ngân sách. Giáo trình kết thúc với các hệ thống quản lý hiệu suất, đo lường và kiểm soát. Đây là một lĩnh vực chính của giáo trình. Kế toán viên cần hiểu cách thức quản lý và kiểm soát doanh nghiệp cũng như cách sử dụng hệ thống thông tin để hỗ trợ việc này.	3	Học kì 6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Bài tập lớn: 60%
44	Kế toán thuế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì 6	
45	Kế toán công	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì: 8	
46	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 4	
47	Kế toán các ngành đặc thù	Học phần Kế toán các doanh nghiệp đặc thù cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và riêng biệt nhất trong các doanh nghiệp: thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu, xây lắp, nông nghiệp và công ty cổ phần. Những điểm khác biệt về đặc điểm của các doanh nghiệp này đối với các doanh nghiệp công nghiệp và chi phối tới công tác kế toán như thế nào. Việc tổ chức công tác công tác kế toán ở các doanh nghiệp này cũng như quá trình xác định kết quả cũng là một nội dung của học phần.	3	Học kì 6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Bài tập lớn: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Hệ thống thông tin kế toán	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	Học kì 5	
49	Những vấn đề hiện tại của kế toán	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	Học kì 5	
50	Hạch toán môi trường	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	Học kì 6	
51	Kiểm toán tài chính tài chính	Xây dựng ý thức tự giác, cần cù chịu khó trong quá trình học tập: hăng hái phát biểu ý kiến tham gia xây dựng bài giảng, tích cực đối thoại với giáo viên, chủ động và sáng tạo trong bài trình bày nhóm, và các bài tập về nhà. Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (trình bày + bài viết). Hiểu rõ chức năng, vai trò, nội dung của kiểm toán tài chính và các yêu cầu công việc trong một cuộc kiểm toán tài chính.	3	Học kì 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn: 60%
52	Kiểm toán dự án	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì 6	
53	Luật vương quốc Anh ***	Học phần giúp sinh viên hiểu rõ tác động của luật dân sự đến kinh doanh và dịch vụ nghề nghiệp, công ty và luật mất khả năng thanh toán. Tác động của luật hình sự đối với kinh doanh và dịch vụ nghề nghiệp và tác động tổng thể của luật trong bối cảnh nghề nghiệp.	3	Học kì 6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Bài tập lớn: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Thuế vương quốc Anh***	Học phần giúp sinh viên hiểu các mục tiêu chung của thuế và tính thuế thu nhập, đóng góp bảo hiểm quốc gia, thuế lợi tức vốn, thuế doanh nghiệp và thuế VAT trong các tình huống đơn giản. Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: giải thích các mục tiêu chung của thuế, những ảnh hưởng đến hệ thống thuế của Vương quốc Anh, các loại thuế khác nhau ở Vương quốc Anh và nhận ra các vấn đề đạo đức phát sinh trong quá trình thực hiện công việc thuế; xác định các nghĩa vụ mà hệ thống thuế của Vương quốc Anh áp dụng đối với người nộp thuế và các tác động của việc không tuân thủ. Nó bao gồm thuế thu nhập, thuế lợi tức vốn, thuế doanh nghiệp, thuế VAT.	3	Học kì 6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm 10% Bài tập lớn: 60%
55	Thanh toán quốc tế	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kì 6	
56	Quản trị rủi ro	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 7	
57	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 6	
58	Marketing điện tử	Marketing điện tử là một học phần mới được hình thành và phát triển song hành với quá trình của hoạt động thương mại điện tử. Marketing điện tử chú trọng đến việc nghiên cứu sự thay đổi hành vi mua hàng của người dùng internet và các cách thức Doanh nghiệp có thể gia tăng khả năng cạnh tranh thông qua việc tiếp cận, hiểu và ứng dụng internet như là một công cụ tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là một khía cạnh đặc biệt quan trọng trong hoạt động quản trị Marketing với mục đích làm thế nào để mỗi người tiêu dùng cũng như các doanh nghiệp có thể tự tìm đến, liên kết và phát triển các hoạt động trao đổi nhằm tối ưu hóa mô hình kinh doanh của mình. Hiểu biết về Marketing điện tử sẽ cung cấp nền tảng cho những chiến lược marketing, như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, những áp dụng thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định marketing mix, và những hoạt động marketing và sự điều chỉnh bởi	3	Học kì 7	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Bài tập lớn: 60%

Stt	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những tổ chức phi lợi nhuận và các cơ quan chính phủ. Mỗi hoạt động marketing chủ yếu này sẽ hiệu quả hơn khi được đặt trên cơ sở sự hiểu biết sâu sắc về Marketing điện tử.			
<b>V.3</b>	<b>Thực tập và niên luận, khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>15</b>		
59	Thực tập thực tế ***	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức.	4	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%
60	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế	4	HK7	Bài Niên luận: 100%
61	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	7	HK8	Bài Khóa luận: 100%

### 3. Thạc sĩ Kế toán

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>47</b>		
<b>II.2</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>25</b>		
1	Kế toán quốc tế nâng cao	Giới thiệu cho người học những vấn đề kế toán phát sinh khi các doanh nghiệp tham gia các hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế; Phương pháp kế toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu trong đầu tư và thương mại quốc tế, gồm kế toán các giao dịch ngoại tệ, hoạt động đầu tư tài chính và kế toán tập đoàn.	2	Học kỳ 1	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
2	Phân tích hoạt động kinh doanh nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm phân tích chiến lược, phân tích kế toán, phân tích và dự báo tài chính doanh nghiệp, đồng thời thực hành phân tích phương sai để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; tiếp cận và xử lý các tình huống thực tế tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo cơ sở cho người học áp dụng linh hoạt các kiến thức và kỹ năng đã học vào phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.	3	Học kỳ 1	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
3	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	Học viên sẽ nắm được các vấn đề tổng quan của kiểm toán báo cáo tài chính như bản chất, đối tượng, mục tiêu, nội dung, quy trình kiểm toán... và các chương trình kiểm toán đối với các phân hành chủ yếu trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính	3	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
4	Kế toán thuế nâng cao	Cung cấp kiến thức cho người học về kế toán thuế trong doanh nghiệp gồm: Quản lý nhà nước về thuế; kế toán thuế trong các doanh nghiệp và các vấn đề hiện tại về kế toán thuế. Với các nội dung này, người học được trang bị kiến thức tổng hợp về kế toán thuế để có thể xử lý các tình huống trong doanh nghiệp, đồng thời tiếp tục nghiên cứu sâu và rộng hơn.	3	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
5	Đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán	Giúp học viên nắm được các vấn đề chuyên sâu về đạo đức nghề nghiệp và tính tất yếu khách quan về yêu cầu chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; nghiên cứu, sử dụng các mô hình để nhận diện các nguy cơ và ứng dụng xử lý xung đột khi nguy cơ xảy ra.	3	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
6	Kế toán tài chính nâng cao	Trang bị có hệ thống cho học viên những kiến thức khái quát nhất về kế toán tài chính áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp và các ngành đặc thù.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
7	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3	
8	Quản trị chi phí chiến lược	Cung cấp cho học viên các kiến thức về vấn đề chuyên sâu về quản trị chi phí chiến lược liên quan đến nội dung và tầm quan trọng của quản trị chi phí trong doanh nghiệp, nguyên tắc cơ bản trong quản trị chi phí và nguyên tắc được chấp nhận chung khác được áp dụng trong các mô hình quản trị chi phí hiện đại, thiết kế và thực hiện các mô hình quản trị chi phí trong các doanh nghiệp hiện đại, ...	3	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
9	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ 2	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>22</b>		
10	Kế toán công nâng cao	Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản sau: - Khái quát về việc tổ chức công tác kế toán ở đơn vị công (thuộc lĩnh vực hoạt động Nhà nước); (Hành chính sự nghiệp). - Kế toán một số nội dung cơ bản: tài sản, thu - chi, xác định kết quả ở đơn vị công (thuộc lĩnh vực hoạt động Nhà nước); (Hành chính sự nghiệp). - Kế toán một số đơn vị đặc thù. - Lập và phân tích Báo cáo tài chính của đơn vị công.	2	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
11	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về quá trình thiết kế, duy trì và phát triển hệ thống thông tin trong công tác kế toán nhằm hỗ trợ cho các chu trình hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản của doanh nghiệp, ...	2	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Bài tập lớn: 60%
12	Kế toán quản trị nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	Học kỳ 3	
13	Kiểm toán nội bộ nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về kiểm toán nội bộ, bao gồm kiến thức về quản trị công ty và khung kiểm soát nội bộ, các phương pháp tiếp cận của kiểm toán nội bộ, lập kế hoạch chiến lược dựa trên rủi ro, thực hiện kiểm toán nội bộ và lập báo cáo kiểm toán nội bộ; chuẩn mực thực hành nghề nghiệp kiểm toán nội bộ và Sổ tay kiểm toán nội bộ Quốc tế, ....	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
14	Những vấn đề hiện tại của kế toán nâng cao	Cung cấp cho học viên kiến thức sâu sắc hơn về chức năng của kế toán trong môi trường kinh doanh phức tạp ngày nay. Học phần mở rộng thêm kiến thức hiện tại về những thực hành kế toán, một số vấn đề chưa được giải quyết và giới thiệu cho học viên vai trò của một số lý thuyết kế toán trong việc xác định các thực hành kế toán và quyết định quản trị trong các doanh nghiệp hiện nay.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
15	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	2	Học kỳ 3	



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
16	Thuế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	Học kỳ 3	
17	Tài chính công nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	Học kỳ 2	
18	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	Học kỳ 2	
19	Quản trị rủi ro	Trang bị cho các học viên về ngành quản trị kinh doanh với các kiến thức chủ yếu sau: hiểu thế nào là quản trị rủi ro trong hoạt động điều hành kinh doanh, các nguyên tắc của quản trị rủi ro trong hệ thống tổ chức, định dạng các loại rủi ro thường xảy ra trong quản lý, phân tích và đánh giá rủi ro và các quyết định đưa ra xử lý các rủi ro tiềm năng trong điều kiện các thông tin bất đối xứng, tổ chức và phòng ngừa rủi ro trong các tổ chức kinh doanh.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
20	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 2	
21	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng	3	Học kỳ 2	
22	Quản trị công ty nâng cao	Học phần tập trung vào phân tích các nội dung của quản trị công ty trong môi trường đại chúng hoá công ty, cụ thể: (i) Phân tích các khía cạnh pháp lý liên quan đến quản trị doanh nghiệp như Luật doanh nghiệp (2005), các chuẩn mực quản trị công ty của OECD; (ii) Minh định vai trò của Hội đồng quản trị công ty và mối quan hệ của Hội đồng quản trị với ban giám đốc điều hành, ban kiểm soát và cổ đông của công ty; (iii) Cụ thể hoá các hoạt động quản trị công ty như kiểm soát nội bộ, định hướng chiến lược, quản trị rủi ro cũng như phát triển một nền nếp văn hoá công ty lành mạnh và các giá trị đạo đức quản trị mang tính phổ quát; (iv) Đề xuất một số tiêu chí đánh giá hoạt động quản trị công ty.	3	Học kỳ 3	
23	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
24	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	Học kỳ 2	
25	Phân tích tài chính nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	Học kỳ 3	
<b>III.</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>		<b>9</b>		

## C5. KHOA KINH TẾ PHÁT TRIỂN

### 1. Cử nhân Kinh tế phát triển Chương trình đào tạo Chuẩn

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b> (Không tính các học phần 7-8)		<b>16</b>		
1	Triết học Mác - Lê nin 1	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin 2		2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế .	2	Học kỳ 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	Học kỳ 3	Chuyên cần: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
6	Tiếng Anh B1		5	Học kỳ 5,6	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói):10% Thi cuối kỳ: 60%
7	Giáo dục thể chất		4		
8	Giáo dục quốc phòng an ninh		8		
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>13</b>		
9	Tin học cơ sở 2	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ 1	
10	Toán cao cấp		4	Học kỳ 1	
11	Xác suất thống kê		3	Học kỳ 2	
12	Toán kinh tế		3	Học kỳ 4	
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>16</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>14</b>		
13	Nhà nước và pháp luật đại cương	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 1	
14	Kinh tế vi mô	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 1	
15	Kinh tế vĩ mô		3	Học kỳ: 2	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Nguyên lý thống kê kinh tế		3	Học kỳ: 2	
17	Kinh tế lượng		3	Học kỳ: 4	
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>2/8</b>		
	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.				
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>23</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>17</b>		
18	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	2	Học kỳ: 3	
19	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
20	Kinh tế vi mô chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 2	
21	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
22	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 4	
23	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 3	
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/12</b>		
28	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 2	
29	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 2	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 2	
31	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 2	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>59</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>24</b>		
32	Kinh tế phát triển chuyên sâu	Kinh tế học phát triển chuyên sâu cung cấp cho người học những bằng chứng thực nghiệm và kinh nghiệm phát triển của các quốc gia, từ đó làm sáng tỏ định hướng chiến lược phát triển của Việt nam. sinh viên được rèn luyện ở về đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy), có kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc, nhận thức và bắt kịp với bối cảnh nền kinh tế thế giới mới. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện về sự linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc, có tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khám phá và học hỏi từ cuộc sống, tinh thần tự tôn, có các kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực, kỹ năng học và tự học, kỹ năng sử dụng máy tính.	3	Học kỳ: 5	Tham dự/chuyên cần (5%). Đóng góp trên lớp (thảo luận, hỏi và đáp, tổng kết lại chương, tranh luận...): (10%). Thuyết trình theo nhóm (15%): Tiêu chí đánh giá cho điểm gồm: Kiểm tra giữa kỳ (20%): Bài kiểm tra cuối học phần (50%)
33	Kinh tế công cộng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 5	
34	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 5	
35	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo Thông tư 23.	3	Học kỳ: 5	
36	Phân tích chi phí và lợi ích	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ: 5	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Kinh tế thể chế	Trang bị cho người học các kiến thức căn bản về Kinh tế học thể chế. Thông qua học phần này, sinh viên được phát triển và bồi dưỡng các kỹ năng nghề nghiệp liên quan tới ngành kinh tế phát triển nói chung và thể chế nói riêng. Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.	3	Học kỳ: 5	Thuyết trình theo nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài kiểm tra cuối học phần: 60%
38	Tăng trưởng xanh	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức lí thuyết đại cương về tăng trưởng kinh tế cần thiết cho việc hiểu khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng xanh cùng với các chính sách nhằm kích thích tăng trưởng xanh. Cung cấp cho sinh viên các kĩ năng cần thiết để áp dụng lí thuyết cơ bản cùng với khả năng thảo luận về các vấn đề liên quan tới tăng trưởng xanh Hình thành thái độ khoa học cho sinh viên trước các vấn đề về tăng trưởng kinh tế nói chung và tăng trưởng xanh nói riêng.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài thi viết): 15% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
39	Phân tích năng suất hiệu quả	Cung cấp một cách toàn diện các phương pháp hiện đại nhằm phân tích năng suất và hiệu quả của các đơn vị ra quyết định (decision-making units) khác nhau như cá nhân, doanh nghiệp, ngành công nghiệp, khu vực, nền kinh tế. Hiểu rõ các giả định khác nhau liên quan tới công nghệ, thị trường và hành vi của các doanh nghiệp có thể được sử dụng để hướng đến xây dựng chỉ số năng suất. Phân tích các chỉ số năng suất này được triệt để thành các chỉ số đo lường sự thay đổi công nghệ, thay đổi môi trường và các loại thay đổi về hiệu quả khác. Cung cấp phương pháp ước lượng các yếu tố trên bằng các phương pháp Phân tích màng dữ liệu (Data Envelopment Analysis - DEA), phương pháp phân tích biên xác định (Deterministic Frontier Analysis - DFA), phương pháp phân tích biên ngẫu nhiên (Stochastic Frontier Analysis - SFA). Qua đó, có thể ước lượng các yếu tố trên là tối quan trọng trong hoạch định chính sách công. Phân tích các dữ liệu đa dạng thông qua sử dụng các phần mềm như DPIN, DEAP, FRONTIER, EVIEWS và LIMDEP.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập về nhà: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>24</b>		
	<b>V.2.1. Các học phần chuyên sâu</b>		<b>12/36</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>V.2.1.1. Các học phần chuyên sâu về Chính sách công</b>			12		
40	Chính sách công	Cung cấp cho người học kiến thức về nhận diện, phân loại và vai trò của chính sách công với chức năng là công cụ quản lý Nhà nước đối với mọi mặt đời sống kinh tế xã hội của đất nước. Hình thành năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại, đa ngành và liên ngành về chính sách công. Hình thành cho người học năng lực lập luận và sáng tạo áp dụng kiến thức, thực tiễn trên thế giới vào việc phân tích, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động hoạch định chính sách của khu vực công ở Việt Nam trong điều kiện đang chuyển sang nền kinh tế thị trường, hội nhập và mở cửa hiện nay. Hình thành cho người học thái độ khoa học trước những vấn đề của đời sống thực tiễn.	3	Học kỳ: 6	Điểm danh: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình: 30% Thi hết môn: 60%
41	Phân tích chi tiêu công	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu; Khung khổ phân tích chi tiêu công vĩ mô; các phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ trong một và một số lĩnh vực chi tiêu cơ bản; và phân tích các nhân tố thể chế có tác động chi phối đến hiệu quả chi tiêu công; Các phương pháp phân tích chi phí-lợi ích, phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ để có thể áp dụng phân tích hiệu quả phân bổ trong một lĩnh vực hoặc phân bổ giữa các lĩnh vực chi tiêu công cơ bản.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần : 5% Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ : 60%
42	Lựa chọn công cộng	Cung cấp cho người học kiến thức về quá trình hình thành và thực hiện các quyết định công cộng dưới tác động của các nhân tố chính trị-xã hội dưới góc độ của kinh tế học. Trang bị cho người học các kỹ năng sử dụng kiến thức đã học vào đánh giá, lí giải các vấn đề xã hội liên quan tới lựa chọn công cộng. Hình thành tư duy hệ thống, khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập trong quá trình phát hiện vấn đề, tìm kiếm thông tin và nguồn tài liệu, đánh giá một số lựa chọn công cộng trong bối cảnh cụ thể. Hình thành thái độ khoa học cho sinh viên trước các vấn đề về lựa chọn công cộng.	3	Học kỳ: 6	Đi học đầy đủ & hoàn thành tốt các bài tập cá nhân/nhóm: 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Quản lý dự án phát triển	Trang bị cho người học một cách hệ thống và cụ thể những kiến thức và kỹ năng quản lý các dự án phát triển: Đặc điểm và vai trò của dự án phát triển, các mục tiêu và nội dung quản lý dự án phát triển; Phương pháp lập dự án phát triển dựa vào khung logic và phương pháp thẩm định dự án phát triển; Phương pháp và các chỉ số phân tích hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội dự án phát triển; Hoạt động quản lý dự án phát triển được tiếp cận từ hai góc độ: (1) theo quá trình quản lý, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá; (2) theo chức năng quản lý, bao gồm quản lý chi phí, quản lý nhân sự, quản lý thời gian, quản lý chất lượng. Phát triển kỹ năng đấu thầu và tài trợ cho dự án phát triển; kỹ năng quản lý dự án phát triển xuyên suốt quá trình học tập học phần này.	3	Học kỳ: 7	Điểm danh và bài tập về nhà: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thuyết trình theo nhóm: 15% Bài kiểm tra cuối học phần: 60%
<b>V.2.1.2. Các học phần chuyên sâu về Môi trường và phát triển bền vững</b>			12		
44	Quản lý môi trường	Học phần giúp sinh viên hiểu được bối cảnh quản lý môi trường trong thế giới hiện đại, đồng thời trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học, khái niệm, nguyên tắc quản lý môi trường, chủ thể quản lý môi trường; trong đó đặc biệt nhấn mạnh các công cụ quản lý được các chủ thể sử dụng để đạt được các mục tiêu quản lý đề ra.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần & hoàn thành tốt các bài tập cá nhân/nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc môn: 60%
45	Hạch toán môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán.	3	Học kỳ: 6	
46	Phát triển bền vững	Cung cấp cho sinh viên khái niệm phát triển bền vững, sự ra đời của khái niệm này, các thách thức, nội dung, quan điểm và nguyên tắc của phát triển bền vững; các thách thức, tiêu chí và các giải pháp có thể thực hiện nhằm mục tiêu phát triển bền vững trên cả ba trụ cột về kinh tế, xã hội và môi trường theo hướng phân tích chuyên sâu. Hiểu rõ về việc thực thi phát triển bền vững trên quy mô toàn cầu đặc biệt là vai trò hợp tác quốc tế và luật quốc tế đối với thực thi phát triển bền vững để có thể phân tích. Giới thiệu chung về định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam và thực trạng thực thi phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Dự án học phần: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Nhập môn kinh tế học về Biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về biến đổi khí hậu tác động tới các quốc gia như thế nào; phân tích tổn thất do biến đổi khí hậu trong so sánh với chi phí nhằm giảm thiểu hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu ra sao; các chính sách kinh tế trong việc không chế phát thải khí nhà kính; và vai trò của cộng đồng quốc tế cùng hành động để đối phó với biến đổi khí hậu.	3	Học kỳ: 6	Đánh giá chuyên cần: 10% Đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Trình bày nhóm: 10% Đánh giá cuối kỳ: 60%
<b>V.2.1.3 Các học phần chuyên sâu về Kinh tế học</b>			12		
48	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 6	
49	Kinh tế lượng chuyên sâu	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về một số mô hình kinh tế lượng hiện đại, là một sự phát triển tiếp tục của các mô hình kinh tế lượng cơ bản đã được giới thiệu trong học phần Kinh tế lượng trước đó.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập nhóm: 20% Thi cuối kỳ: 60%
50	Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế	Trang bị các hiểu biết cần thiết về ý nghĩa, vai trò, nguồn gốc và các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, những mô hình tăng trưởng kinh tế cơ bản thuộc trường phái tăng trưởng ngoại sinh và nội sinh, phương pháp phân tích tác động của các chính sách vĩ mô đối với những mục tiêu tăng trưởng kinh tế.	3	Học kỳ: 6	Thảo luận/bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
51	Kinh tế nhân lực	Học phần cung cấp cho học viên bản chất và các hình thức của cầu về lao động gắn với những yêu cầu của một nền kinh tế thị trường đồng thời lý giải được bản chất của cầu lao động trong những điều kiện khác nhau, từ cấu trúc thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền mua, ... Các hình thái chuyển hóa của cầu lao động gắn với những hoạt động của các định chế thị trường như chính phủ, công đoàn cũng được phân tích một cách có hệ thống. Về mặt cung của lao động, học phần tiếp tục phân tích đặc điểm và cơ sở lý luận và thực tiễn của nguồn cung lao động trong toàn bộ nền kinh tế và trong các ngành riêng biệt.	3	Học kỳ: 6	Thảo luận/bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V.2.2 Các học phần bổ trợ</b>			12/18		
52	Lịch sử kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 7	
53	Kinh tế học về chi phí giao dịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 7	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 7	
55	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 7	
56	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 7	
57	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	Học kỳ: 7	
<b>V.3</b>	<b>Thực tập thực tế và niên luận</b>		<b>5</b>		
58	Thực tập thực tế	Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực phát triển.	2	Học kỳ: 6	Điểm chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch: 90%
59	Niên luận	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	3	Học kỳ: 6	Đánh giá điểm bài viết
<b>V.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế</b>		<b>6</b>		
60	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	6	Học kỳ: 8	
61	Hoạch định chính sách phát triển	Hoạch định CSPT là học phần thuộc khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp, giúp người học liên kết kiến thức và kỹ năng đã học trong chương trình đào tạo cử nhân ngành kinh tế phát triển để có thể nghiên cứu việc hoạch định chính sách phát triển nói chung, và tham gia một số công việc trong quá trình hoạch định chính sách phát triển tại Việt Nam nói riêng. Học phần cung cấp những kiến thức về vai trò, ý nghĩa, các công cụ, nguyên tắc, phương thức hoạch định chính sách phát triển và các nhân tố chi phối quá trình hoạch định. Trên cơ sở đó, học phần đi sâu về hoạch định các chính sách phát triển gắn với ba nhân tố cơ bản là: Lao động, vốn và công nghệ.	3	Học kỳ: 8	Điểm chuyên cần: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình: 30% Bài thi tự luận: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
62	Tài chính cho phát triển	Hiểu rõ tầm quan trọng của tài chính với phát triển; Cấu trúc của hệ thống tài chính, bao gồm các thị trường, định chế tài chính; Những vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng hệ thống tài chính và huy động nguồn lực nội địa ở các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng; Khái niệm, thực trạng dòng vốn quốc tế tới các nước đang phát triển, bao gồm vốn đầu tư tư nhân trực tiếp và gián tiếp, vốn hỗ trợ phát triển chính thức; Những vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong việc huy động và sử dụng nguồn vốn nước ngoài; Đặc điểm của một số cuộc khủng hoảng tài chính điển hình trên thế giới và những những cảnh báo và bài học rút ra từ các cuộc khủng hoảng đó....	3	Học kỳ: 8	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết môn: 60%

## 2. Cử nhân Kinh tế phát triển Chương trình đào tạo Chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	<b>Khối kiến thức chung</b> (Không tính các học phần 8-9)		<b>21</b>		
1	Triết học Mác - Lê nin	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23.	3	Học kỳ: 2	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2	Học kỳ: 3	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	Học kỳ: 3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23	2	Học kỳ: 4	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2	Học kỳ: 5	
6	Tiếng Anh B1		5	Học kỳ: 1	
7	Tiếng Anh B2		5	Học kỳ: 2	
8	Giáo dục thể chất		4		
9	Giáo dục quốc phòng an ninh		8		
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>13</b>		
10	Tin học cơ sở 2	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 1	
11	Toán cao cấp		4	Học kỳ: 1	
12	Xác suất thống kê		3	Học kỳ: 2	
13	Toán kinh tế		3	Học kỳ: 4	
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>18</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>16</b>		
14	Nhà nước và pháp luật đại cương	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 1	
15	Kinh tế vi mô	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	4	Học kỳ: 1	
16	Kinh tế vĩ mô	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	4	Học kỳ: 2	
17	Nguyên lý thống kê kinh tế	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
18	Kinh tế lượng	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>2/8</b>		
19	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 1	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Lịch sử văn minh thế giới	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 1	
21	Xã hội học đại cương	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 1	
22	Logic học	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 1	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>22</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>19</b>		
23	Luật kinh tế	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 4	
24	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
25	Kinh tế vi mô chuyên sâu	The objective of this course is to cover microeconomic theory at the intermediate level. This course's aim is to ensure that all students can take standard microeconomic problems and correctly analyze them. This course builds basic microeconomic tools, e.g., supply and demand curves, from fundamental concepts. The primary goal is to teach you how to apply economic reasoning in a careful, systematic way, to economic issues you will confront in subsequent university courses and in your post-university careers. The course is also important to any student who plans to go on to study economics at the graduate level. It is best seen as a course that provides the foundations of economic analysis and thereby opens the doors to other economics courses, both applied and theoretical.	4	Học kỳ: 4	Attendance; Homework Assignments: 10% Group Presentation: 10% Midterm Exam: 20% Final Exam: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	The objective of this course is to cover macroeconomic theory at the intermediate level This course's aim is to ensure that all students can take standard macroeconomic problems and correctly analyze them. This course builds basic macroeconomic tools, e.g., macroeconomic model, from fundamental concepts. The primary goal is to teach you how to apply economic reasoning in a careful, systematic way, to economic issues you will confront in subsequent university courses and in your post-university careers. The course is also important to any student who plans to go on to study economics at the graduate level. It is best seen as a course that provides the foundations of economic analysis and thereby opens the door to other economics courses, both applied and theoretical.	4	Học kỳ: 5	Attendance; Homework Assignments: 10% Group Presentation: 10% Midterm Exam: 20% Final Exam: 60%
27	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển	3	Học kỳ: 3	
28	Kinh tế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- The overall objective of the course is to provide students with fundamentals of international economics, and methodology of assessing international economic related issues with some application to Vietnam's context.</li> <li>- Upon the completion of the course, students are expected to grasp of the following issues: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Basis and gains of trade, pattern of trade between nations, and nature and impact of international trade policy instruments.</li> <li>- Forms of, motives for and welfare effect of the international movement of resources</li> <li>- Characteristics and function of the foreign exchange market, exchange rate determinants, concept and structure of balance of payment, and different international monetaty systems.</li> </ul> </li> </ul>	3	Học kỳ: 4	The components: 40% Final Exam: 60%
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>3/12</b>		
29	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 2	
30	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 2	
31	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	Học kỳ: 2	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
32	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
<b>V</b>	<b>Khởi kiến thức ngành</b>		<b>68</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>		
33	Kinh tế phát triển chuyên sâu	The course aims at deepening the student's theoretical and methodological knowledge of development economics. The point of departure is that economies are low-income because of a lack of economic growth. This in turn depends on low integration in the global economy, low investment and a lack of efficient institutions.	3	Học kỳ: 5	Homework Assignments: 10% Group Presentation: 5% Midterm Exam: 30% Final Exam: 50% Attendance and Discussion/ participation: 5%
34	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển	3	Học kỳ: 3	
35	Kinh tế công cộng	The course of economic geography provides knowledge on human's economic activities under varying sets of conditions which is associated with production, location, distribution, consumption, exchange of resources, and spatial organization of economic activities across the world and Vietnam-wide. Subjects deals with the economic geography in theory (location theory, economies of agglomeration, transportation, international trade, development, real estate, gentrification, ethnic economies, gendered economies, core-periphery theory, the economics of urban form, the relationship between the environment and the economy, and globalization) and in practices in Vietnam (sectorial geography and regional geography of Vietnam). The course of public economics helps learners understand, reproduce, reason and apply creativity to a certain extent the knowledge and analytical skills related to: The economic basis of the role of government in the market economy; Scale, process and efficiency criteria of public spending; The nature of tax, the distribution of the tax burden, the impact of taxes on efficiency; Theories about public choice and the impact of political and economic factors in the public sector. After completing the course, students can understand specialized research reports on the issues and obtain the ability to analyze, interpret, evaluate and come up with policy recommendations to address relevant issues of the public sector.	3	Học kỳ: 5	Attendance & Participation: 10% Group presentation: 20% Individual homework: 10% Final Exam: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Kinh tế thể chế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển	3	Học kỳ: 5	
37	Địa lý kinh tế	<p>* Knowledge: Understand concepts of economic geography; be able to use spatial analytical tools to analyze development issues; be able to recommend solutions for socio-economic development.</p> <p>* Skills</p> <p>a. Professional skills: Be able to discuss/communicate on economic geography issues, have skills for problem solving on development issues.</p> <p>b. Complementary skills: Skills for communication, teamwork.</p> <p>* Ethic qualities: Be aware of and responsible for sustainable development, have social responsibility.</p>	3	Học kỳ: 6	Participation: 10% Group work: 15% Mid-term exam: 15% Final exam: 60%
38	Kinh tế học phát triển bền vững	<p>* Knowledge: Understand concepts of economics of sustainable development; be able to use economic tools to analyze sustainable development issues; be able to recommend solutions for sustainable development.</p> <p>* Skills</p> <p>a. Professional skills: Be able to discuss/communicate on economics of sustainable development issues, have skills for problem solving on sustainable development issues.</p> <p>b. Complementary skills: Skills for communication, teamwork.</p> <p>* Ethic qualities: Be aware of and responsible for sustainable development, have social responsibility.</p>	3	Học kỳ: 6	Participation: 10% Group work: 15% Mid-term exam: 15% Final exam: 60%
39	Các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu kinh tế phát triển	<p>- <b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp, công cụ và kỹ thuật để thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế phát triển.</p> <p>- <b>Kỹ năng:</b> Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập; kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp.</p> <p>- <b>Thái độ:</b> có thái độ nghiêm cẩn, trung thực trong nghiên cứu khoa học.</p>	3	Học kỳ: 7	(i) Chuyên cần 10%; (ii) Kiểm tra tiến độ 30%; (iii) Đánh giá kết quả nghiên cứu 60%.
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		30/84		
<b>V.2.1</b>	<b>Các học phần chuyên sâu</b>		12/48		



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
V.2.1.1	<i>Các học phần chuyên sâu về Chính sách công và phát triển</i>		12		
40	Chính sách công	The course is aimed at providing learners with theoretical and practical knowledge to identify, classify the role of public policy as a tool of State management on all socio-economic aspects. After the course, the learners can understand the process, principles, and tools of public policy design; find out the problems, conduct research and propose policy solutions for some types of public policy, apply theoretical knowledge to clarify practical issues in 02 basic case studies related to economic policies and social policies.	3	Học kỳ: 7	Participation: 10% Group work: 15% Mid-term exam: 15% Final exam: 60%
41	Phân tích chi tiêu công	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu; Khung khổ phân tích chi tiêu công vĩ mô; các phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ trong một và một số lĩnh vực chi tiêu cơ bản; và phân tích các nhân tố thể chế có tác động chi phối đến hiệu quả chi tiêu công; Các phương pháp phân tích chi phí-lợi ích, phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ để có thể áp dụng phân tích hiệu quả phân bổ trong một lĩnh vực hoặc phân bổ giữa các lĩnh vực chi tiêu công cơ bản.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 5% Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
42	Lựa chọn công cộng	Cung cấp cho người học kiến thức về quá trình hình thành và thực hiện các quyết định công cộng dưới tác động của các nhân tố chính trị-xã hội dưới góc độ của kinh tế học. Trang bị cho người học các kỹ năng sử dụng kiến thức đã học vào đánh giá, lí giải các vấn đề xã hội liên quan tới lựa chọn công cộng. Hình thành tư duy hệ thống, khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập trong quá trình phát hiện vấn đề, tìm kiếm thông tin và nguồn tài liệu, đánh giá một số lựa chọn công cộng trong bối cảnh cụ thể. Hình thành thái độ khoa học cho sinh viên trước các vấn đề về lựa chọn công cộng.	3	Học kỳ: 6	Đi học đầy đủ & hoàn thành tốt các bài tập cá nhân/nhóm: 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Quản lý dự án phát triển	Trang bị cho người học một cách hệ thống và cụ thể những kiến thức và kỹ năng quản lý các dự án phát triển: Đặc điểm và vai trò của dự án phát triển, các mục tiêu và nội dung quản lý dự án phát triển; Phương pháp lập dự án phát triển dựa vào khung logic và phương pháp thẩm định dự án phát triển; Phương pháp và các chỉ số phân tích hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội dự án phát triển; Hoạt động quản lý dự án phát triển được tiếp cận từ hai góc độ: (1) theo quá trình quản lý, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá; (2) theo chức năng quản lý, bao gồm quản lý chi phí, quản lý nhân sự, quản lý thời gian, quản lý chất lượng. Phát triển kỹ năng đấu thầu và tài trợ cho dự án phát triển; kỹ năng quản lý dự án phát triển xuyên suốt quá trình học tập học phần này.	3	Học kỳ: 7	Điểm danh và bài tập về nhà 10% Kiểm tra giữa kỳ 15% Thuyết trình theo nhóm 15% Bài kiểm tra cuối học phần : 60%
<b>V.2.1.2. Các học phần chuyên sâu về Kinh tế môi trường và phát triển bền vững</b>			12		
44	Quản lý môi trường	Học phần Quản lý môi trường trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường và các bộ công cụ được sử dụng trong quản lý môi trường. Các nội dung được đề cập bao gồm: (i) Khái niệm, các nguyên lý cơ bản và nâng cao về quản lý môi trường và hệ thống quản lý môi trường; (ii) Công cụ hành chính trong quản lý môi trường; (iii) Công cụ đánh giá và quy hoạch trong quản lý môi trường; (iv) Công cụ kinh tế môi trường trong quản lý môi trường; (v) Sản xuất sạch hơn trong quản lý môi trường của doanh nghiệp.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Báo cáo dự án học phần: 15% Thi hết học phần: 60%
45	Kinh tế tài nguyên	At the end of the course, students must be able to: Remember basic concepts of NRE; Understand the nature and issues related to recruitment; Apply methods for performance appraisal; Examine the issues and concerns that belong to the realm of natural resource economics; and Apply economic concepts and tools in analyzing natural resource policies and problems.	3	Học kỳ: 7	Participation: 10% Group work: 15% Mid-term exam: 15% Final exam: 60%
46	Kinh tế sinh thái	Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức lý luận và thực tiễn để nghiên cứu sự tương tác giữa các hệ thống kinh tế và hệ thống sinh thái trong bối cảnh biến đổi toàn cầu hiện nay.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ cá nhân hoặc tiểu luận nhóm: 30% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Kỹ thuật phân tích kinh tế tài nguyên và môi trường	<p><i>Kiến thức:</i> Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan đến hạch toán môi trường, hạch toán môi trường vi mô và hạch toán môi trường vĩ mô, giới thiệu các phương pháp hạch toán môi trường vi mô, đặc biệt là hạch toán dòng nguyên liệu và năng lượng, hạch toán chi phí môi trường.</p> <p><i>Kỹ năng:</i> Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện các phương pháp hạch toán môi trường ở cấp độ vi mô.</p> <p><i>Thái độ:</i> Học phần nhằm nâng cao ý thức của sinh viên trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu chất thải.</p>	3	Học kỳ: 6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ cá nhân hoặc tiểu luận nhóm: 30%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
<b>V.2.1.3. Các học phần chuyên sâu về Kinh tế học</b>			12		
48	Kinh tế giáo dục	This course provides a broad introduction to the applications of economic theory, methods, and data for the study of education. The course can help students understand the justifications for and likely consequences of education policies and interventions, and be able estimate the associated costs and benefits. Thus, students gain knowledge to understand why individuals and societies invest in education, as well as how this education is “produced.” The course also draws specific attention to inequities both inside and outside of education, and considering the limitations of the economic approach in addressing these inequities.	3	Học kỳ: 6	<p>Assignments: 20%</p> <p>Mid-term test: 20%</p> <p>End-term test: 60%</p>
49	Kinh tế y tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm về kinh tế y tế, hiệu quả, hiệu suất hiệu lực và công bằng, những tính chất đặc thù của thị trường dịch vụ y tế, vai trò của nhà nước trong quản lý thị trường y tế, các kiến thức cơ bản về đánh giá kinh tế y tế và ý nghĩa của các nghiên cứu phân tích chi phí y tế trong quá trình ra quyết định về chính sách y tế.	3	Học kỳ: 6	<p>Điểm kiểm tra làm bài tập trong học kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết môn: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
50	Kinh tế lao động	Trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về quan hệ lao động giữa doanh nghiệp, người lao động và chính phủ xét trên góc độ phân tích thị trường và quản lý vĩ mô. Từ đó, người học có khả năng phân tích đánh giá sự vận hành của thị trường lao động hành vi ứng xử của doanh nghiệp và người lao động, tìm hiểu các vấn đề liên quan đến thị trường lao động như tiền lương, việc làm - thất nghiệp, di chuyển lao động và các chính sách quản lý trên thị trường lao động.	3	Học kỳ: 7	Điểm kiểm tra làm bài tập trong học kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
51	Quản trị nhân lực	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Quản trị nhân lực. Ghi nhớ các khái niệm cơ bản về QTNNL. Hiểu bản chất và các vấn đề liên quan đến tuyển dụng. Áp dụng các phương pháp để đánh giá kết quả thực hiện công việc. Phân tích nhu cầu đào tạo và phát triển. Phân tích tình trạng hiện tại để chọn phương pháp đào tạo và phát triển phù hợp. Đánh giá mức độ phù hợp của chế độ trả lương.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi kết thúc môn: 60%
<b>V.2.1.4. Các học phần chuyên sâu về Phân tích dữ liệu kinh tế và chính sách phát triển</b>			<b>12</b>		
52	Thống kê doanh nghiệp	Học phần giúp cung cấp cho sinh viên các kiến thức trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị cơ sở; nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất của hiện tượng kinh tế số lớn trong phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	3	Học kỳ: 6	Điểm kiểm tra làm bài tập trong học kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
53	Thống kê xã hội	Học phần TKXH cung cấp cho sinh viên ngành CTXH những kiến thức cơ bản: các khái niệm thường dùng trong thống kê; có loại số tương đối, số tuyệt đối, số bình quân và các phương pháp phân tích biến động theo thời gian được sử dụng trong phân tích thống kê; các hệ thống chỉ tiêu thống kê xã hội thường được sử dụng trong giáo dục và đào tạo, y tế, hôn nhân và gia đình, văn hóa thể thao và du lịch, an sinh xã hội, mức sống dân cư...	3	Học kỳ: 6	Điểm kiểm tra làm bài tập trong học kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh	Học phần Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh cung cấp một cách có hệ thống các kỹ năng cần thiết khi phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh, bao gồm: cách thức thu thập dữ liệu, xây dựng phiếu điều tra khảo sát, phân tích nhân tố, phân tích tương quan và hồi quy,... trình bày kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, sinh viên được thực hành phân tích dữ liệu trên phần mềm thống kê.	3	Học kỳ: 6	Đánh giá chuyên cần: 10% Điểm bài tập làm ở nhà (cá nhân, nhóm): 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Đánh giá cuối kỳ: 60%
55	Kinh tế lượng chuyên sâu	<p><b>Knowledge</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Know the basic econometric models, the time series analysis models, the arrayed and aggregated data models and estimation methods of each model types</li> <li>- Know how to read and understand the results of available models.</li> <li>- Know the analysis and evaluation of the results of the estimates, tests and forecasts received.</li> </ul> <p><b>Skill</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Professional skills</i>: Establish the scientific spirit and research ethics of scientific people. Developing skills of researching economic, social and business issues. Develop general skills, analysis and decision making. Raise the sense of independence in research, gain more confidence in understanding and solving problems. Skilled in building a quantitative scientific research in economics.</li> <li>- <i>Complementary skills</i>: development skills for communication and group networking.</li> </ul> <p><b>Ethic qualities</b>: Serious, diligent, thorough at work. Having an objective and honest attitude in science</p>	3	Học kỳ: 7	Attendance: 10% Teamworks: 10% Mid-term exam: 20% Final exam: 60%
<b>V.2.2. Các học phần bổ trợ</b>			<b>18/33</b>		
56	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ: 3	
57	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Kinh doanh quốc tế	Học phần giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản nhất của Kinh doanh quốc tế. Với cách tiếp cận như trên, học phần xem xét những vấn đề chủ yếu sau: Bản chất của kinh doanh quốc tế; môi trường kinh doanh quốc tế. Phần tiếp theo của học phần thảo luận về hoạt động của các doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu trên. Các chủ đề được đề cập bao gồm: hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh quốc tế; chiến lược tổ chức và những nhân tố quy định việc lựa chọn cơ cấu tổ chức; chiến lược sản xuất; chiến lược Marketing quốc tế; chiến lược quản trị nguồn nhân lực. Các nghiên cứu tình huống được sử dụng trong suốt khóa học giúp sinh viên phân tích và vận dụng các quan điểm, kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế.	3	Học kỳ: 3	Đi học đầy đủ và tích cực tham gia thảo luận trong lớp: 5% Bài tập cá nhân tuần: 5% Thuyết trình nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi kết thúc môn: 60%
59	Nhập môn kinh tế học về Biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về biến đổi khí hậu tác động tới các quốc gia như thế nào; phân tích tổn thất do biến đổi khí hậu trong so sánh với chi phí nhằm giảm thiểu hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu ra sao; các chính sách kinh tế trong việc không chế phát thải khí nhà kính; và vai trò của cộng đồng quốc tế cùng hành động để đối phó với biến đổi khí hậu.	3	Học kỳ: 4	Đánh giá chuyên cần: 10% Đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Trình bày nhóm: 10% Đánh giá cuối kỳ: 60%
60	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
61	Quản lý nhà nước về kinh tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về Kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Quy luật kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; Các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế; ...	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
62	Thương mại điện tử	Ngày nay, hầu hết các tổ chức tồn tại nhờ vào khả năng cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mang lại nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng. Kênh phân phối hàng hóa và dịch vụ qua internet và các phương tiện công nghệ thông tin đang tạo ra một ngành công nghiệp hoàn toàn mới cũng như tái cấu trúc những ngành đang tồn tại. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và ứng dụng trong thương mại điện tử. Sinh viên sẽ hiểu được bản chất của sự phát triển của thương mại điện tử, các mô hình B2B và B2C trong thương mại điện tử, E-Marketing và thanh điện tử E-payment. Cuối cùng, sinh viên sẽ có thể ứng dụng những điều họ đã học vào trong dự án làm việc nhóm ở cuối khóa học.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 5% Bài tập về nhà: 5% Bài tập nhỏ: 10% Bài tập nhóm: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
63	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế.	3	Học kỳ: 3	
64	Tài chính cho phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Phát triển.	3	Học kỳ: 5	
65	Hoạch định chính sách phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Phát triển.	3	Học kỳ: 5	
66	Các mô hình ra quyết định	Học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan đến các mô hình ra quyết định, bao gồm: các mô hình ra quyết định dạng tuyến tính và phi tuyến... Vai trò của dùng mô hình trong việc ra quyết định của nhà quản trị trong môi trường kinh doanh ngày nay. Học phần sẽ tập trung vào 3 phần như sau: Phần 1: Các mô hình phân tích tổng quát. Phần này tập trung vào trang bị các kiến thức cơ bản về lập mô hình và ra quyết định từ các mô hình này, lựa chọn mô hình phù hợp cho việc ra quyết định quản trị, sử dụng các kỹ thuật cụ thể cho các áp dụng thực tế trong quản lý sản xuất & dịch vụ cũng như các lĩnh vực khác.. Phần 2 tập trung vào giúp các nhà ra quyết định chọn lựa các phương án dựa trên các tiêu chuẩn định lượng; Phần 3 hướng dẫn cho sinh viên cách thức đưa ra quyết định trong bối cảnh thông tin không chắc chắn hoặc khi cần quyết định trong sự hạn chế về thời gian. Nó cho sinh viên thấy sự tương phản của việc nhiều nhà quản trị thường ra quyết định như thế nào? Việc sử dụng nhiều ví dụ thực tế và các bài tập tình huống trong quá trình giảng dạy cũng sẽ rèn luyện kỹ năng ra quyết định của các sinh viên.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 10% Thi hết môn: 60%
<b>V.3</b>	<b>Thực tập thực tế và niên luận</b>		<b>10</b>		
67	Thực tế năm thứ 1	Học phần thực tập thực tế cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế phát triển; tạo điều kiện cho sinh viên hệ CLC năm thứ nhất của Khoa Kinh tế Phát triển có những tiếp cận đầu tiên với hệ thống tổ chức kinh doanh hoặc quản lý nhà nước tại Hà Nội và vùng lân cận trong các lĩnh vực kinh tế và phát triển. Học phần sẽ giúp sinh viên thực hành một số kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, bước đầu thực hành kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá về một trong số các vấn đề phát triển tại Việt Nam. Trên đó, sinh viên hình thành định hướng nghiên cứu và học tập trong năm học tới cũng như sau khi ra trường.	2	Học kỳ: 2	Điểm chuyên cần: 30% Báo cáo thu hoạch: 70%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
68	Thực tập cơ sở năm thứ 2	Học phần thực tập thực tế cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế phát triển; tạo điều kiện cho sinh viên hệ chất lượng cao năm thứ 2 của Khoa Kinh tế Phát triển có những tiếp cận đầu tiên với tổ chức, cơ quan quản lý Nhà nước, các viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp/doanh nghiệp xã hội, có cơ hội làm việc với các nhà quản lý, các chuyên gia trong lĩnh vực phát triển. Học phần sẽ giúp sinh viên thực hành một số kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, bước đầu thực hành kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá về một trong số các vấn đề phát triển tại Việt Nam. Trên đó, sinh viên hình thành định hướng nghiên cứu và học tập trong năm học tới cũng như sau khi ra trường.	2	Học kỳ: 4	Điểm chuyên cần: 30% Báo cáo thu hoạch: 70%
69	Thực tập chuyên ngành năm thứ 3	Học phần thực tập thực tế cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế phát triển; tạo điều kiện cho sinh viên hệ chất lượng cao năm thứ 3 của Khoa Kinh tế Phát triển có những tiếp cận đầu tiên với tổ chức, cơ quan quản lý Nhà nước, các viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp/doanh nghiệp xã hội, có cơ hội làm việc với các nhà quản lý, các chuyên gia ở nước ngoài trong lĩnh vực phát triển. Học phần sẽ giúp sinh viên thực hành một số kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, thực hành kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá về một trong số các vấn đề phát triển tại các nền kinh tế mới nổi khu vực Đông Nam Á. Trên đó, sinh viên hình thành định hướng nghiên cứu và học tập trong năm học cuối cùng cũng như sau khi ra trường.	2	Học kỳ: 6	Điểm chuyên cần: 30% Báo cáo thu hoạch: 70%
70	Niên luận	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	4	Học kỳ: 6	Đánh giá điểm bài viết
<b>V.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>		
71	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	7	Học kỳ: 8	



### 3. Thạc sĩ Chính sách công và phát triển

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>47</b>		
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>26</b>		
1	Lý thuyết kinh tế vi mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
4	Kinh tế học khu vực công	Nội dung học phần tập trung vào bốn mảng vấn đề cơ bản của khu vực công, gồm có: Cơ sở kinh tế của vai trò chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Tiêu chí về hiệu quả của việc chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế đến hiệu quả; Lựa chọn công cộng và tác động qua lại của các nhân tố kinh tế, chính trị đến sự lựa chọn công cộng. Có phương pháp luận và công cụ phân tích về hiệu quả áp dụng xuyên suốt trong các chương, mục của học phần.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
5	Thể chế và Tổ chức lãnh đạo khu vực công	Cung cấp cho người học các nội dung bao quát từ tổng quan học phần, các vấn đề về sự lãnh đạo và nhà lãnh đạo, cho đến bối cảnh và nhân tố tác động đến hoạt động lãnh đạo. Tổng quan học phần bao gồm khái niệm, phân loại, quan điểm về việc lãnh đạo khu vực công; và phương pháp tiếp cận nghiên cứu học phần. Các vấn đề lãnh đạo khu vực công tập trung vào hai nội dung chính về việc lãnh đạo, và con người lãnh đạo. Các nhân tố tác động được trình bày thành hai nội dung gồm các nhân tố từ nội bộ, và các nhân tố ngoại cảnh.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
6	Chiến lược và Chính sách công cho phát triển	Học phần Chiến lược và Chính sách công cho Phát triển tập trung vào những nội dung quyết định làm hoặc không làm của chính phủ vì mục tiêu tăng trưởng và phát triển theo hướng bền vững. Hình thành phương pháp nghiên cứu, hướng đến (i) Quy trình thiết kế chính sách công; (ii) Các công cụ thiết kế chính sách; (iii) Thực hiện và điều chỉnh chính sách; (iv) Quản trị thực hiện chính sách. Người học còn được trang bị những kiến thức về môi trường và các nhân tố chi phối chất lượng các chính sách công cho phát triển, đặc biệt là môi trường thể chế và mô hình tổ chức của bộ máy nhà nước.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
7	Phân tích và hoạch định chính sách công	Trang bị cho học viên kiến thức về vai trò, ý nghĩa, phương thức, mức độ tác động của chính sách phát triển; các quy trình, cách thức và công cụ của việc hoạch định chính sách. Học viên có khả năng kết hợp các kiến thức được học với các công cụ và kỹ năng phân tích, lý giải, đánh giá để có thể đưa ra các khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới chính sách phục vụ cho mục tiêu phát triển.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
8	Chính sách tăng trưởng xanh	Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức lí thuyết đại cương về tăng trưởng kinh tế cần thiết cho việc hiểu khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng xanh cùng với các chính sách nhằm kích thích tăng trưởng xanh.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
9	Quản lý, giám sát và đánh giá dự án công	Cung cấp những kiến thức về dự án công và quản lý dự án; cấu trúc tổ chức của dự án, cấu trúc sản phẩm và phân chia công việc trong dự án; đề xuất dự án và việc lập kế hoạch và lịch trình thực hiện một dự án; quá trình tổ chức thực hiện dự án như quản lý nhân sự, quản lý mua sắm, đánh giá tác động tới môi trường, quản lý tài chính và kế toán của dự án. HV có thể vận dụng kiến thức để thực hiện giám sát, đánh giá và kết thúc/báo cáo của một dự án.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>21/45</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
10	Chiến lược, chính sách phát triển của các tổ chức khu vực và quốc tế.	Học phần này nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức về vai trò và hoạt động của các tổ chức quốc tế chính trong thế kỷ 21: triết lý và nguyên lý của các tổ chức quốc tế cũng như các vấn đề mà các tổ chức này giải quyết; nguồn gốc lịch sử, bản chất và các chức năng của các tổ chức quốc tế; Một số vấn đề chung về các tổ chức khu vực và quốc tế như lịch sử hình thành, các tổ chức quốc tế được hình thành trong thế kỷ 19, sự cần thiết của các tổ chức quốc tế. Các tổ chức quốc tế được giảng dạy trong học phần này gồm có: Các tổ chức của Liên hợp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Tổ chức thương mại thế giới, Các tổ chức phi chính phủ quốc tế, Các tổ chức khu vực. Ngoài ra học phần cũng sẽ thảo luận về tương lai của các tổ chức quốc tế.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
11	Kinh tế học về biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về biến đổi khí hậu tác động tới các quốc gia như thế nào; phân tích tổn thất do biến đổi khí hậu trong so sánh với chi phí nhằm giảm thiểu hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu ra sao; các chính sách kinh tế trong việc không chế phát thải khí nhà kính; và vai trò của cộng đồng quốc tế cùng hành động để đối phó với biến đổi khí hậu.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
12	Phân tích chi phí lợi ích và thẩm định dự án đầu tư	Trong điều kiện nguồn lực khan hiếm, các quyết định chính sách của chính phủ cần được thẩm định bằng phương pháp Phân tích chi phí - lợi ích (expanded CBA) nhằm xác định xem chúng có sử dụng hiệu quả các nguồn lực hay không. So với đánh giá các dự án tư, sử dụng CBA để đánh giá chính sách công ở hai khó khăn. Thứ nhất, xem xét tính hiệu quả của chính sách công liên quan tới liên quan tới chi phí và lợi ích của nhiều đối tượng khác trong xã hội chứ không chỉ các đối tượng liên quan trực tiếp (ví dụ: ô nhiễm, thuế, v.v). Thứ hai, chi phí và lợi ích xã hội của một chính sách không phải lúc nào cũng dễ dàng biểu diễn bằng đơn vị tiền tệ (ví dụ: môi trường, sức khỏe, v..v). Mở rộng cung cấp cho học viên các kiến thức lí luận và thực tiễn cùng với đó là các kĩ năng cần thiết trong tính toán chi phí chính sách, đánh giá tác động bằng giá thị trường, lượng giá các chi phí lợi ích phi thị trường và các vấn đề liên quan tới rủi ro và mạo hiểm.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
13	Phân tích Thống kê cho chính sách công	Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức và kĩ năng cần thiết trong phân loại, xử lí, mô tả và phân tích dữ liệu giúp ích cho phân tích tác động của chính sách công và ra quyết định chính sách.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		Ứng dụng các khái niệm và phương pháp thống kê định lượng trong phân tích các vấn đề của chính sách công, đồng thời chỉ ra các vấn đề hạn chế của phương pháp này. Các nội dung chính của học phần này bao gồm: xử lý số liệu, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp hồi quy đơn biến và đa biến và các mô hình kinh tế lượng.			
14	Phân cấp và quản trị địa phương	Cung cấp các khái niệm, phạm vi và ý nghĩa của phân cấp, đặc biệt là phân cấp trong quản lý kinh tế, tài chính công và dịch vụ công; Lý luận phân cấp là nội dung cốt lõi của học phần, được đặt trên cơ sở lý thuyết của kinh tế học về hiệu quả phát triển và chi phí giao dịch; Phân cấp được nhận diện, đánh giá từ góc độ thực tiễn phát triển thông qua cách phân tích quá trình cải cách phát triển của một số quốc gia, một số nhóm nước trên thế giới; Các vấn đề nêu trên cần được rút ra bài học kinh nghiệm để liên hệ với thực tiễn phân cấp và phát triển tại Việt Nam.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
15	Chính sách Phát triển vùng	Cung cấp lý thuyết căn bản cũng như kinh nghiệm thực tế của các nước trên thế giới khái quát về phát triển vùng như mục tiêu phát triển vùng, các mô hình phát triển vùng, những bài học thành công và thất bại khi áp dụng các mô hình phát triển vùng trên thế giới. Áp dụng kiến thức để phân tích mô hình phát triển vùng hiện tại của Việt Nam và có thể đề xuất ra những giải pháp điều chỉnh mô hình cũng như là những chính sách về phát triển vùng của Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
16	Quản lý tài chính công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học phần tự chọn	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
17	Cải cách dịch vụ công	cung cấp cho học viên lý luận cơ bản về dịch vụ công, các đặc trưng của dịch vụ công, làm rõ phạm vi và trách nhiệm của Nhà nước trong việc cung ứng các dịch vụ công. Phân tích thực trạng cung ứng các loại dịch vụ công quan trọng và cơ bản nhất đối với đời sống xã hội hiện nay như giáo dục, y tế, giao thông công cộng cũng như các dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước như cấp đăng ký kinh doanh, thu thuế, cấp giấy phép đầu tư nước ngoài. Phân tích kinh nghiệm của các nước trên thế giới, học phần giúp học viên tiếp cận phương hướng đổi mới và các phương pháp cải tiến cụ thể nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công cộng và dịch vụ hành chính công.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
18	Bất bình đẳng và phát triển	Cung cấp cho người học các nội dung bao quát từ tổng quan học phần, khái niệm, thước đo nghèo đói, cho đến các nguyên nhân và giải pháp xóa đói, giảm nghèo nhằm bảo đảm sự phát triển. Hiểu rõ mối quan hệ tương tác nhân quả giữa nghèo đói và phát triển, đồng thời đi sâu hiểu rõ nội dung từng nhóm giải pháp khắc phục căn nguyên dẫn đến nghèo đói từ phía cá nhân, và từ phía xã hội. Từ góc độ cá nhân, nghèo đói có thể khắc phục từ giải pháp giáo dục, y tế và trợ cấp. Từ góc độ xã hội, nghèo đói được khắc phục từ việc hoàn thiện thị trường đầy đủ và tự do, tránh được tác động bất lợi từ khiếm khuyết của thị trường và tình trạng dân số biến động bất hợp lý.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
20	Ra quyết định đa tiêu chuẩn trong kinh tế và quản trị	Học phần sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về các phương pháp, công cụ ra quyết định đa tiêu chuẩn, cụ thể phương pháp TOPSIS, phân tích thứ bậc (AHP), mô hình triển khai chức năng chất lượng (QFD), và các mô hình ra quyết định khác. Đặc biệt, học phần cũng sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về tập mờ, số mờ và sự mở rộng của các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn trong giải quyết các bài toán ra quyết định trong môi trường thông tin không hoàn hảo, đầy đủ. Ứng dụng của các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn trong lĩnh vực kinh tế và quản trị cũng được giới thiệu trong học phần.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
21	Phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm cho phân tích định tính	Phát triển kỹ năng phỏng vấn, thảo luận nhóm và làm báo cáo thực địa. Cung cấp các phương pháp tiếp cận khác nhau để phân tích dữ liệu phỏng vấn, bao gồm cả việc sử dụng các phần mềm được phát triển cho mục đích phân tích dữ liệu định tính từ phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
22	Công cụ bảng hỏi cho phân tích định lượng	Nghiên cứu khảo sát là phổ biến và hữu ích khi chúng ta đang quan tâm đến việc phân phối các thông số đặc trưng cho xã hội (cộng đồng). Học phần công cụ này tất nhiên giới thiệu một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến việc thiết kế và thực hiện một cuộc khảo sát, dựa trên việc sử dụng một bảng câu hỏi trong phân tích định lượng. Bài tập thực hành bao gồm các bước cơ bản trong nghiên cứu khảo sát, chẳng hạn như hiện thực hoá một câu hỏi nghiên cứu, thực hành lấy mẫu, thiết kế bảng câu hỏi, thực hiện điều tra, nhập dữ liệu và phân tích cũng như các trình bày kết quả nghiên cứu.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23	Quản lý và phát triển đô thị	Học phần này sẽ giới thiệu các lý thuyết tổng quan về quy luật hình thành và phát triển đô thị. Học phần cũng nghiên cứu xây dựng các mối quan hệ quản lý trong việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực của đô thị và của nền kinh tế cho phát triển đô thị. Ngoài ra học phần sẽ đưa ra các giải pháp, chính sách cho phát triển đô thị và các vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển các đô thị như tắc nghẽn giao thông, đất đai và nhà ở đô thị, nghèo đói đô thị.....	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
24	Môi trường kinh doanh và phát triển doanh nghiệp	Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về khái niệm, đặc điểm; nhân tố kinh tế, thể chế, văn hoá và tự nhiên có ảnh hưởng tới chất lượng môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế. Những phân tích và đánh giá các cơ hội và thách thức từ môi trường kinh doanh tới sự hình thành, xây dựng và phát triển doanh nghiệp tư nhân.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
	<b>Luận văn</b>		<b>9</b>		

## C6. VIỆN QUẢN TRỊ KINH DOANH

### 1. Chương trình cử nhân

#### 1.1. Cử nhân chất lượng cao ngành Quản trị kinh doanh theo Thông tư 23

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>21</b>		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23			
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực</b>		<b>10</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>18</b>		
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>16</b>		
	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23				
<b>III.2</b>	<b>Tự chọn</b>		<b>2/6</b>		
1.	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23	2	HK1	
2.	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Học phần Lịch sử kinh tế Việt Nam nghiên cứu sự phát triển của các nền kinh tế ở Việt Nam như nền kinh tế tự nhiên, nền kinh tế hàng hoá, nền kinh tế thuộc địa, nền kinh tế dân tộc độc lập, nền kinh tế nguyên thủy, nền kinh tế phong kiến...từ thời kỳ lập nước cho đến nay. Vạch rõ sự vận động phát triển của các kết cấu kinh tế, chủ yếu là các kết cấu kinh tế ngành, kết cấu kinh tế vùng, kết cấu các thành phần kinh tế và các kết cấu kinh tế khác, trong đó kết cấu kinh tế – xã hội là quyết định nhất, khái quát hoá thành các xu hướng, khuynh hướng phát triển của nó, tổng kết thành các bài học kinh nghiệm (từ thời kì nguyên thủy, thời kì dựng nước, thời kì phong kiến, thời kì Pháp thuộc, thời kì nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, thời kì nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam)	2	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân tuần: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
3.	Lịch sử văn minh thế giới***	Học phần giới thiệu sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai cập; (2) văn minh Lưỡng Hà; (3) văn minh Trung Hoa; (4) văn minh Ấn Độ; (5) văn minh Ả Rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp – La mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX. So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các nền văn minh mà thế giới đã trải qua. Trong mỗi nền văn minh sẽ giới thiệu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội - văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh. Ngoài ra, học phần cũng trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học – kỹ thuật, tôn giáo.	2	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức chung theo nhóm ngành</b>		<b>21</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>		
4.	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Học phần tập trung vào việc giới thiệu các nội dung, vai trò, tác dụng của văn hóa kinh doanh và đạo đức kinh doanh như một nguồn lực phát triển kinh tế và kinh doanh, trên cơ sở đó xây dựng các chương trình hành động và quản trị việc áp dụng và phát huy chúng trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp, doanh nhân thiệu về khái niệm, nội dung của đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Đưa ra các nguyên tắc, hình thức thực hành đạo đức kinh doanh vào thực thi trách nhiệm xã hội trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và của các địa phương của Việt Nam.	3	HK3	Chuyên cần, tham gia thảo luận trên lớp:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập nhóm:15% Thi hết môn: 60%
5.	Luật doanh nghiệp***	Luật doanh nghiệp là học phần cần thiết đối với sinh viên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và các ngành học liên quan đến lĩnh vực kinh tế ở các bậc đại học. Học phần này trình bày những vấn đề cơ bản về luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, nội dung của học phần gồm những nội dung chính như: những quy định chung về doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, giải quyết tranh chấp trong thương mại.	3	HK4	Bài tập cá nhân tuần:10% Bài tập nhóm/tháng:10% Bài tập lớn/học kỳ:20% Thi hết môn:60%
6.	Quản trị học*	Cung cấp và hình thành kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê và mô tả các lý thuyết quản lý chính được thể hiện thông qua lịch sử của những suy nghĩ về Quản lý Modern.</li> <li>- Xác định và mô tả các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát của quản lý.</li> <li>- Mô tả môi trường bên trong và bên ngoài của quản lý.</li> <li>- Thể hiện kỹ năng giao tiếp bằng văn bản phù hợp với nghề quản lý.</li> <li>- Thảo luận về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh quản lý.</li> <li>- Giải thích khái niệm quản lý.</li> </ul> Hình thành các kỹ năng và thuộc tính cá nhân và chuyên nghiệp: kỹ năng phân tích, kỹ năng chuyên nhượng dự án về ý tưởng kinh doanh) và áp dụng kiến thức trong suốt khóa học....., kỹ năng quản lý thời gian và tài nguyên, học và	3	HK3	Chuyên cần, tham gia thảo luận trên lớp: 5% Bài tập nhóm: 15% Kỳ thi giữa kì: 20% Thi cuối kì: 60%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự học, tự quản lý và thuyết trình, lãnh đạo (truyền đạt tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu; lựa chọn, triển khai, thúc đẩy, đánh giá thành viên), truyền thông....			
7.	Nguyên lý Marketing*	<p>Khóa học này cung cấp kiến thức cơ bản về tiếp thị cho phép sinh viên đánh giá, mô tả và thiết kế các hoạt động tiếp thị với những hiểu biết thực tế về thế giới thực; hiểu rõ các thuật ngữ, khái niệm và khung được sử dụng bởi các nhà quản lý tiếp thị thực hành.</p> <p>Áp dụng các khung và công cụ chính để phân tích hành vi, đối thủ cạnh tranh và môi trường tiếp thị của khách hàng.</p> <p>Phát triển tư duy phản biện để đánh giá lựa chọn sáng tạo thị trường mục tiêu và các quyết định pha trộn liên quan đến sản phẩm, giá cả, khuyến mãi và địa điểm để đáp ứng nhu cầu của thị trường mục tiêu.</p>	3	HK3	Tham dự và đóng góp trong lớp:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:10% Bài tập nhóm:15% Trình bày trường hợp nhóm:10% Kiểm tra cuối cùng:60%
8.	Nguyên lý kế toán	<p>Học phần Nguyên lý kế toán nhằm trang bị cho người học những kiến thức chung về kế toán, vai trò và chức năng của kế toán trong nền kinh tế, tầm quan trọng của việc tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc kế toán chung.</p> <p>Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng, về mặt phương pháp luận trong việc thực hành kế toán từ việc xử lý chứng từ tới việc ghi chép chứng và lập các báo cáo kế toán (ở mức độ đơn giản). Đồng thời cũng giúp người học có cách xử lý các vấn đề phát sinh tại doanh nghiệp từ khâu cung cấp, sản xuất tới tiêu thụ. Bằng việc nhận thức được tầm quan trọng của kế toán trong doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung, người học có thể vận dụng kiến thức vào việc thực hành công tác kế toán và nắm được bản chất của công tác này.</p>	3	HK4	Chuyên cần:7.5% Bài tập cá nhân:7.5% Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Thi hết môn:60%
<b>IV. 2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/12</b>		
9.	Hành vi tổ chức	<p>Quản lý hiệu quả nguồn nhân lực trong các tổ chức yêu cầu các nhà lãnh đạo, quản lý phải có một sự hiểu biết sâu sắc về các quy trình và hành vi của từng cá nhân trong tổ chức. Các nhà quản lý cần phải hiểu lý do tại sao mọi người cư xử như vậy trong đến công việc của cá nhân, trong nhóm làm việc của họ và trong tổ chức của họ. Hiểu biết về nhận thức, thái độ, hành vi và động lực của từng cá nhân sẽ cho phép các nhà quản lý không chỉ hiểu rõ hơn về nhân viên của mình, mà còn có thể áp dụng chính sách quản lý và phong cách lãnh đạo phù hợp để nâng cao hiệu quả của họ</p>	3	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần và thảo luận trên lớp: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10.	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	HK5	
11.	Quản trị xung đột	(Học phần tự chọn) Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề lý thuyết căn bản về xung đột và giải quyết xung đột trong tổ chức. Từ đó, người học có thể xác định quan điểm tiếp cận hợp lý đối với xung đột và lựa chọn chiến lược phù hợp để giải quyết tận gốc rễ các loại xung đột khác nhau trong tổ chức.	3	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập nhóm:20% Thi hết môn:60%
12.	Kinh doanh quốc tế*	Khóa học trang bị kiến thức lý thuyết và thực hành trong Kinh doanh quốc tế, cũng như phát triển các kỹ năng và thuộc tính cá nhân, chuyên nghiệp và giữa các cá nhân cho sinh viên.	3	HK5	Lớp học: 5% Chuyên cần: 5% Trình bày trường hợp nhóm: 10% Dự án khóa học: 20% Thi cuối kỳ: 60%
<b>V</b>	<b>Khởi kiến thức ngành</b>		<b>69</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>27</b>		
13.	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp*	Cung cấp các kiến thức có liên quan đến các vấn đề: doanh nhân, kế hoạch kinh doanh và các doanh nghiệp phù hợp với các nhà đầu tư tinh thần và / hoặc chuyên nghiệp (đặc biệt là đầu tư mạo hiểm); các milepost và chỉ ra các nguồn lực cần thiết để đạt quản lý . Hiểu rõ bộ tiêu chuẩn để so sánh hiệu suất thực tế có thể được so sánh.	3	HK4	Tham dự và tham gia: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Nhóm dự án & trình bày: 20% Kiểm tra cuối cùng: 60%
14.	Đại cương về phát triển doanh nghiệp***	Học phần trang bị cho người học những nội dung kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Hệ thống kiến thức cấu thành nội dung học phần này bao gồm: (i) Các khái niệm cơ bản về phát triển doanh nghiệp, (ii) Các nhân tố quyết định đến sự phát triển doanh nghiệp, (iii) Phát triển các loại hình doanh nghiệp, (iv) Nhà nước và phát triển doanh nghiệp, (v) Phát triển doanh nghiệp quốc tế. Sau khóa học, người học sẽ có được kiến thức nền tảng về các loại hình doanh nghiệp, các yếu tố nền tảng để phát triển doanh nghiệp và từ đó họ có thể vận dụng vào quá trình phát triển doanh nghiệp của bản thân trong tương lai.	3	HK3	Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 20% Thi hết môn: 60%
15.	Chiến lược kinh doanh***	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chiến lược kinh doanh để các nhà quản trị doanh nghiệp, những người khởi nghiệp kinh doanh	3	HK7	Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có thể phân tích và lựa chọn giải pháp chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp của mình ở từng giai đoạn phát triển khác nhau.			Thi hết môn: 60%
16.	Quản trị nguồn nhân lực*	Dựa trên lý thuyết cổ điển và đương đại và nghiên cứu thực nghiệm, hình thành một phân tích nhân văn và pháp lý của các tổ chức, hiểu rõ các nguyên tắc cơ bản của quản lý nguồn nhân lực: (i) vai trò của quản lý nguồn nhân lực đối với người sáng tạo. của chiến lược tổ chức. (ii) chức năng nguồn nhân lực là một chức năng chiến lược quan trọng trong các tổ chức thành công. (iii) mối quan hệ năng động giữa chiến lược, con người, công nghệ và các quy trình thúc đẩy các tổ chức. Các lĩnh vực chủ đề chính bao gồm: luật việc làm, nhân sự, lương thưởng, phát triển nguồn nhân lực và quản lý hiệu suất.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thảo luận / tham gia: 10% Bài tập về nhà! Bài tập: 10% Kỳ thi giữa kỳ: 10% Thi cuối kỳ: 60%
17.	Đại cương về lãnh đạo*	Khóa học tập trung vào việc cung cấp kiến thức của sinh viên về lãnh đạo: sự quan trọng của việc hiểu bản thân và thế giới, tìm hiểu bối cảnh và hiện tượng để dẫn dắt tổ chức; các bước để dẫn dắt nhóm của họ và giải quyết các vấn đề. Có thể áp dụng các kỹ năng lãnh đạo tại nơi làm việc của họ một cách hiệu quả. Nghiên cứu về cách tiếp cận để đánh giá nhóm và cách thúc đẩy họ vượt qua khó khăn. Phát triển kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà lãnh đạo.	3	HK5	Điểm danh và đánh giá cá nhân dựa vào thái độ học tập: 10% Thảo luận bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% bài thi hết học phần: 60%
18.	Quản trị sự thay đổi***	Cung cấp các kiến thức mang tính liên ngành trong quản trị; Có thể áp dụng kiến thức khoa học hành vi để quản trị tổ chức. Hiểu rõ về khả năng cạnh tranh của tổ chức và doanh nghiệp.	3	HK7	Chuyên cần: 5% Thảo luận/Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Tiểu luận học phần: 60%
19.	Quản trị rủi ro***	Mức 1 (Tái hiện - Biết) Nhớ và tái hiện được các nội dung chính của học phần (1) khái niệm cơ bản về rủi ro và quản trị rủi ro (2) nhận dạng rủi ro (3) phân tích và đánh giá rủi ro (4) đo lường rủi ro (5) kiểm soát và phòng ngừa rủi ro Mức 2&3 (Hiểu biết và áp dụng) Sự hiểu: Hiểu được các nội hàm về rủi ro, cách thức nhận dạng rủi ro, hiểu được phương pháp phân tích, đánh giá đo lường rủi ro.	3	HK6	Chuyên cần (Kiểm tra tính chuyên cần) 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Áp dụng: có khả năng áp dụng được các phương pháp nhận diện rủi ro, đo lường và phân tích rủi ro, và khả năng xây dựng được quy trình hệ thống kiểm soát và phòng ngừa rủi ro.</p> <p>Mức 4&amp;5 (Lập luận - Phân tích và đánh giá)</p> <p>Lập luận - Phân tích: phân tích đánh giá được các nguyên nhân gây nên rủi ro, mức độ tác động của các yếu tố gây nên rủi ro cho hoạt động kinh doanh của DN.</p> <p>Đánh giá: đánh giá được các tác động của rủi ro tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các giải pháp phòng ngừa hiệu quả.</p> <p>Mức (Sáng tạo)</p> <p>Có khả năng phân tích, phân biệt và vận dụng kiến thức của học phần vào trong việc xây dựng hệ thống kiểm soát và phòng ngừa rủi ro của DN.</p> <p>Có cách tiếp cận khoa học, hiện đại vận dụng các phương pháp kiểm soát và phòng ngừa rủi ro vào trong DN</p>			
20.	Quản trị chiến lược*	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát tình hình kinh doanh, sự tương tác giữa các lĩnh vực chức năng khác nhau như nguyên tắc quản lý, tiếp thị, quản lý vận hành, tài chính và kế toán.</p> <p>Người học hiểu rõ: quy trình quản lý chiến lược của các công ty trong môi trường cạnh tranh.</p>	3	HK5	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Thảo luận / tham gia: 5%</p> <p>Bài tập về nhà / Bài tập: 15%</p> <p>Kỳ thi giữa kỳ: 60%</p>
21.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*	<p>Cung cấp và hình thành kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- hiểu biết về phạm vi của các vấn đề CSR.</li> <li>- phát triển quan điểm nhiều bên liên quan trong việc xem xét các vấn đề CSR.</li> <li>- khám phá các kết nối giữa chiến lược và CSR.</li> <li>- so sánh và đối chiếu nhiều quan điểm và sự đánh đổi tồn tại trong khu vực của CSR.</li> <li>- phân tích các vấn đề phức tạp mà các nhà lãnh đạo tổ chức phải đối mặt khi họ phát triển các chương trình CSR của họ.</li> <li>- đánh giá mức độ cam kết với CSR của các tổ chức khác nhau và giải thích làm thế nào nó có thể là một nguồn lợi thế cạnh tranh.</li> <li>- hiểu biết về các vấn đề phức tạp đang đối mặt với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và xã hội.</li> </ul>	3	HK6	<p>Tham dự lớp học, đóng góp trong lớp và thảo luận: 10%</p> <p>Thuyết trình nhóm, dự án khóa học: 10%</p> <p>Kỳ thi giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>27/69</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22.	Đàm phán thương mại quốc tế***	Học phần cung cấp cho người học: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm những đặc điểm của đàm phán thương mại quốc tế, các kiểu đàm phán thương mại quốc tế, một số mô hình đàm phán.</li> <li>- Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đàm phán thương mại quốc tế.</li> <li>- Giới thiệu các chiến lược, các phương pháp tiếp cận và các kỹ thuật trong đàm phán thương mại quốc tế cũng như quá trình tổ chức đàm phán trong thương mại quốc tế từ việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kết thúc và kiểm tra quá trình đàm phán...</li> </ul>	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập nhóm:20% Thi hết môn:60%
23.	Quản trị thành tích và thù lao lao động	Mức 1 (Nhớ) NHỚ và tái hiện được các nội dung chính của học phần (1) tổng quan về quản trị thành tích và thù lao lao động, (2) xây dựng hệ thống đánh giá thành tích cầu người lao động (3) kỹ thuật xây dựng thang bảng lương (4) một số hình thức đãi ngộ và thù lao lao động khác (5) định hướng đổi mới hệ thống tiền lương và đánh giá thành tích của người lao động Mức 2&3 (Hiểu và áp dụng) SỰ HIỂU: hiểu được các nội hàm về thù lao lao động, cách thức phân loại thù lao lao động trong doanh nghiệp, hiểu được cách thức đánh giá thành tích thù lao lao động, và khả năng xây dựng được hệ thống đánh giá thành tích của người lao động và kỹ thuật xây dựng thang bảng lương trong doanh nghiệp. Mức 4&5 (Phân tích và đánh giá) Lập luận - Phân tích: Phân tích đánh giá các loại thù lao lao động, cách thức xây dựng hệ thống đánh giá và kỹ thuật xây dựng thang bảng lương trong doanh nghiệp. Đánh giá: đánh giá được các tác động ảnh hưởng tới việc xây dựng hệ thống đánh giá và kỹ thuật xây dựng thang bảng lương trong doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Điểm danh: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%
24.	Đào tạo và phát triển nhân lực	Mức 1 (Nhớ) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ được các khái niệm cơ bản về đào tạo và phát triển nhân lực.</li> </ul> Mức 2&3 (Hiểu và áp dụng) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được bản chất của các vấn đề liên quan đến đánh giá nhu cầu đào tạo, thiết kế chương trình đào tạo.</li> </ul>	3	HK7	Đánh giá thái độ học tập đối với học phần: 10% Đánh giá năng lực làm việc theo nhóm. Đánh giá khả

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng được phương pháp để đánh giá được hiệu quả đào tạo.</li> <li>Mức 4&amp;5 (Phân tích và đánh giá)</li> <li>- Phân tích được nhu cầu đào tạo và phát triển nhân lực.</li> <li>- Phân tích được bối cảnh cụ thể để chọn được phương pháp đào tạo, phát triển nhân lực phù hợp.</li> <li>- Đánh giá được hiệu quả của một chương trình đào tạo.</li> </ul>			năng thu nhập, trình bày và trả lời câu hỏi: 30% Đánh giá sinh viên đạt được bao nhiêu phần trăm mục tiêu về kiến thức ở cấp độ 1,2 và 3: 60%
25.	Các mô hình ra quyết định	Học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan đến các mô hình ra quyết định, bao gồm: các mô hình ra quyết định dạng tuyến tính và phi tuyến... Vai trò của dùng mô hình trong việc ra quyết định của nhà quản trị trong môi trường kinh doanh ngày nay; sự tương phản của việc nhiều nhà quản trị thường ra quyết định . Rèn luyện kỹ năng ra quyết định thông qua thực tế và các bài tập tình huống trong quá trình giảng dạy.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 10% Thi hết môn: 60%
26.	Nghiên cứu Marketing	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong việc xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu của một cuộc nghiên cứu Marketing; thiết kế các mô hình nghiên cứu; phê chuẩn dự án nghiên cứu; xác định loại thông tin cần thu thập, các phương pháp thu nhập thông tin; cách đo lường và đánh giá trong nghiên cứu Marketing; phân tích và diễn giải các dữ liệu; Hình thành năng lực viết báo cáo và trình bày dự án nghiên cứu.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài tập, thảo luận: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi hết môn: 60%
27.	Quản trị thương hiệu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh	3	HK5	
28.	Hành vi người tiêu dùng*	Hình thành cho người học có cách nhìn tổng quan về hành vi người tiêu dùng, đánh giá mức độ tin cậy của khách hàng; Nhận diện về các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng; quá trình ra quyết định mua sắm của người tiêu dùng, các phương pháp thu hút và nỗ lực giữ khách hàng, đánh giá độ trung thành và tạo mối quan hệ thân thiện với khách hàng; Hình thành năng lực ra quyết định đúng đắn trên cơ sở các chính sách Marketing	3	HK7	Bài tập nhóm/cá nhân: 15% Câu đố: 5% Đóng góp trong lớp: 5% Tham dự: 5% Kiểm tra cuối cùng: 60%
29.	Marketing quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học phần chưa chọn lựa	
30.	Marketing dịch vụ	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quan về kinh tế dịch vụ, bản chất sản phẩm dịch vụ và Marketing dịch vụ, quá trình nhận thức và quản trị chất lượng dịch vụ; xác định các mục tiêu, nguyên tắc, phương	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp định giá trong sản phẩm dịch vụ; xây dựng hệ thống kênh và những quyết định trong phân phối dịch vụ; Nhận biết bản chất của xúc tiến hỗn hợp trong dịch vụ, các yêu cầu, nội dung công tác quảng cáo, xúc tiến bán hàng, quan hệ với công chúng trong dịch vụ. Xác định được vị trí, vai trò của yếu tố con người trong cung ứng dịch vụ, như: Bản chất giao tiếp trong dịch vụ, giao tiếp cá nhân, chính sách giao tiếp giữa công ty và khách hàng trong Marketing dịch vụ, những yếu tố chi phối và chính sách dịch vụ khách hàng.... trên cơ sở kiến thức nền tảng.			Bài tập, thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
31.	Marketing điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán chất lượng cao theo TT 23.	3	Học phần chưa chọn lựa	
32.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh.	3	HK5	
33.	Quản trị chất lượng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng trong doanh nghiệp và các tổ chức. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: các quan niệm về chất lượng trong nền kinh tế thị trường; thực chất và nội dung của quản trị chất lượng; chi phí chất lượng; bản chất và cách áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng hiện đại: ISO 9000, TQM; hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng, các công cụ thống kê ứng dụng trong quản trị chất lượng, các phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng...	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10% Thi hết môn: 60%
34.	Quản trị công ty	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh	3	Học phần chưa chọn lựa	
35.	Quản trị công nghệ***	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có hệ thống về công nghệ và quản trị công nghệ, đặc biệt là các nội dung liên quan đến quản trị yếu tố phần cứng và phần mềm. Nội dung chính của học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan quản trị công nghệ trong doanh nghiệp, bao gồm: Tổng quan về quản trị công nghệ; Chiến lược sử dụng và phát triển công nghệ; Lựa chọn công nghệ và phát triển công nghệ; Quản trị tác nghiệp và các dự án công nghệ; Chuyển giao công nghệ.	3	HK6	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36.	Quản trị dự án	Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp và thực tế hàng đầu trong lĩnh vực quản trị dự án. Quản trị dự án là yêu cầu cần có trong rất nhiều ngành nghề nhiều lĩnh vực, nhiều chủ doanh nghiệp hiện nay cho rằng các kỹ năng quản trị dự án là kỹ năng sống còn cho sự thành công của doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:30% Thi hết môn:60%
37.	Quản lý đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học phần chưa chọn lựa	
38.	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK7	
39.	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học phần chưa chọn lựa	
40.	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học phần chưa chọn lựa	
41.	Các thị trường và định chế tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học phần chưa chọn lựa	
42.	Quản trị tài chính quốc tế***	Khóa học giới thiệu và mở rộng việc ra quyết định tài chính để tối đa hóa giá trị của doanh nghiệp trong bối cảnh quốc tế. Người học có thể giải thích các biến động tỷ giá hối đoái trên cơ sở kiến thức kiểm tra tỷ giá hối đoái, quan sát các tác động và điều tra các yếu tố; xác định các chiến lược để giảm thiểu tác động của thay đổi tỷ giá hối đoái; Hiểu rõ các vấn đề liên quan đến toàn cầu hoá thị trường vốn cũng sẽ được đề cập, bao gồm đầu tư quốc tế, chi phí đa quốc gia về vốn và cơ cấu vốn, lập ngân sách vốn đa quốc gia và tái cơ cấu. Phát triển kỹ năng tài chính quốc tế thông qua nghiên cứu các trường hợp dự án tập đoàn đa quốc gia ...	3	HK7	Mục đánh giá: Trọng số Tham dự và tham gia:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:10% Đề xuất & trình bày nghiên cứu:20% Kiểm tra cuối cùng:60%
43.	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK4	
44.	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	Học phần chưa chọn lựa	



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>V.3</b>	<b>Thực tập, thực tế và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>15</b>		
45.	Thực tập thực tế 1	Thực tập thực tế 1 là học phần bắt buộc đối với sinh viên từ năm thứ 2 trở đi. Đây là học phần mang tính thực tiễn cao. Sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp theo nhóm trong 04 tuần để tìm hiểu và nghiên cứu về tổ chức của doanh nghiệp và ngành nghề doanh nghiệp kinh doanh. Mỗi nhóm thực tập phải viết báo cáo tổng hợp theo định hướng kiến tạo các ý tưởng khởi nghiệp. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp được sự hướng dẫn của cán bộ tại doanh nghiệp là các cộng tác viên của Khoa QTKD và Trường ĐH Kinh tế – ĐHQGHN. Báo cáo tổng hợp chỉ được nghiệm thu khi có sự đồng ý của người hướng dẫn tại doanh nghiệp.	2	HK4	Chuyên cần: 40% Báo cáo thu hoạch: 60%
46.	Thực tập thực tế 2	Thực tập thực tế 2 là học phần bắt buộc đối với sinh viên từ năm thứ 3 trở đi. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp theo nhóm trong 06 tuần để nghiên cứu thực tiễn và viết một đề án liên quan đến nội dung khởi sự doanh nghiệp của mình. Mỗi nhóm sinh viên sẽ phải bảo vệ đề án trước hội đồng do Khoa QTKD thành lập. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp được sự hướng dẫn của cán bộ tại doanh nghiệp là các cộng tác viên của Khoa QTKD và Trường ĐH Kinh tế – ĐHQGHN. Đề án chỉ được nghiệm thu khi có sự nhất trí thông qua của hội đồng đánh giá.	3	HK6	Chuyên cần: 40% Báo cáo thu hoạch: 60%
47.	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế	3	HK6	Bài Niên luận: 100 %
48.	Khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, vận dụng các kiến thức trong toàn khóa học để hoàn thành bài niên luận và trình bày báo cáo trước hội đồng	7	HK8	

## 1.2. Cử nhân chuẩn ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>16</b>		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>13</b>		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>16</b>		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế				
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>17</b>		
<b>IV.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>14</b>		
1.	Nguyên lý Quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK3	
2.	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK2	
3.	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK1	
4.	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK4	
5.	Luật Kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK5	
<b>IV.2</b>	<b>Tự chọn</b>		<b>3/9</b>		
6.	Kinh doanh quốc tế	<p>Hiểu và nắm được bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. Hiểu được thực chất và các nhân tố cấu thành nên môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế; tác động của các nhân tố này tới hoạt động kinh doanh của các công ty. Nắm được thực chất của quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty.</p> <p>Biết vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để hiểu và có những đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty.</p> <p>Xây dựng kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng viết, trình bày một bài luận hoặc một vấn đề khoa học.</p>	3	Học phần chưa lựa chọn	<p>Điểm chuyên cần: 5 %</p> <p>Điểm bài tập cá nhân/ tuần: 15%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7.	Đàm phán và giải quyết xung đột	<p>Mức 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được những kiến thức, khái niệm về giải quyết xung đột và đàm phán trong quản trị;</li> <li>- Trình bày được quy trình đàm phán để giải quyết xung đột trong tổ chức.</li> </ul> <p>Mức 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được các chiến lược và chiến thuật đàm phán để giải quyết xung đột trong tổ chức;</li> <li>- Hiểu được các lựa chọn giải pháp để giải quyết xung đột;</li> <li>- Phân biệt được các lựa chọn để giải quyết xung đột.</li> </ul> <p>Mức ba:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận được các cơ chế phòng ngừa, hạn chế xung đột trong tổ chức;</li> <li>- Vận dụng quy trình đàm phán và giải quyết xung đột để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.</li> </ul>	3	HK3	<p>Chuyên cần và tham gia vào bài học: 20%</p> <p>Hoạt động nhóm: 20%</p> <p>Thi hết học phần: 60%</p>
8.	Lý thuyết trò chơi và các quyết định kinh doanh	<p>Mức 1</p> <p>Nhớ được các khái niệm cơ bản về lý thuyết trò chơi, cấu thành của trò chơi.</p> <p>Mức 2:</p> <p>Hiểu được bản chất của các vấn đề liên quan đến việc phân tích và sàng lọc thông tin trong trò chơi, chiến lược và thế cân bằng trong trò chơi.</p> <p>Hiểu được bài toán đàm phán, sức mạnh đàm phán.</p> <p>Mức 3:</p> <p>Phân tích được một số "luật chơi" và chiến lược chơi trong kinh doanh qua các vấn đề thực tế.</p> <p>Phân tích được thông tin và xác định được vị thế người chơi.</p> <p>Cung cấp các chiến lược đàm phán trên cơ sở phân tích hành vi đối tác, yếu tố tạo nên sức mạnh đàm phán.</p> <p>Đánh giá và lựa chọn phương án tối ưu.</p>	3	Học phần chưa lựa chọn	<p>Điểm danh: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 15%</p> <p>Bài tập kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành và bổ trợ</b>		<b>65</b>		
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>27</b>		
9.	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK3	
10.	Quản trị chiến lược	<b>Kiến thức:</b> Nắm được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chiến lược trong doanh nghiệp.	3	HK4	Tham gia học tập trên lớp (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<b>Kỹ năng:</b> Có kỹ năng cơ bản về ra quyết định và xử lý các tình huống phát sinh trong công tác quản trị chiến lược.			tốt, tích cực phát biểu,...): 10% Thảo luận và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: 20% Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: 60%
11.	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	HK5	
12.	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	HK5	
13.	Đại cương về lãnh đạo trong tổ chức	Mức 1: Giải thích được các khái niệm cơ bản về lãnh đạo trong tổ chức việc. Mức 2: Làm rõ tầm quan trọng của lãnh đạo trong tổ chức. Phân biệt được mô hình lãnh đạo và các lý thuyết về lãnh đạo. Nhận diện được các cấp độ lãnh đạo trong tổ chức. Nhận thức được nguồn hình thành quyền lực và ảnh hưởng của quyền lực trong tổ chức. Hiểu và áp dụng được các công cụ tạo động lực và quy trình tạo động lực. Hiểu và áp dụng được cách thức tạo dựng quan hệ và truyền đạt thông tin. Nhận thức được xung đột và hướng xử lý. Phân biệt được các mô hình ra quyết định. Nhận diện được các vấn đề phải đối mặt trong quá trình thay đổi. Mức 3: Phân tích được các tình huống lãnh đạo trong tổ chức và đề xuất hướng giải quyết.	3	HK5	Điểm danh và đánh giá thái cá nhân dựa vào thái độ học tập: 10% Thảo luận bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14.	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	Khóa học này là về cách tạo ra một doanh nghiệp kinh doanh. Khóa học này sẽ tập trung vào các doanh nhân, kế hoạch kinh doanh và các doanh nghiệp phù hợp với các nhà đầu tư tinh thần và / hoặc chuyên nghiệp (đặc biệt là đầu tư mạo hiểm). Nó cũng giúp các nhà doanh nghiệp quản lý một bộ động lực ngày càng tăng và cần thiết phức tạp bằng cách cung cấp các milepost và chỉ ra các nguồn lực cần thiết để đạt được chúng. Cuối cùng, nó cung cấp một bộ tiêu chuẩn để so sánh hiệu suất thực tế có thể được so sánh. Nhưng một kế hoạch tuyệt vời của chính nó là không đảm bảo thành công. Việc khởi động thành công đòi hỏi phải thực hiện không ngừng đối với kế hoạch và tính linh hoạt trong việc đánh giá lại và thay đổi kế hoạch. Xác nhận cuối cùng là các đơn đặt hàng của khách hàng và một doanh nghiệp có thể mở rộng, có thể lập lại và sinh lợi	3	HK5	Tham dự và tham gia: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Nhóm dự án & trình bày: 20% Kiểm tra cuối cùng: 60%
15.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Học phần này giới thiệu tư duy và phương pháp quản trị khoa học bằng cách dùng trí tuệ của con người để cắt giảm tối đa các chi phí lãng phí để mang lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp và tổ chức. Quản trị các hoạt động tác nghiệp sẽ giúp sinh viên có khả năng xây dựng các phương pháp và quy trình làm việc khoa học, học phần có một số module: Mối quan hệ chiến lược giữa hoạt động tác nghiệp với các chức năng khác trong doanh nghiệp, kích cỡ và loại quá trình sản xuất, mua vật liệu đầu vào phù hợp, lập kế hoạch và lịch trình vận động của vật liệu, bản chất và nội dung của tồn kho. Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp định lượng về tác nghiệp, bao gồm các mô hình dự báo, kiểm soát quá trình và các phương pháp quản lý dự án phù hợp. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, xem xét các triết lý hiện tại về chuỗi cung ứng như JIT, Lean...	3	HK7	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 10% Thi hết môn: 60%
16.	Quản trị Marketing	Kiến thức: các nội dung cơ bản về lý thuyết và thực tiễn về hoạt động quản trị marketing. Kỹ năng: Xử lý các tình huống cơ bản trong công tác quản trị marketing của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng lý thuyết đã học.	3	HK6	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 60%
17.	Quản trị thương hiệu	Quản trị thương hiệu giúp sinh viên nhận biết sâu sắc rằng thương hiệu là một tài sản hết sức to lớn, đem lại sự ổn định và phát triển thị phần, nâng cao lợi thế cạnh tranh, tạo ra danh tiếng và lợi nhuận. Với mục đích đó, nội dung cơ bản của học phần gồm những khía cạnh sau: Nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu; nắm được những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo	3	HK7	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vệ và khai thác giá trị thương hiệu; hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.			
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>27/69</b>		
<b>V.2.1</b>	<b>Các học phần chuyên sâu</b>				
<b>V.2.1.1</b>	<b>Các học phần chuyên sâu về Lãnh đạo chiến lược</b>				
18.	Đại cương về chiến lược cạnh tranh	Mỗi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường đều theo đuổi những chiến lược cạnh tranh dựa trên những hiểu biết của nhà quản lý về thực tiễn môi trường ngành và đối thủ cạnh tranh nhằm duy trì và phát triển vị thế của mình trên thị trường. Học phần đòi hỏi có sự kết hợp kiến thức của các học phần khác như quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị tác nghiệp, quản trị nhân lực, nhằm giúp nhà quản trị nhìn chiến lược cạnh tranh một cách bao quát và hệ thống đồng thời phát huy vai trò của các chiến lược chức năng. Nội dung học phần sẽ bao gồm các câu phần như: phân tích ngành kinh doanh; phân tích đối thủ cạnh tranh, khách hàng và nhà cung cấp; những chiến lược cạnh tranh tổng quát, và những quyết định chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp.	3	HK6	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 60%
19.	Lãnh đạo thay đổi	Ngày nay, hầu hết các tổ chức và doanh nghiệp phải hoạt động trong môi trường liên tục biến động và cạnh tranh quyết liệt, đòi hỏi phải tiến hành những thay đổi liên tục, mang tính hệ thống và có kế hoạch, để thích ứng với những thay đổi của môi trường. Tuy nhiên, rất nhiều các ý tưởng về đổi mới công nghệ, thay đổi văn hóa, tái cơ cấu tổ chức, hoạch định lại chiến lược, hay các chương trình chất lượng, đã không thể tiến hành thành công tại không ít doanh nghiệp. Vì vậy, hiểu được vì sao có sự chông lại thay đổi trong các tổ chức, quy trình các bước tiến hành thay đổi, và làm sao dẫn dắt thay đổi thành công, là yêu cầu cấp thiết với các nhà quản trị, nhất là trong bối cảnh các công nghệ liên tục thay đổi. Quản trị thay đổi trong tổ chức là một học phần mang tính liên ngành trong quản trị, có áp dụng một khối lượng lớn kiến thức khoa học hành vi. Những hiểu biết và kiến thức trong học phần này nhằm giúp các tổ chức và doanh nghiệp chủ động thực hiện các hoạt động thông qua những nỗ lực thay đổi có tính sáng tạo và hiệu quả nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của tổ chức và doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20.	Quản trị đổi mới sáng tạo	Mức 1: Nhớ được các khái niệm cơ bản về đổi mới sáng tạo, quản trị đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, thương mại hóa đổi mới sáng tạo. Mức 2: Hiểu rõ các mô hình chính của đổi mới sáng tạo. Hiểu rõ và hình thành tư duy đổi mới sáng tạo. Áp dụng tư duy đổi mới sáng tạo trong giải quyết các tình huống thực tế. Phân tích và đề xuất được ý tưởng đổi mới sáng tạo và kế hoạch chiến lược sơ bộ thực hiện ý tưởng đó.	3	HK7	Điểm danh: 10% Bài tập nhóm: 10% Viết báo cáo dự án cuối học phần: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%
<b>V.2.1.2 Các học phần chuyên sâu về Quản trị nhân lực</b>					
21.	Hành vi tổ chức	Mức 1: Nhớ được các khái niệm cơ bản về hành vi tổ chức Mức 2: Hiểu được bản chất của các vấn đề liên quan đến cơ sở hành vi cá nhân và hành vi nhóm. Áp dụng được phương pháp để đánh giá hành vi cấp độ tổ chức. Mức 3: Phân tích được hiện trạng quyền lực, cơ cấu và văn hóa tổ chức. Phân tích được bối cảnh cụ thể để chọn được phương pháp hợp lý để thay đổi và phát triển tổ chức. Đánh giá được tính hợp lý của một phương án thay đổi và phát triển tổ chức.	3	HK3	Điểm danh: 10% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi hết học phần: 60%
22.	Quản trị thành tích và thù lao lao động	Trong lĩnh vực quản trị nhân lực, quản lý thành tích và thù lao lao động của tổ chức là một trong chức năng quan trọng. Muốn thực hiện tốt chức năng này, các nhà quản lý cần nắm được một số vấn đề quan trọng đó là: phân tích công việc, đánh giá việc thực hiện công việc, khuyến khích động viên nhân viên, hệ thống thù lao lao động, vấn đề tiền lương, tiền thưởng.	3	Học phần chưa lựa chọn	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết môn: 60%
23.	Đào tạo và phát triển nhân lực	Mức 1: Nhớ được các khái niệm cơ bản về đào tạo và phát triển nhân lực. Mức 2: Hiểu được bản chất của các vấn đề liên quan đến đánh giá nhu cầu đào tạo, thiết kế chương trình đào tạo. Áp dụng được phương án để đánh giá được hiệu quả đào tạo.	3	Học phần chưa chọn lựa	Điểm danh: 10% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi hết học phần: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Mức 3: Phân tích được nhu cầu đào tạo và phát triển nhân lực. Phân tích được bối cảnh cụ thể để chọn được phương pháp đào tạo, phát triển nhân lực phù hợp. Đánh giá được hiệu quả của một chương trình đào tạo và phát triển nhân lực.			
24.	Quan hệ lao động	Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức bao gồm: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, đặc trưng và một số lý thuyết của quan hệ lao động; Môi trường quan hệ lao động; Các chủ thể của quan hệ lao động; Cơ chế tương tác trong quan hệ lao động; Các hình thức tương tác trong quan hệ lao động (trao đổi thông tin, tư vấn tham khảo, thương lượng). Học phần tạo cơ sở giúp người học xây dựng và duy trì được quan hệ lao động lành mạnh làm cơ sở triển khai các hoạt động quản trị nhân lực khác như tuyển dụng, đánh giá, đãi ngộ và đào tạo nhân lực	3	Học phần chưa chọn lựa	Đánh giá thường xuyên: 5% bài tập nhóm, thảo luận: 15% bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
<b>V.2.1.3 Các học phần chuyên sâu về Marketing</b>					
25.	Marketing dịch vụ	<b>Kiến thức:</b> Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hiện đại về Marketing dịch vụ, làm cơ sở để đưa ra các quyết định và xây dựng chiến lược kinh doanh thích hợp cho các doanh nghiệp dịch vụ. <b>Kỹ năng:</b> Quá trình học tập học phần Marketing dịch vụ rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích và tổng hợp trong lĩnh vực mà họ được tiếp cận, nghiên cứu. <b>Thái độ:</b> Hình thành và phát triển thái độ khách quan, khoa học, khi nhìn nhận, xem xét, đánh giá các sự vật và các hiện tượng kinh tế, biến động của thị trường; Nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân trước tập thể.	3	Học phần chưa chọn lựa	Đánh giá thường xuyên: 5 % Bài tập - thảo luận: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
26.	Hành vi người tiêu dùng	Kiến thức: Hiểu biết sâu sắc và khoa học về hành vi người tiêu dùng nhằm trở thành một nhà quản trị marketing hiệu quả, có được những quyết định marketing tốt hơn. Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người. Nhận biết các nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của người tiêu dùng, và mô hình hoạt động của hành vi người tiêu dùng. Những hưởng của hành vi người tiêu dùng đối với chiến lược marketing. Kỹ năng: Học phần giúp sinh viên rèn kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề, kỹ năng điều tra, phỏng vấn, làm việc theo nhóm.	3	HK3	Đánh giá thường xuyên: 5% bài tập nhóm, thảo luận: 15% bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ: Hình thành và phát triển thái độ làm việc, nghiên cứu một cách khoa học, nghiêm túc, cẩn trọng trong khi đánh giá, luôn có ý thức tôn trọng trong những phản ứng của khách hàng, có tinh thần cầu thị, học hỏi, biết lắng nghe những ý kiến phàn nàn của khách hàng. Có tinh thần đổi mới, sáng tạo.			
27.	Nghiên cứu marketing	<p>Kiến thức: Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để thực hiện một cuộc nghiên cứu thị trường, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu sẽ ứng dụng vào hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp, làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh thích hợp.</p> <p>Kỹ năng: Giúp người học biết vận dụng lý thuyết nghiên cứu marketing và nâng cao khả năng ứng xử các tình huống trong hoạt động kinh doanh. Ngoài những mục tiêu chủ yếu trên, quá trình học tập học phần còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích và tổng hợp trong lĩnh vực mà họ cần được tiếp cận, nghiên cứu.</p> <p>Thái độ: Hình thành và phát triển thái độ khách quan, khoa học, khi nhìn nhận, xem xét, đánh giá các sự vật và hiện tượng kinh tế, biến động của thị trường. Nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân trước tập thể.</p>	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Đánh giá thường xuyên: 5%</p> <p>Bài tập nghiên cứu thảo luận: 15%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết môn: 60%</p>
28.	Marketing quốc tế	Học phần Marketing quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động marketing quốc tế như: Khái niệm marketing quốc tế và quản trị marketing quốc tế; phân tích môi trường marketing quốc tế; nghiên cứu thị trường thế giới, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và hoạch định chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế; vạch chiến lược và kế hoạch marketing quốc tế; tổ chức thực hiện và kiểm soát hoạt động marketing quốc tế của doanh nghiệp với việc sử dụng các công cụ marketing hỗn hợp: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Hình thức: Trọng số</p> <p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 10%</p> <p>Bài tập cá nhân: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 15%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
29.	Marketing điện tử	Marketing điện tử là một học phần mới được hình thành và phát triển song hành với quá trình của hoạt động thương mại điện tử, cung cấp nền tảng cho những chiến lược marketing, như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, những áp dụng thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định marketing mix, và những hoạt động marketing và sự điều chỉnh bởi những tổ chức phi lợi nhuận và các cơ quan chính phủ. Mỗi hoạt động marketing chủ yếu này sẽ hiệu quả hơn khi được đặt trên cơ sở sự hiểu biết sâu sắc về Marketing điện tử.	3	Học phần chưa chọn lựa	<p><b>Hình thức: Trọng số</b></p> <p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Bài tập nhóm: 20%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30.	Marketing thể thao	Môn Marketing thể thao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm và đặc điểm của Marketing thể thao; những khái niệm cơ bản và cốt lõi làm nền tảng trong hoạt động marketing thể thao; học phần cũng cung cấp công cụ và những vấn đề cần lưu ý khi tiến hành các hoạt động marketing thể thao; học viên sẽ hiểu rõ tầm quan trọng của việc hiểu hành vi mua của khách hàng tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ thể thao đến quản trị các nhóm công cụ Marketing, cụ thể như: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần, bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 20% Thi hết môn: 60%
31.	Quản trị bán hàng	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp, bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái niệm và vai trò của Quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp; Kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp; Các hoạt động hỗ trợ bán hàng của doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần, bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 20% Thi hết môn: 60%
<b>V.2.1.4 Các học phần chuyên sâu về Quản trị sản xuất</b>					
32.	Các mô hình ra quyết định	Học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan đến các mô hình ra quyết định, bao gồm: các mô hình ra quyết định dạng tuyến tính và phi tuyến... Vai trò của dùng mô hình trong việc ra quyết định của nhà quản trị trong môi trường kinh doanh ngày nay. Nó cho sinh viên thấy sự tương phản của việc nhiều nhà quản trị thường ra quyết định như thế nào? Việc sử dụng nhiều ví dụ thực tế và các bài tập tình huống trong quá trình giảng dạy cũng sẽ rèn luyện kỹ năng ra quyết định của các sinh viên.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 10% Thi hết môn: 60%
33.	Quản trị dự án	Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp và thực tế hàng đầu trong lĩnh vực quản trị dự án. Quản trị dự án là yêu cầu cần có trong rất nhiều ngành nghề nhiều lĩnh vực, nhiều chủ doanh nghiệp hiện nay cho rằng các kỹ năng quản trị dự án là kỹ năng sống còn cho sự thành công của doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết môn: 60%
34.	Quản trị chất lượng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng trong doanh nghiệp và các tổ chức. Đây là một trong các học phần khá mới mẻ ở Việt Nam, nhưng rất cần thiết đối với các doanh nghiệp, các tổ chức nhằm nâng cao chất lượng quản lý và chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: các quan niệm về chất lượng trong nền kinh tế thị trường; thực chất và nội dung của quản trị chất lượng; chi phí chất lượng; bản chất và cách áp dụng các hệ thống quản	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10% Thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trị chất lượng hiện đại: ISO 9000, TQM; hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng, các công cụ thống kê ứng dụng trong quản trị chất lượng, các phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng...			
35.	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về hệ thống thông tin quản lý, tạo tiền đề cho các học phần khác thuộc chuyên ngành. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý; phân tích vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của tổ chức; doanh nghiệp. Giới thiệu công nghệ sử dụng trong hạ tầng công nghệ của hệ thống. Trình bày và giới thiệu các công cụ, phương pháp xây dựng, quan rly để thấy được vai trò con người trong hệ thống. Khái quát các ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức và doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10% Thi hết môn: 60%
<b>V.21.5 Các học phần chuyên sâu về Kế toán</b>					
36.	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng.	3	HK7	
37.	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng	3	HK7	
38.	Kiểm toán căn bản	Học phần Kiểm toán căn bản nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quát về lý thuyết kiểm toán. Học phần giới thiệu những vấn đề chung cũng như những khái niệm cơ bản thuộc nội dung kiểm toán; các loại kiểm toán; gian lận và sai sót, bằng chứng kiểm toán, báo cáo và hồ sơ kiểm toán, các phương pháp và thủ tục kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán. Học phần cũng giới thiệu tổng quan về tổ chức công tác kiểm toán, bao gồm lập kế hoạch kiểm toán, tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, phương pháp chọn mẫu kiểm toán, thực hiện và kết thúc kiểm toán. Đồng thời học phần cũng giúp người học vận dụng lý thuyết để thực hành kiểm toán đối với một số chu trình và khoản mục chủ yếu của báo cáo tài chính doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Đánh giá chuyên cần (điểm danh hàng ngày và đánh giá của nhóm làm việc): 5% Đánh giá khả năng làm việc cá nhân (bài tập cá nhân): 10% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm (bài tập nhóm): 10%. Đánh giá giữa kỳ (bài kiểm tra giữa kỳ): 15% Đánh giá cuối kỳ (Bài tập lớn): 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>V.2.1.6 Các học phần chuyên sâu về Tài chính</b>					
39.	Quản lý đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học phần chưa chọn lựa	
40.	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học kỳ 7	
41.	Các thị trường và định chế tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng.	3	Học phần chưa chọn lựa	
<b>V.2.2 Các học phần bổ trợ</b>					
42.	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK8	
43.	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế.	3	HK8	
44.	Bất động sản	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về bất động sản. Học phần cung cấp các thông tin/kiến thức trải rộng từ các giao dịch bất động sản đến khám phá các vấn đề liên quan như mua bán, thuê, liên doanh, sử dụng đất... Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên, những người quan tâm đến thực hành các hoạt động liên quan đến bất động sản những kiến thức cần thiết trong lĩnh vực này. Trong bài kiểm tra cuối khóa, sinh viên sẽ được yêu cầu chuẩn bị hồ sơ cho một giao dịch giả định cụ thể như thuê, mua... bất động sản.	3	Học phần chưa lựa chọn	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập cá nhân: 10% Thi hết môn: 60%
<b>V.3</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>11</b>		
<b>V.3.1</b>	<b>Thực tập và niên luận</b>		<b>5</b>		
45.	Thực tập thực tế 1	Thực tập thực tế 1 là học phần bắt buộc đối với sinh viên từ năm thứ 2 trở đi. Đây là học phần mang tính thực tiễn cao. Sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp theo nhóm trong 04 tuần để tìm hiểu và nghiên cứu về tổ chức của doanh nghiệp và ngành nghề doanh nghiệp kinh doanh. Mỗi nhóm thực tập phải viết báo cáo tổng hợp theo định hướng kiến tạo các ý tưởng khởi nghiệp. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp được sự hướng dẫn của cán bộ tại doanh nghiệp là các cộng	2	HK6	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tác viên của Khoa QTKD và Trường ĐH Kinh tế – ĐHQGHN. Báo cáo tổng hợp chỉ được nghiệm thu khi có sự đồng ý của người hướng dẫn tại doanh nghiệp.			
46.	Niên luận	Theo quy định về niên luận của trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.	3	HK6	
<b>V.3.2 Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương</b>					
47.	Khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, vận dụng các kiến thức trong toàn khóa học để hoàn thành bài niên luận và trình bày báo cáo trước hội đồng	7	HK8	
48.	Quản trị công ty	Học phần tập trung vào phân tích các nội dung của quản trị công ty trong môi trường đại chúng hoá công ty, cụ thể: Phân định khái niệm quản trị công ty và phân biệt với quản trị kinh doanh; làm rõ các thiết chế quản trị công ty như điều lệ công ty, đại hội cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát... và mối quan hệ giữa các đối tượng liên quan đến quản trị công ty. Phân tích các khía cạnh pháp lý liên quan đến quản trị công ty như Luật doanh nghiệp (2005), Luật chứng khoán (2006), các chuẩn mực quản trị công ty của OECD; Tình hình ứng dụng các thông lệ tốt nhất về quản trị công ty ở Việt Nam. Minh định chức trách chính của Hội đồng quản trị công ty và mối quan hệ nội bộ công ty nhằm phát triển bền vững công ty và tối đa hoá lợi ích của cổ đông.	3	Học phần chưa lựa chọn	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập nhóm: 15% Thi hết môn: 60%
49.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Tạo ra sự giàu có khi mà hạnh phúc của xã hội phụ thuộc. Khi họ tạo ra sự giàu có đó, hành động của họ tác động đến xã hội, bao gồm rất nhiều bên liên quan. Đổi lại, xã hội định hình các quy tắc và kỳ vọng mà các doanh nghiệp phải điều hướng môi trường bên trong và bên ngoài của họ. Sự tương tác giữa các tập đoàn và xã hội (theo nghĩa rộng nhất) là mối quan tâm của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Bất kể quan điểm cá nhân của một người về sự tương tác của doanh nghiệp và xã hội, sự đồng tồn tại của các tổ chức vì lợi nhuận là điều cần thiết. Khóa học này tìm cách khám phá các khía cạnh của tương tác đó từ góc độ đa bên liên quan. Việc thăm dò đó có ý định tương tác, với hành trình thăm dò liên quan đến phân tích các vấn đề liên quan đến CSR và nghiên cứu điển hình qua Internet.	3	Học phần chưa lựa chọn	Mục đánh giá: Trọng số Chăm công: 5% Trình bày trường hợp nhóm: 15% Dự án nhóm: 20% Bài kiểm tra giữa kỳ: 60% Kiểm tra cuối cùng: 100%

## 2. Chương trình thạc sĩ

### 2.1. Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>47</b>		
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>25</b>		
1.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	HKI	
2.	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	HKII	
3.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	HKI	
4.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phát triển kinh doanh bền vững và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế. Có kỹ năng phân tích phát triển kinh doanh bền vững và đạo đức trong kinh doanh, áp dụng kiến thức văn hóa doanh nghiệp vào thực tế.	3	HKI	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
5.	Lãnh đạo trong tổ chức	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, năng lực lãnh đạo... Có kỹ năng phân tích, thuyết trình, thuyết phục và lãnh đạo phục vụ cho việc điều hành và quản trị doanh nghiệp.	2	HKII	Chuyên cần: 10% Thảo luận và Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6.	Thiết kế và nghiên cứu luận văn	Học phần là trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng viết và sử dụng các nguồn tài liệu, giúp cho học viên hoàn thành luận văn thạc sĩ. Hiểu rõ mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh; vai trò cũng như các công cụ khác nhau của kinh tế lượng trong công tác nghiên cứu phân tích và dự báo cũng như kiểm định các lý thuyết kinh tế; bản chất cũng như nội hàm của các giả thiết của mô hình hồi quy cổ điển, các hệ quả đối với các ước lượng tham số, các phương pháp kiểm định các giả thiết cũng như một số trường hợp mở rộng mô hình hồi quy cơ bản thường gặp.	2	HKII	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
7.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị sản xuất và điều hành như phân tích hoạt động sản xuất, quản trị dự án, quản trị hàng tồn kho... Có kỹ năng phân tích các hoạt động sản xuất và tác nghiệp trong điều kiện thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
8.	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Kiến thức: Học viên có thể phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp và nghiên cứu các lý thuyết tài chính, thực tế về quản lý tài chính trong môi trường hoạt động của các công ty. Các phương pháp đánh giá cơ hội đầu tư và hoạt động tài chính cũng được thảo luận trên lớp. Kỹ năng: Học viên có khả năng phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp, đánh giá cơ hội đầu tư trong doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Quản trị công ty nâng cao	<p><i>Mức 1 (Có khả năng tái hiện)</i> Giải thích được các khái niệm cơ bản về quản trị công ty.</p> <p><i>Mức 2 (Có khả năng tái tạo)</i> - Hiểu được bản chất, các chức năng và thực tiễn của các vấn đề liên quan đến công ty cổ phần, hội đồng quản trị cùng các bộ phận chức năng giám sát khác trong công ty. - Hiểu được các khía cạnh chính yếu của kiểm soát quản trị: nguyên tắc và thông lệ kiểm soát quản trị; vai trò của hội đồng quản trị: lập chiến lược và chính sách; vai trò giám sát của HĐQT: giám sát ban hành điều hành và tính chịu trách nhiệm; trách nhiệm của HĐQT. - Hiểu những lý thuyết kiểm soát quản trị. - Hiểu quy trình kiểm soát quản trị khác nhau trên thế giới.</p> <p><i>Mức 3 (Có khả năng lập luận)</i> - Phân tích được cấu trúc, hệ thống, quy trình của điều lệ công ty, đại hội cổ đông, hội đồng quản trị bao gồm các ủy ban, chủ tịch, ban điều hành bao gồm Tổng giám đốc, ban kiểm soát và hiệu quả của HĐQT, ban kiểm soát, Ban điều hành.</p> <p><i>Mức 4 (Có khả năng sáng tạo)</i> - Có khả năng xây dựng điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của công ty. - Thiết kế các tài liệu nội bộ về quản trị công ty. - Xác lập quyền và trách nhiệm với thành viên HĐQT. - Xây dựng các quy định kiểm soát nội bộ công ty.</p>	3		Điểm danh & đánh giá cá nhân dựa vào thái độ học tập: 10% bài tập nhóm (đề án nhóm): 20% bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Tiểu luận cuối kỳ: 60%
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>22/46</b>		
10.	Các lý thuyết quản trị hiện đại	<p><i>Kiến thức:</i> Học viên nắm vững các học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và những tư tưởng quản trị phương Đông. Hiểu rõ những yêu cầu và thách thức đối với công tác quản trị và lãnh đạo trong thế kỷ 21.</p> <p><i>Kỹ năng:</i> Học viên có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.</p>	2	HK 3	Chuyên cần: 10% Thảo luận, bài tập nhóm: 10% bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11.	Kinh tế học quản lý	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm vững các nguyên lý kinh tế học vi mô như: phân tích cung cầu thị trường, phân tích hàm sản xuất và chi phí, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư ,v.v.... <i>Kỹ năng:</i> Học viên có khả năng phân tích và vận dụng các nguyên lý kinh tế học vi mô vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
12.	Các thị trường và định chế tài chính	Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính và các khái niệm về các định chế tài chính. Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin về thị trường tài chính và cấu trúc của hệ thống tài chính, phân tích và nhận định được các cơ hội đầu tư.	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
13.	Kế toán quản trị nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến kế toán quản trị, bao gồm: đối tượng, chức năng và các phương pháp dùng trong kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí. Có kỹ năng phân tích về chi phí, giá bán, hòa vốn, kết cấu mặt hàng, dự toán ngân sách.	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
14.	Ra quyết định quản trị	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác ra quyết định quản trị như phát hiện vấn đề, các bước giải quyết vấn đề, mô hình ra quyết định... Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để đưa ra các quyết định nhanh chóng và chính xác trong môi trường kinh doanh bất định.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
15.	Chiến lược cạnh tranh	Hiểu rõ khung phân tích về ngành kinh doanh và đối thủ cạnh tranh, để định vị chiến lược cạnh tranh cho doanh nghiệp. Có kỹ năng thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để chỉ ra những nhân tố quyết định hay những lực lượng cạnh tranh ẩn giấu trong ngành kinh doanh	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16.	Quan hệ công chúng	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quan hệ công chúng, giao tiếp trong PR, và hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp. Có kỹ năng thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng, giao tiếp, PR phục vụ doanh nghiệp.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
17.	Quản trị rủi ro	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về rủi ro, quản trị rủi ro, các phương pháp xác định rủi ro, giá trị rủi ro và ứng dụng lý thuyết quản trị rủi ro vào thực tiễn. Hiểu rõ các chức năng và hoạt động cốt yếu trong quản trị rủi ro để điều hành một doanh nghiệp; những nhân tố ảnh hưởng và căn cứ cơ sở để ra các quyết định có ý nghĩa then chốt của các chủ thể tham gia quản trị doanh nghiệp trong điều kiện thiếu hụt các thông tin chắc chắn và đáng tin cậy. Có kỹ năng phân tích các hoạt động quản trị rủi ro tài chính, rủi ro thẩm định, và quản trị dự án, tỉ giá, và rủi ro trong đầu tư.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
18.	Tinh thần doanh nghiệp	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến điều hành và thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ phát triển nằm trong chuỗi tuần hoàn của sáng tạo tại Việt Nam. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến phát triển doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định Việt Nam.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
19.	Quản trị công nghệ	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị khoa học và công nghệ của cơ quan, của doanh nghiệp. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến lựa chọn các giải pháp phù hợp để phát triển năng lực công nghệ và duy trì khả năng cạnh tranh bền vững.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
20.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh và toàn cầu hóa. Có kỹ năng phân tích, đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21.	Quản trị dự án	Hiểu bản chất về quản trị dự án; các nội dung của quản trị dự án và phương pháp thực hiện dự án; hình thành kỹ năng làm việc nhóm.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
22.	Quản trị thương hiệu	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu tại doanh nghiệp	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
23.	Hành vi tổ chức nâng cao	<b>Về kiến thức và năng lực nghiên cứu</b> Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến hành vi trong tổ chức bao gồm những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. Có kỹ năng phân tích, đánh giá những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong doanh nghiệp. .	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi hết môn: 60%
24.	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề kinh doanh quốc tế thông qua kiến thức nền tảng của khối ngành.</li> <li>- Tổng hợp và phân tích yếu tố vĩ mô, vi mô, bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới các hoạt động kinh doanh quốc tế.</li> <li>- Hiểu biết có hệ thống và nâng cao về bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. Đặc biệt, các quy trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty được đặt trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, với các yếu tố cấu thành môi trường kinh doanh quốc gia và môi trường kinh doanh quốc tế gắn với bối cảnh toàn cầu hóa.</li> <li>- Vận dụng các kiến thức về lý thuyết cũng như thực tiễn về Kinh doanh quốc tế để triển khai và thực hiện các nghiên cứu về thị trường quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế....., đưa ra giải pháp và kiến nghị.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng</b></p>	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty.</li> <li>- Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý các tình huống trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty.</li> <li>- Khả năng làm việc độc lập và ra quyết định kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế biến động.</li> </ul>			
25.	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp người học hiểu các lý thuyết phân tích thương mại điện tử và vận dụng các mô hình thương mại điện tử hiện nay vào kinh doanh toàn cầu để giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về kinh doanh trực tuyến.</li> <li>- Trang bị cho người học các công cụ E-marketing được sử dụng trong thưAong mại điện tử hiệu quả nhất.</li> <li>- Vận dụng các công cụ thanh toán trực tuyến đang hiện hành.</li> <li>- Trang bị cho người học kiến thức về các hệ thống G2B đang hiện hành tại Việt nam (Hệ thống Hải quan điện tử, Kế khai thuế trực tuyến...)</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử bao gồm nhận biết và phân tích vấn đề giúp đưa ra các kiến nghị và giải pháp cho từng trường hợp cụ thể.</li> <li>- Tự nghiên cứu và thực hành kiến thức được học thông qua việc xem tài liệu in và tài liệu trực tuyến, tìm tòi, thu thập, phân tích và xử lý thông tin/dữ liệu liên quan.</li> <li>- Ứng dụng có hệ thống, toàn diện, tìm ra các vấn đề trong thương mại điện tử và sự tương tác giữa chúng.</li> <li>- Ứng dụng một số các hệ thống hỗ trợ thương mại điện tử trong doanh nghiệp.</li> </ul>	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26.	Quản trị tài chính quốc tế	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu sâu hơn về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái</li> <li>- Nắm rõ các hệ thống tỷ giá hối đoái, các mô hình dự báo tỷ giá hối đoái</li> <li>- Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia.</li> <li>- Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái.</li> <li>- Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế.</li> <li>- Có khả năng phân tích quản trị dòng tiền, các kỹ thuật để tối ưu hóa dòng tiền.</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết những cơ hội và rủi ro mà các công ty hoạt động trên thị trường quốc tế có thể gặp phải.</li> <li>- Biết áp dụng những chiến lược để dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá.</li> <li>- Biết sự khác biệt giữa các phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế để sử dụng các phương tiện, phương thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong thương mại quốc tế.</li> <li>- Biết kỹ năng quản trị để tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế.</li> </ul>	3	Học phần chưa chọn lựa	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thảo luận</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết môn: 60%</p>
27.	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thấu đáo về các yếu tố cấu thành nền tảng của các quyết định đầu tư, đặc biệt là quyết định chiến lược danh mục đầu tư;</li> <li>- Nắm chắc quy trình quản trị danh mục đầu tư và các phương pháp đánh giá hoạt động của danh mục.</li> <li>- Thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của từng công cụ riêng lẻ và của danh mục đầu tư.</li> <li>- Vận dụng được quy trình đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư, từ đó có thể điều chỉnh danh mục để đạt được những mục tiêu đầu tư.</li> </ul>	3	Học phần chưa chọn lựa	
28.	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia.</li> <li>- Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái.</li> </ul>	2	Học phần chưa chọn lựa	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế.			
29.	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Môn học trang bị cho người học các kiến thức hệ thống và nâng cao về sự tương tác giữa Nhà nước - thị trường và ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với mức độ, phạm vi và quyền hạn của Nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Học phần cũng giúp người học tìm hiểu về những lực lượng đang thúc đẩy sự biến đổi mối quan hệ Nhà nước - Thị trường, sự phân phối quyền lực trong hệ thống quốc tế và những hệ quả của nó đối với quản trị quốc tế và năng lực nhà nước; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận và tư duy quản lý ở tầm vĩ mô.	3	Học phần chưa chọn lựa	
<b>IV</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>		<b>9</b>		

## 2.2. Chương trình thạc sĩ Quản trị Kinh doanh định hướng nghiên cứu

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị			
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>41</b>		
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>		
1.	Thiết kế và nghiên cứu luận văn	- Mục tiêu của học phần là trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng viết và sử dụng các nguồn tài liệu, giúp cho học viên hoàn thành luận văn thạc sĩ. - Thông qua học phần viên nắm được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh. Nắm vững vai trò cũng như các công cụ khác nhau của kinh tế lượng trong công tác nghiên cứu phân tích và dự báo cũng như kiểm định các lý thuyết kinh tế.	3	HKII	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ : 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu biết sâu về bản chất cũng như nội hàm của các giả thiết của mô hình hồi quy cổ điển, các hệ quả đối với các ước lượng tham số, các phương pháp kiểm định các giả thiết cũng như một số trường hợp mở rộng mô hình hồi quy cơ bản thường gặp.			
2.	Các lý thuyết quản trị hiện đại	Học viên hiểu rõ các học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và những tư tưởng quản trị phương Đông; những yêu cầu và thách thức đối với công tác quản trị và lãnh đạo trong thế kỷ 21. Học viên có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
3.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	HKI	
4.	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	3	HKII	
5.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HKII	
6.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng.	3	HKI	
7.	Lãnh đạo trong tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HKII	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>20/40</b>		
8.	Tinh thần doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK3	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK1	
10.	Ra quyết định quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK2	
11.	Kinh tế học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	Học phần chưa chọn lựa	
12.	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK3	
13.	Các thị trường và định chế tài chính	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính và các khái niệm về các định chế tài chính. <i>Kỹ năng:</i> Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin về thị trường tài chính và cấu trúc của hệ thống tài chính, phân tích và nhận định được các cơ hội đầu tư.	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
14.	Kế toán quản trị nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng).	2	Học phần chưa chọn lựa	
15.	Quản trị công ty nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán.	3	Học phần chưa chọn lựa	
16.	Chiến lược cạnh tranh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK3	
17.	Quan hệ công chúng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK1	
18.	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán.	2	HK3	
19.	Quản trị công nghệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	3	HK2	



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh và toàn cầu hóa. Có kỹ năng phân tích, đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội.	3	HK3	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
21.	Quản trị dự án	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK2	
22.	Quản trị thương hiệu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành.	2	HK3	
23.	Hành vi tổ chức nâng cao	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến hành vi trong tổ chức bao gồm những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. <i>Kỹ năng:</i> Có kỹ năng phân tích, đánh giá những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong doanh nghiệp. .	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi hết môn: 60%
<b>III</b>	<b>Luận văn</b>		<b>15</b>		

### 3. Tiến sĩ Quản trị kinh doanh

#### 3.1. Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (Áp dụng cho NCS chưa có bằng thạc sĩ)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG</b>					
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>4</b>		
1.	Triết học	Học phần theo quy định chung của ĐHQG Hà Nội	4	Học kỳ 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
<b>I.2.</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>47</b>		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>I.2.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>25</b>		
1.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3		
2.	Quản trị Marketing nâng cao	Hiểu được các vấn đề cốt lõi của quản trị marketing như các khái niệm, các hoạt động chính của marketing và công tác quản trị marketing Ứng dụng các nội dung của hoạt động marketing và quản trị hoạt động marketing trong tổ chức nhất định Phát triển các kỹ năng cần có để có thể lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện hoạt động marketing thông qua quá trình phân tích các tình huống, thảo luận nhóm và thuyết trình, hình thành thái độ tự tin, cởi mở trong công việc.	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
3.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như tuyển dụng, đào tạo, chế độ lương thưởng, điều kiện làm việc và quan hệ lao động. Có kỹ năng phân tích và hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển dụng, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, đãi ngộ trong doanh nghiệp, hình thành thái độ tự tin, cởi mở trong công việc.	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
4.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phát triển kinh doanh bền vững và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế. Có kỹ năng phân tích phát triển kinh doanh bền vững và đạo đức trong kinh doanh, áp dụng kiến thức văn hóa doanh nghiệp vào thực.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
5.	Lãnh đạo trong tổ chức	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, năng lực lãnh đạo... Có kỹ năng phân tích, thuyết trình, thuyết phục và lãnh đạo phục vụ cho việc điều hành và quản trị doanh nghiệp.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6.	Thiết kế nghiên cứu luận văn	<p>Học phần là trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng viết và sử dụng các nguồn tài liệu, giúp cho học viên hoàn thành luận văn thạc sĩ.</p> <p>Hiểu rõ mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh; vai trò cũng như các công cụ khác nhau của kinh tế lượng trong công tác nghiên cứu phân tích và dự báo cũng như kiểm định các lý thuyết kinh tế.</p> <p>Hiểu biết sâu về bản chất cũng như nội hàm của các giả thiết của mô hình hồi quy cổ điển, các hệ quả đối với các ước lượng tham số, các phương pháp kiểm định các giả thiết cũng như một số trường hợp mở rộng mô hình hồi quy cơ bản thường gặp.</p> <p>Phát triển các kỹ năng nghiên cứu các vấn đề kinh tế, xã hội và kinh doanh; kỹ năng tổng hợp, phân tích và ra quyết định; kỹ năng thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong kinh tế</p> <p>Áp dụng các kiến thức thống kê để hình thành các phương pháp tính toán; Thiết lập câu hỏi điều tra; Kỹ năng thu thập dữ liệu; Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu</p>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Chuyên cần: 10%,            Bài kiểm tra giữa kỳ lần 1: 15%            Bài kiểm tra giữa kỳ lần 2: 15%            Bài thi cuối kỳ: 60%</p>
7.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	<p>Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị sản xuất và điều hành như phân tích hoạt động sản xuất, quản trị dự án, quản trị hàng tồn kho...</p> <p>Có kỹ năng phân tích các hoạt động sản xuất và tác nghiệp trong điều kiện thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam.</p>	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Chuyên cần: 10%            Thảo luận            Bài tập nhóm: 10%            Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%            Bài thi hết môn: 60%</p>
8.	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	<p>Học viên có thể phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp và nghiên cứu các lý thuyết tài chính, thực tế về quản lý tài chính trong môi trường hoạt động của các công ty. Các phương pháp đánh giá cơ hội đầu tư và hoạt động tài chính cũng được thảo luận trên lớp.</p> <p>Học viên có khả năng phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp, đánh giá cơ hội đầu tư trong doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.</p>	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Chuyên cần: 10%            Thảo luận            Bài tập nhóm: 10%            Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%            Bài thi hết môn: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Quản trị công ty nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến quản trị công ty hiện đại như vai trò của hội đồng quản trị, phát hành cổ phiếu, quyền cổ đông.... Phân biệt được quản trị công ty với quản trị kinh doanh; Nắm vững các khía cạnh pháp lý liên quan đến sự vận hành của hội đồng quản trị; Hiểu rõ các quyền cơ bản của cổ đông Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin phục vụ hội đồng quản trị, các kỹ năng truyền thông, công bố thông tin của doanh nghiệp.	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
<b>I.2.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>22/46</b>		
11	Các lý thuyết quản trị hiện đại	Hiểu rõ các học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và những tư tưởng quản trị phương Đông. Hiểu rõ những yêu cầu và thách thức đối với công tác quản trị và lãnh đạo trong thế kỷ 21. Học viên có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
12	Kinh tế học quản lý	Hiểu rõ các nguyên lý kinh tế học vi mô như: phân tích cung cầu thị trường, phân tích hàm sản xuất và chi phí, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư ,v.v.... Học viên có khả năng phân tích và vận dụng các nguyên lý kinh tế học vi mô vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
13	Các thị trường và định chế tài chính	Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính và các khái niệm về các định chế tài chính. Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin về thị trường tài chính và cấu trúc của hệ thống tài chính, phân tích và nhận định được các cơ hội đầu tư.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
14	Kế toán quản trị nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến kế toán quản trị, bao gồm: đối tượng, chức năng và các phương pháp	2	Học phần được giảng dạy trong 15	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dùng trong kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí. Có kỹ năng phân tích về chi phí, giá bán, hòa vốn, kết cấu mặt hàng, dự toán ngân sách.		tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
15	Ra quyết định quản trị	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác ra quyết định quản trị như phát hiện vấn đề, các bước giải quyết vấn đề, mô hình ra quyết định... Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để đưa ra các quyết định nhanh chóng và chính xác trong môi trường kinh doanh bất định.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
16	Chiến lược cạnh tranh	Hiểu rõ khung phân tích về ngành kinh doanh và đối thủ cạnh tranh, để định vị chiến lược cạnh tranh cho doanh nghiệp. Có kỹ năng thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để chỉ ra những nhân tố quyết định hay những lực lượng cạnh tranh ẩn giấu trong ngành kinh doanh	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
17	Quan hệ công chúng	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quan hệ công chúng, giao tiếp trong PR, và hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp. Có kỹ năng thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng, giao tiếp, PR phục vụ doanh nghiệp.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ : 20% Bài thi hết môn: 60%
18	Quản trị rủi ro	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về rủi ro, quản trị rủi ro, các phương pháp xác định rủi ro, giá trị rủi ro và ứng dụng lý thuyết quản trị rủi ro vào thực tiễn. Cung cấp cho người học hiểu rõ các chức năng và hoạt động cốt yếu trong quản trị rủi ro để điều hành một doanh nghiệp; những nhân tố ảnh hưởng và căn cứ cơ sở để ra các quyết định có ý nghĩa then chốt của các chủ thể tham gia quản trị doanh nghiệp trong điều kiện thiếu hụt các thông tin chắc chắn và đáng tin cậy. Có kỹ năng phân tích các hoạt động quản trị rủi ro tài chính, rủi ro thẩm định, và quản trị dự án, tỉ giá, và rủi ro trong đầu tư.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ : 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Tinh thần doanh nghiệp	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến điều hành và thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ phát triển nằm trong chuỗi tuần hoàn của sáng tạo tại Việt Nam. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến phát triển doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định Việt Nam.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận.	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
20	Quản trị công nghệ	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị khoa học và công nghệ của cơ quan, của doanh nghiệp. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến lựa chọn các giải pháp phù hợp để phát triển năng lực công nghệ và duy trì khả năng cạnh tranh bền vững.	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
21	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh và toàn cầu hóa. Có kỹ năng phân tích, đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội.	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ : 20% Bài thi hết môn: 60%
22	Quản trị dự án	Hiểu bản chất về quản trị dự án; Nắm được các nội dung của quản trị dự án và phương pháp thực hiện dự án; <i>Kỹ năng và thái độ cá nhân, nghề nghiệp</i> Kỹ năng làm việc nhóm; Nhận thức được tầm quan trọng của quản trị dự án cũng như tính chất phức tạp, khó khăn của quản trị dự án trong thực tiễn; Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của quản trị dự án. <i>Kỹ năng và thái độ xã hội</i> Tôn trọng lợi ích và quan tâm của các bên liên quan đến dự án.	2	HK2	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ : 20% Bài thi hết môn: 60%
23	Quản trị thương hiệu	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp.	2	Học phần được giảng dạy trong 15	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu tại doanh nghiệp		tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
24	Hành vi tổ chức nâng cao	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến hành vi trong tổ chức bao gồm những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. <i>Kỹ năng:</i> Có kỹ năng phân tích, đánh giá những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong doanh nghiệp. .	3	Học phần chưa chọn lựa	Hình thức: Trọng số Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ : 15% Bài thi hết môn: 60%
25	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề kinh doanh quốc tế thông qua kiến thức nền tảng của khối ngành.</li> <li>- Tổng hợp và phân tích yếu tố vĩ mô, vi mô, bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới các hoạt động kinh doanh quốc tế.</li> <li>- Hiểu biết có hệ thống và nâng cao về bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. Đặc biệt, các quy trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty được đặt trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, với các yếu tố cấu thành môi trường kinh doanh quốc gia và môi trường kinh doanh quốc tế gắn với bối cảnh toàn cầu hóa.</li> <li>- Vận dụng các kiến thức về lý thuyết cũng như thực tiễn về Kinh doanh quốc tế để triển khai và thực hiện các nghiên cứu về thị trường quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế....., đưa ra giải pháp và kiến nghị.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty.</li> <li>- Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý các tình huống trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty.</li> <li>- Khả năng làm việc độc lập và ra quyết định kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế biến động.</li> </ul>	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp người học hiểu các lý thuyết phân tích thương mại điện tử và vận dụng các mô hình thương mại điện tử hiện nay vào kinh doanh toàn cầu để giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về kinh doanh trực tuyến.</li> <li>- Trang bị cho người học các công cụ E-marketing được sử dụng trong thương mại điện tử hiệu quả nhất.</li> <li>- Vận dụng các công cụ thanh toán trực tuyến đang hiện hành.</li> <li>- Trang bị cho người học kiến thức về các hệ thống G2B đang hiện hành tại Việt nam (Hệ thống Hải quan điện tử, Kế khai thuế trực tuyến...).</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử bao gồm nhận biết và phân tích vấn đề giúp đưa ra các kiến nghị và giải pháp cho từng trường hợp cụ thể.</li> <li>- Tự nghiên cứu và thực hành kiến thức được học thông qua việc xem tài liệu in và tài liệu trực tuyến, tìm tòi, thu thập, phân tích và xử lý thông tin/dữ liệu liên quan.</li> <li>- Ứng dụng có hệ thống, toàn diện, tìm ra các vấn đề trong thương mại điện tử và sự tương tác giữa chúng.</li> <li>- Ứng dụng một số các hệ thống hỗ trợ thương mại điện tử trong doanh nghiệp.</li> </ul>	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
27	Quản trị tài chính quốc tế	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu sâu hơn về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái</li> <li>- Nắm rõ các hệ thống tỷ giá hối đoái, các mô hình dự báo tỷ giá hối đoái</li> <li>- Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia.</li> <li>- Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái.</li> <li>- Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế.</li> <li>- Có khả năng phân tích quản trị dòng tiền, các kỹ thuật để tối ưu hóa dòng tiền.</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p>	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 10% Thảo luận Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết những cơ hội và rủi ro mà các công ty hoạt động trên thị trường quốc tế có thể gặp phải.</li> <li>- Biết áp dụng những chiến lược để dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá.</li> <li>- Biết sự khác biệt giữa các phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế để sử dụng các phương tiện, phương thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong thương mại quốc tế.</li> <li>- Biết kỹ năng quản trị để tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế.</li> </ul>			
28	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thấu đáo về các yếu tố cấu thành nền tảng của các quyết định đầu tư, đặc biệt là quyết định chiến lược danh mục đầu tư;</li> <li>- Nắm chắc quy trình quản trị danh mục đầu tư và các phương pháp đánh giá hoạt động của danh mục.</li> <li>- Thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của từng công cụ riêng lẻ và của danh mục đầu tư.</li> <li>- Vận dụng được quy trình đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư, từ đó có thể điều chỉnh danh mục để đạt được những mục tiêu đầu tư.</li> </ul>	3	Học phần chưa chọn lựa	
29	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia.</li> <li>- Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái.</li> <li>- Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế.</li> </ul>	2	Học phần chưa chọn lựa	
30	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	<p>Môn học trang bị cho người học các kiến thức hệ thống và nâng cao về sự tương tác giữa Nhà nước - thị trường và ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với mức độ, phạm vi và quyền hạn của Nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Học phần cũng giúp người học tìm hiểu về những lực lượng đang thúc đẩy sự biến đổi mối quan hệ Nhà nước – Thị trường, sự phân phối quyền lực trong hệ thống quốc tế và những hệ quả của nó đối với quản trị quốc tế và năng lực nhà nước; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận và tư duy quản lý ở tầm vĩ mô.</p>	3	Học phần chưa chọn lựa	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>II</b>	<b>PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>				
<b>II.1.</b>	<b>Các học phần NCS</b>		<b>12</b>		
<b>II.1.1</b>	<b>I.1. Các học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>		
31	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và kinh doanh. NCS có thể vận dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu (từ cách thiết kế nghiên cứu, soạn bộ câu hỏi đến thực hiện phân tích tương quan và hồi qui, phương pháp phân tích đa biến, viết báo cáo đánh giá ..v.v.)	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
32	Quản trị tri thức	Học viên được cung cấp các kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu bản chất của quản trị tri thức; Nhận thức được tầm quan trọng của tri thức, của quản trị tri thức;</li> <li>- Có những kiến thức cập nhật nhất về quản trị tri thức trong tổ chức về những đặc điểm của tri thức, mô hình tạo ra tri thức;</li> <li>- Có thể Phân tích, đánh giá được bối cảnh tổ chức để có thể đề ra cách thức tổ chức quản trị tri thức phù hợp.</li> <li>- Sử dụng một cách thành thục các công cụ phương tiện lưu trữ, truyền bá tri thức</li> <li>- Có thể áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị tri thức trong các loại hình tổ chức khác nhau như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ.</li> </ul>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	<p>Học viên được cung cấp các kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- hiểu rõ bản chất của đổi mới, sáng tạo trong kinh doanh và doanh nghiệp gắn với môi trường bất định.</li> <li>- Hiểu rõ các nội dung đổi mới, sáng tạo cũng như quy trình đổi mới trong kinh doanh và nắm chắc các cách thức đổi mới, sáng tạo cũng như các chủ thể thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.</li> <li>- Hiểu sâu về môi trường và văn hóa kinh doanh liên quan đến đổi mới sáng tạo trong kinh doanh ở Việt Nam cũng như một số ví dụ điển hình về các trường hợp đổi mới thành công trong thực tiễn.</li> </ul> <p>Hình thành kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng các kỹ năng duy trì sự đổi mới, sáng tạo trong một lĩnh vực cụ thể, duy trì khả năng phân tích và áp dụng các ý tưởng và khái niệm được giới thiệu trong khóa học.</li> <li>- phát triển các kỹ năng mềm khác như quản lý thời gian, quản lý nguồn lực, khả năng học và tự học, thuyết trình; kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp ...</li> </ul>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>
<b>I.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>6/9</b>		
34.	Nền tảng phát triển doanh nghiệp	<p>Kết thúc học phần, học viên phải đạt được:</p> <p><b>Kiến thức:</b>            Học viên nắm vững được những kiến thức và nội dung cơ bản về nền tảng phát triển doanh nghiệp, chiến lược và nguồn lực phát triển doanh nghiệp, cấu thành và biểu hiện đặc trưng tinh thần doanh nghiệp, các nguyên tắc, chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; Hiểu rõ môi trường và thể chế liên quan đến nền tảng phát triển doanh nghiệp.</p> <p><b>Kỹ năng</b>            Học viên biết phân tích các yếu tố nền tảng phát triển doanh nghiệp; Gắn kết các yếu tố nền tảng phát triển doanh nghiệp trong một chỉnh thể thống nhất để tạo nên cốt cách của doanh nghiệp; Liên tưởng được các tri thức về nền tảng phát triển doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Bên cạnh đó, học viên cũng được rèn luyện thêm các kỹ năng như: thuyết trình, thuyết phục, làm việc nhóm, sưu tầm tư liệu và tổ chức các cuộc họp.</p>	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Tham gia học trên lớp: 10%</p> <p>Bài tập nhóm (có thảo luận): 15%</p> <p>Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 15%</p> <p>Điểm thi hết môn: 60%</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35.	Lãnh đạo cá nhân	Kết thúc học phần, học viên phải đạt được: - Kiến thức: o Hiểu được ý nghĩa cao quý của cuộc đời, các thành phần của con người tổng thể và các nguồn gốc sức mạnh của bản thân; o Nắm được các kiến thức và kỹ thuật sáng tạo, các năng lực tri thức - Kỹ năng: o Nắm vững kiến thức và ứng dụng hiệu quả để hình thành những thói quen xuất sắc, định hướng phát triển bản thân và tạo dựng cuộc đời có ý nghĩa.	3	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Điểm chuyên cần: 15% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 25% Điểm thi kết thúc học phần: 60%
36.	Quản trị thay đổi trong tổ chức		3		
<b>II.3</b>	<b>Chuyên đề NCS</b>		<b>6</b>		
37.	BSA 8003	Chuyên đề 1	2		
38.	BSA 8004	Chuyên đề 2	2		
39.	BSA 8005	Chuyên đề 3	2		
<b>III. Tiểu luận tổng quan</b>					
<b>PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>					
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ môn/Viện;</li> <li>- Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế;</li> <li>- Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kì yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.</li> </ul>					
<b>PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO</b>					
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định;</li> <li>- Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập;</li> <li>- Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.</li> </ul>					

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>					
40.	BSA 9001	Luận án tiến sĩ	<b>70</b>		

### 3.2. Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG</b>			<b>8</b>		
<b>I.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>5</b>		
1.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3		
2.	Các lý thuyết quản trị hiện đại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	2		
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>3/9</b>		
	Giáo viên hướng dẫn chọn 01 học phần trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.		3		
<b>PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>					
<b>I. Các học phần NCS</b>					
<b>I.1. Các học phần bắt buộc</b>					
1	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và kinh doanh. NCS có thể vận dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu (từ cách thiết kế nghiên cứu, soạn bộ câu hỏi đến thực hiện phân tích tương quan và hồi qui, phương pháp phân tích đa biến, viết báo cáo đánh giá ..v.v.)	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Quản trị tri thức	Sau khi kết thúc học phần, học viên: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu bản chất của quản trị tri thức;</li> <li>- Nhận thức được tầm quan trọng của tri thức, của quản trị tri thức;</li> <li>- Hiểu rõ những kiến thức cập nhật nhất về quản trị tri thức trong tổ chức về những đặc điểm của tri thức, mô hình tạo ra tri thức;</li> <li>- Phân tích, đánh giá được bối cảnh tổ chức để có thể đề ra cách thức tổ chức quản trị tri thức phù hợp.</li> <li>- Sử dụng một cách thành thục các công cụ phương tiện lưu trữ, truyền bá tri thức</li> <li>- Có thể áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị tri thức trong các loại hình tổ chức khác nhau như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ.</li> </ul>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
3	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	Học viên được cung cấp các kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>- bản chất của đổi mới, sáng tạo trong kinh doanh và doanh nghiệp gắn với môi trường bất định.</li> <li>- Hiểu rõ các nội dung đổi mới, sáng tạo cũng như quy trình đổi mới trong kinh doanh và nắm chắc các cách thức đổi mới, sáng tạo cũng như các chủ thể thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.</li> <li>- Hiểu sâu về môi trường và văn hóa kinh doanh liên quan đến đổi mới sáng tạo trong kinh doanh ở Việt Nam cũng như một số ví dụ điển hình về các trường hợp đổi mới thành công trong thực tiễn.</li> <li>- Áp dụng các kỹ năng duy trì sự đổi mới, sáng tạo trong một lĩnh vực cụ thể, duy trì khả năng phân tích và áp dụng các ý tưởng và khái niệm được giới thiệu trong khóa học.</li> <li>- phát triển các kỹ năng mềm khác như quản lý thời gian, quản lý nguồn lực, khả năng học và tự học, thuyết trình; phân tích tình huống và thuyết trình, học viên được phát triển các kỹ năng khác như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp ...</li> </ul>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
<b>I.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>6/9</b>		
4	Học phần tự chọn	Theo quy định về Đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.			
<b>II.2</b>	<b>Ngoại ngữ học thuật nâng cao</b>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Tiếng Anh học thuật nâng cao	Theo quy định về Đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHQGHN.	4		
<b>III.3</b>	<b>Các chuyên đề tiến sĩ</b>				
6	BSA 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2		
7	BSA 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2		
8	BSA 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2		
<b>II.4</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>				
<b>III.</b>	<b>NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b> (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)				
<b>IV.</b>	<b>LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>				
	Luận án tiến sĩ		70		

### 3.3. Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sỹ ngành đúng hoặc phù hợp)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>					
<b>Các học phần NCS</b>			<b>12</b>		
<b>I.1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>6</b>		
1.	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và kinh doanh. NCS có thể vận dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu (từ cách thiết kế nghiên cứu, soạn bộ câu hỏi đến thực hiện phân tích tương quan và hồi qui, phương pháp phân tích đa biến, viết báo cáo đánh giá ..v.v.)	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2.	Quản trị tri thức	<p>Sau khi kết thúc học phần, học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu bản chất của quản trị tri thức;</li> <li>- Nhận thức được tầm quan trọng của tri thức, của quản trị tri thức;</li> <li>- Hiểu rõ những kiến thức cập nhật nhất về quản trị tri thức trong tổ chức về những đặc điểm của tri thức, mô hình tạo ra tri thức;</li> <li>- Phân tích, đánh giá được bối cảnh tổ chức để có thể đề ra cách thức tổ chức quản trị tri thức phù hợp.</li> <li>- Sử dụng một cách thành thục các công cụ phương tiện lưu trữ, truyền bá tri thức</li> </ul> <p>Có thể áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị tri thức trong các loại hình tổ chức khác nhau như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ.</p>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>
3.	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	<p>Học viên được cung cấp các kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- bản chất của đổi mới, sáng tạo trong kinh doanh và doanh nghiệp gắn với môi trường bất định.</li> <li>- Hiểu rõ các nội dung đổi mới, sáng tạo cũng như quy trình đổi mới trong kinh doanh và nắm chắc các cách thức đổi mới, sáng tạo cũng như các chủ thể thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.</li> <li>- Hiểu sâu về môi trường và văn hóa kinh doanh liên quan đến đổi mới sáng tạo trong kinh doanh ở Việt Nam cũng như một số ví dụ điển hình về các trường hợp đổi mới thành công trong thực tiễn.</li> <li>- Áp dụng các kỹ năng duy trì sự đổi mới, sáng tạo trong một lĩnh vực cụ thể, duy trì khả năng phân tích và áp dụng các ý tưởng và khái niệm được giới thiệu trong khóa học.</li> </ul> <p>phát triển các kỹ năng mềm khác như quản lý thời gian, quản lý nguồn lực, khả năng học và tự học, thuyết trình; phân tích tình huống và thuyết trình, học viên được phát triển các kỹ năng khác như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp ...</p>	2	Học phần được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	<p>Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Điểm thi cuối kỳ: 60%</p>
<b>I.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>6/9</b>		
	Giáo viên hướng dẫn chọn 01 học phần trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.				
<b>Chuyên đề NCS</b>			<b>6</b>		



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4.	BSA 8003	Chuyên đề 1	2		
5.	BSA 8004	Chuyên đề 2	2		
6.	BSA 8005	Chuyên đề 3	2		
<b>III. Tiêu luận tổng quan</b>					
<b>PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>					
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ môn/Viện;</li> <li>- Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế;</li> <li>- Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kì yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.</li> </ul>					
<b>PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO</b>					
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định;</li> <li>- Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập;</li> <li>- Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.</li> </ul>					
<b>PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>					
	Luận án tiến sĩ		<b>70</b>		

**D. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC BIÊN SOẠN**

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	2020	
2	Những vấn đề kế toán đương đại	2020	
3	Giáo trình Tài chính công	2021	Giáo trình Thuế

4	Kỷ yếu: Quản trị thông minh trong môi trường phức hợp toàn cầu: Lý luận và thực tiễn	2021	
---	--	------	--

### E. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN, LUẬN VĂN, LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
<b>TIẾN SĨ</b>					
1	Tiến sĩ	Phát triển tín dụng theo chuỗi giá trị cho sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thành Long	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn	<p>- <i>Về mặt lý luận:</i> Luận án tổng quan nghiên cứu, hệ thống hoá và làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động cho vay của các ngân hàng theo mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh trong ngành thủy sản. Làm rõ mối quan hệ lợi ích của nhà nước với các chủ thể tham gia trong toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>- <i>Về mặt thực tiễn:</i> Luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm phát triển tín dụng, quản lý nguồn vốn cho vay hiệu quả của các NHTM ở một số địa phương và rút ra bài học cho tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển tín dụng theo mô hình truyền thống bởi một số NHTM cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thủy sản ở Quảng Ninh, làm rõ những thành công và những tồn tại, bất cập cùng nguyên nhân của nó trong việc phát triển nguồn vốn tín dụng hiệu quả trong lĩnh vực thủy sản của tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>Đề xuất các quan điểm, giải pháp phát triển tín dụng theo mô hình chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, hạn chế các rủi ro và mang lại hiệu quả kinh tế, đảm bảo lợi ích cho các bên tham gia chuỗi giá trị để phát triển ngành thủy sản Quảng Ninh trong thời gian tới.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
2	Tiến sĩ	Đánh giá tác động dự kiến của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Phương	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	<p>- Thứ nhất, luận án xây dựng khung phân tích tác động của Hiệp định thương mại tự do đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các nước thành viên, bao gồm các kênh tác động, các yếu tố quyết định tác động và tác động tổng thể của FTA đối với FDI.</p> <p>- Thứ hai, luận án đánh giá tác động của EVFTA đến FDI nói chung vào Việt Nam dựa trên khung phân tích tác động và phỏng vấn chuyên gia. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng EVFTA có cả tác động tích cực và tiêu cực đến dòng vốn FDI vào Việt Nam. Một mặt, EVFTA làm gia tăng số lượng FDI từ cả các đối tác trong và ngoài EU; cải thiện chất lượng dòng vốn FDI; nâng cao vị thế và mức độ tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị khu vực; cải thiện cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; tăng cường tính liên kết giữa các doanh nghiệp và thúc đẩy tác động lan tỏa của dòng vốn FDI. Luận án cũng nhận diện được các ngành, phân ngành có cơ hội thu hút FDI nhiều nhất nhờ các cam kết trong EVFTA. Mặt khác, EVFTA có thể làm giảm FDI theo chiều ngang từ EU và sự gia tăng FDI từ EU có thể không chắc chắn do chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài như khủng hoảng kinh tế, triển vọng ký kết FTA giữa EU với các nước ASEAN khác và dịch COVID-19. EVFTA cũng tạo ra áp lực và chi phí liên quan tới cạnh tranh và cải cách thể chế, chính sách đối với Việt Nam. Nếu không có sự điều chỉnh chính sách thu hút FDI một cách hợp lý thì trên thực tế Việt Nam khó có thể thu hút được dòng vốn FDI chất lượng cao và phần lớn lợi ích từ FTA có thể rơi vào các doanh nghiệp của một nước thứ ba. Sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và khoảng cách địa lý cũng là những yếu tố gây cản trở đối với FDI từ EU vào Việt Nam. Luận án cũng chỉ ra rằng trong ngắn hạn các cam kết về thuế quan và dịch vụ là các kênh tác động chính của EVFTA đến FDI vào Việt Nam. Tuy nhiên, trong dài hạn việc cải cách về thể chế, chính sách và cải thiện môi trường đầu tư mới là</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>kênh tác động chính trong dài hạn và có tác động quan trọng trong việc cải thiện chất lượng dòng vốn FDI vào Việt Nam.</p> <p>- Thứ ba, luận án xác định các yếu tố nước chủ nhà tác động đến đầu tư của EU sang các nước đang phát triển; từ đó đưa ra dự báo tác động của EVFTA đối với FDI từ EU vào Việt Nam. Kết quả từ mô hình kinh tế lượng chỉ ra rằng việc cùng tham gia FTA, quy mô thị trường nội địa và khu vực của nước chủ nhà cũng như FDI sẵn có là những yếu tố quan trọng khi các nhà đầu tư EU quyết định đầu tư sang các nước đang phát triển. Điều này cho thấy triển vọng thu hút FDI từ EU có nhiều thuận lợi trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết FTA với EU, nền kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, đồng thời Việt Nam đã và đang tích cực tham gia vào rất nhiều FTA song phương và đa phương khiến quy mô thị trường khu vực mà nhà đầu tư EU có thể tiếp cận thông qua đầu tư vào Việt Nam được gia tăng đáng kể. Tuy nhiên, với quy mô nền kinh tế nhỏ hơn nhiều nước ASEAN khác đang đàm phán FTA với EU, Việt Nam cần nhanh chóng tận dụng các cơ hội mà EVFTA mang lại trước khi các lợi thế bị triệt tiêu.</p> <p>- Thứ tư, luận án chỉ ra các cơ hội và thách thức, từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách để Việt Nam có thể tận dụng các cơ hội và hạn chế các thách thức từ EVFTA trong thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam. Một số giải pháp được đưa ra bao gồm: (i) tăng cường công tác nghiên cứu, tuyên truyền và phổ biến về EVFTA; (ii) rà soát, điều chỉnh về pháp luật, thể chế đồng thời nâng cao khả năng thực thi của các quy định pháp lý; (iii) xây dựng chiến lược và các chính sách chủ động thu hút FDI có chọn lọc; (iv) cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao trình độ công nghệ và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; (v) nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng liên kết của doanh nghiệp trong nước; và (vi) tiếp tục theo đuổi chiến lược đa dạng hóa trong hội nhập kinh tế quốc tế.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Tiến sĩ	Năng lực cạnh tranh của các Doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Lê Xuân Tình	PGS.TS. Hoàng Văn Bằng	<p><i>Thứ nhất</i>, luận án đã hệ thống hoá và làm rõ hơn các nội dung lý luận về năng lực cạnh tranh, các quan điểm phân tích năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là năng lực cạnh tranh động của doanh nghiệp.</p> <p><i>Thứ hai</i>, thông qua phương pháp định lượng, luận án đã kiểm chứng, phân tích được tác động và ảnh hưởng của các nhân tố năng lực cạnh tranh động tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam như thế nào.</p> <p><i>Thứ ba</i>, luận án phân tích được thực trạng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam và đề xuất ra các giải pháp căn bản để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam trong điều kiện hội nhập.</p> <p><i>Thứ tư</i>, luận án là công trình nghiên cứu đầu tiên về việc vận dụng lý thuyết cạnh tranh động để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam hiện nay. Từ kết quả nghiên cứu này có thể đem lại những ý nghĩa nhất định cho các cơ quan quản lý cũng như các doanh nghiệp liên quan.</p>
4	Tiến sĩ	Tăng cường các nguồn lực tài chính cho phát triển các trường Đại học công lập ở Việt Nam	Nguyễn Thùy Linh	PGS.TS. Nguyễn Văn Định	<p>Về lý luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận về việc tăng cường nguồn lực tài chính cho phát triển các trường đại học (ĐH) công lập; gồm: xác định được những nguồn lực tài chính chủ yếu cho phát triển các trường ĐH công lập, những cơ chế tăng cường nguồn lực tài chính.</li> <li>- Xác lập được mô hình phân tích những nhân tố ảnh hưởng tới việc tăng cường nguồn lực tài chính cho phát triển các trường ĐH công lập.</li> </ul> <p>Về thực tiễn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được thực trạng cơ cấu nguồn lực tài chính và những cơ chế tăng cường nguồn lực tài chính hiện tại cho phát triển trường ĐH công lập trong hệ thống GDĐH.</li> </ul>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được sự ảnh hưởng của các nhân tố tới từng chỉ tiêu đo lường việc tăng cường nguồn lực tài chính cho phát triển trường ĐH công lập của Việt Nam.</li> <li>- Đối sánh các cơ chế tăng cường nguồn lực tài chính cho trường ĐH công lập của Việt Nam với cơ chế của thế giới, bao gồm: (i) đối sánh các cơ chế về đa dạng hóa nguồn thu cho cơ sở GDĐH công lập, bên cạnh nguồn thu truyền thống là NSNN; (ii) đối sánh các cơ chế về nâng cao hiệu quả đầu tư NSNN cho cơ sở GDĐH công lập.</li> <li>- Đưa ra các giải pháp, cơ chế, chính sách, cơ chế và những khuyến nghị phù hợp nhằm tăng cường nguồn lực tài chính cho phát triển các trường ĐH công lập tại Việt Nam.</li> </ul>
5	Tiến sĩ	Cải cách thể chế kinh tế ở các nước Châu Phi và bài học kinh nghiệm	Phạm Quốc Cường	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hùng	<p>Luận án đã vận dụng những khuôn khổ lý thuyết phù hợp để phân tích, đánh giá tiến trình và kết quả cải cách thể chế kinh tế thị trường ở châu Phi, phân tích sâu thực trạng này ở một số quốc gia; đưa ra những luận điểm khoa học mới khi nhận định, phân tích kết quả và những nhân tố tác động đối với tiến trình cải cách thể chế kinh tế thị trường ở châu Phi; rút ra những gợi mở về mặt chính sách đối với tiến trình cải cách thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam.</p> <p>Luận án cho rằng, cải cách thể chế kinh tế thị trường và nền quản trị quốc gia có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tiến trình cải cách thể chế kinh tế thị trường ở nhiều nước châu Phi thất bại bởi thiếu một nền tảng quản trị tốt; môi trường quản trị yếu kém tạo ra lực cản đối với những nỗ lực cải cách kinh tế mạnh mẽ hơn.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
6	Tiến sĩ	Năng lực cạnh tranh của ngành cao su Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế	Vương Quốc Thắng	PGS.TS. Trần Anh Tài PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	<p>- Luận án đã cho thấy mối quan hệ hữu cơ giữa các cấp độ năng lực cạnh tranh: sản phẩm, doanh nghiệp, ngành và quốc gia. Đặc biệt, luận án đã lựa chọn khung lý thuyết phù hợp trên cơ sở phân tích so sánh các tiếp cận lý thuyết khác nhau và xác định và nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của ngành cao su Việt Nam. Về phương diện thực tiễn - Luận án đúc kết các bài học về nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành cao su của một số quốc gia - đối thủ cạnh tranh và/hoặc thị trường của cao su Việt Nam. - Trên cơ sở nghiên cứu và khảo sát thực tế, luận án đã phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến năng lực cạnh tranh của ngành cao su Việt Nam, khẳng định vai trò quan trọng của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam cũng như vai trò của Chính phủ. Đồng thời, luận án đã làm rõ những thành công, hạn chế và những nguyên nhân của chúng về tình hình xây dựng và phát triển năng lực cạnh tranh của ngành cao su Việt Nam theo mô hình “Kim cương”, gắn với sản phẩm điển hình là cao su tự nhiên.</p> <p>- Đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành cao su Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam ngày càng tham gia tích cực và chủ động vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đặc biệt, luận án đã xây dựng mô hình chuỗi giá trị cho ngành cao su Việt Nam và qua đó, khẳng định lợi thế cạnh tranh về chi phí của sản phẩm và ngành cao su Việt Nam trên thị trường quốc tế. - Các giải pháp xoay quanh mô hình Kim cương nên phù hợp với lý thuyết và thực tiễn nên có tính khả thi và hợp lý.</p>
7	Tiến sĩ	Nhân lực các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình: Thực trạng và giải pháp	Nguyễn Quốc Khánh	GS.TS. Lê Quân TS. Đỗ Xuân Trường	<p>Hệ thống hóa cơ sở lý luận về nhân lực doanh nghiệp du lịch và năng lực nhân lực du lịch.</p> <p>Xây dựng được mô hình nghiên cứu nhằm đánh giá nhân lực quản lý tại các doanh nghiệp du lịch dựa trên phương pháp tiếp cận năng lực.</p> <p>Đánh giá được thực trạng nhân lực quản lý tại các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Đề xuất các giải pháp kiến nghị để phát triển nhân lực quản lý tại các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.
8	Tiến sĩ	Tác động của cấu trúc sở hữu tới khả năng sinh lời tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Tiến Thành	PGS.TS. Lưu Thị Hương	Kết quả nghiên cứu đưa ra 3 phát hiện chính cho toàn bộ thị trường, đó là tồn tại mối quan hệ phi tuyến tính (theo hình chữ U ngược) giữa sở hữu tổ chức, sở hữu nước ngoài và sở hữu nhà nước với khả năng sinh lời của công ty, theo đó tỷ lệ sở hữu tối ưu của tổ chức là 52,89%, sở hữu nước ngoài là 52,13% và sở hữu nhà nước là 57,53% sẽ đem lại khả năng sinh lời của tài sản cao nhất. Dưới góc độ của các cổ đông, sở hữu tối ưu của tổ chức là 46,95%, sở hữu nước ngoài là 74,15% và sở hữu nhà nước là 53,3% sẽ đem lại khả năng sinh lời cao nhất cho cổ đông.
9	Tiến sĩ	Thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam	Phạm Thị Linh	PGS.TS. Mai Thị Thanh Xuân	<i>Thứ nhất</i> , luận án hệ thống hóa và làm rõ các nội dung lý luận và thực tiễn về thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường. <i>Thứ hai</i> , luận án nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện thị trường hóa của quốc gia đi đầu là Hoa Kỳ và quốc gia có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam là Trung Quốc để rút những bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể áp dụng. <i>Thứ ba</i> , luận án đưa ra được khung phân tích và các tiêu chí đánh giá mức độ thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam làm cơ sở đánh giá thực trạng thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2018 để tìm ra những tồn tại và nguyên nhân của nó. Trên cơ sở đó đưa ra hệ thống giải pháp nhằm thúc đẩy tiến trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam trong thời gian tới. <i>Thứ tư</i> , luận án là công trình nghiên cứu đầu tiên nghiên cứu về thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam – một lĩnh vực rất mới và chưa được nhiều học giả quan tâm.
10	Tiến sĩ	Hoàn thiện chính sách tín dụng đối với sinh viên Việt Nam - Nghiên cứu trường	Nguyễn Mai Hương	PGS.TS. Lê Trung Thành TS. Trần Thị Vân Anh	<b>Về lý luận:</b> Luận án kế thừa cơ sở lý luận về tín dụng và tín dụng sinh viên làm rõ vai trò của chính sách tín dụng sinh viên. Hệ thống hóa và phân tích, đánh giá thực trạng hiệu lực, hiệu quả, tính bền



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		hợp các trường đại học thành viên tại ĐHQGHN			<p>vững của chính sách tín dụng sinh viên, các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn của sinh viên thông qua kết quả khảo sát tại các trường đại học thuộc ĐHQGHN. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách tín dụng sinh viên Việt Nam.</p> <p><b>Về thực tiễn:</b> Xác lập được mô hình phân tích những nhân tố ảnh hưởng tới quyết định vay vốn của sinh viên. Đề xuất hai nhóm giải pháp về một số kiến nghị hoàn thiện chính sách tín dụng sinh viên Việt Nam trên cơ sở nhu cầu vay vốn của bản thân sinh viên, không phải từ nhu cầu cho vay và điều kiện vay của tổ chức tín dụng. Các kiến nghị với cấp có thẩm quyền là gợi ý chính sách liên quan đến đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam.</p>
11	Tiến sĩ	Quản trị thương hiệu đại học: Nghiên cứu tình huống ĐHQGHN	Trần Việt Dũng	PGS.TS. Vũ Trí Dũng	<p>i) Luận án đã đánh giá thực trạng quản trị thương hiệu ĐHQGHN trên khía cạnh phát triển và quảng bá thương hiệu của ĐHQGHN, chỉ ra quản trị thương hiệu ĐHQGHN còn một số hạn chế như: Sự kết nối giữa ĐHQGHN và các đơn vị trong hoạt động quản trị thương hiệu còn nhiều hạn chế; hệ thống Fanpage chưa được quản lý hiệu quả; bộ nhận diện thương hiệu ở một số đơn vị còn tùy tiện; nội dung trên một số website chưa được chú trọng, không cập nhật tin tức, giao diện lỗi thời; đầu tư về nguồn lực và kinh phí cho nhiệm vụ quản trị thương hiệu tại các đơn vị chưa được chú trọng,...</p> <p>(ii) Luận án đã tiếp hành phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới tài sản thương hiệu của ĐHQGHN theo mô hình của Aaker (1991). Kết quả của nghiên cứu thu được các nhóm nhân tố “Mức độ nhận biết thương hiệu”, “Sự trung thành với thương hiệu” và “Cảm nhận và liên tưởng về chất lượng” đều có ảnh hưởng đến “tài sản thương hiệu” của ĐHQGHN; nhóm nhân tố “Mức độ nhận biết thương hiệu” có ảnh hưởng tới “Cảm nhận và liên tưởng về chất lượng” và “Sự trung thành với thương hiệu”; nhóm nhân tố “cảm nhận và liên tưởng về chất lượng”</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					thương hiệu” có ảnh hưởng tới “Sự trung thành với thương hiệu” (iii) Đưa ra một số khuyến nghị giải pháp phân theo các nhóm: nhóm giải pháp tăng cường lòng trung thành với thương hiệu, nhóm giải pháp nâng cao nhận biết thương hiệu, nhóm giải pháp nâng cao cảm nhận và liên tưởng thương hiệu, và nhóm các giải pháp hỗ trợ liên quan.
12	Tiến sĩ	Hỗ trợ nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội trong lĩnh vực nông nghiệp	Lê Thiết Lĩnh	PGS.TS. Lê Quốc Hội TS. Trần Quang Tuyền	- Về lý luận: Luận án góp phần làm rõ hơn lý luận về hỗ trợ của Nhà nước đối với các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm luận giải rõ khái niệm và làm rõ những nội dung hỗ trợ của Nhà nước đối với DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp. Luận án đã xác định các tiêu chí đánh giá hiệu quả hỗ trợ nhà nước đến hoạt động của DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp. Đặc biệt, luận án đã làm rõ mối quan hệ lợi ích của Nhà nước và doanh nghiệp trong thực hiện hỗ trợ của Nhà nước đối với các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp. - Về thực tiễn: Luận án làm rõ các hình thức hỗ trợ Nhà nước đối với hoạt động của DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp tại thành phố Hà Nội. Phân tích thực trạng hỗ trợ của nhà nước đến hoạt động của DNNVV Hà Nội trong lĩnh vực nông nghiệp thời gian qua, trên cơ sở đó chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong hỗ trợ DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp của thành phố Hà Nội. Luận án đã đề xuất những giải pháp hoàn thiện hỗ trợ của Nhà nước nhằm tạo điều kiện cho DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động hiệu quả trong thời gian tới.
13	Tiến sĩ	Mô hình quản trị các khu kinh tế tự do: Kinh nghiệm quốc tế và gợi mở chính sách cho Việt Nam	Nguyễn Minh Thắng	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hùng	Luận án đã chỉ ra những yếu tố quyết định nhất tác động đến sự phát triển thành bại của các khu kinh tế (KKT) tự do hiện nay; phân tích, làm rõ được mô hình quản trị của các KKT tự do thể hệ mới, đặc biệt là vai trò của yếu tố này đối với sự phát triển thành công của các KKT tự do; phân tích được một số hình mẫu quản trị các KKT tự do trên thế giới, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
14	Tiến sĩ	Mối quan hệ giữa Chiến lược sản xuất và kết quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất chế tạo ở Việt Nam	Hoàng Trọng Hòa	PGS.TS. Lê Thái Phong PGS.TS. Phan Chí Anh	<p>Luận án nghiên cứu này có những kết quả đóng góp cụ thể và khác biệt cho hệ thống nghiên cứu cả trong và ngoài nước:</p> <p>Thứ nhất, nghiên cứu làm sâu sắc hơn hiểu biết về mối quan hệ giữa Chiến lược sản xuất và Kết quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất. Trong điều kiện các nghiên cứu về Chiến lược sản xuất tại các nước châu Á và các nước đang phát triển còn hạn chế, nghiên cứu này có vai trò quan trọng trong việc gia tăng hiểu biết về Chiến lược sản xuất ở những khu vực này, đặc biệt khi Việt Nam là nước có tiềm năng lớn về sản xuất.</p> <p>Thứ hai, việc áp dụng các nghiên cứu nước ngoài, đặc biệt là các nghiên cứu từ phương Tây cho môi trường nghiên cứu trong nước thường sẽ gặp phải nhiều khó khăn do các khác biệt về hệ quy chiếu. Vì vậy, một nghiên cứu trực tiếp về đề tài Chiến lược sản xuất sẽ là đóng góp thiết thực cho hệ thống học thuật hiện tại ở Việt Nam, đặc biệt là khi đề tài này vẫn chưa có nhiều học giả khai thác.</p> <p>Thứ ba, người viết đề xuất một khung phân tích trên cơ sở kết hợp các cấu phần của Chiến lược sản xuất gồm cả Ưu tiên cạnh tranh và Lựa chọn chiến lược, khi các nghiên cứu trước đây thường chỉ có 01 trong 02 cấu phần. Bên cạnh đó, khung phân tích của luận án cũng tìm hiểu không chỉ mối quan hệ giữa Chiến lược sản xuất với Kết quả hoạt động như phần lớn các nghiên cứu trước kia, mà còn làm rõ cả các tương tác nội tại giữa các cấu phần của Chiến lược sản xuất với nhau và với tác động đối với Kết quả hoạt động.</p> <p>Thứ tư, việc nghiên cứu về công nghệ trong Chiến lược sản xuất với Kết quả hoạt động cũng là một nét mới trong nghiên cứu quốc tế; Theo Chatha và Butt (2015), yếu tố công nghệ trong Chiến lược sản xuất hiện đang thiếu hụt trong phần lớn các nghiên cứu trước đây về đề tài này.</p> <p>Cuối cùng, nghiên cứu cũng đưa ra một cách tiếp cận mới, đa chiều hơn so với nhiều nghiên cứu trước đây về Chiến lược sản xuất và mối quan hệ với Kết quả hoạt động, với việc sử dụng</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					<p>phương pháp nghiên cứu tổng hợp, kết hợp cả 02 phương pháp định tính và định lượng, các dữ liệu xuyên quốc gia, ở nhiều góc độ nhằm làm giàu tri thức về mối quan hệ giữa Chiến lược sản xuất và Kết quả hoạt động cả về chiều sâu và chiều rộng. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ tác động tích cực của Chiến lược sản xuất đối với Kết quả hoạt động của doanh nghiệp sản xuất chế tạo Việt Nam. Đồng thời, vai trò trọng yếu của yếu tố công nghệ trong việc hiện thực hóa, xúc tác triển khai Chiến lược sản xuất và cải thiện Kết quả hoạt động cũng được làm rõ. Bên cạnh đó, luận án cũng đưa ra những đề xuất, kiến nghị giá trị để các doanh nghiệp triển khai Chiến lược sản xuất và nâng cấp ứng dụng công nghệ được hiệu quả hơn.</p>
15	Tiến sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển ngân hàng xanh ở Việt Nam	Ngô Anh Phương	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	<p>Trên cơ sở xem xét thực trạng hoạt động ngân hàng xanh tại Việt Nam và kết hợp với nghiên cứu thực nghiệm cho thấy: (i) Hiện tại ở Việt Nam chưa có một ngân hàng nào thực sự được coi là Ngân hàng xanh, mà mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp các dịch vụ xanh của ngân hàng hay các hoạt động cho vay gắn với các cam kết về môi trường. Cùng với với các nỗ lực hoàn thiện khung pháp lý và triển khai thực hiện, đến nay dư nợ tín dụng xanh ngày càng tăng lên với tỷ trọng cũng tăng lên tương ứng. (ii) Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy mức độ phát triển ngân hàng xanh ở Việt Nam đang ở mức 3 - Hoạt động kinh doanh có hệ thống, trong đó, hầu hết các quy trình, sản phẩm của ngân hàng đều tuân thủ nguyên tắc “xanh”, cơ cấu tổ chức của ngân hàng được thiết kế để hỗ trợ tác động “xanh” ở trên 4 giác độ: con người, quy trình, nguyên tắc và mục đích. Tuy nhiên, điểm số chưa đạt 4/5 - mức điểm số thấp, thể hiện việc các chuyên gia, các nhà quản lý ngân hàng chưa hoàn toàn đồng ý với cấp độ phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế đang diễn ra trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đồng thời qua phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển ngân hàng xanh cho thấy có 04 nhóm nhân tố tác động gồm: các yếu tố vĩ mô (YTVM) có tác động lớn</p>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					nhất tới sự phát triển ngân hàng xanh tại Việt nam, tiếp đó đó nhóm nhân tố năng lực tài chính của ngân hàng (NLTC), nhóm nhân tố chính sách hỗ trợ của nhà nước về phát triển ngân hàng xanh (CSHT) và cuối cùng là nhóm nhân tố nhu cầu đầu tư xanh của các tổ chức kinh doanh (NCDTX) có tác động tới sự phát triển ngân hàng xanh tại Việt nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc phát triển ngân hàng xanh là một xu thế tất yếu trong giai đoạn hiện nay và tương lai. Để phát triển ngân hàng xanh thì bên cạnh các yếu tố vĩ mô thì Các chính sách của Chính phủ nên hướng tới khuyến khích và tạo nhiều ưu đãi cho các doanh nghiệp/hoạt động “xanh”. Mặt khác, cũng rất cần có những hệ thống văn bản, quy định đồng bộ, có sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các ngân hàng xanh hoạt động. Bên cạnh đó “nguồn cầu” cho phát triển xanh là vô cùng quan trọng. Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ thôi thúc các doanh nghiệp hướng tới sản xuất xanh thay vì chạy theo lợi nhuận, tạo ra phát thải carbon lớn, gây ô nhiễm môi trường. Do đó nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp là điều cần phải làm hiện nay tại Việt Nam. Trên cơ sở kết quả đạt được, luận án đã đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần phát triển ngân hàng xanh ở Việt nam đến năm 2030 trên các khía cạnh: (i) yếu tố kinh tế vĩ mô; (ii) nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng; (iii) chính sách hỗ trợ của nhà nước về phát triển ngân hàng xanh; (iv) tăng cường, khuyến khích đầu tư xanh của các tổ chức kinh doanh.
<b>THẠC SĨ</b>					
1.	Thạc sĩ	Quản trị chất lượng dịch vụ của hệ thống cửa hàng xăng dầu - Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	Vũ Tư An	TS. Trương Minh Đức	Quản trị chất lượng dịch vụ của hệ thống cửa hàng xăng dầu - Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
2.	Thạc sĩ	Phát triển nhân lực tại Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam	Nguyễn Việt Anh	TS. Trần Quang Tuyên	Phát triển nhân lực tại Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam
3.	Thạc sĩ	Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc tỉnh Vĩnh Phúc	Lê Mạnh Cường	PGS.TS Phạm Văn Dũng	Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc tỉnh Vĩnh Phúc
4.	Thạc sĩ	Quản lý về hoạt động bảo đảm tín dụng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng	Nguyễn Minh Chi	TS. Bùi Tuấn Anh	Quản lý về hoạt động bảo đảm tín dụng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng
5.	Thạc sĩ	Quản lý nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank	Trần Xuân Định	TS. Nguyễn Thùy Anh	Quản lý nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank
6.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	Nguyễn Thị Hà	TS. Trương Minh Đức	Đào tạo nguồn nhân lực tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây
7.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH Một thành viên cơ khí 17	Nguyễn Thị Thu Hà	GS.TS Phan Huy Đường	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH Một thành viên cơ khí 17
8.	Thạc sĩ	Dịch vụ tín dụng đối với doanh nghiệp FDI tại ngân hàng TMCP Việt Á	Nguyễn Thu Hà	TS Nguyễn Tiên Minh	Dịch vụ tín dụng đối với doanh nghiệp FDI tại ngân hàng TMCP Việt Á
9.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Lê Thanh Hải	PGS.TS Trần Đức Hiệp	Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
10.	Thạc sĩ	Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nguyễn Thị Hồng Hải	TS. Ngô Đăng Thành	Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
11.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Bệnh viện Đa khoa Đông Anh, thành phố Hà Nội	Phùng Thị Hồng Hạnh	TS. Vũ Thị Dậu	Quản lý tài chính tại Bệnh viện Đa khoa Đông Anh, thành phố Hà Nội
12.	Thạc sĩ	Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	Bùi Thu Hằng	TS. Lê Xuân Sang	Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy
13.	Thạc sĩ	Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Pháp vào Việt Nam	Vũ Thu Hiền	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi	Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Pháp vào Việt Nam
14.	Thạc sĩ	Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Mai Trung Hiếu	PGS.TS Đỗ Hữu Tùng	Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
15.	Thạc sĩ	Chính sách đối với đầu tư thiên thần tại Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam	Nguyễn Thị Hòa	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh	Chính sách đối với đầu tư thiên thần tại Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam
16.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng	PGS.TS Mai Thị Thanh Xuân	Quản lý tài chính tại Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
17.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ ở Việt Nam	Nguyễn Hữu Hưng	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	Quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ ở Việt Nam
18.	Thạc sĩ	Quản lý chi ngân sách nhà nước tại huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Trần Hoàng Hưng	TS. Hoàng Triều Hoa	Quản lý chi ngân sách nhà nước tại huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
19.	Thạc sĩ	Quản lý đầu tư công của thành phố Hà Nội	Hoàng Thị Thu Hương	TS. Trần Đức Vui	Quản lý đầu tư công của thành phố Hà Nội
20.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro trong kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Sơn Tây, thành phố Hà Nội	Nguyễn Văn Lâm	TS. Phạm Minh Tuấn	Quản lý rủi ro trong kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Sơn Tây, thành phố Hà Nội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
21.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ tài chính tại Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	Bùi Quốc Lân	TS. Phạm Minh Tuấn	Quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ tài chính tại Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
22.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ phi tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Hòa Lạc - Hà Nội 1	Lê Thị Mỹ Lệ	TS. Nguyễn Xuân Thành	Phát triển dịch vụ phi tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Hòa Lạc - Hà Nội 1
23.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần đường sắt Thanh Hóa	Cao Hoàng Linh	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần đường sắt Thanh Hóa
24.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực khảo thí tại ĐHQGHN	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS Trần Đức Hiệp	Quản lý nhân lực khảo thí tại ĐHQGHN
25.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH khóa Huy Hoàng	Hồ Hoàng Long	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH khóa Huy Hoàng
26.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài theo hướng bền vững tại tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Thành Nam	TS. Nguyễn Thuỳ Anh	Quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài theo hướng bền vững tại tỉnh Tuyên Quang
27.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Vũ Thái Nam	TS. Hoàng Khắc Lịch	Quản lý nhân lực tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
28.	Thạc sĩ	Sự hài lòng với công việc của nhân viên Viện khoa học Đo đạc và Bản đồ	Phạm Kim Ngân	TS. Đỗ Xuân Trường	Sự hài lòng với công việc của nhân viên Viện khoa học Đo đạc và Bản đồ
29.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc	Đường Lê Trọng Nhân	PGS.TS Lê Danh Tồn	Quản lý nhân lực tại Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc
30.	Thạc sĩ	Văn hóa kinh doanh tại Khu du lịch - Di tích Đền Sóc Sơn	Nguyễn Nam Nho	PGS.TS. Đỗ Minh Cương	Văn hóa kinh doanh tại Khu du lịch - Di tích Đền Sóc Sơn
31.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy	Lê Thị Hồng Nhung	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
32.	Thạc sĩ	Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản tại Kho bạc nhà nước huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Lê Hà Phương	PGS.TS Phan Thế Công	Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản tại Kho bạc nhà nước huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
33.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Tổng công ty 36	Nguyễn Xuân Phương	PGS.TS. Trần Đức Hiệp	Quản lý tài chính tại Tổng công ty 36
34.	Thạc sĩ	Rào cản kỹ thuật của EU và tác động đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU	Phạm Trung Phương	PGS.TS Hà Văn Hội	Rào cản kỹ thuật của EU và tác động đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU
35.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc đối với kiểm toán viên nhà nước chuyên ngành Ia thuộc Kiểm toán Nhà nước ở Việt Nam	Võ Huy Phương	GS.TS Phan Huy Đường	Tạo động lực làm việc đối với kiểm toán viên nhà nước chuyên ngành Ia thuộc Kiểm toán Nhà nước ở Việt Nam
36.	Thạc sĩ	Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước Hoàn Kiếm	Vũ Thị Quỳnh Phương	TS. Trần Đức Vui	Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước Hoàn Kiếm
37.	Thạc sĩ	Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Ngân hàng thế giới tại tỉnh Cần Thơ	Trần Mạnh Quyền	PGS.TS Hà Văn Hội	Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Ngân hàng thế giới tại tỉnh Cần Thơ
38.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Kho bạc Nhà nước Nam Định	Hồ Anh Sơn	PGS.TS Phí Mạnh Hồng	Quản lý nhân lực tại Kho bạc Nhà nước Nam Định
39.	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Lý Quang Sơn	GS.TS Phan Huy Đường	Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh
40.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV chi nhánh Đại La	Nguyễn Anh Sơn	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV chi nhánh Đại La

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
41.	Thạc sĩ	Quản lý thu thuế nhập khẩu sau thông quan tại Cục hải quan tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Hoàng Sơn	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Quản lý thu thuế nhập khẩu sau thông quan tại Cục hải quan tỉnh Lạng Sơn
42.	Thạc sĩ	Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Trường Đại học phòng cháy chữa cháy, Bộ Công An	Hà Đăng Tuấn	PGS.TS Phí Mạnh Hồng	Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Trường Đại học phòng cháy chữa cháy, Bộ Công An
43.	Thạc sĩ	Quản lý nguồn nhân lực tại Văn phòng chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trần Anh Tuấn	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	Quản lý nguồn nhân lực tại Văn phòng chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
44.	Thạc sĩ	Hiệu quả quản trị tài chính tại Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật	Lê Thanh Tùng	TS. Vũ Thị Loan	Hiệu quả quản trị tài chính tại Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật
45.	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng bán lẻ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang	Trương Lâm Tùng	PGS.TS. Trần Thị Thái Hà	Chất lượng tín dụng bán lẻ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang
46.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của Kho bạc nhà nước Việt Nam	Phạm Hải Thái	PGS.TS Phan Thế Công	Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của Kho bạc nhà nước Việt Nam
47.	Thạc sĩ	Xây dựng định mức lao động tại Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Trần Hồng Thái	TS. Trương Minh Đức	Xây dựng định mức lao động tại Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel
48.	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng hoạt động môi giới chứng khoán tại công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS)	Trịnh Thị Minh Thảo	TS. Nguyễn Thị Nhung	Nâng cao chất lượng hoạt động môi giới chứng khoán tại công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS)
49.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ thẻ tại ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Vương Thu Thảo	TS. Đinh Thị Thanh Vân	Chất lượng dịch vụ thẻ tại ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dầu khí Toàn cầu - Chi nhánh Thăng Long

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		viên Dầu khí Toàn cầu - Chi nhánh Thăng Long			
50.	Thạc sĩ	Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Đào Chiến Thắng	TS. Phạm Bảo Khánh	Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh
51.	Thạc sĩ	Phát triển ngân hàng điện tử dành cho khách hàng tổ chức tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội	Nguyễn Tân Thắng	PGS.TS Phạm Thị Túy	Phát triển ngân hàng điện tử dành cho khách hàng tổ chức tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội
52.	Thạc sĩ	Phát triển thị trường nước ngoài của công ty TNHH Thanh An giai đoạn 2020-2025	Phan Thanh Thúy	TS. Đinh Văn Toàn	Phát triển thị trường nước ngoài của công ty TNHH Thanh An giai đoạn 2020-2025
53.	Thạc sĩ	Hiệu quả quản trị dòng tiền tại công ty cổ phần CLAY Việt Nam	Mai Thị Thu	TS. Đỗ Hồng Nhung	Hiệu quả quản trị dòng tiền tại công ty cổ phần CLAY Việt Nam
54.	Thạc sĩ	Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Bệnh viện Y học cổ truyền - Bộ Công An	Nguyễn Thị Hồng Thương	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Bệnh viện Y học cổ truyền - Bộ Công An
55.	Thạc sĩ	Trách nhiệm xã hội của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt	Cao Anh Trung	TS. Nguyễn Phương Mai	Trách nhiệm xã hội của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt
56.	Thạc sĩ	Dịch vụ Internet Banking tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	Nguyễn Thu Vân	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Dịch vụ Internet Banking tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
57.	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ biên tập viên Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật	Trần Thị Khánh Vân	PGS.TS Phạm Thị Túy	Phát triển đội ngũ biên tập viên Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật
58.	Thạc sĩ	Quản lý mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Bạch Mai	Nguyễn Hoàng Yên	TS. Hoàng Triều Hoa	Quản lý mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Bạch Mai

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
59.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trần Công	TS. Trần Đức Vui	Quản lý nhân lực tại Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo
60.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam (Vinades)	Nguyễn Trọng Tấn	PGS.TS. Đinh Văn Thông	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam (Vinades)
61.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Trung tâm Phát thanh - Truyền hình quân đội	Đỗ Phương Linh	TS. Hoàng Triều Hoa	Quản lý tài chính tại Trung tâm Phát thanh - Truyền hình quân đội
62.	Thạc sĩ	Chiến lược kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Phú Nghĩa	Trần Quang Nghĩa	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn	Chiến lược kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Phú Nghĩa
63.	Thạc sĩ	Văn hóa doanh nghiệp tại Công ty TNHH Tư vấn giải pháp sáng tạo	Nguyễn Thị Vinh	TS. Đặng Thị Hương	Văn hóa doanh nghiệp tại Công ty TNHH Tư vấn giải pháp sáng tạo
64.	Thạc sĩ	Năng lực cạnh tranh của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị	Nguyễn Thị Mai Trang	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	Năng lực cạnh tranh của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
65.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho cán bộ Đoàn Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Võ Hồ Thanh Trường	TS. Nguyễn Hồng Chính	Tạo động lực làm việc cho cán bộ Đoàn Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
66.	Thạc sĩ	Phát triển hệ thống nhượng quyền thương mại: Nghiên cứu điển hình một số chuỗi cửa hàng F&B tại Việt Nam	Phạm Việt Tiệp	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn	Phát triển hệ thống nhượng quyền thương mại: Nghiên cứu điển hình một số chuỗi cửa hàng F&B tại Việt Nam
67.	Thạc sĩ	Ứng dụng KPI đánh giá kết quả thực hiện công việc nhân viên phòng kỹ thuật - Chất lượng Công ty TNHH kỹ thuật Quản lý Bay	Phạm Quang Tiến	TS. Nguyễn Phương Mai	Ứng dụng KPI đánh giá kết quả thực hiện công việc nhân viên phòng kỹ thuật - Chất lượng Công ty TNHH kỹ thuật Quản lý Bay
68.	Thạc sĩ	Hoạt động marketing sản phẩm gửi tiết kiệm cho khách hàng cá nhân tại ngân hàng	Nguyễn Thị An	TS. Nguyễn Thu Hà	Hoạt động marketing sản phẩm gửi tiết kiệm cho khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)			
69.	Thạc sĩ	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần đầu tư Kenli	Đoàn Thanh Tùng	PGS.TS Hoàng Văn Hải	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần đầu tư Kenli
70.	Thạc sĩ	Giải pháp truyền thông Marketing cho phần mềm quản lý bán hàng Sapo của công ty cổ phần công nghệ Sapo	Nguyễn Nhật Minh	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Giải pháp truyền thông Marketing cho phần mềm quản lý bán hàng Sapo của công ty cổ phần công nghệ Sapo
71.	Thạc sĩ	Xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam	Nguyễn Thúc Đoàn	TS. Đỗ Xuân Trường	Xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam
72.	Thạc sĩ	Đãi ngộ nhân sự tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực I	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Đãi ngộ nhân sự tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực I
73.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho nhân sự công nghệ thông tin tại Trung tâm phần mềm và giải pháp viễn thông VIETTEL	Nguyễn Thành Nhân	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	Tạo động lực cho nhân sự công nghệ thông tin tại Trung tâm phần mềm và giải pháp viễn thông VIETTEL
74.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn dịch vụ của khách hàng cá nhân của Agribank tại Thành phố Nam Định	Nguyễn Minh Đức	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn dịch vụ của khách hàng cá nhân của Agribank tại Thành phố Nam Định
75.	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ và lòng trung thành của khách hàng tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quang Minh	Bùi Thị Thúy Hằng	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ và lòng trung thành của khách hàng tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quang Minh
76.	Thạc sĩ	Văn hóa kết hợp Đông Tây của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn	Nông Thị Minh Hiến	PGS.TS. Đỗ Minh Cường	Văn hóa kết hợp Đông Tây của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội Viettel trong đầu tư ra nước ngoài

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Viễn thông quân đội Viettel trong đầu tư ra nước ngoài			
77.	Thạc sĩ	Giải pháp chống thất thu thuế tại chi cục hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài	Đinh Cát Luân	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Giải pháp chống thất thu thuế tại chi cục hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài
78.	Thạc sĩ	Nghiên cứu triển khai Dịch vụ công trực tuyến trong kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước	Đặng Minh Ngọc	PGS.TS. Lê Hùng Sơn	Nghiên cứu triển khai Dịch vụ công trực tuyến trong kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước
79.	Thạc sĩ	Kiểm soát chi cho các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Kho bạc Nhà nước Điện Biên	Hoàng Phương Thao	TS. Phan Hữu Nghị	Kiểm soát chi cho các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Kho bạc Nhà nước Điện Biên
80.	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của công ty TNHH Hồ Tây Một Thành Viên	Bùi Minh Nhật	TS. Vũ Thị Loan	Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của công ty TNHH Hồ Tây Một Thành Viên
81.	Thạc sĩ	Công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại chi cục thuế huyện Gia Lâm	Lê Trung Vĩnh Luân	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	Công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại chi cục thuế huyện Gia Lâm
82.	Thạc sĩ	Thẩm định cho vay đầu tư dự án lớn, đặc thù tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hoàng Tường Minh	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	Thẩm định cho vay đầu tư dự án lớn, đặc thù tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
83.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đại La	Trần Chung Thành	TS Hoàng Việt Trung	Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đại La

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
84.	Thạc sĩ	Thẩm định tín dụng trong hoạt động cho vay hộ kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Khuất Duy Hải	TS. Trần Trung Tuấn	Thẩm định tín dụng trong hoạt động cho vay hộ kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
85.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Quân Đội	Nguyễn Thị Minh Huyền	TS. Nguyễn Thế Hùng	Phát triển hoạt động cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Quân Đội
86.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động cung cấp thông tin tín dụng cho khách hàng vay thẻ nhân tại Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam	Bùi Thị Thúy Hồng	PGS.TS Trần Thị Thái Hà	Phát triển hoạt động cung cấp thông tin tín dụng cho khách hàng vay thẻ nhân tại Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam
87.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ Smartbanking tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	Nguyễn Hữu Tài	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Phát triển dịch vụ Smartbanking tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Cầu Giấy
88.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Lê Quốc Tùng	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Quản lý tài chính tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
89.	Thạc sĩ	Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Lê Duy Hưng	TS. Phạm Minh Tú	Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
90.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính ở Công ty Bảo hiểm PVI	Lê Quang Huy	TS. Trần Quang Tuyền	Quản lý tài chính ở Công ty Bảo hiểm PVI
91.	Thạc sĩ	Quản lý chi ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Nguyên	Lê Tuấn Hương	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	Quản lý chi ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Nguyên

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
92.	Thạc sĩ	Chất lượng công chức ngành thống kê tập trung các tỉnh Tây Nguyên	Vũ Quốc Dũng	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp	Chất lượng công chức ngành thống kê tập trung các tỉnh Tây Nguyên
93.	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên rừng phòng hộ huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh	Vũ Thế Hùng	TS. Hoàng Triều Hoa	Quản lý tài nguyên rừng phòng hộ huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh
94.	Thạc sĩ	Quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc nhà nước Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Phùng Quang Tuấn	PGS.TS Lê Văn Chiến	Quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc nhà nước Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
95.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức lao động - xã hội	Trương Thị Minh Trang	PGS.TS. Lê Danh Tôn	Quản lý nhân lực tại trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức lao động - xã hội
96.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Hội sở chính Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Nguyễn Hải Lâm	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Tạo động lực cho người lao động tại Hội sở chính Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương
97.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước đối với nguồn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam	Trần Văn Khôi	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	Quản lý nhà nước đối với nguồn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam
98.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH Phát triển xây dựng và Thương mại (DCC)	Đình Tiên Hoàng	PGS.TS. Đình Văn Thông	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH Phát triển xây dựng và Thương mại (DCC)
99.	Thạc sĩ	Phát triển cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn	Nguyễn Xuân Mạnh	TS. Nguyễn Thị Nhung	Phát triển cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn
100.	Thạc sĩ	Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	Nguyễn Hoàng Quốc Khánh	TS. Hoàng Khắc Lịch	Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tràng An



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Việt Nam - Chi nhánh Tràng An			
101.	Thạc sĩ	Phát triển tín dụng bán lẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	Phạm Anh Tôn	PGS.TS. Lê Trung Thành	Phát triển tín dụng bán lẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
102.	Thạc sĩ	Quản lý chi ngân sách nhà nước tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Thị Phương Thủy	TS. Trần Thị Vân Anh	Quản lý chi ngân sách nhà nước tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
103.	Thạc sĩ	Chất lượng cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	Nông Văn Tuấn	TS. Đinh Xuân Cường	Chất lượng cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)
104.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Huỳnh Thị Bích Hằng	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp	Quản lý tài chính tại Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường
105.	Thạc sĩ	Quản lý ngân sách nhà nước huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Cao Thị Hồng Liên	GS.TS. Phan Huy Đường	Quản lý ngân sách nhà nước huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
106.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty lữ hành Hanoitourist	Phùng Đức Thiện	TS. Hoàng Triều Hoa	Quản lý nhân lực tại Công ty lữ hành Hanoitourist
107.	Thạc sĩ	Quản trị tinh gọn tại Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ	Cần Đình Luận	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Quản trị tinh gọn tại Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ
108.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của người tiêu dùng trên địa bàn Hà Nội với loại hình kinh doanh thời trang trực tuyến	Vũ Cao Đại	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của người tiêu dùng trên địa bàn Hà Nội với loại hình kinh doanh thời trang trực tuyến
109.	Thạc sĩ	Quản lý đội ngũ giảng viên tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQGHN	Nguyễn Ngọc Quỳnh	TS. Đỗ Anh Đức	Quản lý đội ngũ giảng viên tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQGHN

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
110.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hiếu Anh	Nguyễn Thị Thu Thảo	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Phân tích và dự báo tài chính công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hiếu Anh
111.	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kinh tế báo chí của báo Nhân Dân	Trần Thị Hải Yến	TS. Lưu Quốc Đạt	Quản lý hoạt động kinh tế báo chí của báo Nhân Dân
112.	Thạc sĩ	Marketing mix của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) trên địa bàn Hà Nội	Thân Thị Thanh Tâm	TS. Hồ Chí Dũng	Marketing mix của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) trên địa bàn Hà Nội
113.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần Minh Việt Toàn cầu	Lê Hữu Thuận	GS.TS. Phan Huy Đường	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần Minh Việt Toàn cầu
114.	Thạc sĩ	Văn hóa tổ chức tại Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình (TVAD)	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Đặng Quý Dương	Văn hóa tổ chức tại Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình (TVAD)
115.	Thạc sĩ	Quản lý thu thuế doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục thuế Quận Nam Từ Liêm	Lê Xuân Lợi	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	Quản lý thu thuế doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục thuế Quận Nam Từ Liêm
116.	Thạc sĩ	Kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế của Chi cục thuế Quận Cầu Giấy	Lê Thị Thu Thủy	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Diệp	Kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế của Chi cục thuế Quận Cầu Giấy
117.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ tại Công ty cổ phần Chứng khoán Vndirect	Trần Thị Thanh Hương	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Chất lượng dịch vụ tại Công ty cổ phần Chứng khoán Vndirect
118.	Thạc sĩ	Văn hóa kinh doanh tại chuỗi cửa hàng tiện lợi Vinmart+ tại Hà Nội	Lê Thái Anh	TS. Nguyễn Thùy Dung	Văn hóa kinh doanh tại chuỗi cửa hàng tiện lợi Vinmart+ tại Hà Nội
119.	Thạc sĩ	Quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành của Tổng Cục Hải quan	Nguyễn Khắc Mạnh	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành của Tổng Cục Hải quan

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
120.	Thạc sĩ	Quản trị hoạt động tín dụng tại Trung tâm kinh doanh hội sở - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	Trương Lê Thái Hưng	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Quản trị hoạt động tín dụng tại Trung tâm kinh doanh hội sở - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
121.	Thạc sĩ	Quản lý nợ thuế tại Chi cục hải quan Bắc Hà Nội, Cục Hải quan thành phố Hà Nội	Hoàng Thị Thùy Dương	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Quản lý nợ thuế tại Chi cục hải quan Bắc Hà Nội, Cục Hải quan thành phố Hà Nội
122.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ tại Trung tâm dịch vụ khách hàng - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Khuất Thị Thúy Nga	PGS.TS. Trần Thị Thái Hà	Chất lượng dịch vụ tại Trung tâm dịch vụ khách hàng - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
123.	Thạc sĩ	Năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực tráng phủ kim loại tại Công ty cổ phần phát triển đầu tư Hoàng Hà	Hồ Thị Nguyệt	TS. Đỗ Vũ Phương Anh	Năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực tráng phủ kim loại tại Công ty cổ phần phát triển đầu tư Hoàng Hà
124.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Viettel Phú Thọ	Lê Hoàng Phương	TS. Nguyễn Thùy Anh	Quản lý nhân lực tại Viettel Phú Thọ
125.	Thạc sĩ	Quản lý dịch vụ thẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Sở giao dịch	Lê Thị Ngọc Diệp	TS. Đỗ Anh Đức	Quản lý dịch vụ thẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Sở giao dịch
126.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty Điện lực Nam Định	Trần Ngọc Toàn	TS. Trần Đức Vui	Quản lý nhân lực tại Công ty Điện lực Nam Định
127.	Thạc sĩ	Kiểm tra hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội	Phan Thị Tuyết Trinh	TS. Nguyễn Thùy Anh	Kiểm tra hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội
128.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	Lê Tùng Lâm	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
129.	Thạc sĩ	Năng suất lao động tại sàn giao dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	Nguyễn Thị Hồng Duyên	PGS.TS. Phan Chí Anh	Năng suất lao động tại sàn giao dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội
130.	Thạc sĩ	Chính sách tín dụng đối với thị trường bất động sản Việt Nam	Nguyễn Mai Linh	TS. Lê Thị Hồng Điệp	Chính sách tín dụng đối với thị trường bất động sản Việt Nam
131.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho nhân viên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Lê Phương Thuý	TS. Trương Minh Đức	Tạo động lực cho nhân viên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
132.	Thạc sĩ	Phát triển cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	Lê Quang Anh	TS. Nguyễn Thế Hùng	Phát triển cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc
133.	Thạc sĩ	Phân tích tài chính và định giá Công ty Cổ phần Medcomtech	Đoàn Thanh Nga	TS. Trịnh Thị Phan Lan	Phân tích tài chính và định giá Công ty Cổ phần Medcomtech
134.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Lương Phương Thanh	PGS.TS. Lê Trung Thành	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam
135.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây	Dương Thị Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Thế Hùng	Phát triển hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây
136.	Thạc sĩ	Chất lượng thẩm định dự án đầu tư tại Trung tâm thẩm định khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Quân Đội	Lê Thị Vân	PGS.TS. Trần Thị Thái Hà	Chất lượng thẩm định dự án đầu tư tại Trung tâm thẩm định khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Quân Đội
137.	Thạc sĩ	Quản lý tiền gửi tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	Nguyễn Văn Trung	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Quản lý tiền gửi tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
138.	Thạc sĩ	Năng suất lao động tại khối văn phòng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật điện lực dầu khí Việt Nam	Trần Thị Ngọc Anh	PGS.TS. Phan Chí Anh	Năng suất lao động tại khối văn phòng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật điện lực dầu khí Việt Nam
139.	Thạc sĩ	Quản lý thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân không cư trú tại Việt Nam	Trần Trà My	TS. Đinh Thị Thanh Vân	Quản lý thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân không cư trú tại Việt Nam
140.	Thạc sĩ	Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khai thác dầu khí tại Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Phương	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai	Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khai thác dầu khí tại Việt Nam
141.	Thạc sĩ	Chất lượng cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ	Lê Thị Hồng Vân	TS. Nguyễn Thị Hương	Chất lượng cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ
142.	Thạc sĩ	Chiến lược phát triển của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hoàng Long	PGS.TS Trần Anh Tài	Chiến lược phát triển của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
143.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Texo	Nguyễn Phú Bình	PGS.TS. Phí Mạnh Hồng	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Texo
144.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ suất ăn của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam	Hoàng Phương Thảo	PGS.TS Phan Chí Anh	Chất lượng dịch vụ suất ăn của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam
145.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vay tiêu dùng của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	Trần Văn Tuấn	TS. Nguyễn Phương Mai	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vay tiêu dùng của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
146.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên: Nghiên cứu điển hình tại Công ty cổ phần đầu tư Lê Bảo Minh	Trịnh Hải Hiền	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên: Nghiên cứu điển hình tại Công ty cổ phần đầu tư Lê Bảo Minh
147.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro thanh khoản tại Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV Tỉnh Thương	Đinh Thị Mai Trâm	TS. Nguyễn Phú Hà	Quản trị rủi ro thanh khoản tại Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV Tỉnh Thương
148.	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	Ngô Thị Hồng Hạnh	PGS.TS. Vũ Đức Thanh	Quản lý hoạt động thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô
149.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về thu chi phí, lệ phí tại Bộ tài nguyên và môi trường	Nguyễn Thị Thu	TS. Trần Quang Tuyên	Quản lý nhà nước về thu chi phí, lệ phí tại Bộ tài nguyên và môi trường
150.	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bán hàng tại Công ty Honda Việt Nam	Nguyễn Hà Thanh	PGS.TS. Trần Đức Hiệp	Quản lý hoạt động bán hàng tại Công ty Honda Việt Nam
151.	Thạc sĩ	Phát triển cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	Vũ Thị Hiền	TS. Vũ Hà Cường	Phát triển cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng
152.	Thạc sĩ	Hoạt động marketing của Công ty TNHH Descor Style Việt Nam	Đặng Hà Mi	TS. Phạm Thu Phương	Hoạt động marketing của Công ty TNHH Descor Style Việt Nam
153.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục hải quan Hà Nội	Phan Tuấn An Ninh	PGS.TS. Đinh Văn Thông	Quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục hải quan Hà Nội
154.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ Mobile Banking tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt	Nguyễn Thị Thu Mi	TS. Nguyễn Phú Hà	Phát triển dịch vụ Mobile Banking tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nam - Chi nhánh Chương Dương			
155.	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp tới kết quả hoạt động kinh doanh tại Tập đoàn truyền thông Bizman	Đặng Hoàng Đạo	TS. Nguyễn Thùy Dung	Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp tới kết quả hoạt động kinh doanh tại Tập đoàn truyền thông Bizman
156.	Thạc sĩ	Phát triển thương hiệu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	Vũ Đại Hiệp	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Phát triển thương hiệu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt
157.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần địa chính Hà Nội	Hoàng Thế Biểu	PGS.TS. Lê Danh Tồn	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần địa chính Hà Nội
158.	Thạc sĩ	Digital marketing cho dịch vụ y tế tại công ty cổ phần Bệnh viện Thái Thịnh	Lê Thị Tuyết Nhung	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Digital marketing cho dịch vụ y tế tại công ty cổ phần Bệnh viện Thái Thịnh
159.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính các đơn vị sự nghiệp có thu của huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Trần Thị Thuyết	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	Quản lý tài chính các đơn vị sự nghiệp có thu của huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
160.	Thạc sĩ	Phát triển thương hiệu cho chuỗi nhà hàng Sỹ Phú tại Công ty TNHH Sỹ Phú	Nguyễn Thành Hưng	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	Phát triển thương hiệu cho chuỗi nhà hàng Sỹ Phú tại Công ty TNHH Sỹ Phú
161.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty đầu tư xây dựng và Thương mại dịch vụ PKT Hà Nội	Đỗ Hồng Ngọc	PGS.TS. Vũ Đức Thanh	Quản lý nhân lực tại Công ty đầu tư xây dựng và Thương mại dịch vụ PKT Hà Nội
162.	Thạc sĩ	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Hà Nội	Lê Duy Trung	PGS.TS. Đỗ Minh Cương	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Hà Nội
163.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đất đai tại Quận Cầu Giấy	Nguyễn Việt Hà	PGS.TS. Ngô Tuấn Nghĩa	Quản lý nhà nước về đất đai tại Quận Cầu Giấy
164.	Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á	Hồ Hương Giang	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	Quản trị dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
165.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phù Ninh - Phú Thọ II	Đỗ Mạnh Tùng	TS. Phạm Kim Thu	Quản lý nhân lực tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Phù Ninh - Phú Thọ II
166.	Thạc sĩ	Quản lý chất lượng dự án xây dựng công trình giao thông từ ngân sách Nhà nước tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình	Lò Văn Sinh	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	Quản lý chất lượng dự án xây dựng công trình giao thông từ ngân sách Nhà nước tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình
167.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn Chí Linh	Nguyễn Chí Linh	TS. Trần Thế Nữ	Phân tích và dự báo tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn Chí Linh
168.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây	Bùi Trung Định	PGS.TS. Trần Đức Hiệp	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây
169.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty TNHH MTV Thanh Bình - BCA	Phan Thế Mạnh	TS. Đinh Văn Toàn	Tạo động lực cho người lao động tại Công ty TNHH MTV Thanh Bình - BCA
170.	Thạc sĩ	Lợi thế cạnh tranh trên thị trường bán lẻ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Phan Đức Trung	PGS.TS Trần Thị Thái Hà	Lợi thế cạnh tranh trên thị trường bán lẻ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam
171.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Bắc Á	Đặng Thị Hòa	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Đào tạo nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Bắc Á
172.	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đến sinh kế hộ gia đình tại vườn quốc gia Cát Tiên	Đào Thị Linh Chi	TS. Phạm Thu Thủy	Nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đến sinh kế hộ gia đình tại vườn quốc gia Cát Tiên
173.	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá kết quả thực thi chính sách xây dựng	Nguyễn Hồng Nhật	PGS.TS Nguyễn An Thịnh	Nghiên cứu đánh giá kết quả thực thi chính sách xây dựng nông thôn mới tại huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		nông thôn mới tại huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh			
174.	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá công tác quản lý nhà nước về mạng xã hội tại Việt Nam	Ngô Huy Toàn	TS. Lưu Quốc Đạt	Nghiên cứu đánh giá công tác quản lý nhà nước về mạng xã hội tại Việt Nam
175.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ hoạt động huy động vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch	Phạm Thị Ngọc Ánh	TS. Tạ Quang Bình	Kiểm soát nội bộ hoạt động huy động vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch
176.	Thạc sĩ	Vận dụng thẻ điểm cân bằng đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập	Nguyễn Bá Chinh	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Vận dụng thẻ điểm cân bằng đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc lập
177.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty TNHH Daesun Vina	Đình Thị Dung	PGS.TS Trần Văn Thuận	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty TNHH Daesun Vina
178.	Thạc sĩ	Công tác kế toán theo mô hình tự chủ tài chính tại Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Đỗ Kiều Oanh	Công tác kế toán theo mô hình tự chủ tài chính tại Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì
179.	Thạc sĩ	Công tác Quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Tổng cục Hải quan	Tông Thị Giang	TS. Trần Thế Nữ	Công tác Quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Tổng cục Hải quan
180.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ quy trình huy động vốn tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội	Văn Thị Cẩm Giang	PGS.TS Phan Trung Kiên	Kiểm soát nội bộ quy trình huy động vốn tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội
181.	Thạc sĩ	Quản lý tài sản công tại Tổng cục Hải quan	Hoàng Thị Hà	TS. Phạm Ngọc Quang	Quản lý tài sản công tại Tổng cục Hải quan
182.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ quy trình cho vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt	Nguyễn Thế Lâm	PGS.TS Nguyễn Phú Giang	Kiểm soát nội bộ quy trình cho vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch			
183.	Thạc sĩ	Công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại cục Thuế thành phố Hà Nội	Ngô Thị Tuyết Mai	TS. Phạm Ngọc Quang	Công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại cục Thuế thành phố Hà Nội
184.	Thạc sĩ	Kiểm soát nội bộ hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Lê Thị Oanh	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Kiểm soát nội bộ hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh
185.	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản tại Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex	Phạm Hải Oanh	TS. Nguyễn Thị Kim Oanh	Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản tại Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex
186.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty Cổ phần Y tế Quang Minh	Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty Cổ phần Y tế Quang Minh
187.	Thạc sĩ	Kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cầu đường số 18.6	Nguyễn Thị Thu	TS. Phan Thị Anh Đào	Kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cầu đường số 18.6
188.	Thạc sĩ	Quản lý thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Trần Thị Kim Trang	TS. Trần Thế Nữ	Quản lý thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
189.	Thạc sĩ	Vận dụng thẻ điểm cân bằng đánh giá hiệu quả hoạt động tại Trung tâm kinh doanh VNPT Tiền Giang	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Vận dụng thẻ điểm cân bằng đánh giá hiệu quả hoạt động tại Trung tâm kinh doanh VNPT Tiền Giang
190.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty TNHH Công nghiệp Chính xác Việt Nam 1	Đào Thị Hải Yến	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty TNHH Công nghiệp Chính xác Việt Nam 1
191.	Thạc sĩ	Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Ninh Bình	Phạm Đức Thịnh	PGS.TS Mai Thị Thanh Xuân	Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Ninh Bình
192.	Thạc sĩ	Khai thác điểm đến du lịch: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam	Nguyễn Thị Mai Anh	PGS.TS Nguyễn Xuân Thiên	Khai thác điểm đến du lịch: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
193.	Thạc sĩ	Phân tích năng suất lao động trong các ngành công nghiệp chế tạo của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Đào Thùy Dung	TS. Nguyễn Tiên Dũng	Phân tích năng suất lao động trong các ngành công nghiệp chế tạo của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế
194.	Thạc sĩ	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp của một số nước ASEAN và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	Lê Thị Ngọc Hà	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp của một số nước ASEAN và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam
195.	Thạc sĩ	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Hoàng Hà	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên
196.	Thạc sĩ	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hải Dương	Trương Đức Hải	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hải Dương
197.	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên	Trần Hồng Hạnh	TS. Phạm Thu Phương	Các nhân tố tác động đến thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên
198.	Thạc sĩ	Phát triển ngân hàng số tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Trần Thị Thu Hằng	TS. Nguyễn Cẩm Nhung	Phát triển ngân hàng số tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế
199.	Thạc sĩ	Kinh nghiệm xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp của Hồng Kông và bài học cho Việt Nam	Phạm Đắc Hưng	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Kinh nghiệm xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp của Hồng Kông và bài học cho Việt Nam
200.	Thạc sĩ	Xuất khẩu lao động của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản và những vấn đề đặt ra	Nguyễn Thị May	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi	Xuất khẩu lao động của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản và những vấn đề đặt ra
201.	Thạc sĩ	Phát triển thương mại biên giới của tỉnh Quảng Ninh	Vũ Thị Hồng Mơ	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	Phát triển thương mại biên giới của tỉnh Quảng Ninh
202.	Thạc sĩ	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển sản phẩm du lịch đặc thù vùng Duyên hải Nam Trung bộ	Nguyễn Trang Nhung	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển sản phẩm du lịch đặc thù vùng Duyên hải Nam Trung bộ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế			
203.	Thạc sĩ	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam	Bùi Mạnh Tường	PGS.TS. Hà Văn Hội	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam
204.	Thạc sĩ	Chính sách thu hút vốn đầu tư mạo hiểm cho các Startups tại Israel và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Nguyễn Thị Huyền Trang	TS. Nguyễn Anh Thu	Chính sách thu hút vốn đầu tư mạo hiểm cho các Startups tại Israel và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam
205.	Thạc sĩ	Thúc đẩy xuất khẩu gỗ Việt Nam sang thị trường Nhật Bản	Nguyễn Thu Trang	TS. Nguyễn Tiến Minh	Thúc đẩy xuất khẩu gỗ Việt Nam sang thị trường Nhật Bản
206.	Thạc sĩ	Nhập khẩu thép từ một số nước Đông Bắc Á và tác động tới ngành thép Việt Nam	Nông Hoa Xuân	PGS.TS. Hà Văn Hội	Nhập khẩu thép từ một số nước Đông Bắc Á và tác động tới ngành thép Việt Nam
207.	Thạc sĩ	Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và những tác động đối với Việt Nam	Nguyễn Thị Yến	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên	Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và những tác động đối với Việt Nam
208.	Thạc sĩ	Mô hình phát triển kinh tế số của Hàn Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Nguyễn Quỳnh Anh	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	Mô hình phát triển kinh tế số của Hàn Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam
209.	Thạc sĩ	Xuất khẩu lao động của Việt Nam sang thị trường Đài Loan và những vấn đề đặt ra	Vũ Thị Việt Nga	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Xuất khẩu lao động của Việt Nam sang thị trường Đài Loan và những vấn đề đặt ra
210.	Thạc sĩ	Chất lượng nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội	Đinh Thị Hồng Anh	PGS.TS. Đinh Trọng Thịnh	Chất lượng nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội
211.	Thạc sĩ	Phát triển thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng TMCP Đầu	Lê Thị Phương Anh	PGS.TS. Phạm Văn Dũng	Phát triển thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình			
212.	Thạc sĩ	Quản lý thu bảo hiểm xã hội tại các huyện ngoại thành thành phố Hà Nội	Lưu Thị Lan Anh	PGS.TS. Mai Thị Thanh Xuân	Quản lý thu bảo hiểm xã hội tại các huyện ngoại thành thành phố Hà Nội
213.	Thạc sĩ	Huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	Nguyễn Nguyệt Anh	TS. Nguyễn Thùy Anh	Huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây
214.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang
215.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro trong công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước ở Việt Nam	Nguyễn Thế Anh	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	Quản lý rủi ro trong công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước ở Việt Nam
216.	Thạc sĩ	Xử lý nợ tại Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	Quách Thị Quế Anh	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Xử lý nợ tại Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam
217.	Thạc sĩ	Tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	Quản Ngọc Tú Anh	PGS.TS. Trần Anh Tài	Tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội
218.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Bùi Thị Ánh	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	Quản lý nhân lực tại Công ty Cổ phần Sông Đà 5
219.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Ban Quản lý các dự án, ĐHQGHN	Trần Hữu Bằng	PGS.TS. Lê Danh Tồn	Quản lý tài chính tại Ban Quản lý các dự án, ĐHQGHN
220.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực của Công ty Điện lực dầu khí Hà Tĩnh	Đỗ Kiên Cường	TS. Bùi Tuấn Anh	Quản lý nhân lực của Công ty Điện lực dầu khí Hà Tĩnh
221.	Thạc sĩ	Thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công do nhà nước quản lý tại Việt Nam	Vũ Thành Chung	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	Thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công do nhà nước quản lý tại Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
222.	Thạc sĩ	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Dung	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội
223.	Thạc sĩ	Quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Đỗ Khắc Đạo	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	Quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
224.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Khoa Quốc tế - ĐHQGHN	Cao Thị Hương Giang	PGS.TS. Trần Đức Hiệp	Quản lý tài chính tại Khoa Quốc tế - ĐHQGHN
225.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	Nguyễn Văn Giang	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Diệp	Quản lý nhân lực tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm
226.	Thạc sĩ	Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Ninh Bình	Trịnh Thị Thu Hà	PGS.TS. Hà Văn Hội	Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Ninh Bình
227.	Thạc sĩ	Quản lý cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	TS. Trần Đức Vui	Quản lý cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
228.	Thạc sĩ	Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho giáo dục huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	Chu Thị Hân	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho giáo dục huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
229.	Thạc sĩ	Quản lý vốn tại Công ty Cổ phần máy - thiết bị dầu khí	Hà Thị Thanh Hậu	GS.TS Phan Huy Đường	Quản lý vốn tại Công ty Cổ phần máy - thiết bị dầu khí
230.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần thủy điện Nậm Chiến	Lê Đình Hiệu	GS.TS Phan Huy Đường	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần thủy điện Nậm Chiến
231.	Thạc sĩ	Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng ở Tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Thị Thúy Hoa	TS. Hoàng Triều Hoa	Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng ở Tỉnh Bắc Ninh

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
232.	Thạc sĩ	Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các đơn vị hành chính qua kho bạc nhà nước quận Cầu Giấy, Hà Nội	Nguyễn Thị Hué	PGS.TS. Phạm Văn Dũng	Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các đơn vị hành chính qua kho bạc nhà nước quận Cầu Giấy, Hà Nội
233.	Thạc sĩ	Xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường CHLB Đức	Trần Việt Hùng	PGS.TS Phạm Văn Dũng	Xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường CHLB Đức
234.	Thạc sĩ	Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách cấp xã tại Kho bạc nhà nước Hà Đông	Triệu Thị Thanh Huyền	GS.TS Phan Huy Đường	Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách cấp xã tại Kho bạc nhà nước Hà Đông
235.	Thạc sĩ	Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Nguyễn Việt Hưng	PGS.TS. Lê Danh Tồn	Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
236.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Trường Trung học cơ sở Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thu Hương	PGS.TS. Đinh Văn Thông	Quản lý nhân lực tại Trường Trung học cơ sở Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
237.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội	Nguyễn Hồng Khang	TS. Hoàng Khắc Lịch	Quản lý nhân lực tại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
238.	Thạc sĩ	Phát triển nhân lực công chức lãnh đạo, quản lý tại Kiểm toán nhà nước Việt Nam	Nguyễn Đăng Khoa	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	Phát triển nhân lực công chức lãnh đạo, quản lý tại Kiểm toán nhà nước Việt Nam
239.	Thạc sĩ	Hoạt động kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội	Hoàng Thị Nhật Lệ	PGS.TS. Đinh Văn Thông	Hoạt động kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội
240.	Thạc sĩ	Quản lý trang thiết bị máy soi của ngành Hải quan ở Việt Nam	Nguyễn Hồng Liên	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	Quản lý trang thiết bị máy soi của ngành Hải quan ở Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
241.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Nguyễn Hải Linh	PGS.TS. Lê Danh Tôn	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT
242.	Thạc sĩ	Quản lý ngân sách qua kho bạc nhà nước Hà Nội	Trần Diệu Linh	TS. Hoàng Thị Hương	Quản lý ngân sách qua kho bạc nhà nước Hà Nội
243.	Thạc sĩ	Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Song Luân	GS.TS Phan Huy Đường	Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
244.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Quốc Việt	Nguyễn Trà My	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Quốc Việt
245.	Thạc sĩ	Chất lượng công chức tại tổng cục dân số kế hoạch hóa gia đình	Trần Hà My	TS. Hoàng Thị Hương	Chất lượng công chức tại tổng cục dân số kế hoạch hóa gia đình
246.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần máy - thiết bị dầu khí	Lý Thị Lệ Ninh	GS.TS Phan Huy Đường	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần máy - thiết bị dầu khí
247.	Thạc sĩ	Quản lý nợ xấu tại ngân hàng TMCP Quân đội	Nguyễn Thị Tuyết Nga	PGS.TS Phạm Văn Dũng	Quản lý nợ xấu tại ngân hàng TMCP Quân đội
248.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty Cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế Đông Nam Á	Bùi Thị Kim Ngân	PGS.TS Trần Đức Hiệp	Quản lý tài chính tại Công ty Cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế Đông Nam Á
249.	Thạc sĩ	Quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế Tỉnh Vĩnh Phúc	Nghiêm Thị Ngân	TS. Nguyễn Cẩm Nhung	Quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế Tỉnh Vĩnh Phúc
250.	Thạc sĩ	Chất lượng nhân lực khối thủ tục tại công ty cổ phần Vinhomes	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	PGS.TS Lê Quốc Hội	Chất lượng nhân lực khối thủ tục tại công ty cổ phần Vinhomes
251.	Thạc sĩ	Quản lý tín dụng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Nguyễn Thị Nhung	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn	Quản lý tín dụng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
252.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Học viện Báo chí và tuyên truyền	Đinh Thị Oanh	PGS.TS. Đinh Văn Thông	Quản lý tài chính tại Học viện Báo chí và tuyên truyền
253.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Cơ quan Báo Giáo dục và Thời đại	Tạ Văn Phong	PGS.TS Trần Đức Hiệp	Quản lý nhân lực tại Cơ quan Báo Giáo dục và Thời đại
254.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực ở Công ty TNHH MTV ứng dụng kỹ thuật và sản xuất - Bộ Quốc Phòng	Nguyễn Thành Phương	PGS.TS Trần Đức Hiệp	Quản lý nhân lực ở Công ty TNHH MTV ứng dụng kỹ thuật và sản xuất - Bộ Quốc Phòng
255.	Thạc sĩ	Quản lý công nghệ tài chính tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Trần Thị Thanh Phương	TS. Lưu Quốc Đạt	Quản lý công nghệ tài chính tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
256.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần	Nghiêm Thị Phương	TS. Lê Thị Hồng Điệp	Quản lý nhân lực tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần
257.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Nguyễn Thị Phương	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
258.	Thạc sĩ	Quản lý chi ngân sách nhà nước của các đơn vị hành chính tại Tổng cục Hải quan	Nguyễn Thị Hồng Quyên	PGS.TS. Lê Trung Thành	Quản lý chi ngân sách nhà nước của các đơn vị hành chính tại Tổng cục Hải quan
259.	Thạc sĩ	Quản lý dịch vụ truyền hình qua internet xuyên biên giới tại Việt Nam	Đặng Cao Sơn	PGS.TS Nguyễn Anh Thu	Quản lý dịch vụ truyền hình qua internet xuyên biên giới tại Việt Nam
260.	Thạc sĩ	Phát triển nông nghiệp chất lượng cao của tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Vũ Băng Tâm	PGS.TS Trần Đức Hiệp	Phát triển nông nghiệp chất lượng cao của tỉnh Đắk Nông
261.	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Yên Mỹ	Nguyễn Hữu Tuấn	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	Quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Yên Mỹ
262.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Nguyễn Trung Tuấn	TS. Lưu Quốc Đạt	Quản lý tài chính tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
263.	Thạc sĩ	Phát triển khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Vi Anh Tùng	PGS.TS Hà Văn Hội	Phát triển khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
264.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn tỉnh Hòa Bình	Trần Vũ Tuyên	PGS.TS Trần Đức Hiệp	Phát triển dịch vụ giáo dục cho người dân nông thôn tỉnh Hòa Bình
265.	Thạc sĩ	Quản lý dịch vụ bưu chính chuyển phát tại Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc	Nghiêm Xuân Tuyến	TS. Nguyễn Cẩm Nhung	Quản lý dịch vụ bưu chính chuyển phát tại Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc
266.	Thạc sĩ	Chất lượng thanh tra chuyên ngành tại kho bạc nhà nước ở Việt Nam	Lê Thị Ánh Tuyết	PGS.TS. Lê Trung Thành	Chất lượng thanh tra chuyên ngành tại kho bạc nhà nước ở Việt Nam
267.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại công ty TNHH MTV Thanh Bình - BCA	Nguyễn Minh Thành	PGS.TS Vũ Đức Thanh	Quản lý nhân lực tại công ty TNHH MTV Thanh Bình - BCA
268.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần nông dược Phương Nam	Phạm Đức Thịnh	TS. Trần Quang Tuyên	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần nông dược Phương Nam
269.	Thạc sĩ	Quản lý thuế tại Chi cục hải quan quản lý các khu công nghiệp Yên Phong	Phạm Văn Thọ	PGS.TS Mai Thị Thanh Xuân	Quản lý thuế tại Chi cục hải quan quản lý các khu công nghiệp Yên Phong
270.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần năng lượng Sông Hồng	Lữ Văn Thụ	TS. Trần Đức Vui	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần năng lượng Sông Hồng
271.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Sở thông tin và truyền thông Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Thủy	TS. Nguyễn Thùy Anh	Quản lý tài chính tại Sở thông tin và truyền thông Hà Nội
272.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về các khoản thu từ đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Hoàng Thị Thương	TS. Tô Thế Nguyên	Quản lý nhà nước về các khoản thu từ đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
273.	Thạc sĩ	Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước	Trần Hương Trà	TS. Phạm Minh Tuấn	Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Cầu Giấy

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Cầu Giấy			
274.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Trường THPT Phan Đình Phùng, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thùy Trang	PGS.TS. Lê Quốc Hội	Quản lý nhân lực tại Trường THPT Phan Đình Phùng, thành phố Hà Nội
275.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại công ty cổ phần may Phương Đông	Nguyễn Hà Trung	TS. Lê Thị Hồng Điệp	Quản lý tài chính tại công ty cổ phần may Phương Đông
276.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước đối với hợp tác xã trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Vũ Thị Thanh Xuân	PGS.TS. Lê Danh Tồn	Quản lý nhà nước đối với hợp tác xã trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
277.	Thạc sĩ	Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Hà Nội	Nguyễn Hà Trung	TS. Phan Trung Chính	Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Hà Nội
278.	Thạc sĩ	Chính sách phát triển trái cây sạch ở Việt Nam	Lê Thị Thu Hà	PGS.TS. Đào Văn Hùng	Chính sách phát triển trái cây sạch ở Việt Nam
279.	Thạc sĩ	Chiến lược cạnh tranh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn KEVA	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	PGS.TS. Trần Anh Tài	Chiến lược cạnh tranh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn KEVA
280.	Thạc sĩ	Năng lực cạnh tranh của Tổng công ty Viễn thông Mobifone trong kinh doanh dịch vụ viễn thông quốc tế	Lê Đức Cường	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Năng lực cạnh tranh của Tổng công ty Viễn thông Mobifone trong kinh doanh dịch vụ viễn thông quốc tế
281.	Thạc sĩ	Đánh giá thực hiện công việc tại Tổng công ty Phát điện 1	Nguyễn Kiên Cường	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Đánh giá thực hiện công việc tại Tổng công ty Phát điện 1
282.	Thạc sĩ	Phân tích hoạt động Marketing - Mix theo quan điểm của Simona tại Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Lê Thanh Hà	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Phân tích hoạt động Marketing - Mix theo quan điểm của Simona tại Công ty cổ phần Sao Thái Dương
283.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên ĐHQGHN	Lương Thị Thu Hà	TS. Nguyễn Thu Hà	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên ĐHQGHN

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
284.	Thạc sĩ	Tác động của marketing nội bộ đến sự hài lòng của nhân viên tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	Nguyễn Thị Bích Hạnh	TS. Nguyễn Thu Hà	Tác động của marketing nội bộ đến sự hài lòng của nhân viên tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành
285.	Thạc sĩ	Văn hóa doanh nghiệp Công ty TNHH Daiwa house Việt Nam	Bùi Trần Hoàn	TS. Nguyễn Hồng Chính	Văn hóa doanh nghiệp Công ty TNHH Daiwa house Việt Nam
286.	Thạc sĩ	Chất lượng nguồn nhân lực tại Bệnh viện Mắt, Tỉnh Ninh Bình	Đinh Thị Lan Hương	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Chất lượng nguồn nhân lực tại Bệnh viện Mắt, Tỉnh Ninh Bình
287.	Thạc sĩ	Hoạt động Marketing sản phẩm bảo hiểm du lịch quốc tế của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Phạm Thế Lam	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Hoạt động Marketing sản phẩm bảo hiểm du lịch quốc tế của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
288.	Thạc sĩ	Chiến lược cạnh tranh của công ty cổ phần Hàng không Vietjet trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Phan Minh Ngọc	TS. Nguyễn Khương	Chiến lược cạnh tranh của công ty cổ phần Hàng không Vietjet trong bối cảnh hội nhập quốc tế
289.	Thạc sĩ	Phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh Hà Nội	Hoàng Thị Thu Phương	TS. Đỗ Xuân Trường	Phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh Hà Nội
290.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược phát triển cho Công ty Cổ phần công nghệ lưu trữ - số hóa HT	Hồ Thị Phương	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	Hoạch định chiến lược phát triển cho Công ty Cổ phần công nghệ lưu trữ - số hóa HT
291.	Thạc sĩ	Tuyển dụng lao động phổ thông tại Công ty TNHH sản xuất Biel Crystal Việt Nam	Lê Thị Phương	TS. Đỗ Xuân Trường	Tuyển dụng lao động phổ thông tại Công ty TNHH sản xuất Biel Crystal Việt Nam
292.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho cán bộ, công chức tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc	Hoàng Thị Phương	GS.TS. Bùi Xuân Phong	Tạo động lực làm việc cho cán bộ, công chức tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
293.	Thạc sĩ	Đào tạo nhân viên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam	Lê Hoàng Sơn	TS. Trương Minh Đức	Đào tạo nhân viên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam
294.	Thạc sĩ	Chiến lược cạnh tranh trong công tác tuyển sinh hệ Đại học chính quy tại Trường Đại học Công nghệ Đông Á	Lê Thị Tâm	PGS.TS. Trần Anh Tài	Chiến lược cạnh tranh trong công tác tuyển sinh hệ Đại học chính quy tại Trường Đại học Công nghệ Đông Á
295.	Thạc sĩ	Năng lực cạnh tranh của Công ty cổ phần Viwaseen3	Nguyễn Mạnh Toàn	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Năng lực cạnh tranh của Công ty cổ phần Viwaseen3
296.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Bưu điện tỉnh Bắc Ninh	Phạm Tiến Tuấn	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Bưu điện tỉnh Bắc Ninh
297.	Thạc sĩ	Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu cho Tổng công ty Thép Việt Nam	Vũ Minh Tuệ	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn	Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu cho Tổng công ty Thép Việt Nam
298.	Thạc sĩ	Chiến lược sản phẩm du lịch lữ hành của Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Đất Việt Xanh tại tỉnh Phú Thọ	Phạm Thanh Tùng	TS. Hồ Chí Dũng	Chiến lược sản phẩm du lịch lữ hành của Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Đất Việt Xanh tại tỉnh Phú Thọ
299.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ đời sống sinh viên tại Trường Đại học FPT Cơ sở Hà Nội	Nguyễn Văn Tuyên	PGS.TS. Phan Chí Anh	Chất lượng dịch vụ đời sống sinh viên tại Trường Đại học FPT Cơ sở Hà Nội
300.	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của công nghệ đến kết quả hoạt động ngân hàng, nghiên cứu điển hình tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	Nguyễn Tiến Thành	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Ảnh hưởng của công nghệ đến kết quả hoạt động ngân hàng, nghiên cứu điển hình tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam
301.	Thạc sĩ	Tác động của năng lực lãnh đạo tới động lực làm việc của giao dịch viên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Nguyễn Thị Thùy	TS. Đặng Thị Hương	Tác động của năng lực lãnh đạo tới động lực làm việc của giao dịch viên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
302.	Thạc sĩ	Marketing sản phẩm thẻ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	Cao Thị Trang	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Marketing sản phẩm thẻ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
303.	Thạc sĩ	Chiến lược kinh doanh của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hàng không	Dương Quang Trung	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn	Chiến lược kinh doanh của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu hàng không
304.	Thạc sĩ	Chất lượng phục vụ hành khách tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài	Nguyễn Hữu Trường	TS. Nguyễn Thùy Dung	Chất lượng phục vụ hành khách tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
305.	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Kho bạc nhà nước Bắc Ninh	Hoàng Công Quang	TS. Lê Đình Thăng	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Kho bạc nhà nước Bắc Ninh
306.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động tín dụng khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) - Chi nhánh Đông Đa	Đàm Xuân Cường	TS. Nguyễn Thị Nhung	Phát triển hoạt động tín dụng khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) - Chi nhánh Đông Đa
307.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ phi tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn	Nguyễn Kim Dung	TS. Nguyễn Thị Nhung	Phát triển dịch vụ phi tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn
308.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt nam - Chi nhánh Thăng Long	Nguyễn Quang Hưng	TS. Trịnh Thị Phan Lan	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt nam - Chi nhánh Thăng Long
309.	Thạc sĩ	Sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với dịch vụ ngân hàng điện tử tại các Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Hương	PGS.TS. Phạm Thị Liên	Sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với dịch vụ ngân hàng điện tử tại các Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần trên địa bàn thành phố Hà Nội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
310.	Thạc sĩ	Đo lường rủi ro tín dụng theo Basel 2 tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Đàm Thị Hải Linh	TS. Nguyễn Thị Nhung	Đo lường rủi ro tín dụng theo Basel 2 tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
311.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương	Ngô Thị Thu Quỳnh	TS. Nguyễn Phú Hà	Quản trị rủi ro tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương
312.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng ưu tiên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Đỗ Thu Thảo	TS. Hoàng Khắc Lịch	Phát triển dịch vụ ngân hàng ưu tiên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh
313.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử - EBANKING tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Đỗ Thị Thu Trang	TS. Đặng Công Hoàn	Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử - EBANKING tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
314.	Thạc sĩ	Huy động vốn tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	Hứa Minh Trang	PGS.TS. Lê Trung Thành	Huy động vốn tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình
315.	Thạc sĩ	Quản trị dòng tiền tại công ty TNHH Phân phối Công nghệ và Dịch vụ mới Rồng Việt	Nguyễn Thùy Trang	TS. Đỗ Hồng Nhung	Quản trị dòng tiền tại công ty TNHH Phân phối Công nghệ và Dịch vụ mới Rồng Việt
316.	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	Lê Thị Hải Yến	TS. Đỗ Kiều Oanh	Hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí
317.	Thạc sĩ	Quản lý nợ phải thu khó đòi tại ban khách hàng tổ chức doanh nghiệp - Chi nhánh tổng công ty dịch vụ viễn thông	Đỗ Thái Thịnh	TS. Trần Thế Nữ	Quản lý nợ phải thu khó đòi tại ban khách hàng tổ chức doanh nghiệp - Chi nhánh tổng công ty dịch vụ viễn thông

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
318.	Thạc sĩ	Cải thiện hệ thống xếp hạng tín dụng cá nhân của ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Nguyễn Mạnh Hùng	TS. Nguyễn Xuân Quang	Cải thiện hệ thống xếp hạng tín dụng cá nhân của ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
319.	Thạc sĩ	Thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Trần Thanh Vân	TS. Nguyễn Thế Hùng	Thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam
320.	Thạc sĩ	Phân tích tài chính doanh nghiệp trong hoạt động cho vay tín dụng đầu tư tại Ngân hàng phát triển Việt nam	Đình Ngọc Minh	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Phân tích tài chính doanh nghiệp trong hoạt động cho vay tín dụng đầu tư tại Ngân hàng phát triển Việt nam
321.	Thạc sĩ	Hoạt động cho vay mua nhà tại ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại Dương - Chi nhánh Hà Nội	Đoàn Mai Hoài Anh	PGS. TS. Phí Mạnh Hồng	Hoạt động cho vay mua nhà tại ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại Dương - Chi nhánh Hà Nội
322.	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng dịch vụ thẻ tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Thúy Nga	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	Nâng cao chất lượng dịch vụ thẻ tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
323.	Thạc sĩ	Công tác bảo đảm tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt nam- Chi nhánh Bắc Hà Nội	Nguyễn Hương Trang	TS. Trần Thị Vân Anh	Công tác bảo đảm tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt nam- Chi nhánh Bắc Hà Nội
324.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	Trần Anh Tuấn	TS. Phạm Bảo Khánh	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam
325.	Thạc sĩ	Áp dụng cơ chế tự chủ tài chính tại Cục Sở hữu trí tuệ	Nguyễn Lê Hương Thu	TS. Phạm Minh Tuấn	Áp dụng cơ chế tự chủ tài chính tại Cục Sở hữu trí tuệ
326.	Thạc sĩ	Phân tích tài chính ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội	Nguyễn Thu Trang	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	Phân tích tài chính ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
327.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động cho vay khách hàng bán lẻ tại ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Hoàng Yên	TS. Nguyễn Đức Tú	Phát triển hoạt động cho vay khách hàng bán lẻ tại ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm
328.	Thạc sĩ	Quản lý vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam	Doãn Trường Anh	PGS.TS. Lê Danh Tồn	Quản lý vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam
329.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại công ty TNHH Một thành viên in Ba Đình - Bộ Công An	Cao Thành Trung	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	Quản lý nhân lực tại công ty TNHH Một thành viên in Ba Đình - Bộ Công An
330.	Thạc sĩ	Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Hồ Quang Minh	PGS.TS. Lê Danh Tồn	Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
331.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Long	Khổng Minh Cương	PGS.TS. Bùi Văn Huyền	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Long
332.	Thạc sĩ	Quản lý vốn đầu tư xây dựng tại Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	Trần Văn Thiện	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	Quản lý vốn đầu tư xây dựng tại Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp
333.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Nhà nghỉ dưỡng Hải Đăng, Cục hậu cần kỹ thuật - Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Bộ Công An	Đỗ Trọng Hoàng	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	Quản lý nhân lực tại Nhà nghỉ dưỡng Hải Đăng, Cục hậu cần kỹ thuật - Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Bộ Công An
334.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro trong hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục kiểm tra sau thông quan - Tổng cục hải quan	Vũ Thị Khánh Ly	TS. Hoàng Khắc Lịch	Quản lý rủi ro trong hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục kiểm tra sau thông quan - Tổng cục hải quan

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
335.	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả chính sách hành lang đa dạng sinh học tại Quảng Nam	Ngô Xuân Quý	PGS .TS Lê Xuân Cảnh	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả chính sách hành lang đa dạng sinh học tại Quảng Nam
336.	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá thực thi chính sách tài chính ứng phó với biến đổi khí hậu tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Thúy Thảo	TS. Nguyễn Song Tùng	Nghiên cứu đánh giá thực thi chính sách tài chính ứng phó với biến đổi khí hậu tại Thành phố Cần Thơ
337.	Thạc sĩ	Nghiên cứu áp dụng mô hình thẻ điểm cân bằng tại Trường Đại học Hà Nội	Lê Thị Thu Trang	TS. Nguyễn Thị Phương Dung	Nghiên cứu áp dụng mô hình thẻ điểm cân bằng tại Trường Đại học Hà Nội
338.	Thạc sĩ	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nông nghiệp công nghiệp cao tại Việt Nam	Nguyễn Ngọc Mỹ	TS Phạm Thu Phương	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nông nghiệp công nghiệp cao tại Việt Nam
339.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần thiết bị và hóa chất Thăng Long	Đào Phương Anh	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần thiết bị và hóa chất Thăng Long
340.	Thạc sĩ	Quản lý chi ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ tại tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Doãn Dũng	PGS.TS. Phí Mạnh Hồng	Quản lý chi ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ tại tỉnh Phú Thọ
341.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH ô tô Nisun	Nguyễn Hữu Dũng	TS. Trần Đức Vui	Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH ô tô Nisun
342.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về thanh toán trong Thương mại điện tử ở Việt Nam	Lê Thị Thanh Giang	PGS.TS Đào Văn Hùng	Quản lý nhà nước về thanh toán trong Thương mại điện tử ở Việt Nam
343.	Thạc sĩ	Quản lý tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	Nguyễn Thị Thu Hằng	GS.TS Phan Huy Đường	Quản lý tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1
344.	Thạc sĩ	Quản lý chi ngân sách nhà nước cho giáo dục của thành phố Hải Dương	Nguyễn Văn Hưng	TS. Trần Quang Tuyên	Quản lý chi ngân sách nhà nước cho giáo dục của thành phố Hải Dương

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
345.	Thạc sĩ	Quản lý tín dụng khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Phòng giao dịch Hà Đông	Phạm Mạnh Hưng	TS. Hoàng Khắc Lịch	Quản lý tín dụng khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Phòng giao dịch Hà Đông
346.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính ở Công ty Than Mạo Khê	Phạm Thị Hương	PGS.TS Phạm Văn Dũng	Quản lý tài chính ở Công ty Than Mạo Khê
347.	Thạc sĩ	Phát triển sản phẩm ô tô tại Công ty sản xuất và kinh doanh Vinfast	Nguyễn Đại Phong	PGS.TS. Đinh Văn Thông	Phát triển sản phẩm ô tô tại Công ty sản xuất và kinh doanh Vinfast
348.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Viettel Hà Nội	Tổng Việt Phong	TS. Đỗ Anh Đức	Quản lý nhân lực tại Viettel Hà Nội
349.	Thạc sĩ	Tái cơ cấu ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	Phạm Hồng Sơn	TS. Nguyễn Thị Lan Hương	Tái cơ cấu ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
350.	Thạc sĩ	Kế hoạch Marketing đối với sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới tại Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Nguyễn Ngọc Hoàng	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Kế hoạch Marketing đối với sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới tại Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
351.	Thạc sĩ	Chiến lược marketing mix tại Công ty cổ phần PRIME Đại Việt	Nguyễn Thị Mến	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Chiến lược marketing mix tại Công ty cổ phần PRIME Đại Việt
352.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Gạch men TASA	Nguyễn Đăng Quân	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Gạch men TASA
353.	Thạc sĩ	Sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ đào tạo của công ty đào tạo và phát triển Tùng Ngọc Ước (TNU)	Nguyễn Đức Tùng	TS. Trương Minh Đức	Sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ đào tạo của công ty đào tạo và phát triển Tùng Ngọc Ước (TNU)
354.	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương	Nguyễn Văn Cường	TS. Đặng Thị Hương	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
355.	Thạc sĩ	Tác động của quảng cáo mạng xã hội tới hành vi mua sắm của người tiêu dùng đối với sản phẩm trang sức tại Thành phố Hà Nội	Đặng Thị Mai	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Tác động của quảng cáo mạng xã hội tới hành vi mua sắm của người tiêu dùng đối với sản phẩm trang sức tại Thành phố Hà Nội
356.	Thạc sĩ	Chất lượng dịch vụ Internet Banking tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Trần Mạnh Cường	TS. Đỗ Hồng Nhung	Chất lượng dịch vụ Internet Banking tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
357.	Thạc sĩ	Hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh tại Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh	Nguyễn Thị Dung	TS. Nguyễn Thị Nhung	Hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh tại Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh
358.	Thạc sĩ	Phát triển hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại ngân hàng TCMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	Nguyễn Thị Thanh Dung	TS. Đỗ Kiều Oanh	Phát triển hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại ngân hàng TCMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
359.	Thạc sĩ	Hiệu quả hoạt động cho vay đối với học sinh, sinh viên tại Ngân hàng Chính sách Xã hội - Chi nhánh Tỉnh Hà Tĩnh	Thân Thị Việt Hà	TS. Lê Hồng Hạnh	Hiệu quả hoạt động cho vay đối với học sinh, sinh viên tại Ngân hàng Chính sách Xã hội - Chi nhánh Tỉnh Hà Tĩnh
360.	Thạc sĩ	Quản lý thuế Thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc	Trần Thanh Hòa	PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	Quản lý thuế Thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc
361.	Thạc sĩ	Phát triển cho vay hỗ trợ tạo việc làm của Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh thành phố Hà Nội	Dương Thị Mai Huệ	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Phát triển cho vay hỗ trợ tạo việc làm của Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh thành phố Hà Nội
362.	Thạc sĩ	Phát triển trái phiếu xanh tại Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Huyền	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	Phát triển trái phiếu xanh tại Việt Nam
363.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các hộ gia đình trên địa bàn Hà Nội	Trần Văn Lý	TS. Đinh Thị Thanh Vân	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các hộ gia đình trên địa bàn Hà Nội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
364.	Thạc sĩ	Tăng cường quản lý thu thuế gián thu tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Tiến Mạnh	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Tăng cường quản lý thu thuế gián thu tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc
365.	Thạc sĩ	Huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPB) - Chi nhánh Thăng Long	Nguyễn Thị Ngọc	TS Phạm Bảo Khánh	Huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPB) - Chi nhánh Thăng Long
366.	Thạc sĩ	Đánh giá chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TS. Đinh Thị Thanh Vân	Đánh giá chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long
367.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Trịnh Thị Phượng	TS. Đinh Thị Thanh Vân	Phát triển dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương
368.	Thạc sĩ	Nguồn lực tài chính cho tăng trưởng xanh: Kinh nghiệm Quốc tế và bài học cho Việt Nam	Hồ Thị Hồng Vân	PGS.TS Nguyễn Anh Thu	Nguồn lực tài chính cho tăng trưởng xanh: Kinh nghiệm Quốc tế và bài học cho Việt Nam
369.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước đối với môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Trần Thị Nga	PGS.TS Vũ Đức Thanh	Quản lý nhà nước đối với môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
370.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hải Phòng	Vũ Thị Lương	TS. Trần Đức Vui	Quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hải Phòng
371.	Thạc sĩ	Chiến lược phát triển của Tổng công ty Du lịch Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030	Nguyễn Văn Dũng	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	Chiến lược phát triển của Tổng công ty Du lịch Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
372.	Thạc sĩ	Kênh phân phối sản phẩm tại Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và dịch vụ thương mại Âu Việt	Hà Diệu Linh	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Kênh phân phối sản phẩm tại Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và dịch vụ thương mại Âu Việt
373.	Thạc sĩ	Tuyển dụng, đào tạo nguồn chuyên gia y tế tại Trung tâm Hợp tác Chuyên gia và Nhân lực Y tế với Nước ngoài - Bộ Y tế	Đoàn Vinh Quang	TS. Đặng Thị Hương	Tuyển dụng, đào tạo nguồn chuyên gia y tế tại Trung tâm Hợp tác Chuyên gia và Nhân lực Y tế với Nước ngoài - Bộ Y tế
374.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên: Trường hợp sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	Đặng Thành Đạt	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên: Trường hợp sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN
375.	Thạc sĩ	Quản trị chất lượng dịch vụ hành chính công tại Ủy ban Nhân dân Huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	Đỗ Quang Huy	PGS.TS. Trần Đức Hiệp	Quản trị chất lượng dịch vụ hành chính công tại Ủy ban Nhân dân Huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
376.	Thạc sĩ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Cơ quan Thanh tra Chính phủ	Đỗ Đức Toàn	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê	Đào tạo nguồn nhân lực tại Cơ quan Thanh tra Chính phủ
377.	Thạc sĩ	Tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh: Nghiên cứu điển hình tại Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD	Nguyễn Việt Hùng	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	Tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh: Nghiên cứu điển hình tại Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD
378.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty Cổ phần Công nghệ mạng viễn thông C- Link	Lê Thị Thúy Thanh	TS. Nguyễn Tiến Minh	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty Cổ phần Công nghệ mạng viễn thông C- Link
379.	Thạc sĩ	Kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước qua	Phạm Hồng Quang	TS. Phạm Minh Tuấn	Kiểm soát chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Kho bạc Nhà nước Anh Sơn, tỉnh Nghệ An			
380.	Thạc sĩ	Tạo động lực cho người lao động tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực 1	Vũ Xuân Phong	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	Tạo động lực cho người lao động tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực 1
381.	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	Nguyễn Quốc Điền	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy
382.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược phát triển của trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025	Nguyễn Xuân Sang	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Hoạch định chiến lược phát triển của trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025
383.	Thạc sĩ	Chất lượng nguồn nhân lực tại Trung tâm Dạy nghề, đào tạo và sát hạch lái xe Học viện Cảnh sát Nhân dân	Phạm Tuyết Mai	PGS.TS. Nguyễn An Thịnh	Chất lượng nguồn nhân lực tại Trung tâm Dạy nghề, đào tạo và sát hạch lái xe Học viện Cảnh sát Nhân dân
384.	Thạc sĩ	Năng lực quản trị của cán bộ cấp phòng tại Thanh tra Chính phủ	Trần Quốc Dũng	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài	Năng lực quản trị của cán bộ cấp phòng tại Thanh tra Chính phủ
385.	Thạc sĩ	Quản lý công chức tại Bộ Tài nguyên và Môi trường	Lê Lan Hương	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	Quản lý công chức tại Bộ Tài nguyên và Môi trường
386.	Thạc sĩ	Quản lý thu bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Bảo hiểm xã hội quận Ba Đình	Nguyễn Vũ Trinh Đông	TS. Đào Thị Thu Trang	Quản lý thu bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Bảo hiểm xã hội quận Ba Đình
387.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Văn phòng Đài tiếng nói Việt Nam	Mai Hà Linh	TS. Hoàng Thị Hương	Quản lý nhân lực tại Văn phòng Đài tiếng nói Việt Nam
388.	Thạc sĩ	Chính sách thuế đối với hàng nhập khẩu trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế	Phạm Thị Bích Thảo	PGS.TS Hà Văn Hội	Chính sách thuế đối với hàng nhập khẩu trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
389.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	Đoàn Thị Thanh Mai	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Phân tích và dự báo tài chính tại Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội
390.	Thạc sĩ	Chiến lược sản phẩm dịch vụ của VNPT trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Ngô Anh Linh	PGS.TS. Hoàng Văn Hải	Chiến lược sản phẩm dịch vụ của VNPT trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư
391.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần bất động sản Phúc Lộc	Nguyễn Văn Thành	PGS.TS. Phạm Văn Dũng	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần bất động sản Phúc Lộc
392.	Thạc sĩ	Quản lý kênh phân phối Mobifone trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Phan Ngọc Hân	PGS.TS. Phạm Văn Dũng	Quản lý kênh phân phối Mobifone trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
393.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Tổng cục quản lý thị trường	Phùng Thị Thu Thủy	TS. Hoàng Triều Hoa	Quản lý nhân lực tại Tổng cục quản lý thị trường
394.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Ban Cơ yếu Chính phủ	Lê Hải Long	TS. Hoàng Thị Hương	Quản lý tài chính tại Ban Cơ yếu Chính phủ
395.	Thạc sĩ	Quản lý kênh phân phối sản phẩm nhựa đường của Công ty trách nhiệm hữu hạn nhựa đường Petrolimex	Phạm Minh Tiến	TS. Vũ Văn Hương	Quản lý kênh phân phối sản phẩm nhựa đường của Công ty trách nhiệm hữu hạn nhựa đường Petrolimex
396.	Thạc sĩ	Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của thành phố Hải Phòng	Nguyễn Thị Thùy Linh	PGS.TS Phạm Văn Dũng	Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của thành phố Hải Phòng
397.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Trung tâm Thương mại và dịch vụ hàng không Nội Bài	Hoàng Thị Hải Hòa	PGS.TS Trần Đức Hiệp	Quản lý tài chính tại Trung tâm Thương mại và dịch vụ hàng không Nội Bài
398.	Thạc sĩ	Tổ chức kế toán theo mô hình tự chủ tài chính tại Trường Cao đẳng nghề số 1 - Bộ Quốc Phòng	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Tổ chức kế toán theo mô hình tự chủ tài chính tại Trường Cao đẳng nghề số 1 - Bộ Quốc Phòng
399.	Thạc sĩ	Quản lý dịch vụ vận tải hành khách tại Công ty cổ phần xe khách Hà Nội	Nguyễn Công Tâm	PGS.TS. Phạm Văn Dũng	Quản lý dịch vụ vận tải hành khách tại Công ty cổ phần xe khách Hà Nội



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
400.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lian Tech	Kiều Tiến Thành	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	Quản lý nhân lực tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lian Tech
401.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp Việt Nam sang Myanmar	Nguyễn Quang Vinh	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Quản lý nhà nước về đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp Việt Nam sang Myanmar
402.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn - Chi Nhánh Mỹ Đình	Vũ Thị Nguyên Hồng	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn - Chi Nhánh Mỹ Đình
403.	Thạc sĩ	Quản lý nhập khẩu hàng thực phẩm tại Bộ Công Thương	Tường Thị Thanh Vinh	GS.TS. Phan Huy Đường	Quản lý nhập khẩu hàng thực phẩm tại Bộ Công Thương
404.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về phát triển kinh tế số ở Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng Nhạn	PGS.TS Từ Thúy Anh	Quản lý nhà nước về phát triển kinh tế số ở Việt Nam
405.	Thạc sĩ	Xuất khẩu nông sản Việt Nam hướng tới đáp ứng các quy định vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của thị trường EU	Phan Thu Hoài	PGS.TS Nguyễn Anh Thu	Xuất khẩu nông sản Việt Nam hướng tới đáp ứng các quy định vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của thị trường EU
406.	Thạc sĩ	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thể hệ mới vào Việt Nam	Tạ Anh Tú	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thể hệ mới vào Việt Nam
407.	Thạc sĩ	Quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	Trần Thị Thu Trang	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
408.	Thạc sĩ	Quản lý nguồn thu từ Ấn Chi tại Tổng cục Hải Quan	Đào Thu Phương	PGS.TS Phạm Văn Dũng	Quản lý nguồn thu từ Ấn Chi tại Tổng cục Hải Quan
409.	Thạc sĩ	Quản lý tài sản vũ khí, công cụ hỗ trợ của Tổng cục Hải quan	Kiều Mỹ Hoa	GS.TS. Phan Huy Đường	Quản lý tài sản vũ khí, công cụ hỗ trợ của Tổng cục Hải quan
410.	Thạc sĩ	Nghiên cứu vai trò của hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đối với hoạt động xuất nhập khẩu nông sản của Việt Nam	Dương Quang	TS. Ngô Xuân Nam	Nghiên cứu vai trò của hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đối với hoạt động xuất nhập khẩu nông sản của Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		(CPTPP) đối với hoạt động xuất nhập khẩu nông sản của Việt Nam			
411.	Thạc sĩ	Rủi ro trong thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam	Đỗ Thị Thanh	TS Nguyễn Thị Vũ Hà	Rủi ro trong thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam
412.	Thạc sĩ	Sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành điện tử Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu: Trong bối cảnh bùng phát đại dịch Covid-19 trên toàn cầu	Nguyễn Thị Trang	PGS.TS Nguyễn Việt Khôi	Sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành điện tử Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu: Trong bối cảnh bùng phát đại dịch Covid-19 trên toàn cầu
413.	Thạc sĩ	Quản lý tín dụng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	Đào Thị Minh Hằng	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	Quản lý tín dụng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
414.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số nước ASEAN trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu và hàm ý cho Việt Nam	Nguyễn Trần Thọ	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số nước ASEAN trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu và hàm ý cho Việt Nam
415.	Thạc sĩ	Kế toán quản trị chi phí tại Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm	Vũ Trà My	TS. Đặng Thị Thúy Hằng	Kế toán quản trị chi phí tại Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm
416.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về công bố thông tin của các công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam	Quách Thị Thùy Dương	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Quản lý nhà nước về công bố thông tin của các công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam
417.	Thạc sĩ	Chiến lược sản phẩm phở Vifon tại Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm Việt Nam	Trần Triệu Khôi	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Chiến lược sản phẩm phở Vifon tại Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
418.	Thạc sĩ	Quản lý đất công trên địa bàn Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đỗ Khánh Phương	PGS.TS Trần Anh Tài	Quản lý đất công trên địa bàn Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
419.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo báo cáo tài chính tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Nguyễn Mỹ Lộc	TS. Hà Thị Ngọc Hà	Phân tích và dự báo báo cáo tài chính tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT
420.	Thạc sĩ	Kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Chi Cục Thuế thành phố Việt Trì	Phùng Thị Thu Hằng	TS. Trần Thế Nữ	Kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Chi Cục Thuế thành phố Việt Trì
421.	Thạc sĩ	Kiểm soát gian lận thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam	Nguyễn Hồng Anh	TS. Trần Thế Nữ	Kiểm soát gian lận thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam
422.	Thạc sĩ	Quản lý ngân sách nhà nước tại huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	Đỗ Quang Huy	PGS.TS Trần Đức Hiệp	Quản lý ngân sách nhà nước tại huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
423.	Thạc sĩ	Quản lý đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thái Bình	Vũ Văn Quỳnh	TS. Trần Đức Vui	Quản lý đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thái Bình
424.	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong xây dựng nông thôn mới huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020	Ngô Thanh Huyền	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong xây dựng nông thôn mới huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020
425.	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức tại Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	Nguyễn Hồng Quân	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức tại Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
426.	Thạc sĩ	Quản lý phí thi hành án dân sự tại Tổng cục thi hành án dân sự	Nguyễn Thị Duy Na	PGS.TS Phạm Văn Dũng	Quản lý phí thi hành án dân sự tại Tổng cục thi hành án dân sự
427.	Thạc sĩ	Quản lý thu chi ngân sách sử dụng tại Báo Quân đội nhân dân, Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam	Nguyễn Bảo Ngọc	TS. Phạm Thành Long	Quản lý thu chi ngân sách sử dụng tại Báo Quân đội nhân dân, Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
428.	Thạc sĩ	Phòng chống kinh doanh hàng nhập lậu tại Cục quản lý thị trường Hà Nội	Đỗ Thị Lâm Oanh	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phòng chống kinh doanh hàng nhập lậu tại Cục quản lý thị trường Hà Nội
429.	Thạc sĩ	Marketing - Mix của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Hoài Linh	Đỗ Anh Tuấn	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Marketing - Mix của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Hoài Linh
430.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Vũ Thanh Bình	GS.TS Phan Huy Đường	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
431.	Thạc sĩ	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) và những ảnh hưởng tới xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam	Lương Tất Thành	PGS.TS Nguyễn Xuân Thiên	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) và những ảnh hưởng tới xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam
432.	Thạc sĩ	Kênh phân phối sản phẩm của công ty cổ phần tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - SABIBECO	Nguyễn Thị Phương Chi	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Kênh phân phối sản phẩm của công ty cổ phần tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - SABIBECO
433.	Thạc sĩ	Phát triển nhân lực hành chính tại Quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Ngô Thị Tâm	PGS.TS. Mai Thị Thanh Xuân	Phát triển nhân lực hành chính tại Quận Long Biên, thành phố Hà Nội
434.	Thạc sĩ	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần I-HTKK Vietsoftware	Vũ Đình Chung	TS. Lê Thị Hồng Điệp	Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần I-HTKK Vietsoftware
435.	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội	Phạm Thị Hải Yến	TS. Lưu Quốc Đạt	Quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội
436.	Thạc sĩ	Quản lý thu thuế tại Chi cục thuế quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Đỗ Văn Chức	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	Quản lý thu thuế tại Chi cục thuế quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
437.	Thạc sĩ	Kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần cơ điện lạnh Đông Anh	Đinh Thị Ngoan	PGS.TS Trần Thị Kim Anh	Kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần cơ điện lạnh Đông Anh
438.	Thạc sĩ	Kế toán quản trị chi phí tại Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Đào Thị Huyền Anh	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy	Kế toán quản trị chi phí tại Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
439.	Thạc sĩ	Tự chủ tài chính tại Khoa Các khoa học liên ngành, ĐHQGHN	Bàng Xuân Hùng	TS. Đỗ Kiều Oanh	Tự chủ tài chính tại Khoa Các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
440.	Thạc sĩ	Kế toán định giá bán sản phẩm tại Công ty Cổ phần Rio Book Việt Nam	Bùi Thị Ngọc	TS. Nguyễn Thị Phương Dung	Kế toán định giá bán sản phẩm tại Công ty Cổ phần Rio Book Việt Nam
441.	Thạc sĩ	Quản lý thu bảo hiểm xã hội bắt buộc trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thùy Dung	TS. Hoàng Triều Hoa	Quản lý thu bảo hiểm xã hội bắt buộc trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
442.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Tổng công ty Thành An	Đỗ Hồng Sơn	PGS.TS. Trần Đức Hiệp	Quản lý tài chính tại Tổng công ty Thành An
443.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính tại Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	Lê Quý Luyện	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Phân tích và dự báo tài chính tại Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP
444.	Thạc sĩ	Phân tích và dự báo tài chính công ty Cổ phần dược Hà Tĩnh	Nguyễn Hữu Sáng	TS. Phạm Ngọc Quang	Phân tích và dự báo tài chính công ty Cổ phần dược Hà Tĩnh
445.	Thạc sĩ	Quản lý thuế nhà thầu nước ngoài tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc	Đỗ Thị Thu Hằng	PGS.TS Phạm Thị Hồng Diệp	Quản lý thuế nhà thầu nước ngoài tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc
446.	Thạc sĩ	Phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Vũ Đức Trung	TS. Nguyễn Thị Lan Hương	Phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An
447.	Thạc sĩ	Quản lý tài chính tại Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng	Nguyễn Thùy Dương	PGS.TS. Lê Trung Thành	Quản lý tài chính tại Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
448.	Thạc sĩ	Quản lý vốn tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	Nguyễn Mạnh Hùng	PGS.TS Vũ Đức Thanh	Quản lý vốn tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội
449.	Thạc sĩ	Phát triển nhân lực du lịch thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hoài	PGS.TS. Phạm Thị Túy	Phát triển nhân lực du lịch thành phố Hà Nội
<b>ĐẠI HỌC</b>					
1.	Đại học	Tác động của trí tuệ nhân tạo đến ngành Kế toán Việt Nam	Nguyễn Thị Kim Chi	TS. Đỗ Kiều Oanh	Tác động của trí tuệ nhân tạo đến ngành Kế toán Việt Nam
2.	Đại học	Thực trạng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu hàng hóa tại Công ty TNHH thiết bị và phụ tùng Hoàng Đạt.	Vũ Thị Thuỳ Dung	ThS. Đỗ Quỳnh Chi	Thực trạng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu hàng hóa tại Công ty TNHH thiết bị và phụ tùng Hoàng Đạt.
3.	Đại học	Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ p hần đầu tư và xây dựng Xuân Mai.	Nguyễn Hương Giang	TS. Trần Thế Nữ	Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ p hần đầu tư và xây dựng Xuân Mai.
4.	Đại học	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Minh Hiên.	Trương Quỳnh Mai	ThS. Khiếu Hữu Bình	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Minh Hiên.
5.	Đại học	Phân tích tài chính và định giá Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng DRC.	Trịnh Thị Huyền Trang	ThS.Nguyễn Thị Hải Hà	Phân tích tài chính và định giá Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng DRC.
6.	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.	Trần Như Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.
7.	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty cổ phần gạch granit Nam Định	Trần Thị Ngọc Anh	TS.Nguyễn Thị Hồng Thúy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty cổ phần gạch granit Nam Định
8.	Đại học	Sự khác biệt giữa công ty kiểm toán Big4 và Non-Big4	Võ Thị Hoa Mai	TS. Bùi Phương Chi	Sự khác biệt giữa công ty kiểm toán Big4 và Non-Big4 có thể phản ánh hiệu quả hoạt động của khách hàng hay không?

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		có thể phản ánh hiệu quả hoạt động của khách hàng hay không?			
9.	Đại học	Ảnh hưởng của đặc điểm Hội đồng quản trị đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp	Nguyễn Thị Sao Chi	TS. Phạm Ngọc Quang	Ảnh hưởng của đặc điểm Hội đồng quản trị đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp
10.	Đại học	Ảnh hưởng của đặc điểm tổng giám đốc đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Ngô Thị Thu Hà	TS. Nguyễn Thị Hương Liên	Ảnh hưởng của đặc điểm tổng giám đốc đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
11.	Đại học	Hội đồng quản trị ảnh hưởng như thế nào đến giá trị doanh nghiệp? - Bằng chứng thực nghiệm từ các công ty niêm yết Việt Nam.	Phạm Minh Hoa	ThS. Nguyễn Hoàng Thái	Hội đồng quản trị ảnh hưởng như thế nào đến giá trị doanh nghiệp? - Bằng chứng thực nghiệm từ các công ty niêm yết Việt Nam.
12.	Đại học	Tiềm năng trao đổi thương mại quốc tế Việt Nam - các nước EU mặt hàng nông sản	Nguyễn Thị Việt Hà	PGS.TS. Hà Văn Hội	Tiềm năng trao đổi thương mại quốc tế Việt Nam - các nước EU mặt hàng nông sản
13.	Đại học	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU: Cơ hội và thách thức đối với ngành thủy sản Việt Nam	Nguyễn Thị Hương	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU: Cơ hội và thách thức đối với ngành thủy sản Việt Nam
14.	Đại học	Đánh giá khả năng thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA của Việt Nam	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Đánh giá khả năng thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA của Việt Nam
15.	Đại học	Đánh giá sự chuyển biến của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu	Phạm Anh Đức	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	Đánh giá sự chuyển biến của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu
16.	Đại học	Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu cà phê ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Vũ Thị Thu Huyền	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên	Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu cà phê ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
17.	Đại học	Tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và EU đến nền kinh tế Việt Nam	Nguyễn Xuân Bách	ThS. Đàm Thị Phương Thảo	Tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và EU đến nền kinh tế Việt Nam
18.	Đại học	Tác động của dịch Covid-19 đến FDI tại Việt Nam	Bùi Cẩm Vân	ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	Tác động của dịch Covid-19 đến FDI tại Việt Nam
19.	Đại học	Triển vọng thu hút nguồn vốn FDI của Việt Nam trong thời gian tới	Nguyễn Thị Hải Lý	ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	Triển vọng thu hút nguồn vốn FDI của Việt Nam trong thời gian tới
20.	Đại học	Thực trạng tạo thuận lợi số cho hoạt động thương mại ở các nước ASEAN	Phạm Quỳnh Anh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Thực trạng tạo thuận lợi số cho hoạt động thương mại ở các nước ASEAN
21.	Đại học	Tạo thuận lợi thương mại bao hàm tại Việt Nam	Nguyễn Phương Thảo	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Tạo thuận lợi thương mại bao hàm tại Việt Nam
22.	Đại học	Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu cà phê của tỉnh Sơn La	Hoàng Ngọc Mai	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh	Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu cà phê của tỉnh Sơn La
23.	Đại học	Quản trị chuỗi cung ứng lạnh trong ngành F&B Việt Nam	Cao Thùy Linh	ThS. Phạm Thị Phương	Quản trị chuỗi cung ứng lạnh trong ngành F&B Việt Nam
24.	Đại học	Vai trò của sự phát triển từ các công ty nội địa thành các tập đoàn xuyên quốc gia đối với sự tăng trưởng kinh tế của một số quốc gia châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.	Đặng Minh Anh	ThS. Tống Thị Minh Phương	Vai trò của sự phát triển từ các công ty nội địa thành các tập đoàn xuyên quốc gia đối với sự tăng trưởng kinh tế của một số quốc gia châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.
25.	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển thương mại điện tử của Việt Nam.	Hà Thị Lan Anh	ThS. Trần Thu Thủy	Thực trạng và giải pháp phát triển thương mại điện tử của Việt Nam.
26.	Đại học	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA): Cơ hội và thách thức đối với	Nguyễn Quang Huy	ThS. Lê Minh Tuấn	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA): Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu vải thiều của Việt Nam



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		xuất khẩu vải thiều của Việt Nam			
27.	Đại học	Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu chè ở Việt Nam trong giai đoạn 2015 - 2019	Lương Thị Thanh Tú	TS. Bùi Hồng Cường	Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu chè ở Việt Nam trong giai đoạn 2015 - 2019
28.	Đại học	Xuất khẩu Hồ Tiêu của Việt Nam sang Mỹ 2014 - 2019: Thực trạng và Giải pháp	Nguyễn Minh Anh	TS. Bùi Hồng Cường	Xuất khẩu Hồ Tiêu của Việt Nam sang Mỹ 2014 - 2019: Thực trạng và Giải pháp
29.	Đại học	Hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam và một số cường quốc khởi nghiệp tại Châu Á: Kinh nghiệm và kiến nghị dành cho Việt Nam	Hoàng Đức Ninh	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa	Hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam và một số cường quốc khởi nghiệp tại Châu Á: Kinh nghiệm và kiến nghị dành cho Việt Nam
30.	Đại học	EVFTA và những tác động đến xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang EU	Vương Thu Hằng	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa	EVFTA và những tác động đến xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang EU
31.	Đại học	Tác động của Covid - 19 đến hoạt động Logistics của Việt Nam	Khuất Thị Thúy Quỳnh	TS. Nguyễn Lan Anh	Tác động của Covid - 19 đến hoạt động Logistics của Việt Nam
32.	Đại học	Nhân tố ảnh hưởng hoạt động du lịch quốc tế ở Việt Nam và giải pháp	Vũ Thu Phương	TS. Nguyễn Lan Anh	Nhân tố ảnh hưởng hoạt động du lịch quốc tế ở Việt Nam và giải pháp
33.	Đại học	Tác động của thẻ vàng EU đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam	Nguyễn Thị Bình	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Tác động của thẻ vàng EU đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam
34.	Đại học	ODA Nhật Bản với sự phát triển cơ sở hạ tầng tại Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS. Nguyễn Tiến Dũng	ODA Nhật Bản với sự phát triển cơ sở hạ tầng tại Việt Nam
35.	Đại học	ODA của Nhật Bản trong lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam (2010 - 2018)	Phạm Diễm Thủy Tiên	TS. Nguyễn Tiến Minh	ODA của Nhật Bản trong lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam (2010 - 2018)

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
36.	Đại học	Tác động FDI tới tăng trưởng kinh tế tại Quốc gia đang chuyển đổi trong bối cảnh hội nhập: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	Nguyễn Lương Khánh Linh	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Tác động FDI tới tăng trưởng kinh tế tại Quốc gia đang chuyển đổi trong bối cảnh hội nhập: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam
37.	Đại học	Tác động của đại dịch covid 19 đến chuỗi cung ứng ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam	Đào Thị Vân	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Tác động của đại dịch covid 19 đến chuỗi cung ứng ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam
38.	Đại học	Tác động của Đại dịch Covid đến ngành Du lịch của Việt Nam	Đồng Thị Hiền	TS. Phạm Thu Phương	Tác động của Đại dịch Covid đến ngành Du lịch của Việt Nam
39.	Đại học	Tác động của FDI đến thực trạng xoá đói giảm nghèo tại Việt Nam	Nguyễn Thị Tâm	TS. Phạm Vũ Thắng	Tác động của FDI đến thực trạng xoá đói giảm nghèo tại Việt Nam
40.	Đại học	Cơ hội và thách của hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đối với nền kinh tế Việt Nam	Lê Hoàng Ngân	TS. Trần Việt Dung	Cơ hội và thách của hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đối với nền kinh tế Việt Nam
41.	Đại học	Rào cản kỹ thuật của EU đối với mặt hàng cà phê xuất khẩu của Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Trà	TS. Trần Việt Dung	Rào cản kỹ thuật của EU đối với mặt hàng cà phê xuất khẩu của Việt Nam
42.	Đại học	Hiệp định CPTPP: Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam	Đặng Xuân Thanh	TS. Vũ Thanh Hương	Hiệp định CPTPP: Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam
43.	Đại học	Thực trạng công tác tuyển dụng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Phạm Ngọc Phương Thảo	TS. Trương Minh Đức	Thực trạng công tác tuyển dụng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
44.	Đại học	Thực trạng dịch vụ cung cấp nền tảng thương mại điện tử của công ty SmartOSC	Nguyễn Thị Linh Chi	TS. Nguyễn Thu Hà	Thực trạng dịch vụ cung cấp nền tảng thương mại điện tử của công ty SmartOSC
45.	Đại học	Hoàn thiện quy trình sale tại Công ty Cổ phần Công Nghệ SAPO	Đào Phương Minh	PGS.TS. Phan Chí Anh	Hoàn thiện quy trình sale tại Công ty Cổ phần Công Nghệ SAPO

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
46.	Đại học	Thực trạng công tác đào tạo nhân lực tại Công ty Cổ phần Đầu tư Tương lai Mỹ Anh	Phạm Nguyễn Bảo Nghi	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Thực trạng công tác đào tạo nhân lực tại Công ty Cổ phần Đầu tư Tương lai Mỹ Anh
47.	Đại học	Thực trạng hoạt động quản trị chuỗi cung ứng bán lẻ của chuỗi cửa hàng Abby	Đinh Phương Thảo	PGS.TS. Phan Chí Anh	Thực trạng hoạt động quản trị chuỗi cung ứng bán lẻ của chuỗi cửa hàng Abby
48.	Đại học	Hoàn thiện công tác đãi ngộ nhân sự tại Công ty METECH	Nguyễn Thanh Thảo	TS. Đỗ Xuân Trường	Hoàn thiện công tác đãi ngộ nhân sự tại Công ty METECH
49.	Đại học	Hoàn thiện hoạt động chăm sóc nhà bán lẻ trên nền tảng thương mại điện tử của Công ty TNHH Shopee	Nguyễn Đức Tùng	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Hoàn thiện hoạt động chăm sóc nhà bán lẻ trên nền tảng thương mại điện tử của Công ty TNHH Shopee
50.	Đại học	Quyết định sử dụng dịch vụ MPOS của các đại lý và nhà bán lẻ phân tích bởi dựa trên Mô hình lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT)	Phạm Thị Cẩm Tú	TS. Phạm Việt Thắng	Quyết định sử dụng dịch vụ MPOS của các đại lý và nhà bán lẻ phân tích bởi dựa trên Mô hình lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT)
51.	Đại học	Giải pháp hoàn thiện Cung ứng Nguồn Nhân lực tại Trung tâm Cung ứng Nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao của BachKhoa-Aptech Group	Dương Thị Hương Giang	TS. Đặng Thị Hương	Giải pháp hoàn thiện Cung ứng Nguồn Nhân lực tại Trung tâm Cung ứng Nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao của BachKhoa-Aptech Group
52.	Đại học	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả Marketing tại Công ty cổ phần truyền thông NGD	Trần Như Phú	ThS. Hoàng Đàm Lương Thúy	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả Marketing tại Công ty cổ phần truyền thông NGD
53.	Đại học	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty TNHH tư vấn thiết	Nguyễn Thị Thanh Huyền	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng TOPDESIGN

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		kế và xây dựng TOPDESIGN			
54.	Đại học	Đánh giá tác động của yếu tố môi trường vật chất đến sự hài lòng của khách hàng tại Công ty TNHH một thành viên giáo dục RES và một số giải pháp hoàn thiện	Nguyễn Phương Hà	TS. Đào Cẩm Thủy	Đánh giá tác động của yếu tố môi trường vật chất đến sự hài lòng của khách hàng tại Công ty TNHH một thành viên giáo dục RES và một số giải pháp hoàn thiện
55.	Đại học	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá thực hiện công việc tại Công ty TNHH Sơn Lâm CDP	Nguyễn Thị Thảo Nhi	ThS. Đinh Phương Hoa	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá thực hiện công việc tại Công ty TNHH Sơn Lâm CDP
56.	Đại học	Chiến lược thu hút nhân tài thông qua tuyển dụng tại Công ty Cổ phần Winning& CO.	Trần Thị Hoài An	ThS. Trần Thị Thu Hải	Chiến lược thu hút nhân tài thông qua tuyển dụng tại Công ty Cổ phần Winning& CO.
57.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua nội thất gỗ của khách hàng trên địa bàn HN. Xây dựng một số giải pháp hoàn thiện hoạt động kinh doanh cho CTCP Nhà Việt	Nguyễn Thu Ngân	TS. Nguyễn Ngọc Quý	Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua nội thất gỗ của khách hàng trên địa bàn HN. Xây dựng một số giải pháp hoàn thiện hoạt động kinh doanh cho CTCP Nhà Việt
58.	Đại học	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing trực tuyến của công ty TNHH Thương Mại và Kỹ Thuật AZ	Nguyễn Thị Nga	ThS. Hoàng Trọng Trường	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing trực tuyến của công ty TNHH Thương Mại và Kỹ Thuật AZ
59.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp hiệu quả trong một tổ chức cộng đồng - ứng dụng tại JCI Vietnam	Hồng Trà My	ThS. Nguyễn Hữu Đăng Khoa	Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp hiệu quả trong một tổ chức cộng đồng - ứng dụng tại JCI Vietnam
60.	Đại học	Applying Model And Tool In Activites Of Business	Phan Huy Hoàng	PGS.TS Nguyễn Đăng Minh	Applying Model And Tool In Activites Of Business

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
61.	Đại học	Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong thời đại công nghệ số tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Dương Thị Thu Phương	ThS. Tô Lan Phương	Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong thời đại công nghệ số tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
62.	Đại học	Phân tích và định giá CTCP (thực phẩm/ dược phẩm)	Cù Huy Nam	TS. Trịnh Thị Phan Lan	Phân tích và định giá CTCP ( thực phẩm/ dược phẩm)
63.	Đại học	Dự báo rủi ro phá sản của các công ty niêm yết trên sàn	Vũ Thị Cao Thảo	ThS. Nguyễn Khánh Tín	Dự báo rủi ro phá sản của các công ty niêm yết trên sàn
64.	Đại học	Các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư thành công trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Đinh Thị Hải Yến	ThS. Tô Lan Phương	Các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư thành công trên thị trường chứng khoán Việt Nam
65.	Đại học	Mua bán và Sáp nhập giữa các ngân hàng	Bùi Đức Tuấn	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Mua bán và Sáp nhập giữa các ngân hàng
66.	Đại học	Development trend of Fintech and proactive implementation of banking system in Vietnam	Nguyễn Thị Hoàng Khanh	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Development trend of Fintech and proactive implementation of banking system in Vietnam
67.	Đại học	Nông sản Việt Nam và vấn đề phòng vệ rủi ro về giá	Nguyễn Thị Thu	TS. Nguyễn Thị Nhung	Nông sản Việt Nam và vấn đề phòng vệ rủi ro về giá
68.	Đại học	Quản lý tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	Ngô Thị Kiều Oanh	ThS. Nguyễn Hồng Minh	Quản lý tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ
69.	Đại học	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất của dân tộc thiểu số	Lê Ngọc Ánh	PGS.TS. Nguyễn An Thịnh	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất của dân tộc thiểu số
70.	Đại học	Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo	Nguyễn Thu Ngân	PGS.TS. Lê Đình Hải	Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo
71.	Đại học	Đánh giá vai trò của chi trả dịch vụ môi trường rừng đến quyết định sử dụng đất và sinh kế	Lê Hương Giang	TS. Nguyễn Đình Tiến	Đánh giá vai trò của chi trả dịch vụ môi trường rừng đến quyết định sử dụng đất và sinh kế
72.	Đại học	Thực trạng an ninh mạng trong hệ thống doanh nghiệp	Trần Hà Anh	TS. Đào Thị Thu Trang	Thực trạng an ninh mạng trong hệ thống doanh nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
73.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định CPTPP đến xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam	Dư Thị Trang	PGS. TS Nguyễn Thị Kim Anh	Đánh giá tác động của hiệp định CPTPP đến xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam
74.	Đại học	Hiệu quả hoạt động thanh toán quốc tế của ngân hàng MSB	Nguyễn Thị Cẩm Huyền	PGS.TS Hà Văn Hội	Hiệu quả hoạt động thanh toán quốc tế của ngân hàng MSB
75.	Đại học	Competitiveness of logistics services of Vietnamese freight forwarding businesses today	Lý Thị Lan	Th.S Phạm Thị Phụng	Competitiveness of logistics services of Vietnamese freight forwarding businesses today
76.	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển xuất khẩu cho ngành chè Việt Nam sang Hoa Kỳ	Lương Thị Thanh Tú	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Thực trạng và giải pháp phát triển xuất khẩu cho ngành chè Việt Nam sang Hoa Kỳ
77.	Đại học	Hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam	Lê Hoa Thiên Thảo	TS Vũ Thanh Hương	Hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam
78.	Đại học	Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào kinh tế số ở Việt Nam của các MNCs	Đặng Thị Ngân	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào kinh tế số ở Việt Nam của các MNCs
79.	Đại học	Đẩy mạnh xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh đã ký kết hiệp định CPTPP	Nguyễn Lê Huy Hoàng	PGS. TS Hà Văn Hội	Đẩy mạnh xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh đã ký kết hiệp định CPTPP
80.	Đại học	Ảnh hưởng của Các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới đến tạo thuận lợi thương mại số ở Việt Nam	Đào Diễm Quỳnh	TS. Vũ Thanh Hương	Ảnh hưởng của Các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới đến tạo thuận lợi thương mại số ở Việt Nam
81.	Đại học	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ logistic đường biển tại Việt Nam	Trần Bích Diệp	Th.S Phạm Thị Phụng	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ logistic đường biển tại Việt Nam
82.	Đại học	Đánh giá tác động tiềm năng của Hiệp định (UKVFTA) đến xuất khẩu ngành thủy sản của Việt Nam	Trần Tùng Anh	Th.S. Trần Thu Thủy	Đánh giá tác động tiềm năng của Hiệp định (UKVFTA) đến xuất khẩu ngành thủy sản của Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
83.	Đại học	Đánh giá tác động tiềm năng của hiệp định thương mại tự do Việt Nam Vương Quốc Anh(UKVFTA) đến xuất khẩu ngành dệt may của Việt Nam	Vũ Ngọc Bảo	PGS. TS Hà Văn Hội	Đánh giá tác động tiềm năng của hiệp định thương mại tự do Việt Nam Vương Quốc Anh(UKVFTA) đến xuất khẩu ngành dệt may của Việt Nam
84.	Đại học	Tác động của dịch SARS-COV-2 đến xu hướng M&A tại Việt Nam	Trần Mỹ Hoa	Th.S. Tống Thị Minh Phương	Tác động của dịch SARS-COV-2 đến xu hướng M&A tại Việt Nam
85.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam	Đỗ Thị Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Thị Minh Phương	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam
86.	Đại học	Đánh giá tác động của hệ thống EcoTruck đến hoạt động Logistics của Việt Nam	Phạm Thị Ngọc Diệp	TS. Nguyễn Tiến Minh	Đánh giá tác động của hệ thống EcoTruck đến hoạt động Logistics của Việt Nam
87.	Đại học	Đánh giá tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP đối với ngành logistics của Việt Nam	Nguyễn Ngọc Hà My	Th.S. Nguyễn Thị Như Ái	Đánh giá tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP đối với ngành logistics của Việt Nam
88.	Đại học	Chính sách ưu đãi thuế và các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI trong ASEAN-6	Nguyễn Tuấn Kiệt	TS. Phạm Thu Phương	Chính sách ưu đãi thuế và các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI trong ASEAN-6
89.	Đại học	Đánh giá tình hình quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam trong thời gian qua	Vũ Thị Ánh	TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Đánh giá tình hình quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam trong thời gian qua
90.	Đại học	Đánh giá tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương – CPTPP đối với xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam: Cách tiếp cận từ mô hình SMART	Nguyễn Công Diệu Phương	TS. Phạm Thu Phương	Đánh giá tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương – CPTPP đối với xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam: Cách tiếp cận từ mô hình SMART

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
91.	Đại học	Phân tích tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu hàng điện tử Việt Nam	Vũ Thị Thu Hoà	Th.S. Nguyễn Thị Phương Linh	Phân tích tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu hàng điện tử Việt Nam
92.	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường EU	Phùng Thị Lệ	Th.S. Tống Thị Minh Phương	Phân tích tình hình xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường EU
93.	Đại học	Kinh nghiệm thực hiện các cam kết gia nhập WTO của Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam	Nguyễn Minh Anh	TS. Nguyễn Thị Minh Phương	Kinh nghiệm thực hiện các cam kết gia nhập WTO của Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam
94.	Đại học	Một số giải pháp phát triển kinh tế doanh nghiệp vừa và nhỏ ở miền Bắc	Hoàng Thu Anh	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Một số giải pháp phát triển kinh tế doanh nghiệp vừa và nhỏ ở miền Bắc
95.	Đại học	Tác động của đại dịch Covid-19 đến nguồn vốn FDI vào Việt Nam	Nguyễn Thị Diễm Anh	PGS. TS Nguyễn Thị Kim Anh	Tác động của đại dịch Covid-19 đến nguồn vốn FDI vào Việt Nam
96.	Đại học	Phân tích tác động của vay nợ nước ngoài đến sự phát triển kinh tế của nước đi vay	Nguyễn Thị Kim Anh	TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Phân tích tác động của vay nợ nước ngoài đến sự phát triển kinh tế của nước đi vay
97.	Đại học	Cơ hội và thách thức khi kí hiệp định EVFTA	Lê Thu Hoàng	PGS. TS Nguyễn Xuân Thiên	Cơ hội và thách thức khi kí hiệp định EVFTA
98.	Đại học	Tác động của ODA đến chỉ số phát triển con người HDI tại Việt Nam	Bùi Thị Anh	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Tác động của ODA đến chỉ số phát triển con người HDI tại Việt Nam
99.	Đại học	Phân tích tác động hiệp định EVFTA đến xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam	Vũ Ngọc Quỳnh	TS. Trần Việt Dung	Phân tích tác động hiệp định EVFTA đến xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam
100.	Đại học	Nâng cao hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam nhờ hiện đại hóa ngành hải quan: thực trạng và giải pháp	Vũ Hồng Tươi	TS. Trần Việt Dung	Nâng cao hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam nhờ hiện đại hóa ngành hải quan: thực trạng và giải pháp
101.	Đại học	Nâng cao hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc: thực trạng và giải pháp	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Phạm Thu Phương	Nâng cao hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc: thực trạng và giải pháp



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		trường Hàn Quốc: thực trạng và giải pháp			
102.	Đại học	Nhân tố ảnh hưởng tới xuất khẩu cà phê Việt Nam: Áp dụng mô hình trọng lực	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	TS. Trần Việt Dung	Nhân tố ảnh hưởng tới xuất khẩu cà phê Việt Nam: Áp dụng mô hình trọng lực
103.	Đại học	Đánh giá tác động của cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) tới hoạt động xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang các nước ASEAN	Ngô Phương Linh	TS. Nguyễn Thị Minh Phương	Đánh giá tác động của cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) tới hoạt động xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang các nước ASEAN
104.	Đại học	Đánh giá tác động của thực trạng thiếu hụt nguồn nhân lực tới năng lực cạnh tranh ngành Logistics Việt Nam trong khu vực ASEAN	Vũ Thị Thu Hằng	Th.S. Nguyễn Thị Như Ái	Đánh giá tác động của thực trạng thiếu hụt nguồn nhân lực tới năng lực cạnh tranh ngành Logistics Việt Nam trong khu vực ASEAN
105.	Đại học	Vai trò của hàng rào kỹ thuật trong xuất khẩu ngành dệt may của Việt Nam	Lê Thị Thanh Hiền	TS. Bùi Hồng Cường	Vai trò của hàng rào kỹ thuật trong xuất khẩu ngành dệt may của Việt Nam
106.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Châu Âu (EVFTA) đến xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam sang Châu Âu	Đặng Xuân Nam	TS. Bùi Hồng Cường	Đánh giá tác động của hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Châu Âu (EVFTA) đến xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam sang Châu Âu
107.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến ngành da giày Việt Nam	Trịnh Thái Hà	TS. Bùi Hồng Cường	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến ngành da giày Việt Nam
108.	Đại học	Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA tại Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Ánh	TS. Nguyễn Thị Kim Chi	Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA tại Việt Nam
109.	Đại học	Đánh giá tác động của thực trạng thiếu hụt container tới dịch vụ logistics đường biển tại Việt Nam	Nguyễn Thị Trang	TS. Nguyễn Thị Lan Anh	Đánh giá tác động của thực trạng thiếu hụt container tới dịch vụ logistics đường biển tại Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
110.	Đại học	Thực trạng phát triển của Thương Mại Điện Tử Việt Nam	Lê Vương Hà	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Thực trạng phát triển của Thương Mại Điện Tử Việt Nam
111.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam	Đỗ Minh Ngọc	Th.S. Nguyễn Thị Phương Linh	Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam
112.	Đại học	Chiến lược đầu tư trực tiếp nước ngoài của MNEs trong bối cảnh chuyển đổi số: Phân tích trường hợp Amazon	Trần Mậu Hưng	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Chiến lược đầu tư trực tiếp nước ngoài của MNEs trong bối cảnh chuyển đổi số: Phân tích trường hợp Amazon
113.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến ngành thủy sản của Việt Nam	Lê Thị Vân Anh	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến ngành thủy sản của Việt Nam
114.	Đại học	Đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do kiểu mới (FTAs) đến xuất khẩu cà phê Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Tú	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa	Đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do kiểu mới (FTAs) đến xuất khẩu cà phê Việt Nam
115.	Đại học	Thực trạng giao hàng chặng cuối ở Mỹ và những bài học cho Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng	Th.S. Đinh Văn Hoàng	Thực trạng giao hàng chặng cuối ở Mỹ và những bài học cho Việt Nam
116.	Đại học	Tác động của dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu của công ty cổ phần Artex Nam An	Lê Thị Hồng Hạnh	Th.S. Đinh Văn Hoàng	Tác động của dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu của công ty cổ phần Artex Nam An
117.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU đến xuất khẩu trái cây của Việt Nam	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	PGS. TS Nguyễn Xuân Thiên	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU đến xuất khẩu trái cây của Việt Nam
118.	Đại học	Tác động của TPP đối với xuất khẩu tại Việt Nam	Nguyễn Thị Thùy Linh	PGS. TS Nguyễn Xuân Thiên	Tác động của TPP đối với xuất khẩu tại Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
119.	Đại học	Thực trạng hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam	Vũ Đức Nghĩa	TS. Nguyễn Tiến Minh	Thực trạng hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam
120.	Đại học	Phân tích tác động của Hiệp định thương mại tự do EVFTA tới xuất khẩu dệt may của Việt Nam	Chu Thị Huyền	Th.S. Nguyễn Thị Phương Linh	Phân tích tác động của Hiệp định thương mại tự do EVFTA tới xuất khẩu dệt may của Việt Nam
121.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến xuất khẩu ngành dệt may ở Việt Nam	Cao Thị Quế	TS. Vũ Thanh Hương	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến xuất khẩu ngành dệt may ở Việt Nam
122.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến xuất khẩu thủy sản ở Việt Nam	Nguyễn Minh Châu	PGS. TS Nguyễn Thị Kim Anh	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến xuất khẩu thủy sản ở Việt Nam
123.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Th.S. Trần Thu Thủy	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU
124.	Đại học	Phân tích và đánh giá tình hình hợp tác thương mại của Vietnam Airlines	Trần Thuỳ Linh	Th.S. Lê Minh Tuấn	Phân tích và đánh giá tình hình hợp tác thương mại của Vietnam Airlines
125.	Đại học	Thực trạng hoạt động thương mại điện tử của các nước ASEAN	Nguyễn Ngọc Linh Chi	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Thực trạng hoạt động thương mại điện tử của các nước ASEAN
126.	Đại học	Phân tích xu hướng phát triển dịch vụ logistics trong giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu	Dương Huyền Mai	Th.S. Lê Minh Tuấn	Phân tích xu hướng phát triển dịch vụ logistics trong giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu
127.	Đại học	Đánh giá tác động tiềm năng của Hiệp định UKVFTA đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam	Phạm Quỳnh Anh	PGS. TS Hà Văn Hội	Đánh giá tác động tiềm năng của Hiệp định UKVFTA đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
128.	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến xuất khẩu ngành chế biến chế tạo tại Việt Nam	Đinh Thị Hoàng Anh	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do EVFTA đến xuất khẩu ngành chế biến chế tạo tại Việt Nam
129.	Đại học	Phân tích và đánh giá đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam giai đoạn 2010-2019	Phạm Quang Huy	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Phân tích và đánh giá đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam giai đoạn 2010-2019
130.	Đại học	Thực trạng phát triển Logistics tại Việt Nam	Vũ Thúy Dung	TS. Nguyễn Thị Lan Anh	Thực trạng phát triển Logistics tại Việt Nam
131.	Đại học	Vai trò của ODA với các nước đang và kém phát triển. Liên hệ thực tế Việt Nam	Bùi Thị Ngọc Anh	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà	Vai trò của ODA với các nước đang và kém phát triển. Liên hệ thực tế Việt Nam
132.	Đại học	Giải pháp phát triển hoạt động bán hàng bằng hình thức Thương mại điện tử tại Công ty TNHH Truyền thông và Quảng cáo VIETIMG	Trần Thu Thảo	TS. Nguyễn Ngọc Quý	Giải pháp phát triển hoạt động bán hàng bằng hình thức Thương mại điện tử tại Công ty TNHH Truyền thông và Quảng cáo VIETIMG
133.	Đại học	Using Model In Activities of Business	Phan Huy Hoàng	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Using Model In Activities of Business
134.	Đại học	Marketing	Khúc Cẩm Linh	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Marketing
135.	Đại học	Marketing	Phạm Mai Anh	TS. Nguyễn Thu Hà	Marketing
136.	Đại học	Nhân sự	Lê Thị Ngọc Ánh	TS. Trương Minh Đức	Nhân sự
137.	Đại học	Nhân sự	Nguyễn Linh Chi	TS. Đặng Thị Hương	Nhân sự
138.	Đại học	Marketing	Trần Ngọc Vân Chi	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Marketing
139.	Đại học	Marketing	Trần Hoàng Dương	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Marketing

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
140.	Đại học	Nhân sự	Lương Thị Thuỳ Dương	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Nhân sự
141.	Đại học	Chiến lược kinh doanh	Đỗ Thái Đông	TS. Lưu Hữu Văn	Chiến lược kinh doanh
142.	Đại học	Nhân sự	Lê Hà Giang	TS. Trương Minh Đức	Nhân sự
143.	Đại học	Marketing	Nguyễn Hải Hiệp	TS. Nguyễn Thu Hà	Marketing
144.	Đại học	Marketing	Nghiêm Trung Hiếu	TS. Vũ Thị Minh Hiền	Marketing
145.	Đại học	Nhân sự	Nguyễn Thị Xuân Hòa	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Nhân sự
146.	Đại học	Nhân sự	Nguyễn Thanh Huyền	PGS.TS. Phan Chí Anh	Nhân sự
147.	Đại học	SEO	Trần Thị Thanh Huyền	TS. Lưu Hữu Văn	SEO
148.	Đại học	Marketing	Nguyễn Thu Huyền	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Marketing
149.	Đại học	Nhân sự	Vũ Quỳnh Hương	TS. Đỗ Xuân Trường	Nhân sự
150.	Đại học	SEO	Lê Thị Hương	TS. Lưu Hữu Văn	SEO
151.	Đại học	Nhân sự	Nguyễn Tuấn Khải	TS. Đỗ Xuân Trường	Nhân sự
152.	Đại học	Nhân sự	Nguyễn Quốc Khánh	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Nhân sự
153.	Đại học	Nhân sự	Nguyễn Tất Linh	TS. Đặng Thị Hương	Nhân sự
154.	Đại học	Nhân sự	Hoàng Thị Yến Linh	PGS.TS. Phan Chí Anh	Nhân sự
155.	Đại học	Nhân sự	Đặng Hương Ly	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	Nhân sự
156.	Đại học	Quản trị doanh thu	Trần Phùng Hà My	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Quản trị doanh thu
157.	Đại học	Nhân sự	Bùi Bích Ngọc	TS. Trương Minh Đức	Nhân sự

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
158.	Đại học	Marketing	Phan Diễm Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Marketing
159.	Đại học	Nhân sự	Bùi Ngọc Quỳnh	TS. Đào Cẩm Thủy	Nhân sự
160.	Đại học	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing tại CTCP Đầu tư Xây dựng Ngọc Trang	Phạm Thuý Quỳnh	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing tại CTCP Đầu tư Xây dựng Ngọc Trang
161.	Đại học	Nhân sự	Nguyễn Thị Minh Tâm	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Nhân sự
162.	Đại học	Nhân sự	Nguyễn Thị Thanh Tâm	TS. Đặng Thị Hương	Nhân sự
163.	Đại học	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác xây dựng và phát triển thương hiệu của CTCP Xây lắp bảo dưỡng cơ điện VNK	Nguyễn Thị Thoa	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác xây dựng và phát triển thương hiệu của CTCP Xây lắp bảo dưỡng cơ điện VNK
164.	Đại học	Marketing	Phạm Ngọc Thương	TS. Nguyễn Thu Hà	Marketing
165.	Đại học	Marketing	Chu Huyền Trang	TS. Nguyễn Thị Phi Nga	Marketing
166.	Đại học	Nhân sự	Đỗ Huyền Trang	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	Nhân sự
167.	Đại học	Marketing	Nguyễn Thị Thu Trang	PGS.TS. Phan Chí Anh	Marketing
168.	Đại học	Nhân sự	Bùi Sơn Tùng	TS. Cao Tú Oanh	Nhân sự
169.	Đại học	Giải pháp về nhân sự	Nguyễn Thị Xuyên	TS. Đỗ Xuân Trường	Giải pháp về nhân sự
170.	Đại học	Chiến lược kinh doanh	Hà Thị Hải Yến	PGS.TS. Phan Chí Anh	Chiến lược kinh doanh
171.	Đại học	Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong thời đại công nghệ số tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Dương Thị Thu Phương	ThS. Tô Lan Phương	Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong thời đại công nghệ số tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
172.	Đại học	Dự báo sức khỏe tài chính một số công ty nhóm ngành Bất động sản khu công nghiệp ở Việt Nam năm 2021	Đào Thị Huyền	ThS. Đỗ Nguyễn Nguyệt Minh	Dự báo sức khỏe tài chính một số công ty nhóm ngành Bất động sản khu công nghiệp ở Việt Nam năm 2021
173.	Đại học	Dự báo rủi ro phá sản của các công ty niêm yết trên sàn	Vũ Thị Cao Thảo	ThS. Lê Thị Phương Thảo	Dự báo rủi ro phá sản của các công ty niêm yết trên sàn
174.	Đại học	Hiệu quả hoạt động cho vay ký quỹ tại các công ty chứng khoán Việt Nam - Thực nghiệm tại 1 số công ty.	Bùi Thị Phương Thảo	ThS. Lê Thị Phương Thảo	Hiệu quả hoạt động cho vay ký quỹ tại các công ty chứng khoán Việt Nam - Thực nghiệm tại 1 số công ty.
175.	Đại học	Các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư thành công trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Đinh Thị Hải Yến	TS. Nguyễn Duy Việt	Các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư thành công trên thị trường chứng khoán Việt Nam
176.	Đại học	Phân tích và định giá CTCP (thực phẩm/ dược phẩm)	Cù Huy Nam	TS. Trịnh Thị Phan Lan	Phân tích và định giá CTCP ( thực phẩm/ dược phẩm)
177.	Đại học	Vai trò phòng vệ rủi ro về giá của hợp đồng tương lai đối với các mặt hàng nông sản: Nghiên cứu trường hợp cà phê Việt Nam	Nguyễn Như Ngân	TS. Trịnh Thị Phan Lan	Vai trò phòng vệ rủi ro về giá của hợp đồng tương lai đối với các mặt hàng nông sản: Nghiên cứu trường hợp cà phê Việt Nam
178.	Đại học	Ảnh hưởng của thông tin tài chính đến giá cổ phiếu các công ty ngành dược trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Phạm Thị Hương Linh	ThS. Nguyễn Hồng Minh	Ảnh hưởng của thông tin tài chính đến giá cổ phiếu các công ty ngành dược trên thị trường chứng khoán Việt Nam
179.	Đại học	Ứng dụng Machine Learning/Deep Learning trong tài chính	Trần Minh Hiếu	TS. Lê Hồng Hạnh	Ứng dụng Machine Learning/Deep Learning trong tài chính
180.	Đại học	Ảnh hưởng của dòng tiền đến hiệu quả kinh doanh	Hoàng Minh Hương	ThS. Tô Lan Phương	Ảnh hưởng của dòng tiền đến hiệu quả kinh doanh
181.	Đại học	Nông sản Việt Nam và vấn đề phòng vệ rủi ro về giá	Nguyễn Thị Thu	TS. Nguyễn Thị Nhung	Nông sản Việt Nam và vấn đề phòng vệ rủi ro về giá

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
182.	Đại học	Quản lý tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	Ngô Thị Kiều Oanh	ThS. Đỗ Nguyễn Nguyệt Minh	Quản lý tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ
183.	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển giao dịch không tiền mặt tại NHTM CP Kỹ thương VN	Nguyễn Đoàn Hải Yến	TS. Lê Hồng Hạnh	Thực trạng và giải pháp phát triển giao dịch không tiền mặt tại NHTM CP Kỹ thương VN
184.	Đại học	Phát triển trái phiếu doanh nghiệp ở Việt Nam và tác động của Nghị định 81/2020/NĐ-CP đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp hiện nay	Nguyễn Thị Nga	ThS. Nguyễn Khánh Tín	Phát triển trái phiếu doanh nghiệp ở Việt Nam và tác động của Nghị định 81/2020/NĐ-CP đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp hiện nay
185.	Đại học	Quản trị rủi ro tỷ giá vàng công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	Lương Hồng Nhung	TS. Vũ Thị Loan	Quản trị rủi ro tỷ giá vàng công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam
186.	Đại học	Ngân hàng số	Đỗ Quỳnh Anh	TS. Đinh Thị Thanh Vân	Ngân hàng số
187.	Đại học	Mua bán và Sáp nhập giữa các ngân hàng	Bùi Đức Tuấn	ThS. Tô Lan Phương	Mua bán và Sáp nhập giữa các ngân hàng
188.	Đại học	Developing e-banking services at Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Tu Liem Branch	Trịnh Thị Thanh Phúc	TS. Nguyễn Phú Hà	Developing e-banking services at Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Tu Liem Branch
189.	Đại học	Giá trị cộng hưởng	Nguyễn Thuỳ Linh	TS. Nguyễn Thị Nhung	Giá trị cộng hưởng
190.	Đại học	Improve the Task of Appraising the Capital Investment Project at the Ha Noi Branch of the Bank for Investment and Development of Vietnam	Nguyễn Thị Bảo Trâm	ThS. Đỗ Nguyễn Nguyệt Minh	Improve the Task of Appraising the Capital Investment Project at the Ha Noi Branch of the Bank for Investment and Development of Vietnam



STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
191.	Đại học	Phân tích văn bản trong dự đoán giá cổ phiếu	Nguyễn Ngọc Hải	ThS. Lê Thị Phương Thảo	Phân tích văn bản trong dự đoán giá cổ phiếu
192.	Đại học	Assessment of the operation efficiency of Vietnam Technological and Commercial Joint- stock Bank - Techcombank	Bùi Huyền Hương	TS. Trịnh Thị Phan Lan	Assessment of the operation efficiency of Vietnam Technological and Commercial Joint- stock Bank - Techcombank
193.	Đại học	Development trend of Fintech and proactive implementation of banking system in Vietnam	Nguyễn Thị Hoàng Khanh	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Development trend of Fintech and proactive implementation of banking system in Vietnam
194.	Đại học	Credit quality for small and medium enterprises at the bank for investment and development of Vietnam (BIDV) - Thanh Xuan Branch	Nguyễn Linh Diệp	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Credit quality for small and medium enterprises at the bank for investment and development of Vietnam (BIDV) - Thanh Xuan Branch
195.	Đại học	Ngân hàng số - Thực trạng, kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	Nguyễn Hạnh Uyên Phương	ThS. Nguyễn Hải Tùng	Ngân hàng số - Thực trạng, kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam
196.	Đại học	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vương Thị Hương Ly	ThS. Nguyễn Hồng Minh	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
197.	Đại học	Tài chính doanh nghiệp	Phạm Anh Tuấn	ThS. Nguyễn Hồng Minh	Tài chính doanh nghiệp
198.	Đại học	Electronics payments / Runs on banks	Nguyễn Anh Thư	TS. Lê Hồng Hạnh	Electronics payments / Runs on banks
199.	Đại học	Bảo hiểm xã hội	Nguyễn Thanh Hằng	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Bảo hiểm xã hội
200.	Đại học	Bảo hiểm xã hội	Lê Vũ Minh Quang	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Bảo hiểm xã hội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
201.	Đại học	Freedom of Operations for Commercial Banks According to Vietnam Laws	Vũ Kiều Trinh	ThS. Phùng Thị Thu Hương	Freedom of Operations for Commercial Banks According to Vietnam Laws
202.	Đại học	Tài chính công	Trần Phương Nam	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Tài chính công
203.	Đại học	The use of financial policies to stabilize gasoline prices	Nguyễn Thị Hà Giang	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	The use of financial policies to stabilize gasoline prices
204.	Đại học	The impact of exchange rate differences on economic growth	Nguyễn Khánh Linh	TS. Trần Thị Vân Anh	The impact of exchange rate differences on economic growth
205.	Đại học	Hành vi của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán giai đoạn hậu dịch covid	Nguyễn Khánh Duy	TS. Trần Thị Vân Anh	Hành vi của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán giai đoạn hậu dịch covid
206.	Đại học	International trade	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	TS. Trần Thị Vân Anh	International trade
207.	Đại học	Stock Market	Lê Thu Giang	PGS.TS. Lê Trung Thành	Stock Market
208.	Đại học	Analysis of factors affecting the BIDV's business performance	Phan Đông Hà	ThS. Nguyễn Khánh Tín	Analysis of factors affecting the BIDV's business performance
209.	Đại học	Stress công việc của nhân viên Hoặc giải pháp phát triển hoạt động ngân hàng điện tử hoặc (hoạt động tín dụng) tại Sacombank	Phạm Huy Thành	ThS. Nguyễn Khánh Tín	Stress công việc của nhân viên Hoặc giải pháp phát triển hoạt động ngân hàng điện tử hoặc (hoạt động tín dụng) tại Sacombank
210.	Đại học	Evaluate the financial efficiency after M&A of Vietnamese commercial Banks	Trương Thị Trang	TS. Vũ Thị Loan	Evaluate the financial efficiency after M&A of Vietnamese commercial Banks
211.	Đại học	Hoàn thiện công tác thẩm định dự án đầu tư vay vốn tại ngân hàng TMCP đầu tư và	Đỗ Tiến Đạt	TS. Vũ Thị Loan	Hoàn thiện công tác thẩm định dự án đầu tư vay vốn tại ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Nội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Nội			
212.	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính công ty cổ phần thế giới số Digiworld (Hose: DWG)	Đặng Ngọc Nam	TS. Nguyễn Duy Việt	Phân tích báo cáo tài chính công ty cổ phần thế giới số Digiworld (Hose: DWG)

**G. CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐÀO TẠO THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG CỦA NHÀ NƯỚC, ĐỊA PHƯƠNG VÀ DOANH NGHIỆP (không có)**

**H. CÔNG KHAI HỘI NGHỊ, HỘI THẢO KHOA HỌC DO CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC**

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo quốc tế lần thứ 8: Cùng doanh nghiệp vượt qua thách thức: Những vấn đề đương đại trong đổi mới và quản lý	03/11/2020	Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	300
2	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	11/09/2020	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	80
3	Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến hành vi chi tiêu - tiết kiệm - đầu tư ở Việt Nam	05/08/2020	ĐH Kinh tế- ĐHQGHN	100
4	Diễn đàn kinh tế và thương mại Việt - Đức	12/11/2020	TP Hà Nội	350
5	Diễn đàn học thuật: "Xây dựng nhân hiệu trong môi trường cạnh tranh"	27/08/2020	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	90
6	Phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh biến đổi toàn cầu	30/07/2020	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	
7	Phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh biến đổi toàn cầu	28/08/2020	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	90
8	Phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh biến đổi toàn cầu	23/10/2020	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	120
9	Tác động của Covid - 19 đến thương mại và đầu tư của Việt Nam	27/11/2020	Trường Đại học Thương mại	100
10	Chung kết cuộc thi "Hiểu đúng về tiền"	24/10/2020	ĐHQGHN	200
11	Phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh biến đổi toàn cầu	23/10/2020	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	100
12	Tạo thuận lợi thương mại và đầu tư trong bối cảnh biến động toàn cầu	21/12/2020	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	100
13	Hội thảo Khoa học quốc gia về Kế toán – Kiểm toán năm 2020 (VCAA 2020)	1/2021	Đà Nẵng	

14	Chuỗi tọa đàm Monday Finance and Banking Series : Financial Consumer Protection: Theory and Practice	Hàng tuần	Online Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	100-150 người
15	Trải nghiệm khách hàng trong kỷ nguyên số	15/7/2021	Online Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	120 người
16	Hội thảo công bố Báo cáo thường niên Kinh tế Việt nam năm 2021	29/7/2021	Online Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	400 người
17	Lãnh đạo từ tâm - Hành trình trở thành người lãnh đạo đích thực	07/08/2021	Online Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	100 người
18	Bảo vệ người tiêu dùng tài chính - Thực tiễn và đề xuất chính sách đối với Việt Nam”	9/8/2021	Online Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	200 người
19	Phát triển hộ kinh doanh ở Việt nam trong bối cảnh mới Báo cáo nghiên cứu khảo sát 2021	06/07/2021	Online Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	150 người
20	Một số xu hướng quản trị sản xuất và dịch vụ thông minh nâng cao năng suất chất lượng doanh nghiệp trên thế giới và Việt Nam	5/2021	Online Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	150 người

### I. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ, SẢN XUẤT THỬ VÀ TƯ VẤN

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Sự tham gia của DN vừa và nhỏ Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu; Mã số: 502.99-2018.15	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi TS. Đặng Thị Phương Hoa TS. Nguyễn Bình Giang ThS. Nguyễn Thị Phương Linh		2018 - 2021	760	Chuyển giao Quỹ Phát triển KHCNQ 02 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 01 sách chuyên khảo 02 bài báo trong nước
2	Quản trị công ty trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam Mã số: 502.02-2019.320	TS. Lưu Thị Minh Ngọc TS. Nguyễn Thị Phương Mai TS. Nguyễn Thị Hương ThS. Võ Đình Nam TS. Chu Đình Động TS. Nguyễn Thị Trang Nhung		2020 - 2022	800	Chuyển giao Quỹ Phát triển KHCNQ 02 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 01 sách chuyên khảo 01 bài báo trong nước

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
3	Nghiên cứu mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế sử dụng phương pháp phân tích đa biến Mã số: 502.01- 2018.308	TS. Hoàng Khắc Lịch PGS.TS. Phí Mạnh Hồng TS. Nguyễn Thế Kiên		2019 - 2022	780	Chuyển giao Quỹ Phát triển KHCNQG 03 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 01 sách chuyên khảo 01 bài báo trong nước
4	Xây dựng mô hình đánh giá năng suất nghiên cứu khoa học của giảng viên tại ĐHQGHN Mã số: 503.01 – 2019.03	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn TS. Lưu Quốc Đạt TS. Lưu Hữu Văn TS. Trương Thị Huệ		2019 - 2022	832	Chuyển giao Quỹ Phát triển KHCNQG 02 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 01 sách chuyên khảo 01 bài báo trong nước
5	Những vấn đề cơ bản và cấp bách về đất đai ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Mã số: CTDĐT.39.18/16-20	PGS.TS. Trần Đức Hiệp PGS.TS. Nguyễn An Thịnh PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê		2018 - 2020	4700	01 báo cáo tổng hợp 01 báo cáo tóm tắt 01 báo cáo kiến nghị 02 bài báo quốc tế thuộc cơ sở dữ liệu ISI/Scopus 03 bài báo trong nước 01 sách chuyên khảo
6	Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2020 và vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025 Mã số: QG.19.64	PGS.TS. Nguyễn Đức Thành PGS.TS. Nguyễn Anh Thu PGS.TS. Lê Trung Thành ThS. Vũ Thị Thu Hằng PGS. TS. Phạm Thế Anh TS. Nguyễn Tiến Dũng TS. Phạm Sỹ Thành ThS. Hoàng Thị Chinh Thon CN. Hà Thị Dịu		2019-2020	500	Chuyển giao Bộ kế hoạch đầu tư 01 báo cáo tóm tắt 01 báo cáo kiến nghị 01 báo cáo tổng hợp

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
7	Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng dịch vụ trong bối cảnh phát triển công nghiệp 4.0: Cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế, thực trạng trong nước và một số gợi ý cho Việt Nam Mã số: QG.19.44	PGS.TS. Phan Chí Anh TS. Nguyễn Thu Hà		2019 - 2021	280	ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
8	Phân tích nguyên nhân và bài học kinh nghiệm (tổng quát) rút ra từ việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, môi trường được đề ra trong Chiến lược 2011-2020 và những nguyên tắc xác định mục tiêu, chỉ tiêu phát triển trong Chiến lược 2021 - 2030. Mã số: QG.19.65	PGS.TS. Nguyễn Đức Thành PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê PGS.TS. Nguyễn Anh Thu PGS.TS. Lê Trung Thành ThS. Vũ Thị Thu Hằng PGS. TS. Phạm Thế Anh TS. Phạm Văn Đại TS. Phạm Minh Thái ThS. Phạm Thị Hương CN. Nguyễn Đức Hiếu		2019 - 2020	500	Chuyển giao Bộ kế hoạch đầu tư 01 báo cáo tóm tắt 01 báo cáo kiến nghị 01 báo cáo tổng hợp
9	Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển các ngành dịch vụ, bao gồm cả mục tiêu cơ cấu lại ngành dịch vụ (bao gồm dịch vụ du lịch, logistic,...) thời kỳ 2011-2020 và phương hướng mục tiêu phát triển ngành dịch vụ thời kỳ 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025 Mã số: QG.19.66	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê PGS.TS. Nguyễn Anh Thu PGS.TS. Lê Trung Thành PGS. TS. Phan Chí Anh TS. Nguyễn Thu Hà ThS. Lê Thị Tú Anh PGS.TS. Hà Văn Hội ThS. Vũ Thanh Hương TS. Nguyễn Thị Minh Phương PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi		2019-2020	500	Chuyển giao Bộ kế hoạch đầu tư 01 báo cáo tóm tắt 01 báo cáo kiến nghị 01 báo cáo tổng hợp
10	Tác động của mạng xã hội đối với chuyển đổi phương thức kinh doanh tại	TS. Lưu Thị Minh Ngọc TS. Nguyễn Phương Mai		2019 - 2021	280	ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Việt Nam, nghiên cứu điển hình với cá nhân và hộ gia đình kinh doanh bán lẻ Mã số: QG.19.42	TS. Đặng Thị Hương CN. Đào Phú Quý				01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 02 bài báo trong nước
11	Hội nhập Kinh tế Quốc tế của Việt Nam: Thuận lợi hóa thương mại và đầu tư Mã số: QG.19.43	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu ThS. Trần Mai Thành ThS. Nguyễn Thanh Mai TS. Vũ Thanh Hương ThS. Nguyễn Thị Minh Phương		2019 - 2021	280	ĐHQGHN 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 01 bài báo trong nước
12	Nghiên cứu xây dựng Báo cáo thường niên Kinh tế Việt Nam năm 2019 Mã số: QG.19.41	TS. Nguyễn Cẩm Nhung PGS.TS. Nguyễn Đức Thành TS. Vũ Thanh Hương ThS. Phạm Thị Hương TS. Lucy Camerom TS. Phạm Thu Hiền ThS. Đinh Tuấn Minh PGS.TS. Phạm Thị Anh CN. Nguyễn Đức Hiếu CN. Bùi Thị Linh TS. Phạm Anh Thơ		2019 - 2021	500	ĐHQGHN 01 báo cáo tổng hợp 02 sách chuyên khảo 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
13	Đánh giá tác động của chi trả dịch vụ môi trường rừng đến sử dụng đất và thu nhập của hộ gia đình tại tỉnh Sơn La, Việt Nam Mã số: KT.19.01	TS. Nguyễn Đình Tiến		2019 - 2021	40	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu ISI
14	Hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa, nghiên cứu trường hợp tại huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ Mã số: KT.19.02	TS. Hoàng Thị Hương		2019 - 2021	15	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
15	Đánh giá chức năng kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam: tiếp cận rủi ro theo hướng dẫn của BASEL	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà		2019 - 2021	15	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Mã số: KT.19.03					
16	Mối quan hệ giữa Quản trị nguồn nhân lực và sự cam kết của nhân viên tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội Mã số: KT.19.04	TS. Đặng Thị Hương		2019 - 2020	15	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
17	Các nhân tố ảnh hưởng tới tiêu dùng xanh của các hộ gia đình tại Hà Nội Mã số: KT.19.05	TS. Nguyễn Thị Nhung		2019 - 2021	30	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
18	Đầu tư trực tiếp nước ngoài của các MNCs vào các nước ASEAN trong bối cảnh chuyển đổi số và hàm ý cho Việt Nam Mã số: KT.19.06	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai		2019 - 2021	30	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo quốc tế
19	Tăng cường vai trò của trường Đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp thông qua hoạt động tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp Mã số: KT.19.07	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa		2019 - 2020	40	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
20	Nghiên cứu xây dựng khoá đào tạo ngắn hạn về kỹ năng thích ứng với những yêu cầu của Chính phủ số và kinh tế số Mã số: KT.19.08	TS. Nguyễn Thị Hương Lan		2019 - 2021	15	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
21	Nghiên cứu xây dựng chương trình: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Chiến lược của các công ty xuyên quốc gia và môi trường kinh doanh Mã số: KT.19.09	TS. Nguyễn Tiến Minh		2019 - 2021	15	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
22	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo ngắn hạn giáo dục môi trường cho trẻ em tại trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	TS. Đào Thị Thu Trang		2019 - 2021	15	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước



STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Mã số: KT.19.10					
23	Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo tài chính cá nhân của sinh viên trên địa bàn Hà Nội Mã số: KT.19.11	TS. Trịnh Thị Phan Lan		2019 - 2020	15	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
24	Nghiên cứu xây dựng chương trình: Ứng dụng tư duy thiết kế trong thiết kế cuộc đời của sinh viên thế kỷ 21 Mã số: KT.19.12	TS. Nguyễn Thị Hương Liên		2019 - 2020	15	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
25	Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo MiniMBA Mã số: KT.19.13	PGS.TS. Hoàng Văn Hải		2019 - 2021	15	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
26	Báo cáo thường niên Kinh tế Việt Nam 2020: Chính sách tài khóa phục vụ phát triển bền vững” Mã số: QG.20.49	TS. Nguyễn Quốc Việt PGS.TS. Nguyễn Đức Thành PGS.TS. Phạm Thế Anh PGS.TS. Vũ Sỹ Cường ThS. Hoàng Thị Chinh Thon ThS. Phạm Văn Long ThS. Bùi Hà Linh CN.Hà Thị Dịu CN. Nguyễn Hoàng Oanh CN. Phạm Thị Ngọc Quỳnh		2020 – 2022	500	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 02 sách chuyên khảo
27	Phát triển lý thuyết về đánh giá tác động xã hội doanh nghiệp xã hội ở Việt nam Mã số: QG.20.50	TS. Phạm Vũ Thắng TS.Cao Tú Oanh TS.Nguyễn Thế Kiên, TS.Trần Thu Phương ThS. Lê Hồng Việt		2020 – 2022	280	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		ThS.Trần Thị Thu Hải				
28	Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2021: Xác định lại vị thế cạnh tranh của Việt Nam trong bối cảnh biến động toàn cầu” Mã số: QG.21.46	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà TS. Nguyễn Quốc Việt PGS.TS Nguyễn Anh Thu NCS .Trần Thị Mai Thành TS. Vũ Thanh Hương TS.Nguyễn Thị Thanh Mai TS. Nguyễn Thị Minh Phương, PGS.TS. Trần Đức Hiệp TS. Tô Thế Nguyên ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Nương		2021 - 2023	500	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 02 sách chuyên khảo
29	Tạo thuận lợi thương mại số ở Việt Nam Mã số: QG.21.47	TS. Vũ Thanh Hương TS. Nguyễn Hà Phương TS. Nguyễn Thị Minh Phương ThS. Đàm Thị Phương Pháo ThS. Phạm Thị Phụng		2021 - 2023	320	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 01 tư vấn chính sách
30	Biến động giá cổ phiếu ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Giải pháp cho nhà đầu tư cá nhân trong bối cảnh khủng hoảng SARS-COV-2 Mã số: QG.21.4	TS. Nguyễn Phú Hà TS. Nguyễn Thị Nhung ThS.Phùng Thị Thu Hương ThS. Nguyễn Khánh Tín ThS. Lương Trâm Anh		2021 - 2023	320	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus 02 bài báo trong nước
31	Phân tích sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hành vi đầu tư tại Việt Nam Mã số: KT.20.01	TS. Lê Hồng Hạnh		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
32	Phân tích sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hành vi tiêu dùng và tiết kiệm tại Việt Nam Mã số: KT.20.02	TS. Đào Cẩm Thủy		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
33	Nâng cao sự hài lòng của khách hàng trong dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại các ngân hàng TMCP của Việt Nam Mã số: KT.20.03	TS. Lê Duy Anh		2020 - 2022	50	Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
34	Đánh giá kiến thức hành vi sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần tại khu vực Đà Nẵng Mã số: KT.20.04	TS. Bùi Phương Chi		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGH 1 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
35	Xu hướng cấu trúc vốn của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trước và sau Covid-19 Mã số: KT.20.05	TS. Nguyễn Thị Minh Phương		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGH 1 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
36	Sự chuyển dịch dòng vốn FDI dưới sự tác động của EVFTA và đại dịch Covid - 19 Mã số: KT.20.06	TS. Nguyễn Thị Lan Hương		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGH 1 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
37	Tác động môi trường đến hiệu quả kinh tế: Trường hợp của các nông hộ ở Việt Nam Mã số: KT.20.07	TS. Nguyễn Thế Kiên		2020 - 2022	10	Thư viện ĐHQGH 1 báo cáo tư vấn
38	Đề án: Đánh giá tác động của bối cảnh thế giới đến kinh tế Việt Nam Mã số: KT.20.08	TS. Phạm Việt Thắng		2020 - 2021		Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
39	Trách nhiệm xã hội và sự cam kết của người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội Mã số: KT.20.10	TS. Đỗ Xuân Trường		2020 - 2021		Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước
40	Quản trị nhân tài tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TS. Lê Hồng Hạnh		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGH 1 báo cáo tổng hợp

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Mã số: KT.20.11					01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
41	Phân tích sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hành vi đầu tư tại Việt Nam Mã số: KT.20.01	ThS. Nguyễn Khánh Tín		2020 - 2022	40	Thư viện ĐHQGH 1 báo cáo tổng hợp 01 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus
42	Thương hiệu nhà tuyển dụng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong Mã số: KT.20.09	TS. Đỗ Vũ Phương Anh		2020 - 2021		Thư viện ĐHQGH 01 báo cáo tổng hợp 01 bài báo trong nước

#### K. CÔNG KHAI THÔNG TIN KIỂM ĐỊNH CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Cộng nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (CT Kinh tế quốc tế chất lượng cao)	2011	4,67	AP23VNUHNDEC10	Công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL các trường ĐH Đông Nam Á	08/1/2011	07/1/2015
2	Mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (CT Quản trị kinh doanh)	2015	4,2	AP67VNUHNMAY1 4	Công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL các trường ĐH Đông Nam Á	29/1/2015	28/1/2019
3	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	Năm 2016	86,89%	03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 18/7/2016	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	09/9/2016	09/9/2021

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
4	CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Tài chính ngân hàng	Năm 2018	48/50 (96%)	08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/4/2018	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	02/7/2018	02/7/2023
5	CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kế toán	Năm 2018	43/50 (86%)	09/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/4/2018	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	05/9/2018	05/9/2023
6	CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế	Năm 2019	92%	11/NQ-HĐKĐCLGD ngày 18/3/2020	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	27/4/2020	27/4/2025
7	CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Kinh tế phát triển	Năm 2020	90%	13/2020/NQ-HĐKĐCLGD ngày 30/12/2020	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	07/02/2021	07/02/2026

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn**